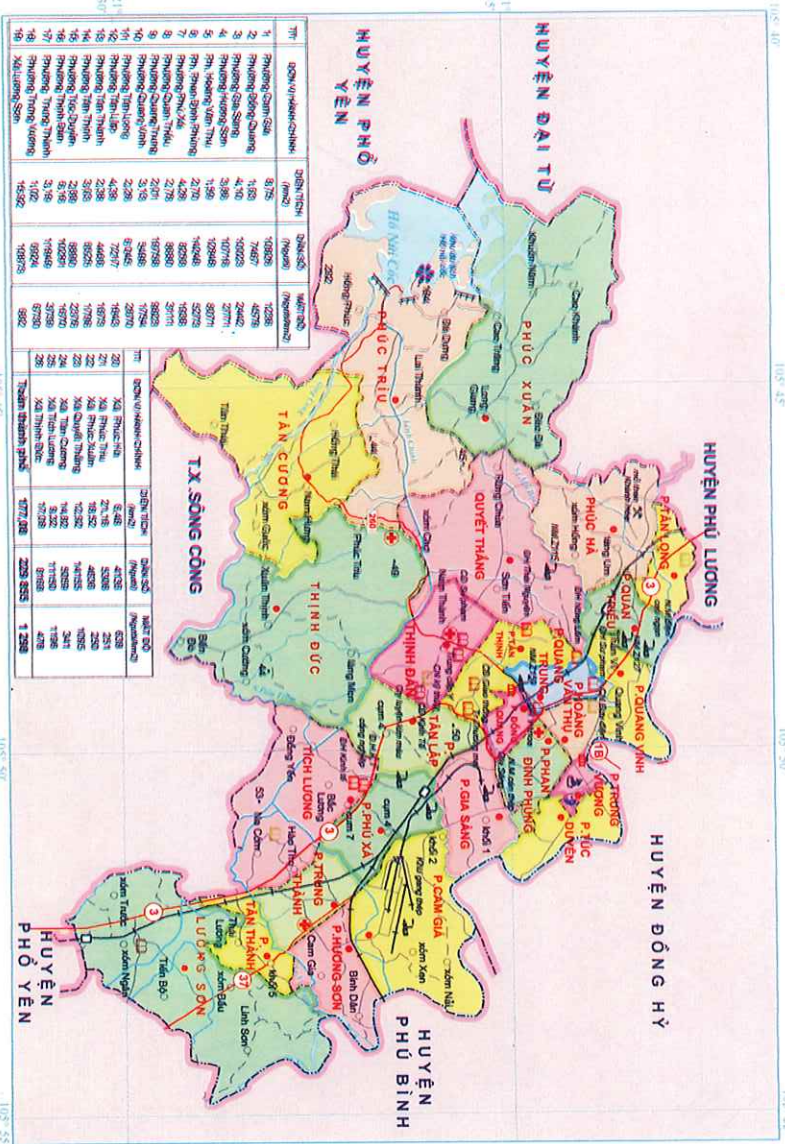


LƯỢC ĐỒ HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN



TT	QUẬN/HUYỆN/CHÂU	DIỆN TÍCH (km ²)	DÂN SỐ (người)	MẬT ĐỘ
1	Thành phố Thái Nguyên	81,75	108.200	1.288
2	Quận Cầu Giấy	11,80	70.607	4.578
3	Quận Đống Đa	4,50	10.025	2.228
4	Quận Hoàn Kiếm	4,50	10.025	2.228
5	Quận Long Biên	1,80	10.048	8.971
6	Quận Tây Hồ	2,70	10.048	5.073
7	Quận Thanh Xuân	4,28	8.058	1.881
8	Quận Cầu Giấy	2,70	8.880	3.289
9	Quận Đống Đa	3,15	19.758	6.273
10	Quận Cầu Giấy	4,28	8.058	1.881
11	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
12	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
13	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
14	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
15	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
16	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
17	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
18	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
19	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881
20	Quận Đống Đa	4,28	8.058	1.881

TT	QUẬN/HUYỆN/CHÂU	DIỆN TÍCH (km ²)	DÂN SỐ (người)	MẬT ĐỘ
21	Huyện Đại Từ	22,46	41.038	628
22	Huyện Phú Lương	22,46	41.038	628
23	Huyện Đông Hỷ	22,46	41.038	628
24	Huyện Bình	22,46	41.038	628
25	Huyện Yên	22,46	41.038	628
26	Huyện Yên	22,46	41.038	628
27	Huyện Yên	22,46	41.038	628
28	Huyện Yên	22,46	41.038	628
29	Huyện Yên	22,46	41.038	628
30	Huyện Yên	22,46	41.038	628

TT	QUẬN/HUYỆN/CHÂU	DIỆN TÍCH (km ²)	DÂN SỐ (người)	MẬT ĐỘ
31	Huyện Yên	22,46	41.038	628
32	Huyện Yên	22,46	41.038	628
33	Huyện Yên	22,46	41.038	628
34	Huyện Yên	22,46	41.038	628
35	Huyện Yên	22,46	41.038	628
36	Huyện Yên	22,46	41.038	628
37	Huyện Yên	22,46	41.038	628
38	Huyện Yên	22,46	41.038	628
39	Huyện Yên	22,46	41.038	628
40	Huyện Yên	22,46	41.038	628



Chỉ đạo nội dung:

**THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY VÀ BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG
ỦY QUÂN SỰ TỈNH THÁI NGUYÊN**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Thượng tá **LÊ CÁT LƯỢNG** (Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy – Chỉ huy trưởng Ban CHQS thành phố Thái Nguyên)

Ban Chủ nhiệm đề tài:

- Đại tá **DƯƠNG VĂN THẢO** (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Bộ CHQS tỉnh): Chủ nhiệm

- Đại tá **NGUYỄN VĂN TRÌNH** (Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh): Ủy viên

- Đại tá **TRẦN XUÂN QUANG** (Chỉ huy phó Chính trị Bộ CHQS tỉnh): Ủy viên

- Trung tá **NGUYỄN SỸ CẢNH** (Trưởng ban KHCN và MT CHQS tỉnh): Thư ký

- Trung tá Dương Anh Dũng (Trưởng ban Tài chính Bộ CHQS tỉnh): Kế toán

Và các cộng tác viên:

- Thượng tá **LÊ CÁT LƯỢNG** (Chỉ huy trưởng Ban CHQS thành phố Thái Nguyên)

- Thượng tá **ĐẶNG VĂN MÔN** (Chỉ huy phó Chính trị Ban CHQS thành phố Thái Nguyên).

Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu về các khu vực chính và các khu vực phụ thuộc của Việt Nam. Các khu vực này được phân chia dựa trên các tiêu chí địa lý, kinh tế và văn hóa.

1.1. CÁC KHU VỰC CHÍNH

- Khu vực miền Bắc: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng phía Bắc của Việt Nam.
- Khu vực miền Trung: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng trung tâm của Việt Nam.
- Khu vực miền Nam: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng phía Nam của Việt Nam.

1.2. CÁC KHU VỰC PHỤ THUỘC

- Khu vực vùng núi phía Bắc: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Bắc của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Tây: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Tây của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Đông: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Đông của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Nam: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Nam của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Trung: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Trung của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Bắc Trung: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Bắc Trung của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Trung Trung: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Trung Trung của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Nam Trung: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Nam Trung của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Bắc Nam: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Bắc Nam của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Trung Nam: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Trung Nam của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi phía Nam Nam: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi phía Nam Nam của Việt Nam.

1.3. CÁC KHU VỰC KHÁC

- Khu vực vùng biển: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng biển của Việt Nam.
- Khu vực vùng sông: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng sông của Việt Nam.
- Khu vực vùng rừng: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng rừng của Việt Nam.
- Khu vực vùng đồng bằng: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng đồng bằng của Việt Nam.
- Khu vực vùng cao nguyên: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng cao nguyên của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi đá: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi đá của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi lửa: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi lửa của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi băng: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi băng của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi tuyết: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi tuyết của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi sương: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi sương của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi mưa: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi mưa của Việt Nam.
- Khu vực vùng núi nắng: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc vùng núi nắng của Việt Nam.

BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

**THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC
VÀ XÂY DỰNG – BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945 – 2000)**

NĂM 2007

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC
VÀ XÂY DỰNG - BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945 - 2000)

THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG XÂM LƯỢC VÀ XÂY DỰNG
BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945 – 2000)

THÀNH TÍCH LỄ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGHIỆP VÀ CÁC KHOA

ĐẠI HỌC

(1992 - 2000)



Ngày 22/8/1998, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 424/KT-CTN phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên.





Nhân dân và LLVT nhân dân thành phố Thái Nguyên đón nhận danh hiệu “Anh hùng LLVT nhân dân”



LỜI GIỚI THIỆU

Nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày thành lập thành phố Thái Nguyên (19/10/1962 – 19/10/2007) và tiến tới kỷ niệm 63 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 18 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân (22-12-2007), Đảng uỷ, Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên xuất bản và phát hành cuốn sách “Thành phố Thái Nguyên: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc 1945-2000”. Đây là một cuốn sách viết về lịch sử chiến tranh và lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên trong đề tài nghiên cứu khoa học “Lịch sử quân sự các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 1945–2000”, do Thường trực Tỉnh uỷ và Ban Thường vụ Đảng uỷ Quân sự tỉnh chỉ đạo nội dung, Hội đồng Khoa học Công nghệ tỉnh quản lý và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức biên soạn. Nội dung cuốn sách khẳng định vị trí chiến lược rất quan trọng về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội của thành phố Thái Nguyên trong các thời kỳ lịch sử;

đã dựng lại một cách khách quan, trung thực các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của quân và dân thành phố Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Cơ quan Quân sự các cấp từ Thành phố đến các xã, phường. Vừa ghi lại những chiến công hiển hách của Đảng bộ, quân và dân thành phố Thái Nguyên, cuốn sách vừa phản ánh cả những mặt chưa thành công trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược của cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Cơ quan Quân sự các cấp trên địa bàn thành phố. Với ý nghĩa đó, cuốn sách đã góp phần tổng kết những kinh nghiệm quý giá của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược; góp phần giáo dục lịch sử, truyền thống; động viên nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Thành phố phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống chiến đấu và phục vụ chiến đấu kiên cường, bất khuất trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xâm lược và bảo vệ Tổ quốc trước đây vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước ngày nay.

Nhân dịp xuất bản và phát hành cuốn sách, thay mặt Đảng uỷ và Ban chỉ huy Quân sự thành phố Thái Nguyên, tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng Khoa học - Công

nghệ tỉnh, Đảng uỷ và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam giúp đỡ, biên tập, nâng cao chất lượng bản thảo; Tổ Biên soạn làm việc khẩn trương, nghiêm túc, công phu; các cơ quan hữu quan và các nhân chứng lịch sử tận tình giúp đỡ, cung cấp tư liệu, để cuốn sách được xuất bản và phát hành đúng kế hoạch.

Do có những hạn chế trong công tác lưu trữ tư liệu lịch sử, nhất là tư liệu lịch sử giai đoạn trước ngày nâng cấp từ Thị xã lên Thành phố (19-10-1962), nên nội dung cuốn sách có thể còn có những khiếm, khuyết. Đảng uỷ và Ban chỉ huy Quân sự thành phố Thái Nguyên mong cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc Thành phố, cùng đông đảo bạn đọc góp ý, phê bình.

**ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
BÍ THƯ THÀNH ỦY - BÍ THƯ ĐUQS
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN.**

Phạm Xuân Dương

Chương I

QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH VŨ TRANG.

I – Quê hương và con người:

Dưới thời các vua Hùng, vùng đất thành phố Thái Nguyên ngày nay thuộc bộ Vũ Định (1 trong số 15 bộ của nước Văn Lang). Dưới thời Thục Phán (Thục Phán là thủ lĩnh của 1 bộ lạc người Âu Việt đã đánh đổ triều Hùng Vương dựng nên nước Âu Lạc), vùng đất thành phố Thái Nguyên ngày nay thuộc nước Âu Lạc.

Dưới thời Bắc thuộc (bắt đầu từ cuộc chiến tranh xâm lược của Triệu Đà năm 179 trước công nguyên), vùng đất thành phố Thái Nguyên ngày nay có lúc nằm trong huyện Long Biên, quận Giao Chỉ; có lúc nằm trong châu Long và châu Vũ Nga thuộc đất An Nam đô hộ phủ.

Từ Thế kỉ thứ X, sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, ông cha ta đã khôi phục được nền độc lập, tự chủ lâu dài cho đất nước, chấm dứt ách đô hộ hơn một nghìn năm của các triều đại phong kiến phương Bắc. Các vương triều

phong kiến Đại Việt đã tiến hành nhiều cuộc cải cách hành chính, phân chia lại vùng lãnh thổ. Vùng đất thành phố Thái Nguyên ngày nay, dưới thời nhà Lý (1010-1225) thuộc châu Thái Nguyên; dưới các thời nhà Trần (1225-1400), nhà Hồ (1400-1407) thuộc trấn Thái Nguyên; dưới thời thuộc Minh (1407-1427) thuộc phủ Thái Nguyên; dưới triều nhà Lê (1428-1788) có lúc thuộc thừa tuyên Thái Nguyên, có lúc thuộc thừa tuyên Ninh Sóc, có lúc lại thuộc xứ Thái Nguyên, hoặc trấn Thái Nguyên. Dưới triều nhà Nguyễn (1802-1945), vùng đất thành phố Thái Nguyên ngày nay thuộc trấn Thái Nguyên (từ năm 1802 đến năm 1831) và thuộc tỉnh Thái Nguyên (từ năm 1831 trở đi).

Năm 1831, nhà Nguyễn điều chỉnh lại địa giới hành chính, cắt huyện Thiên Phúc (vùng đất huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ngày nay) về tỉnh Bắc Ninh, thủ phủ của trấn Thái Nguyên được chuyển từ xã Bình Kỳ, huyện Thiên Phúc về thành Đồng Mô, thuộc huyện Đồng Hỷ (nay là một phần vùng đất thuộc các phường Trưng Vương và Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên). “Tỉnh thành đất bằng phẳng, rộng rãi, đường thủy, đường bộ giao thông đều thuận tiện. Chu vi tỉnh thành dài 345 trượng (khoảng 1145,4 mét), cao 9 thước (khoảng 2,88 mét), mở 4 cửa, hào rộng 3 trượng (khoảng 9,96 mét), sâu 5 thước (khoảng 1,66 mét). Tường thành đắp bằng đất, đến năm Tự Đức thứ 2 (1849) được xây bằng gạch”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đại Nam nhất thống chí.

Dưới thời Pháp thuộc, từ năm 1884 đến đầu Thế kỷ XX, cùng với việc tăng cường bộ máy đàn áp, mở rộng các cơ sở dịch vụ, thành Thái Nguyên được thực dân Pháp mở rộng thành thị xã Thái Nguyên và phát triển dần về phía Tây Nam, bao gồm phần đất có diện tích tương ứng với phường Trưng Vương, một phần các phường Túc Duyên, Hoàng Văn Thụ và Phan Đình Phùng ngày nay.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, thị xã Thái Nguyên là tỉnh lỵ tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1956, Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập, thị xã Thái Nguyên vừa là tỉnh lỵ tỉnh Thái Nguyên, vừa là Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc.

Theo Quyết định số 114/CP ngày 19-10-1962, của Thủ tướng Chính phủ, thị xã Thái Nguyên được nâng cấp thành thành phố Thái Nguyên, thuộc tỉnh Thái Nguyên, với tổng diện tích tự nhiên hơn 100 ki lô mét vuông và với dân số khoảng 60.000 người.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và tăng cường khả năng quốc phòng, theo Quyết định ngày 21-4-1965 của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, từ ngày 1-7-1965, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái, thành phố Thái Nguyên là tỉnh lỵ tỉnh Bắc Thái.

Để phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ, ngày 2-4-1985, Hội

đồng Bộ trưởng (nay là Hội đồng Chính phủ) ra Quyết định số 102/HĐBT chuyển huyện Đồng Hỷ sang phía đông – bắc sông Cầu; thành phố Thái Nguyên tiếp nhận thêm 7 xã phía tây, tây bắc của huyện Đồng Hỷ⁽¹⁾, đồng thời cắt xã Đồng Bẩm và 2 phường Chiến Thắng, Núi Voi về huyện Đồng Hỷ. Ngày 8-4-1985, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 109/HĐBT, thành lập phường Tân Thịnh, và giải thể 3 xã Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng để thành lập 3 phường Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng.

Theo Quyết định số 25/ HĐBT ngày 13-2-1987 của Hội đồng Bộ trưởng, các xã Túc Duyên đổi thành phường Túc Duyên, Quang Vinh thành phường Quang Vinh; phường Tân Thịnh được chia thành 2 phường Tân Thịnh và Tân Lập.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 11-7-1994 của Chính phủ, phường Đồng Quang tách thành 2 phường Đồng Quang và Quang Trung.

Theo Quyết định ngày 6-11-1996 của Quốc hội khoá IX, từ ngày 1-1-1997, tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, thành phố Thái Nguyên là tỉnh lỵ tỉnh Thái Nguyên.

Theo Nghị định số 14/2004/NĐ- CP, ngày 1-9-2004 của Chính phủ, xã Thịnh Đán được tách thành phường Thịnh Đán và xã Quyết Thắng.

⁽¹⁾ Gồm các xã Tân Cương, Thịnh Đức, Phúc Trìu, Thịnh Đán, Phúc Xuân, Phúc Hà, Tích Lương.

Hiện nay, thành phố Thái Nguyên có diện tích tự nhiên là 177,07 km²⁽¹⁾; nằm trong giới hạn toạ độ địa lý từ 21 độ 29 phút đến 21 độ 37 phút độ vĩ Bắc, từ 105 độ 43 phút đến 105 độ 55 phút độ kinh Đông; phía Bắc giáp huyện Phú Lương, phía Nam giáp huyện Phú Bình và thị xã Sông Công, phía Đông và Đông Bắc giáp huyện Đồng Hỷ, phía Tây giáp hai huyện Đại Từ và Phổ Yên. Toàn thành phố được chia thành 26 đơn vị hành chính trực thuộc (gồm 18 phường và 8 xã)⁽²⁾. Trong đó, đơn vị có diện tích lớn nhất là xã Phúc Xuân (18,53 km²), đơn vị hành chính có diện tích nhỏ nhất là phường Trưng Vương (1,03 km²).

Địa hình thành phố Thái Nguyên mang tính chất của trung du với kiểu bậc thềm phù sa và bậc thang nhân tạo, thềm phù sa mới và bậc thềm pha tích (đất dốc tụ). Địa hình vùng đồi gò thoải thoải, tựa như bát úp xen kẽ nhau, chiếm tới 50,2% diện tích đất tự nhiên của Thành phố. Bình quân diện tích đất nông nghiệp của thành phố là 425,55 mét vuông trên một đầu người, tập trung chủ yếu ở các xã vùng tây, tây nam Thành phố (gồm Phúc Xuân, Phúc Trìu, Tân Cương, Thịnh Đức, Lương Sơn); trong đó,

⁽¹⁾ Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2005.

² Gồm 8 xã: Lương Sơn, Phúc Hà, Tích Lương, Thịnh Đức, Quyết Thắng, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Tân Cương và 18 phường: Tân Long, Quán Triều, Quang Vinh, Đồng Quang, Quang Trung, Túc Duyên, Gia Sàng, Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Trung Thành, Tân Thành, Trưng Vương, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Tân Lập, Tân Thịnh, Thịnh Đán.

phần lớn diện tích có độ dốc dưới 8 độ, phù hợp với các loại cây trồng.

Thành phố Thái Nguyên nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình trong năm là 22°C . Thời tiết trong năm được chia thành hai mùa rõ rệt: Mùa nóng bắt đầu từ ngày 30-4, kết thúc vào ngày 6-10, thường có gió Đông Nam mang theo hơi nước từ biển Đông vào, gây ra mưa lớn; nhiệt độ cao tuyệt đối lên đến $41,5^{\circ}\text{C}$; nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ trung bình $28,5^{\circ}\text{C}$. Mùa lạnh bắt đầu từ ngày 22/11 năm trước đến ngày 19/3 năm sau, thường có gió mùa Đông Bắc tràn xuống, nhiệt độ trung bình $15,5^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ thấp tuyệt đối xuống tới 3°C ; lượng mưa ít, thời tiết hanh khô. Độ ẩm không khí trên địa bàn Thành phố khá cao, mùa nóng dao động từ 78% đến 86%, mùa lạnh dao động từ 65% đến 70%.

Lượng mưa trung bình hàng năm của thành phố Thái Nguyên là 2.025,3 mm; trong đó, mùa mưa (trùng với mùa nóng) chiếm tới 80% lượng mưa cả năm. Mùa khô (trùng với mùa lạnh), thời tiết lạnh và hanh khô; tổng lượng mưa chỉ chiếm khoảng 15 % lượng mưa cả năm (300 mm), nên dễ gây nên tình trạng hạn hán.

Trên địa bàn thành phố Thái Nguyên có hai con sông chảy qua là sông Cầu và sông Công. Sông Cầu ở phía đông bắc Thành phố, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, tạo nên ranh giới hành chính tự nhiên giữa thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ. Đoạn sông Cầu

chảy qua thành phố Thái Nguyên thuộc vùng hạ lưu dài 25 km. Ở đoạn này, dòng sông mở rộng từ 70 mét đến 100 mét; lưu lượng nước bình quân mùa mưa là 620 mét khối/giây (trong những ngày lũ, lưu lượng nước lên tới 3.500 mét khối/giây); mùa khô lưu lượng nước nhỏ, bình quân chỉ có 3,32 mét khối/giây. Sông Công bắt nguồn từ vùng núi Ba Lá, thuộc huyện Định Hoá, chảy qua huyện Đại Từ, xuống dọc phía tây thành phố Thái Nguyên, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa thành phố Thái Nguyên với huyện Phổ Yên và thị xã Sông Công. Lưu lượng nước của sông Công trong mùa mưa, lũ lên tới 1.880 mét khối/giây; mùa khô, chỉ có 0,32 mét khối/giây.

Sông Cầu và sông Công là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho đồng ruộng và các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn Thành phố. Hằng năm hai con sông này đã bồi đắp cho Thành phố một lượng phù sa khá lớn. Tuy nhiên, về mùa mưa, hai con sông này cũng thường gây ra lũ lụt, làm thiệt hại không nhỏ về cơ sở vật chất của Nhà nước và nhân dân trên địa bàn. Từ năm 1959 đến năm 2000, trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đã xảy ra 63 trận lũ, lụt lớn (thường từ tháng 5 đến tháng 10 hằng năm); trong đó, có 4 trận lũ, lụt lớn điển hình xảy ra vào các năm 1959, 1968, 1983, 1986. Trận lũ, lụt ngày 2-8-1959 là trận lũ, lụt lịch sử, với mực nước đỉnh lũ trên sông Cầu tại cầu Gia Bẩy lên tới 28,14 mét (trên mức báo động số ba 2,14 mét).

Thành phố Thái Nguyên có một thảm thực vật hết sức phong phú và đa dạng, bao gồm toàn bộ diện tích

rừng trồng theo Chương trình PAM và Dự án 327, vùng chè Tân Cương cùng với các loại cây ăn quả nhãn, vải, quýt, chanh..., do nhân dân trồng. Các thảm thực vật này hoà quyện với nhau, tạo cho Thành phố một vùng sinh thái sạch, môi trường sống yên tĩnh và không khí trong lành.

Tuy nhiên, cũng như các huyện, thị khác trong tỉnh, diện tích rừng trên địa bàn thành phố Thái Nguyên cũng ngày càng bị thu hẹp. Do độ che phủ của rừng ở Thành phố giảm diện tích từ gần 80% (đầu những năm 1980), xuống còn khoảng trên 50% (đầu những năm 2000), nên ảnh hưởng không tốt tới cân bằng sinh thái, gây nhiều bất lợi cho dân sinh và kinh tế trên địa bàn.

Về kinh tế, thành phố Thái Nguyên có ba ngành sản xuất chính: một là Công nghiệp – Thủ công nghiệp và xây dựng; hai là Thương mại, Dịch vụ và du lịch; ba là Nông nghiệp; trong đó, về tỉ trọng cơ cấu kinh tế năm 2004, các ngành Công nghiệp – Thủ công nghiệp và xây dựng chiếm tới 49,85%, Thương mại – Dịch vụ và Du lịch 43,30%, còn Nông nghiệp chỉ có 6,85%. Về Công nghiệp và Thủ công nghiệp, năm 2005, toàn thành phố Thái Nguyên có 1.409 cơ sở sản xuất, với tổng giá trị sản lượng đạt 3.565.845 triệu đồng (chiếm 74,91% tổng giá trị sản lượng công nghiệp của toàn tỉnh). Toàn bộ 26 xã, phường trên địa bàn Thành phố đã có lưới điện quốc gia; đã có đường ô tô đi đến tận trung tâm các xã, phường (trong đó 23 xã, phường có đường nhựa và đường bê tông). Thành

phố Thái Nguyên là một đầu mối giao thông rất quan trọng giữa vùng trung du, miền núi phía Bắc và vùng đồng bằng Bắc Bộ với các tuyến giao thông huyết mạch chạy qua, gồm Quốc lộ 3 (Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng), Quốc lộ 1B (Thái Nguyên - Lạng Sơn), Quốc lộ 37 (Tuyên Quang - Thái Nguyên - Bắc Giang - Bắc Ninh) và các tuyến đường sắt Hà Nội - Quán Triều, Thái Nguyên - Kép - Lạng Sơn, Thái Nguyên - Núi Hồng (Đại Từ). Đây là một lợi thế để thành phố Thái Nguyên đẩy mạnh giao lưu, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội và an ninh - quốc phòng với các vùng, miền khác trong cả nước.

Thành phố Thái Nguyên cũng là đơn vị đứng đầu các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh về bưu chính - viễn thông, với tổng số 44.145 máy điện thoại cố định (chiếm tỉ lệ 59,48% số máy điện thoại cố định toàn tỉnh) và 51.161 máy điện thoại di động (chiếm tỉ lệ 96,35% số máy điện thoại di động toàn tỉnh). Về sản xuất nông nghiệp, diện tích đất trồng trọt của thành phố Thái Nguyên khá phong phú và đa dạng. toàn thành phố có 6.509 ha đất trồng cây lương thực có hạt, với tổng sản lượng 26.884 tấn; có 764 ha đất trồng rau, với sản lượng 14.145 tấn; có 1.125 ha đất trồng chè (có 846 ha cho thu hoạch) với sản lượng 8.477 tấn; có 1.592 ha trồng cây ăn quả, với sản lượng 1.895 tấn cam, quýt, bưởi, nhãn, vải, dứa. Cùng với trồng trọt, ngành Chăn nuôi của Thành phố cũng khá phát triển. Số lượng đàn trâu, bò, lợn và các loại

gia cầm đều phát triển qua các năm, đảm bảo cung cấp nhu cầu thực phẩm cho cán bộ nhân dân và lực lượng vũ trang trên địa bàn.

Năm 2005, toàn Thành phố có 10.163 con trâu, bò và 48.200 con lợn. Về nuôi trồng thủy sản, toàn Thành phố có 260 ha mặt nước, với sản lượng cá đạt 496 tấn (đứng thứ ba trong tỉnh, sau huyện Đại Từ đạt 665 tấn và huyện Phổ Yên đạt 498 tấn).

Thành phố Thái Nguyên cũng là nơi có tiềm năng phát triển Y tế và Giáo dục. Toàn thành phố có 35 cơ sở Y tế (gồm 10 bệnh viện đa khoa, phòng khám khu vực, viện điều dưỡng, 25 trạm y tế xã, phường), với 1.730 giường bệnh (có 100 giường bệnh ở các trạm y tế xã, phường) và 1.443 cán bộ, nhân viên y tế (gồm 552 bác sĩ và trên đại học, 247 y sĩ, 646 y tá, 28 nữ hộ sinh). Số bác sĩ và trên đại học công tác trong Ngành Y tế ở thành phố Thái Nguyên chiếm 49,48% tổng số bác sĩ và trên đại học toàn tỉnh. Ngoài ra, trên địa bàn Thành phố còn có 27 dược sĩ cao cấp, 36 dược sĩ trung cấp và 16 dược tá. So với số cán bộ ngành Dược toàn tỉnh, số cán bộ ngành Dược ở thành phố Thái Nguyên chiếm tỉ lệ 66,38%; trong đó, dược sĩ cao cấp chiếm 71%, dược sĩ trung cấp chiếm 64,28%, dược tá chiếm 64%. Hệ thống các cơ sở Y tế và cán bộ Y tế trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đã đáp ứng tốt các yêu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe không những cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương mà còn cho cả cán bộ và nhân dân các vùng

lân cận ở cả trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên. Hàng năm, ngành Y tế Thành phố đã đáp ứng tốt các yêu cầu về khám tuyển nghĩa vụ quân sự cho thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ; khám sức khoẻ tuyển sinh quân sự, cũng như kiểm tra sức khoẻ cho quân dự bị động viên v.v.

Thành phố Thái Nguyên là một trong ba trung tâm giáo dục và đào tạo lớn của cả nước. Trên địa bàn Thành phố có Đại học Thái Nguyên (gồm các trường thành viên là Đại học Sư phạm, Đại học Y khoa, Đại học Nông Lâm, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Công nhân Kỹ thuật, Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Khoa học Tự nhiên và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng). Đến năm 2005, Đại học Thái Nguyên có hơn 2.000 cán bộ, viên chức (trong đó, có gần 1.500 người làm nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học). Đến năm học 2004-2005, Đại học Thái Nguyên đã có gần 44.000 học sinh, sinh viên theo học ở hơn 100 chuyên ngành đào tạo với các cấp và trình độ từ công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp, đại học, cao học đến tiến sĩ. Ngoài ra, trên địa bàn Thành phố còn có 16 trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trực thuộc Tỉnh và Trung ương. Với hàng nghìn cán bộ, viên chức, Đại học Thái Nguyên và các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn thành phố đã cung cấp cho Thành phố nhiều cán bộ, chiến sĩ tự vệ, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương Thành phố Thái Nguyên ngày càng vững mạnh. Về giáo

dục phổ thông, tính đến ngày 31-12-2005, toàn Thành phố có 72 trường (gồm 34 trường tiểu học, 28 trường trung học cơ sở và 10 trường phổ thông trung học), với 1.076 phòng học (bằng 17% số phòng học của toàn tỉnh) và 1.098 lớp học, 2.111 giáo viên, 38.451 học sinh (có 13.927 học sinh tiểu học, 13.686 học sinh trung học cơ sở và 10.838 học sinh phổ thông trung học). Ngoài ra, thành phố Thái Nguyên còn có 36 trường mẫu giáo, với 182 lớp học và 355 giáo viên, thu hút 5.376 cháu học sinh vào học.

Sống trên địa bàn thành phố Thái Nguyên là đồng bào của nhiều dân tộc khác nhau; trong đó có 4 dân tộc chính là Kinh (91,85%), Tày (4,2%), Nùng (2,07%) và Sán Dìu (1,34%); còn lại là đồng bào các dân tộc Dao, Cao Lan, Sán Chí, Mường, Hoa v.v.

Năm 2005, dân số toàn Thành phố là 235.581 người. Trong đó, có 117.795 người là nam và 117.786 người là nữ; có 172.285 người (73,13%) sống ở đô thị và 63.296 người (26,87%) sống ở nông thôn. Mật độ dân số bình quân trên 1 km vuông toàn Thành phố là 1.330,44 người (gấp 4,25 lần mật độ dân số bình quân toàn tỉnh Thái Nguyên).

Xuất phát từ vị trí địa lí, đặc điểm địa hình, khí hậu, giao thông và văn hoá - xã hội..., hiện nay, thành phố Thái Nguyên không chỉ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, y tế, giáo dục của tỉnh Thái Nguyên, mà còn là

trung tâm giáo dục - đào tạo, khoa học kỹ thuật và văn hoá - xã hội của các tỉnh trung du và miền núi Bắc Bộ. Trong lịch sử (từ năm 1956 đến năm 1978), thành phố Thái Nguyên đã từng là Thủ phủ – Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của Khu Tự trị Việt Bắc.

II – Truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân Thành phố.

Do địa bàn thành phố Thái Nguyên nằm ở vùng trung tâm của vùng chiến lược phía bắc sông Hồng, nên trong lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc, nơi đây đã từng là nơi tranh chấp quyết liệt giữa quân và dân ta với quân giặc ngoại xâm. Chính vị trí chiến lược quan trọng và địa bàn trọng yếu của thành phố Thái Nguyên đã tạo cho nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên có một truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm trung kiên, anh hùng, bất khuất.

Dưới triều Lý (1010–1225), trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống, dưới sự chỉ huy của Dương Tự Minh, Thủ lĩnh phủ Phú Lương, nhân dân vùng đất thành phố Thái Nguyên ngày nay đã kiên cường, dũng cảm đánh dẹp quân xâm lược nhà Tống, góp phần giữ yên bờ cõi phía Bắc quốc gia Đại Việt.

Dưới triều Trần (1225-1400), nhân dân Thái Nguyên tiếp tục đóng góp nhân, tài, vật lực, góp phần cùng nhân dân cả nước lập nên chiến công hiển hách: “Ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông”.

Trong những năm đầu Thế kỷ XV, dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Kháng, Nguyễn Đa Bí, Chu Sư Nhan, Nguyễn Khắc Chẩn, Dương Khắc Chung, nhân dân địa bàn thành phố Thái Nguyên ngày nay liên tục đứng lên khởi nghĩa chống giặc Minh; trong đó có cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân “Áo Đỏ” kéo dài suốt 17 năm trong vùng Việt Bắc.

Từ giữa Thế kỷ XVI, đất nước ta bị chia làm hai miền, từ Thanh Hoá trở ra thuộc Bắc triều do họ Mạc trị vì; từ Thanh Hoá trở vào thuộc Nam triều do họ Trịnh cai quản. Trịnh, Mạc phân tranh, đánh nhau liên miên nửa thế kỷ. Uy vương Mạc Đăng Dung chiếm giữ thành Thái Nguyên, bắt nhân dân xây thành, đắp lũy chống nhau với nhà Trịnh, gây bao cảnh nổi da, nấu thịt tương tàn. Bất bình trước nạn cát cứ do họ Mạc gây ra, nhân dân thành Thái Nguyên dưới sự chỉ huy của một viên quan dưới triều Lê là Phó tướng Nông Quận công Trần Đăng Minh và con trai là Triều Liệt đại phủ táng Bình quận công đánh nhau với nhà Mạc. Cả hai cha con đều tử trận. Nhân dân địa phương tỏ lòng ngưỡng mộ, lập đền thờ tại Đồng Mỗ (gọi là đền Trần Quận Công).

Bước vào Thế kỷ XIX, từ dưới triều Nguyễn, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Từ năm 1803 đến năm 1835, nhân dân thành Thái Nguyên hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa chống lại chính sách cai trị hà khắc của nhà Nguyễn do Dương Đình Cúc, Nông Văn Vân lãnh đạo.

Lợi dụng sự suy yếu của xã hội phong kiến Việt Nam, ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Nhà Nguyễn hèn nhát, từng bước đầu hàng, dâng nước ta cho giặc.

Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng, thiết lập chế độ cai trị ở Đà Nẵng, các tỉnh Nam Kỳ, Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, thực dân Pháp bắt đầu tập trung quân mở rộng đánh chiếm các tỉnh miền núi phía Bắc. Ngày 17-3-1884, từ Bắc Ninh, quân Pháp do Bơ-ri-e Đờ lít chỉ huy tiến lên đánh chiếm thành Thái Nguyên. Tại thành Thái Nguyên lúc đó có khoảng 600 quân triều đình nhà Nguyễn do Nguyễn Quang Khoáng chỉ huy, 200 quân “cờ đen” và khoảng 2.000 quân Mãn Thanh (Trung Quốc) cùng chiếm đóng⁽¹⁾.

10 giờ sáng ngày 19-3-1884, khi tiến đến cách thành Thái Nguyên 3 km, quân Pháp chia thành hai cánh, một cánh do Trung tá Lơ-ten-li-ê chỉ huy, có pháo binh yểm trợ, mở cuộc tiến công thẳng vào thành Thái Nguyên; một cánh do Tiểu đoàn trưởng Co-rô-nát chỉ huy, gồm 3 đại đội vòng sang phía Tây chặn đường rút của quân Việt Nam đóng ở trong thành Thái Nguyên về các phía Tuyên

⁽¹⁾ Từ năm 1867, lấy cớ truy đuổi tàn quân “Thái bình thiên quốc” (một cuộc khởi nghĩa của nông dân 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây - Trung Quốc) triều đình Mãn Thanh đã đưa một đạo quân lớn sang chiếm đóng các tỉnh Bắc Kỳ trong đó có Thái Nguyên. Quân “cờ đen” là tàn quân của “Thái bình thiên quốc” do Lưu Vĩnh Phúc chỉ huy.

Quang, Cao Bằng. Ngay sau khi quân Pháp nổ súng đánh thành Thái Nguyên, 2.000 quân Mãn Thanh (Trung Quốc) đã bỏ chạy. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Quang Khoáng, 600 quân của triều đình Nhà Nguyễn và 200 quân “Cờ đen” của Lưu Vĩnh Phúc đã chiến đấu quyết liệt với quân Pháp để bảo vệ thành Thái Nguyên. Chính viên Công sứ tỉnh Thái Nguyên A.Echinard đã phải thừa nhận ở thành Thái Nguyên, quân Pháp đã “vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của quân Việt Nam”. Sau khi Nguyễn Quang Khoáng hi sinh, quân Việt Nam và quân “cờ đen” buộc phải rút lui. Chiều ngày 19-3-1884, quân Pháp ồ ạt tràn vào chiếm thành Thái Nguyên, cướp 39 khẩu đại bác (có 25 khẩu bằng đồng), 20 súng máy, 200 súng trường cùng nhiều đạn dược, thuốc súng, tiền, gạo dự trữ. Ngày 21-3-1884, quân Pháp phá thành Thái Nguyên, đốt và phá huỷ tất cả những gì không thể mang theo được, rồi rút về thành Bắc Ninh. Sau khi quân Pháp rút, triều đình Huế cử Dương Thành Lập (nguyên là Án sát tỉnh Hà Tĩnh) lên thành Thái Nguyên làm Tuần phủ cùng với Bố chánh Vũ Giốc và Án sát Triệu Đức Vọng cai trị tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 15-4-1884, từ Đa Phúc, 2 đại đội lính thủy đánh bộ Pháp và một số ngụy quân, do Thiếu tá Rây-gát chỉ huy tiến lên đánh chiếm vùng Cải Đan thuộc huyện Phổ Yên (nay thuộc thị xã Sông Công). Sáng ngày 16/4, từ Cải Đan (Phổ Yên), quân Pháp tiến lên đánh chiếm thành Thái Nguyên. Do gặp phải sự kháng cự mãnh liệt của quân và dân ta ở Lưu Xá, nên mãi đến chiều ngày 16-

4 quân Pháp mới đến thành Thái Nguyên. Đánh chiếm thành Thái Nguyên, quân Pháp phải dùng pháo binh và các hoả lực mạnh khác yểm trợ cho bộ binh tấn công. Sau hơn một giờ tấn công mãnh liệt, quân Pháp mới chiếm được thành Thái Nguyên. Quân ta rút khỏi thành Thái Nguyên và tổ chức bao vây cắt đứt các đường tiếp tế vào thành Thái Nguyên của quân Pháp. Do thiếu lương thực, thực phẩm và quân trang, quân dụng, nên ngày 19-4-1884, quân Pháp phải rút từ thành Thái Nguyên về Bắc Ninh. Sau hai lần đánh chiếm, nhưng không giữ được thành Thái Nguyên, ngày 10-5-1884, quân Pháp cử Trung tá Đon-ni-ê chỉ huy một cánh quân lớn từ Bắc Ninh lên mới đánh và chiếm giữ được thành Thái Nguyên lâu dài. Phải trải qua gần hai tháng, với ba cuộc tiến công quy mô lớn, quân Pháp mới chiếm, giữ được thành Thái Nguyên. Từ thành phố Thái Nguyên, chúng toả ra càn quét, chiếm đóng các huyện khác trong tỉnh. Đi tới đâu, chúng cũng đều bị quân và dân ta chống cự rất quyết liệt.

Sau khi đánh chiếm được Chợ Mới (17-1-1889), quân Pháp tập trung ở thành Thái Nguyên 37 sĩ quan, 779 binh lính người Âu, 278 lính khố đỏ và định trưng tập 1.200 phu ở Thái Nguyên và Hà Nội, chuẩn bị mở cuộc tiến công lên vùng Chợ Chu (Định Hoá). Nhân dân thành Thái Nguyên đã cùng với nhân dân các vùng phụ cận đấu tranh không đi phu, buộc quân Pháp phải hoãn lại cuộc tấn công đó.

Từ năm 1887 đến năm 1913, nhân dân các dân tộc địa bàn thành phố Thái Nguyên ngày nay đã cùng với nhân dân các huyện Võ Nhai, Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ nhiệt tình hưởng ứng và giúp đỡ cuộc khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang), do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Quân Pháp đã phải thừa nhận dân chúng ở “toàn bộ vùng ven Thái Nguyên đều qui thuộc Đề Thám và có thái độ chống đối rõ rệt đối với nhà cầm quyền Pháp và bản xứ”⁽¹⁾.

Năm 1897, thực dân Pháp đã cơ bản đánh và chiếm xong vùng đất Thái Nguyên. Để bảo vệ và trấn giữ một địa bàn có ý nghĩa chiến lược cả về kinh tế và quốc phòng, thực dân Pháp đã ráo riết xây dựng ở Thái Nguyên một bộ máy cai trị và một lực lượng đàn áp mạnh. Về bộ máy cai trị, chúng chia tỉnh Thái Nguyên thành 8 phủ, huyện và châu⁽²⁾⁽¹⁾, với 51 tổng, 199 làng bản. Ngoài tỉnh lỵ (thành Thái Nguyên) và các huyện lỵ, châu lỵ, chúng còn đặt thêm ở Thái Nguyên 3 trung tâm hành chính ở Chợ Chu (Định Hoá), Phương Độ (Phú Bình), Hùng Sơn (Đại Từ) để dễ bề thống trị.

Bộ máy cai trị của Pháp ở Thái Nguyên gồm có 1 Công sứ làm Tỉnh trưởng, 1 Phó công sứ làm Tỉnh phó, 2

⁽¹⁾ Galilê- Ba đạo quân Bắc Kỳ- dẫn theo Lịch sử Việt Nam, tập II, NXB Khoa học xã hội, 1985, tr. 79

² Hai phủ là Phú Bình và Đại Từ; 4 huyện là: Phổ Yên, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ; 1 châu là Định Hoá.

Tham tá, 3 Thanh tra lính khố xanh, 8 Trại trưởng lính khố xanh, 1 Trưởng đồn lính sen đầm, 2 Nhân viên Thuế quan và độc quyền, 1 Nhân viên ngành Bưu điện, 1 Nhân viên ngành Công chính, 1 Viên chức ngạch Quan cai trị hạng 5, 1 đại diện cho Công sứ tại Chợ Chu, 1 tham tá bậc nhất đại diện cho Công sứ tại Phương Độ.

Ngoài ra, ở Thái Nguyên, thực dân Pháp còn duy trì bộ máy quan lại người Việt làm tay sai cho chúng gồm: 1 Án sát phụ trách chung toàn tỉnh, 1 Thương tá làm phụ tá cho án sát, 2 Tri phủ ở Phú Bình và Đại Từ; 4 Tri huyện ở Phổ Yên, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ và 1 Tri châu ở Định Hoá, 1 mang hàm Tri phủ phụ trách trung tâm Phương Độ. Ngoài ra tại Phương Độ còn có 1 Giáo thụ, 1 Thông ngôn (phiên dịch), 1 Lại mục.

Để kiểm soát và đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, thực dân Pháp đã xây dựng 37 đồn binh trải ra khắp các phủ, huyện, châu. Đóng ở những đồn binh này gồm lính lê dương (người Âu) và lính khố đỏ, lính khố xanh (người Việt) do người Pháp trực tiếp chỉ huy. Riêng trên địa bàn thị xã Thái Nguyên nhỏ, hẹp, thực dân Pháp đã xây dựng 2 đồn binh (1 đồn lính Pháp và 1 đồn lính khố xanh).

Dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp, đời sống của các tầng lớp nhân dân sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung, thị xã Thái Nguyên nói riêng vô cùng khổ cực, điêu đứng. Nhân dân thị xã Thái Nguyên

đã liên tiếp nổi dậy đấu tranh chống Pháp. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa chống Pháp nổ ra đêm 30 rạng ngày 31-8-1917, tại thị xã Thái Nguyên, do các binh lính người Việt trong quân đội Pháp và các tù chính trị ở Nhà tù Thái Nguyên cùng với các tầng lớp nhân dân trên địa bàn và vùng lân cận tiến hành, dưới sự lãnh đạo của Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) và Lương Ngọc Quyến.

Đội Cấn tên thật là Trịnh Văn Đạt, sinh năm 1881 tại xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay, trong một gia đình có 6 người anh, chị, em (Đội Cấn là thứ tư). Tuy là một người sớm có lòng yêu nước, nhưng Trịnh Văn Cấn phải đi lính khố xanh thay anh. Từ năm 1910, Trịnh Văn Cấn lên đóng quân ở nhiều nơi trên đất Thái Nguyên. Tại Thái Nguyên, nhiều lần Trịnh Văn Cấn đã định nổi dậy làm binh biến khởi nghĩa chống Pháp. Khi Trịnh Văn Cấn về đóng quân ở thị xã Thái Nguyên, thì tại Nhà tù thị xã Thái Nguyên lúc đó, thực dân Pháp đang giam giữ 211 tù nhân (trong đó, có 92 tù chính trị, bao gồm một số chiến sĩ của cụ Phan Bội Châu; một số người liên quan tới vụ âm mưu khởi nghĩa của Trần Cao Vân, Thái Phiên với danh nghĩa vua Duy Tân; một số người vốn là những người chỉ huy của nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Đặc biệt, trong số 92 tù chính trị có nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến (Ủy viên Quân sự trong Bộ Chấp hành Việt Nam Quang phục hội do Phan Bội Châu đứng đầu).

Lương Ngọc Quyến (tức Lương Lập Nham, tức Lương Kỳ Đình, là con trai thứ hai của cụ Lương Văn Can – một trong những người sáng lập viên của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục), sinh năm 1885; quê ở phố Hàng Đào, Hà Nội. Năm 1905, Lương Ngọc Quyến sang Nhật học tại Trường quân sự Vũ Chấn. Sau khi tốt nghiệp đứng thứ ba, sau một người Nhật và một người Trung Quốc, năm 1908, Lương Ngọc Quyến bị Nhật trục xuất về Trung Quốc. Tại Trung Quốc, Lương Ngọc Quyến vào học tiếp các trường Quân nhu Quảng Đông và Sĩ quan Bắc Kinh. Từ năm 1911, Lương Ngọc Quyến vào phục vụ trong quân đội Trung Quốc với quân hàm Thiếu tá. Năm 1914, Lương Ngọc Quyến về Nam Kỳ vận động cách mạng. Bị lộ, ông trốn sang Hương Cảng. Tại Hương Cảng, Ông bị mật thám Anh bắt giữ và trục xuất về Quảng Châu, rồi báo cho mật thám bắt. Đầu năm 1915, Lương Ngọc Quyến bị giải về nước. Biết Lương Ngọc Quyến là yếu nhân của phe cách mạng, nên Toàn quyền Đông Dương và Chánh mật thám Đông Dương đã hết sức mua chuộc, dụ dỗ Ông. Mua chuộc, dụ dỗ không được, Toà án binh của chúng đã kết án Ông “khổ sai chung thân”. Tháng 7-1916, Lương Ngọc Quyến bị đưa lên giam giữ tại Nhà tù Thái Nguyên. Tại Nhà tù Thái Nguyên, mặc dù đã bị bại liệt, nhưng Lương Ngọc Quyến vẫn bị Công sứ Thái Nguyên là Đác-lơ đâm thủng bàn chân, luồn dây sắt vào khoá lại và nhốt trong sà lim suốt ngày, đêm. Tại đây, hai nhà chí lớn là Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn gặp

nhau, bàn bạc để đưa đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30, rạng ngày 31-8-1917.

Tháng 8-1917, có tin lính khố xanh ở Thái Nguyên bị thuyền chuyển đi các nơi, một số sẽ sang châu Âu tham chiến. Trước tình hình đó, trưa ngày 29-8-1917, Đội Cấn họp Ban chỉ huy khởi nghĩa (gồm các ông Đội Giá, Đội Trường, Đội Năm, Đội Lự, Cai Xuyên...) quyết định khởi nghĩa vào hồi 11 giờ đêm ngày 30-8-1917 và phân công nhiệm vụ cho từng người.

Gần 11 giờ đêm ngày 30-8-1917, Đội Trường cùng một người lính thân tín đến gõ cửa phòng ngủ của Quan giám binh Nôen báo tin có điện khẩn từ Hà Nội lên. Nôen chỉ hé cửa thò tay nhận điện. Trước tình thế đó, người lính thân tín của Đội Trường buộc phải cầm dao xông vào chém Nôen. Nôen tung cửa chạy ra, buộc Đội Trường phải nổ súng bắn chết (Qui định của Ban chỉ huy là không được nổ súng). Cùng thời gian Đội Trường nổ súng bắn chết tên Quan giám binh Nôen, tên Phó quản Lạp cũng bị Ba Chén giết gọn.

Nghe tiếng súng nổ, Đội Cấn ra lệnh tập hợp toàn bộ binh lính khố xanh tuyên bố khởi nghĩa. Hai chiếc đầu lâu của Quan giám binh Nôen và Phó quản Lạp được dâng lên làm lễ tế cờ. Đội Cấn truyền đọc Hịch khởi nghĩa, nói rõ ai theo nghĩa quân thì ở lại, ai không theo thì giao lại súng, đạn rồi về nhà. Trong số 175 lính khố xanh ở Trại lính khố xanh lúc đó, có 10 người già yếu xin về, 34

người sợ hãi bỏ trốn, còn 131 người tham gia khởi nghĩa. Trại lính khố xanh hoàn toàn thuộc về tay nghĩa quân. Tiếp theo, Đội Giá chỉ huy một số lính khố xanh sang Nhà tù Thái Nguyên bắn chết tên Giám ngục Lôe, phá nhà tù, giải phóng tù nhân. Nhiều tù nhân bị còng, bị xiềng lâu ngày không đi được, phải bò, còn Lương Ngọc Quyến thì được binh lính của Đội Trường cõng sang Trại lính khố xanh. Tất cả 180 tù nhân bò và chạy sang Trại lính khố xanh đều hăng hái tham gia khởi nghĩa. Họ được phát quần áo, súng đạn và được bổ sung vào các đơn vị lính khố xanh. Sau khi phá nhà tù, giải phóng tù nhân, Đội Lu chỉ huy 20 lính khố xanh đến đánh và chiếm Toà Công sứ. Do Toà Công sứ lúc đó chỉ có một ít nhân viên người Pháp, còn cả Công sứ Đắc Lơ và Phó sứ Túp – tư đều đang cùng gia đình nghỉ mát ở Đồ Sơn, nên việc đánh, chiếm Toà công sứ không mấy khó khăn.

Tiếp theo, 11 giờ 30 phút đêm 30-8-1917, Cai Mảnh chỉ huy 5 nghĩa quân đánh chiếm Nhà Bưu điện, phá máy móc và cắt đường dây điện thoại đi các nơi. Do việc đánh chiếm Nhà Bưu điện chậm, “viên cảnh sát Beant, viên Đội Rechlete và 4 người lính Tây đang ở nhà Dây thép (Bưu điện) đánh điện tín cầu cứu về Hà Nội”⁽¹⁾, nên đã đặt nghĩa quân Thái Nguyên vào tình thế bất lợi.

Sáng ngày 31-8-1917, nghĩa quân tiếp tục đánh, chiếm các sở Lục lộ, Điện bạ, Toà án, Nhà đoan và kho

⁽¹⁾ E.Chinard: Lịch sử Chính trị và Quân sự tỉnh Thái Nguyên, trang 97.

vũ khí. Đánh chiếm kho vũ khí, nghĩa quân thu được 92 khẩu súng mát cơ tông, 72 khẩu súng trường, 197 khẩu súng các bin, 1 khẩu súng lục và 62.172 viên đạn các loại.

Ngay sau khi nổi dậy khởi nghĩa, làm chủ thị xã Thái Nguyên, nghĩa quân đã cử Đội Cấn làm Tư lệnh trưởng quang phục quân Thái Nguyên, Lương Ngọc Quyến làm quân sư, bàn tính việc quân cơ, viết các bố cáo khởi nghĩa. Nghĩa quân lấy lá cờ 5 ngôi sao lớn, đề 4 chữ “Nam Bình Phục Quốc” làm Quân kỳ, treo ngoài cửa thành Thái Nguyên, phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng. Đêm 30, rạng ngày 31-8, nhân dân Thái Nguyên lần đầu tiên nghe bản tuyên ngôn và lời kêu gọi của nghĩa quân, được truyền đi bằng loa: “Chúng ta hãy mau chóng lợi dụng cơ hội ngàn năm có một, cơ hội thật hiếm có này để rửa nhục, để trả thù”... “Quân lính của chúng tôi không làm điều gì xấu xa, không ăn cướp tài sản của dân. Ở bất cứ nơi đâu, họ chỉ quan tâm tới việc giành lại đất đai của tổ tiên, tiêu diệt loài ngoại bang”⁽¹⁾.

Ngày 31-8, Đội Cấn ra lời kêu gọi “Hỡi đồng bào! Chúng ta phải cùng nhau gắng công ra sức, phen này hẳn làm tròn sự nghiệp vĩ đại, lá cờ Ngũ tinh được phấp phới vẻ vang khắp cả năm châu, không phụ lòng trông mong, tin cậy của Tổ quốc.

⁽¹⁾ Khởi nghĩa Thái Nguyên: 80 năm nhìn lại, trang 278, 279.

Hỡi đồng bào! Một quốc gia tân tạo, bền vững, thiên thu vạn tuế bắt đầu xây dựng từ ngày hôm nay. Toàn thể đồng bào cùng có trách nhiệm tháo ách nô lệ, đè đầu, cuỡi cổ chúng ta bấy lâu”⁽¹⁾.

Hưởng ứng lời kêu gọi của nghĩa quân, sáng ngày 31-8, 312 người, gồm các tầng lớp nhân dân Thái Nguyên (có 50 công nhân Mỏ than Làng Cẩm và Mỏ kẽm Làng Hích) đã tới tham gia khởi nghĩa. Tổng số nghĩa quân lên tới 600 người, được chia làm 8 đội, lập thành 8 phòng tuyến. Nghĩa quân đào hầm, hào trên các ngã đường để chuẩn bị đánh giặc, cố thủ thành Thái Nguyên.

Về phía địch, ngay sau khi được tin báo binh lính Thái Nguyên nổi dậy làm binh biến, quyền Thống sứ Bắc Kỳ đã quyết định tập trung toàn bộ lực lượng quân đội ở Bắc Kỳ để dập tắt cuộc khởi nghĩa, không cho cuộc khởi nghĩa lan rộng ra các nơi khác. 4 giờ sáng ngày 31-8, tất cả Công sứ các tỉnh xung quanh Thái Nguyên đã được báo động và được lệnh thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp canh phòng đường sá.

Sáng ngày 31-8, quyền Thống sứ Bắc Kỳ, tướng Tư lệnh tối cao quân đội Bắc Kỳ và Công sứ Thái Nguyên đã có mặt tại một địa điểm cách thị xã Thái Nguyên 3 km để bàn kế hoạch đối phó với cuộc khởi nghĩa của Đội Cấn. Tiếp đó, 40 lính khố xanh huy động từ Bắc Giang, Hà Nội

¹ Đào Trinh Nhất: Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917, Quốc dân thư xã xuất bản, Hà Nội 1946, trang 128.

đã chuyển tới Thái Nguyên bằng ô tô. Đêm 31-8, lực lượng này áp sát tỉnh lỵ Thái Nguyên, cách hầm hào của nghĩa quân đào dọc 2 bên đường Hà Nội – Thái Nguyên khoảng 500 mét. Đêm 31-8, rạng ngày 1-9, thực dân Pháp huy động 15 xe ô tô chuyển 1 phân đội súng máy, 1 phân đội sơn pháo 80 ly, 1 trung đội lính Âu từ Đáp Cầu (Bắc Ninh) lên Gia Sàng (Thái Nguyên). 6 giờ 30 phút ngày 2-9, đơn vị nghĩa quân do Cai Mảnh chỉ huy đóng trên quả đồi bên trái con đường Hà Nội – Thái Nguyên đã đánh trả quyết liệt cuộc tiến công của 1 đại đội bộ binh Pháp do đại úy Pây-ru chỉ huy. Quân địch đã phải thừa nhận “cuộc chống cự của quân phiến loạn đã diễn ra ác liệt ngay từ trận đụng độ đầu tiên”⁽¹⁾. Ngày 3-9, địch tập trung 1 đại đội bộ binh (120 lính Pháp), 1 trung đội sơn pháo 80 ly, 1 đội công binh 15 tên và 150 lính khố đỏ tiếp tục tiến công nghĩa quân. Nghĩa quân đã kiên cường đánh trả, giữ vững được trận địa. 23 giờ đêm 3-9, lợi dụng ánh sáng của một đám cháy trong Thị xã và lợi dụng ánh trăng, nghĩa quân mở một cuộc tập kích táo bạo vào đại bản doanh của địch ở Gia Sàng, tiêu diệt tên giám binh Đơ-Mác-ti-ni và một số binh lính địch. Sau 4 giờ chiến đấu quyết liệt, đơn vị do Cai Mảnh chỉ huy đã hy sinh đến người cuối cùng, nghĩa quân bị địch đẩy về phòng tuyến của mình.

Sáng ngày 4-9, khoảng 300 quân Pháp và 500 lính tập, có nhiều súng máy và 4 khẩu pháo lớn yểm trợ, từ hai

⁽¹⁾ Hồ sơ 70.504

hướng Đông Nam và Tây Nam tiến công vào thị xã Thái Nguyên. Địch tập trung pháo lớn bắn dữ dội vào Trại lính khố xanh. Lương Ngọc Quyến bị một mảnh đạn pháo bắn vào đầu, hy sinh anh dũng trong khi chỉ huy nghĩa binh bảo vệ Tỉnh lỵ. Chiều ngày 4-9, sau khi có thêm 80 lính lê - dương từ Yên Bái sang, địch mở cuộc tiến công ồ ạt, quyết liệt vào thị xã Thái Nguyên. Mặc dù thế giặc rất mạnh, nhưng nghĩa quân vẫn kháng cự một cách rất kiên cường, oanh liệt. Nhiều đợt tiến công của địch đã bị đánh bật trở lại. Tại dinh Công sứ, 11 nghĩa binh do Trần Văn Ba còn gọi là Đồ Ba⁽¹⁾ chỉ huy, đã chiến đấu hy sinh đến người cuối cùng. Tại các khu vực Kho bạc và Nhà thương, các nghĩa binh đã chiến đấu cực kỳ dũng cảm, yểm trợ cho đại bộ phận nghĩa binh khác rút khỏi Thị xã an toàn.

Chiều ngày 4-9, địch chiếm được khu đông thị xã Thái Nguyên. Đêm 4-9, nghĩa quân phản kích quyết liệt định chiếm lại phía đông tỉnh thành, nhưng do quân địch đông, lại có hỏa lực mạnh và đánh trả dữ dội, nên không chiếm được.

Sáng ngày 5-9, các tuyến phòng thủ của nghĩa quân đều bị địch tiến công phá vỡ, nghĩa quân buộc phải rút khỏi tỉnh lỵ, bắt đầu một giai đoạn mới vô cùng gian nan, vất vả vừa chiến đấu, vừa rút lui qua nhiều tỉnh ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Không kể những toán nghĩa quân lẻ

¹ Một tướng lĩnh của nghĩa quân Yên Thế, quê Hải Dương, 32 tuổi, bị địch kết án 20 năm tù.

bị địch đánh bại xuống các tỉnh Phúc Yên, Hà Nam, Hưng Yên...., đại đa số nghĩa quân phân tán trong dãy núi Tam Đảo từ Thái Nguyên qua Vĩnh Yên, lúc bên này núi, lúc bên kia núi, đôi khi tràn xuống cả những miền đồng bằng lân cận để chống giặc, gây cho chúng một số thiệt hại. Ngày 21-12-1917, tại núi Pháo (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên), nghĩa quân kiên cường đánh trả một cuộc tiến công dữ dội của địch, Đội Cấn bị thương nặng. Quyết không để bị rơi vào tay giặc, 21 giờ ngày 5-1-1918, tại núi Pháo (Đại Từ), Đội Cấn đã tự sát. Bốn nghĩa binh còn lại đã lo chôn cất Đội Cấn hết sức chu đáo, trang trọng, đốt cả vàng hương cho chủ tướng của mình⁽¹⁾. Cái chết của Đội Cấn đã kết thúc bi hùng hơn 4 tháng tồn tại của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên – một cuộc khởi nghĩa đã làm rung động chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương và chấn động dư luận ở Pháp. Tuy thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã viết nên một trang sử vẻ vang, oanh liệt, góp phần tô thắm truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm anh hùng, bất khuất của dân tộc Việt Nam nói chung, nhân dân thị xã Thái Nguyên nói riêng.

Sau khi dập tắt khởi nghĩa Thái Nguyên, thực dân Pháp tăng cường củng cố bộ máy cai trị và đàn áp ở Thái Nguyên. Chúng dựng lên một “hàng rào” ngăn chặn tất cả phong trào cách mạng từ các nơi khác tràn đến Thái Nguyên.

⁽¹⁾ Khởi nghĩa Thái Nguyên: 80 năm nhìn lại, trang 241.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), phong trào cách mạng ở nước ta bước vào thời kỳ mới. Tại thị xã Thái Nguyên, mặc dù chưa có cơ sở Đảng, nhưng phong trào đấu tranh trong các tầng lớp nhân dân vẫn tiếp tục diễn ra. Giữa năm 1937, một số phạm nhân ở nhà tù Thái Nguyên đấu tranh trực diện với quan Thống sứ Bắc Kỳ phản đối chế độ nhà tù hà khắc, buộc hẳn phải ra lệnh cho cấp dưới không được đánh đập tù nhân.

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ, nước Pháp tham chiến. Tháng 6-1940, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Lợi dụng tình hình đó, ngày 22-9-1940, quân Nhật từ Trung Quốc tràn qua biên giới Việt - Trung đánh chiếm Lạng Sơn. Đại bộ phận quân Pháp đầu hàng, một bộ phận hoảng sợ, tháo chạy theo Đường 1B về hướng Thái Nguyên. Chớp thời cơ, ngày 27-9-1940, một số chiến sĩ Cộng sản vừa thoát khỏi nhà tù của thực dân Pháp ở Lạng Sơn, cùng với tổ chức Đảng ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) phát động nhân dân khởi nghĩa. Đội du kích Bắc Sơn (sau này phát triển thành Trung đội Cứu quốc quân I) và Khu Căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai ra đời, đã cổ vũ và tác động mạnh mẽ tới các tầng lớp nhân dân và phong trào cách mạng ở thị xã Thái Nguyên. Từ tháng 1-1942, ở thị xã Thái Nguyên đã xuất hiện cờ đỏ, sao vàng, truyền đơn và biểu ngữ chống Pháp. Hướng về Bắc Sơn – Võ Nhai, nhân dân thị xã Thái Nguyên đã quyên góp tiền bạc, thuốc men ủng hộ Cứu quốc quân chống địch khủng bố.

Từ cuối năm 1944, đầu năm 1945, phong trào cách mạng nước ta phát triển rộng khắp. Trong khi đó cuộc chiến tranh thế giới thứ hai sắp bước vào giai đoạn kết thúc, phe phát xít thất bại ở nhiều nơi. Tại mặt trận Châu Á - Thái Bình Dương, phạm vi kiểm soát của Nhật ngày càng bị thu hẹp. Con đường biển từ Nhật đến các thuộc địa ở Đông Nam Á đã bị quân Đồng minh khống chế. Tại Đông Dương, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị kế hoạch hắt cẳng Nhật. Tất cả tình hình trên đã làm cho mâu thuẫn vốn có giữa Nhật - Pháp thêm gay gắt, tất yếu dẫn đến một trong hai tên hắt cẳng nhau. Và 20 giờ ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng hắt cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương.

Đêm 9-3-1945, ngay khi tiếng súng Nhật đảo chính Pháp vừa nổ, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ta đang họp Hội nghị (mở rộng) tại Đình Bảng (Tứ Sơn - Bắc Ninh) đã kịp thời đề ra chủ trương phát động cao trào chống Nhật, cứu nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra "Chỉ thị Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", kịp thời chỉ đạo các địa phương phát huy tinh thần độc lập, sáng tạo trong cao trào chống Nhật cứu nước.

Sáng ngày 10-3-1945, tin Nhật đảo chính, hắt cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương được truyền đến thị xã Thái Nguyên, làm cho quân Pháp và tay sai ở đây hoang mang, dao động đến tận tột độ. Tên Phó Công sứ vội vã cho xe ô tô

chở binh lính và vũ khí theo Đường 13A rút chạy sang Tuyên Quang. Đến Đèo Khế (km 33 đường Thái Nguyên - Tuyên Quang), bị Cứu quốc quân vừa chặn đánh, vừa phao tin quân Nhật phục kích, chặn đường ở phía trước làm hàng chục tên bị chết và bị thương, tên Phó Công sứ vội vã cho xe ô tô quay trở lại thị xã Thái Nguyên, còn binh lính thì vút lại súng, đạn, chạy tan tác vào rừng và cuối cùng thì quay trở lại nơi xuất phát.

Chiều ngày 10-3-1945, từ Hà Nội, quân Nhật theo Quốc lộ 3 lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên. Bọn quan chức dân sự Pháp cùng bè lũ tay sai, dưới quyền chỉ huy của tên Phó Công sứ người Pháp đã vác cờ trắng xuống tận Gia Sàng đón quân Nhật. Quân Nhật chiếm được thị xã Thái Nguyên mà không mất một viên đạn. Vào thị xã Thái Nguyên quân Nhật nhanh chóng chiếm đóng các công sở, bắt giữ các quan chức cai trị người Pháp và xây dựng chính quyền tay sai thân Nhật. Bọn quan chức người Việt làm tay sai cho Pháp, nay quay sang làm tay sai cho Nhật, tiếp tục đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta. Quân Nhật tập trung binh lính người Việt trong quân đội Pháp (lính khố xanh, lính khố đỏ) và tuyển mộ thêm bọn lưu manh, côn đồ, thành lập lực lượng “bảo an”; cho bọn tay sai và các tổ chức phản động đẩy mạnh tuyên truyền, lừa bịp nhân dân ta bằng các thuyết “Đại Đông Á”, “Khu vực thịnh vượng chung”; cướp thóc, lúa của

dân và bắt nhân dân ta nhổ lúa, trồng đay, trồng thầu dầu..., gây nên nạn đói nghiêm trọng.

Sau khi chiếm đóng thị xã Thái Nguyên, quân Nhật mở rộng, chiếm đóng các vùng phụ cận (Đình Cả- Võ Nhai; Giang Tiên, Phấn Mễ, đồn Đu, đồn điền Na – Phú Lương; Chợ Chu –Định Hoá; Đồng Hỷ; Phú Bình). Tại các vùng chiếm đóng, ngày đêm quân Nhật cho binh lính và tay sai, mật thám đi lùng sục, bắt bớ, chém giết, cướp bóc dân lành, gây không khí khủng bố nặng nề....

Thực hiện “Chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, cao trào chống Nhật cứu nước của quân và dân ta phát triển mạnh mẽ ở khắp nơi trong cả nước. Cùng với toàn quốc, phong trào cách mạng ở các vùng phụ cận thị xã Thái Nguyên tiếp tục phát triển. Tại huyện Đồng Hỷ, các xã Tân Cương, Phúc Trìu, Thịnh Đán, Đồng Quang, Gia Sàng, Quang Vinh, Tích Lương, các đoàn thể Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh được xây dựng và phát triển nhanh chóng. Nhân dân các xã Bá Vân, Khe Mo, Cây Thị nổi dậy lật đổ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng. Tại châu Võ Nhai, Cứu quốc quân và tự vệ đánh chiếm các kho thóc, thu nhiều thóc, gạo và muối chia cho nhân dân; tổ chức tấn công, buộc quân địch ở các đồn La Hiên, Trảng Xá, Đình Cả phải rút chạy, giải phóng hoàn toàn các xã trên địa bàn, thành lập chính

quyền cách mạng châu và chính quyền cách mạng ở hầu hết các xã trong châu. Tại huyện Đại Từ, đầu tháng 4-1945, bộ máy thống trị của địch từ huyện xuống các xã bị đập tan, chính quyền cách mạng của ta từ huyện xuống các xã được thành lập. Tại châu Định Hoá, Cứu quốc quân và tự vệ tiến công đồn “bảo an” giải phóng châu lý, phá nhà lao Chợ Chu, giải phóng tù nhân; phá kho thóc của Nhật, chia cho nhân dân cứu đói. Đến cuối tháng 4-1945, chính quyền cách mạng các cấp từ châu xuống hầu hết các xã ở châu Định Hoá đã được thành lập.

Tại huyện Phú Lương, Cứu quốc quân và tự vệ tấn công địch ở đồn Đu, tự vệ và nhân dân các xã Phấn Súc, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Động Đạt..., tổ chức vây bắt và xử tội những tên tay sai thân Nhật, có nhiều tội ác với nhân dân.

Tại huyện Phú Bình, nhân dân và tự vệ các xã Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Dương Thành, Bảo Lý, Hương Sơn..., đứng lên đánh đổ chính quyền tay sai Nhật, thành lập chính quyền cách mạng.

Tại huyện Phổ Yên, nhân dân và tự vệ phá các kho thóc của Nhật ở Sơn Cốt, Thác Nhái chia cho dân nghèo, cứu đói... Phong trào chống Nhật, cứu nước ở các vùng phụ cận phát triển mạnh mẽ, đã tạo thành thế bao vây, uy hiếp đối với bộ máy thống trị của phát xít Nhật và tay sai ở thị xã Thái Nguyên, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng ở thị xã Thái Nguyên phát triển.

Sau khi Việt Nam Giải phóng quân được thành lập (15-5-1945), Khu Giải phóng Việt Bắc ra đời (4-6-1945), cơ sở và phong trào cách mạng ở thị xã Thái Nguyên tiếp tục được mở rộng, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Nhiều thanh niên ở thị xã Thái Nguyên giác ngộ cách mạng đã tìm cách liên hệ với Quân giải phóng ở Võ Nhai; tổ Việt Minh ở Thị xã do đồng chí Nguyễn Thế Nhang phụ trách tích cực hoạt động, tổ chức và vận động nhân dân quyên góp thóc, gạo, muối, thuốc men.... ủng hộ Quân giải phóng.

III – Thị xã Thái Nguyên trong thời kỳ Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945.

Đầu tháng 8-1945, tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến thuận lợi cho cách mạng nước ta. Sau khi tiêu diệt phát xít Đức, ngày 8-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và sau một tuần đã đánh tan khoảng 1 triệu quân Quan Đông của Nhật ở vùng Đông Bắc Trung Quốc. Ngày 14-8-1945, phát xít Nhật buộc phải tuyên bố đầu hàng Đồng Minh không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Quân Nhật ở Đông Dương như rắn mất đầu, Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoang mang, lo sợ.

Thời cơ cho nhân dân ta nổi dậy khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền đã chín muồi. Từ ngày 14 đến ngày 15-8-1945, tại Tân Trào (Sơn Dương – Tuyên Quang), Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng đã họp, quyết định

phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Hội nghị thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh phụ trách. Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945, cũng tại Tân Trào, hơn 60 đại biểu các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng, các dân tộc, tôn giáo và kiều bào nước ngoài đã họp Đại hội quốc dân. Đại hội nhất trí với chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, bầu Ủy ban dân tộc giải phóng do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch; quyết định lấy lá cờ đỏ, sao vàng làm Quốc kỳ, lấy bài Tiến quân ca làm Quốc ca. Sau Đại hội quốc dân Tân Trào, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “ hãy đứng dậy đem sức ta ra mà tự giải phóng cho ta.... Tiến lên. Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên”⁽¹⁾.

Theo lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh và nhân dân cả nước đồng loạt nổi dậy giành chính quyền. Chiều ngày 16-8-1945, theo mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, một đơn vị Quân giải phóng, do các đồng chí Võ Nguyên Giáp (Chỉ huy trưởng Việt Nam Giải phóng quân), Trần Đăng Ninh (Chỉ huy phó Việt Nam Giải phóng quân) trực tiếp chỉ huy,

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập.

xuất phát từ Tân Trào tiến về đánh quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên.

Thị xã Thái Nguyên là đô thị đầu tiên trên đường Quân giải phóng từ Tân Trào tiến về Hà Nội, là cửa ngõ phía nam của Khu Giải phóng Việt Bắc là một vị trí yết hầu đổ về Hà Nội. Sau cuộc tiến công, càn quét vào Khu giải phóng Việt Bắc (tháng 4 và tháng 5-1945) bị thất bại, quân Nhật xây dựng thị xã Thái Nguyên thành một cứ điểm phòng thủ mạnh. Lực lượng địch ở thị xã Thái Nguyên có khoảng 120 quân Nhật đóng ở Trại lính khố xanh, Nhà chủ mỏ Gô-chi-ê, ty Liêm phóng và Kho gạo; 400 lính bảo an và 200 cảnh sát vũ trang đóng ở Trại lính Tây, canh giữ dinh Tỉnh trưởng Thái Nguyên và dinh Huyện trưởng Đồng Hỷ. Vũ khí của địch có khoảng 600 súng trường, súng máy các loại; có hệ thống hầm hào, công sự, lô cốt chiến đấu kiên cố. Mặc dù Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh, nhưng quân Nhật ở Việt Nam nói chung, Thái Nguyên nói riêng vẫn tỏ ra rất ngoan cố. Giải phóng thị xã Thái Nguyên vừa là yêu cầu cấp thiết mở đường cho Quân giải phóng tiến về giải phóng thủ đô Hà Nội, vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nói chung, thị xã Thái Nguyên nói riêng.

Sau khi nhận được lệnh của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, đa số tự vệ vũ trang các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Võ Nhai, Đồng Hỷ đã tiến về các vùng phụ cận Thị xã sẵn

sàng phối hợp với Quân giải phóng tiến vào giải phóng thị xã Thái Nguyên. Ngày 16-8-1945, tự vệ các xã tây nam huyện Đồng Hỷ đã tập kết tại Bình Định (nay thuộc xã Bình Sơn). Sau khi nghe tin Nhật đầu hàng Đồng Minh và nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa, ngày 18-8-1945, tổ Việt Minh ở thị xã Thái Nguyên do đồng chí Nguyễn Thế Nhang phụ trách đã họp với một số thanh niên trung kiên, tích cực bàn việc chuẩn bị đánh Nhật, với 3 nhiệm vụ chủ yếu:

1. Tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng và tích cực đóng góp nhân lực, vật lực cho Quân giải phóng về đánh Nhật giải phóng Thị xã.

2. Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, người để phục vụ và tiếp tế cho Quân giải phóng.

3. Vạch trần tội ác và trừng trị những tên Việt gian, phản động có nhiều nợ máu với nhân dân.

Sau cuộc họp này, Ban Tiếp tế thị xã Thái Nguyên khẩn trương vận động nhân dân các phố ủng hộ lương thực, thực phẩm, nấu cơm, nước tiếp tế cho Quân giải phóng. Bộ phận phục vụ được thành lập, gồm các bà, các chị Bạch Thị Tân, Nguyễn Thị Tư, Nguyễn Thị Soàng... do đồng chí Nguyễn Thế Nhang phụ trách. Đêm 18-8-1945, Trung đội tự vệ vũ trang tuyên truyền huyện Võ Nhai, cùng tự vệ và nhân dân các xã đông bắc huyện Đồng Hỷ tập trung tại xã Đồng Bẩm (huyện Đồng Hỷ).

Đại đội tự vệ huyện Phú Bình vượt nước lũ sông Cầu tiến lên thị xã Thái Nguyên. 5 giờ sáng ngày 19-8-1945, từ Đồng Bẩm, đông đảo nhân dân các xã Hoá Trung, Cao Ngạn, Dân Chủ, Đồng Bẩm (huyện Đồng Hỷ) với gậy gộc, giáo, mác, câu liêm trong tay, do cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ chiến đấu huyện Võ Nhai dẫn đầu rầm rập tiến qua cầu Gia Bẩy vào thị xã Thái Nguyên. Nhân dân thị xã Thái Nguyên mang băng, cờ, khẩu hiệu tập trung tại đầu cầu Gia Bẩy hoà nhập cùng đoàn người từ Đồng Bẩm tới, tiến vào Thị xã tuần hành, thị uy, biểu dương lực lượng qua các đường phố chính. Từ các phố, nhân dân thị xã Thái Nguyên tiếp tục đổ xuống đường, hoà vào đoàn người biểu tình, hô vang các khẩu hiệu “Đả đảo phát xít Nhật”, “Ủng hộ Việt Minh”. Tiếp đó, nhân dân và tự vệ Thị xã lùng bắt và trừng trị những tên Việt gian, tay sai thân Nhật; đóng góp lương thực, thực phẩm ủng hộ Cách mạng; đào hầm, đắp lũy, xây dựng công sự chiến đấu chuẩn bị đón Quân giải phóng tiến vào thị xã Thái Nguyên đánh Nhật. Trước khí thế áp đảo của quần chúng, lại được tin Chính phủ Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện, quân Nhật và bảo an binh ở thị xã Thái Nguyên tinh thần chiến đấu sa sút, rút về cố thủ trong các trại lính. Tuy chúng báo động sẵn sàng chiến đấu, nhưng không dám đàn áp, bắn vào nhân dân biểu tình. Sau biểu tình, thị uy, Trung đội tự vệ vũ trang huyện Võ Nhai rút về xã Đồng Bẩm chờ lệnh.

Về phía Quân giải phóng, sau 3 ngày hành quân, 13 giờ chiều ngày 19-8, đơn vị tập kết tại xã Thịnh Đán (huyện Đồng Hỷ) – cách trung tâm thị xã Thái Nguyên trên 4 km về phía Tây. Trên đường hành quân, nhiều thanh niên, đơn vị tự vệ đã xung phong gia nhập Quân giải phóng, nên về tới nơi tập kết, quân số Quân giải phóng đã lên tới 450 cán bộ, chiến sĩ, biên chế thành một chi đội (mang phiên hiệu Chi đội 3), gồm 3 đại đội và 1 trung đội hoả lực, do đồng chí Lâm Cẩm Như (tức Lâm Kính) làm Chi đội trưởng. Được tin Quân giải phóng về đến Thịnh Đán, Ban Việt Minh thị xã Thái Nguyên cử đại diện đến báo cáo Bộ chỉ huy Quân giải phóng về tình hình địch, tình hình nhân dân trong Thị xã và giao nhiệm vụ cho 10 tự vệ chiến đấu và thanh niên Cứu quốc làm liên lạc, dẫn đường cho Quân giải phóng vào chiếm lĩnh trận địa. Sau khi nghe báo cáo và nghiên cứu tình hình, 20 giờ ngày 19-8, Bộ chỉ huy Quân giải phóng đã xây dựng xong kế hoạch chiến đấu. Theo kế hoạch, đồng chí Võ Nguyên Giáp (Chỉ huy trưởng Việt Nam Giải phóng quân) trực tiếp chỉ huy Quân giải phóng đánh Nhật; đồng chí Trần Đăng Ninh (Chỉ huy phó Việt Nam Giải phóng quân) làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nhân dân địa phương nổi dậy khởi nghĩa, tiếp tế lương thực, thực phẩm, nấu cơm, nước phục vụ Quân giải phóng. Lực lượng Quân giải phóng chia làm 3 bộ phận: Bộ phận chủ yếu, bộ phận thứ yếu và bộ phận dự bị.

Bộ phận chủ yếu làm nhiệm vụ cùng với các lực lượng tự vệ địa phương bao vây, tiến công, bức hàng quân

Nhật ở đồi Chánh sứ và Trại lính khố xanh cũ (nay là khu vực Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam) và biệt thự Gô-chi-ê (nay là Nhà Văn hoá tỉnh). Bộ phận này gồm Đại đội Việt - Mỹ⁽¹⁾, được tăng cường thêm Trung đội hoả lực do đồng chí Nguyễn Hồng An chỉ huy⁽²⁾. Trực tiếp chỉ huy bộ phận chủ yếu là đồng chí Đàm Quang Trung (Đại đội trưởng Đại đội Việt - Mỹ). Bộ phận chủ yếu được trang bị hoả lực mạnh, gồm súng cối, ba-dô-ca và tiểu liên.

Bộ phận thứ yếu làm nhiệm vụ bao vây, bức hàng lính bảo an ở Trại lính Tây cũ (khu vực ghềnh đá Bến Tượng), khu Đề lao (nay là khu vực trụ sở phường Trung Vương), dinh Tỉnh trưởng Thái Nguyên, dinh Huyện trưởng Đồng Hỷ (nằm ở phía tây nam Thị xã) do Đại đội đồng chí Đào Mạnh Vi (tức Thế Anh) làm Đại đội trưởng đảm nhiệm (gọi tắt là Đại đội Đào Mạnh Vi).

Bộ phận dự bị làm nhiệm vụ bảo vệ Sở chỉ huy chiến đấu (đặt tại Tòa Thị chính Thị xã), bảo vệ Sở chỉ huy Hậu cần (đặt tại Nhà máy Đèn) và sẵn sàng chi viện cho các bộ phận chủ yếu và thứ yếu. Bộ phận này, do Đại đội đồng chí Đàm Quốc Chung làm Đại đội trưởng đảm nhiệm (gọi tắt là Đại đội Đàm Quốc Chung).

Đêm 19- 8, Đại đội tự vệ huyện Phú Bình phối hợp với Tự vệ chiến đấu hai xã Cam Giá và Gia Sàng (huyện

⁽¹⁾ - Trong đại đội có 6 quân nhân Mỹ do thiếu tá Tô-mát chỉ huy.

⁽²⁾ - Đồng chí Nguyễn Hồng An sau này là Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Thái Nguyên (1955 – 1965), Tỉnh đội trưởng, Tỉnh đội Bắc Thái (1965 – 1970).

Đồng Hỷ) đánh chiếm đồn điền Gia Sàng, bắt tên Việt gian thân Nhật Lưu Bảo Ngọc (Béc-na-Ngọc). Tiểu đội lính Nhật đóng ở đây bỏ chạy về Trại lính khố xanh cũ. Đường liên lạc của địch từ Hà Nội lên Thị xã bị cắt đứt, cửa ngõ đông nam Thị xã được chốt chặt. Tiếp đó, Đại đội tự vệ chiến đấu huyện Phú Bình đánh chiếm, làm chủ Nhà máy Đèn. Theo đúng kế hoạch, 24 giờ ngày 19 tháng 8, từ Thịnh Dán, Quân giải phóng hành quân vào chiếm lĩnh trận địa dưới trời mưa tầm tã. Đến đồn điền Kép -le, đơn vị tạm dừng để triển khai đội hình chiến đấu. Đại đội Đào Mạnh Vi bí mật triển khai thành 3 mũi, một mũi bao vây áp sát dinh Tỉnh trưởng Thái Nguyên và dinh Huyện trưởng Đồng Hỷ; một mũi bao vây áp sát khu Séc Tây, khu Đề lao.

Đại đội Việt – Mỹ triển khai thành 2 mũi, 1 mũi bố trí ở các khu vực Sở Cẩm, khu Nhà Đoan, nhà Quang Thái; một mũi bố trí ở nhà Si – do, khu Kiểm lâm và đồi thông (đồi Đội Cấn). Đại đội Đàm Quốc Chung bố trí xung quanh Toà Thị chính và Nhà máy Đèn.

Ngày 20-8, 2 giờ sáng, đồng chí Đoàn Sáp (tự vệ Thị xã) dẫn 1 tiểu đội Quân giải phóng đánh chiếm Nhà máy Nước, bắt sống 5 lính bảo an, thu 5 súng, sau đó chốt giữ Nhà máy Nước và phối hợp đánh địch ở đồi Chánh Sứ. Bốn giờ sáng, các đại đội Quân giải phóng chiếm lĩnh xong trận địa chiến đấu. 5 giờ 30 phút, ta gửi tối hậu thư buộc các tên Tỉnh trưởng Thái Nguyên và Huyện trưởng Đồng Hỷ phải đầu hàng, trao lại chính quyền cho Ủy ban khởi nghĩa. Trước khí thế của cách mạng, lại bị bao vây

chặt, các tên Tỉnh trưởng Thái Nguyên và Huyện trưởng Đồng Hỷ phải đầu hàng theo lệnh của ta và hạ lệnh cho bảo an binh ở Trại lính Tây cũ hạ vũ khí đầu hàng Quân giải phóng. Một số lính bảo an tình nguyện ra nhập Quân giải phóng, ta thu nhận; số còn lại ta cấp lộ phí và giấy tờ cho về quê làm ăn, sinh sống. Sau khi Đại đội Đào Mạnh Vi làm chủ trận địa, Bộ chỉ huy Quân giải phóng giao cho đồng chí Phan Mỹ, chỉ huy lực lượng tự vệ thị xã Thái Nguyên thu hồi vũ khí chuyển về phía nam Thị xã giao cho Đại đội tự vệ huyện Phú Bình.

Sau khi bao vây, bức hàng bảo an binh, Đại đội Đào Mạnh phối hợp với Đại đội Việt – Mỹ tiếp tục bao vây, tiến công quân Nhật. 7 giờ 30 phút, ta nổ súng bắn vào các vị trí quân Nhật chiếm đóng, diệt một số tên. Quân Nhật cũng nổ súng chống cự ta dữ dội. Sau 30 phút dùng các loại súng phóng lựu, ba-dô-ca, súng máy, súng trường bắn vào quân Nhật, ta tạm ngừng tiến công. Qua Tỉnh trưởng Bùi Huy Lượng và người phiên dịch, ta gửi tối hậu thư yêu cầu quân Nhật ngừng chống cự, trao lại vũ khí cho ta, hẹn 14 giờ phải trả lời. Nhận được tối hậu thư, quân Nhật cử hai phái viên ra gặp ta tại đình Hoàng Phố. Chúng viện cớ phải giao nộp vũ khí cho Đồng Minh, nên không thể giao nộp cho ta được. Hiểu rõ ý đồ quân Nhật muốn trì hoãn để chờ viện binh từ Hà Nội lên, ta quyết định nếu 14 giờ chiều quân Nhật không nộp vũ khí thì sẽ tiếp tục nổ súng tiến công. Đúng 14 giờ chiều, chỉ huy quân Nhật không trả lời tối hậu thư của ta. 15 giờ chiều,

tất cả các loại súng của Đại đội Việt – Mỹ tập trung bắn dữ dội vào các đồn, trại quân của Nhật. Quân Nhật cũng bắn trả lại rất quyết liệt. Cùng phối hợp với Quân giải phóng bao vây, tiến công quân Nhật, các tầng lớp nhân dân thị xã Thái Nguyên và vùng phụ cận, không phân biệt già, trẻ, trai, gái đã hăng hái đào hào, đắp luỹ, tải lương, tiếp tế cơm, nước, đạn dược cho Quân giải phóng và tự vệ ngay tại trận địa. Một số cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng và tự vệ chiến đấu bị thương đưa vào Bệnh viện Thái Nguyên đã được bác sĩ Hoàng Gia Hợp và các y sĩ, y tá ở đây tổ chức băng bó, cứu chữa, điều trị kịp thời. Theo chỉ thị của đồng chí Trần Đăng Ninh, Bệnh viện Thái Nguyên đã chia số thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế làm ba phần, một phần để lại bệnh viện, một phần đem phục vụ Quân giải phóng chiến đấu, còn lại một phần đưa về Chiến khu dự trữ. Tự vệ chiến đấu thị xã Thái Nguyên và tự vệ chiến đấu huyện Phú Bình phối hợp chặt chẽ với Quân giải phóng chiến đấu và trấn áp bọn Việt gian, phản động.

Buổi chiều ngày 20-8, trong khi Quân giải phóng tập trung bao vây, tiến công quân Nhật, tại Sân vận động thị xã Thái Nguyên, trước một cuộc mít tinh lớn của đông đảo các tầng lớp nhân dân Thị xã và huyện Đông Hỷ, đồng chí Võ Nguyên Giáp, thay mặt Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc đã tuyên bố xoá bỏ chính quyền của địch, thành lập Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch. Cùng ngày (20-8), đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trên

đường về Hà Nội đã ghé qua thị xã Thái Nguyên báo tin cuộc Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội đã giành thắng lợi ngày 19-8-1945. Tin đó đã làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng và nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên.

Sáng ngày 21- 8, ta tiếp tục bao vây, nổ súng bắn vào các vị trí chiếm đóng của quân Nhật. Tiếp theo, ta cho một tự vệ đi cùng hai vợ chồng một thương gia người Nhật cầm cờ trắng theo đường Voac –sie (sau Trụ sở Báo Thái Nguyên hiện nay) vào nơi quân Nhật chiếm đóng, vừa đi, vừa kêu gọi quân Nhật đầu hàng bằng tiếng Nhật. Quân Nhật bắn ra làm vợ người thương gia Nhật bị thương, ta kịp thời băng bó và đưa đi cấp cứu.

Ngày 22- 8, quân Nhật vẫn ngoan cố, không chịu đầu hàng, súng hai bên vẫn tiếp tục nổ lẻ tẻ trong Thị xã. Ta tích cực củng cố các chiến lũy trên các đường phố.

Ngày 23-8, trước tình hình Tiểu đội quân Nhật đóng ở biệt thự Gô-chi-ê nổ súng bắn chết 2 người dân trên đường phố, Bộ chỉ huy Quân giải phóng quyết định tiến công tiêu diệt chúng. Đồng chí Sùng Hải, chỉ huy Tổ ba-dô-ca bắn chế áp, yểm trợ cho Tổ đột kích của đồng chí Vũ Ngọc Lê dùng búa phá cửa sổ, nhảy vào nhà, dùng súng ngắn và lựu đạn tiêu diệt toàn bộ số quân Nhật đóng trong biệt thự, thu toàn bộ vũ khí và trang bị. Cùng ngày 23-8, theo lệnh của Chính phủ lâm thời, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng về Hà Nội nhận nhiệm vụ mới, chỉ để một số Quân giải phóng và 6 quân nhân Mỹ ở lại cùng với cán bộ, chiến sĩ Tự vệ Thái Nguyên tiếp tục bao vây quân Nhật.

Ngày 24-8, một phái đoàn gồm đại diện của ta và đại diện của Nhật từ Hà Nội lên báo cho quân Nhật ở Thái Nguyên biết: Bộ chỉ huy quân Nhật ở Hà Nội đã chấp nhận những điều kiện của chính quyền Cách mạng và yêu cầu quân Nhật ở Thái Nguyên giao nộp vũ khí cho ta. Viên quan ba, đại diện cho quân Nhật ở Thái Nguyên đề nghị chỉ nộp vũ khí ở các đồn lẻ, còn vũ khí ở thị xã Thái Nguyên xin hoãn lại, chờ lệnh cấp trên và chấp nhận “án binh, bất động”. Ta chấp nhận và cung cấp lương thực, thực phẩm, nước uống cho quân Nhật trong các đồn, trại; cho phép chúng đi lại trong Thị xã, nhưng không được đem theo vũ khí. Sau đó, đồng chí Lê Trung Đình (Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên) đi cùng viên quan hai Nhật xuống giải giáp quân Nhật ở các đồn lẻ nằm trên địa bàn các huyện Phú Bình, Phú Lương, Đại Từ.

Ngày 25-8, quân Nhật thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thoả thuận, giao nộp hết vũ khí cho ta. Ngày 26-8, quân Nhật rút hết khỏi thị xã Thái Nguyên về Hà Nội. Thị xã Thái Nguyên nói riêng, tỉnh Thái Nguyên nói chung hoàn toàn được giải phóng.

Trong trận tiến công Nhật ở thị xã Thái Nguyên, Quân giải phóng và Tự vệ Thái Nguyên đã giành thắng lợi lớn, tiêu diệt được một số quân Nhật (có tên Trung uý Hamô-di), buộc quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên và các đồn lẻ phải hạ vũ khí; bức hàng toàn bộ hệ thống ngụy quân, ngụy quyền tay sai Nhật; thu hơn 600 khẩu súng các loại, 4 xe ô tô và trên 300 tấn gạo, cùng nhiều quân trang, quân dụng khác. Trận tiến công của quân Nhật ở thị xã Thái

Nguyên là một trận đánh lớn của Quân giải phóng phối hợp với Tự vệ chiến đấu và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân trong tỉnh Thái Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Trong cuộc chiến đấu giải phóng thị xã Thái Nguyên, lực lượng cán bộ, chiến sĩ Tự vệ chiến đấu và các tầng lớp Nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên đã phối hợp chặt chẽ với Quân giải phóng, lập nhiều thành tích xuất sắc. Ngoài trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu, lực lượng Tự vệ chiến đấu thị xã Thái Nguyên còn tham gia vận chuyển hơn 600 khẩu súng các loại từ Thị xã ra Khu căn cứ. Các đoàn thể Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh ở Thị xã hoạt động sôi nổi. Riêng Hội Phụ nữ Cứu quốc Thị xã đã có hơn 700 chị em tham gia trong tất cả các công việc phục vụ chiến đấu: đào hào, đắp lũy, giao thông liên lạc, nấu cơm, nấu nước phục vụ cho gần 1.000 cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng và Tự vệ chiến đấu.

Các em Thiếu nhi thị xã Thái Nguyên “tuổi nhỏ, chí lớn”, vừa sát cánh cùng cha, anh đánh địch, vừa đảm nhiệm xuất sắc công tác thông tin liên lạc. Tinh thần chiến đấu kiên cường và hy sinh anh dũng của các em đã góp phần cổ vũ quân và dân thị xã Thái Nguyên xông lên tiêu diệt địch. Sau ngày Thị xã được giải phóng, năm em thiếu nhi có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu được Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên khen ngợi, được nhân dân thị xã suy tôn là “Năm tiểu anh hùng”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo Lịch sử cách mạng Tháng Tám tỉnh Bắc Thái – trang 191.

Thành tích chiến đấu, phục vụ chiến đấu của quân và dân thị xã Thái Nguyên đã góp phần rất quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng Tháng Tám 1945. Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công đã mở ra cho quân và dân cả nước nói chung, quân và dân thị xã Thái Nguyên nói riêng một thời kì mới trong chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc và ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất trong Cách mạng Tháng Tám 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên sẵn sàng bước vào thực hiện các nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang trong cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Chương II

QUÂN VÀ DÂN THỊ XÃ THÁI NGUYÊN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 – 1954)

I- Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến (9/1945 - 10/1947):

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc thị xã Thái Nguyên thoát khỏi cuộc đời nô lệ, trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ cuộc sống của mình. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là nguồn cổ vũ, động viên Nhân dân và Lực lượng vũ trang thị xã Thái Nguyên hăng hái, quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng và xây dựng cuộc sống mới.

Sau ngày giành được chính quyền, trong hoàn cảnh chung của cả nước, Nhân dân và Lực lượng vũ trang thị xã Thái Nguyên đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách.

Trong khi hậu quả của nạn đói do Nhật – Pháp gây ra đầu năm 1945 chưa được khắc phục, thì trận lụt lớn

xảy ra trong tháng 8-1945 lại gây ra những thiệt hại nặng nề. Tình trạng thiếu lương thực, hiện tượng “đứt bữa” trong các gia đình vẫn xảy ra khá phổ biến trong địa bàn Thị xã. Tiếp sau lụt lội là hạn hán kéo dài, đồng ruộng bỏ hoang, không cấy được do thiếu nước. Các ngành sản xuất tiểu, thủ công nghiệp mặc dù hết sức nhỏ bé, nhưng vẫn chưa được phục hồi. Nguy cơ nạn đói mới có thể xảy ra. Về mặt xã hội, đại đa số nhân dân lao động sống trên địa bàn Thị xã đều không biết chữ, trình độ nhận thức rất hạn chế, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng chính quyền Cách mạng và tham gia các hoạt động chung. Một số hủ tục và tệ nạn xã hội xuất hiện ở nhiều nơi, gây nên khó khăn chồng chất khó khăn. Trong khi “giặc đói”, “giặc dốt” chưa được giải quyết thì nhân dân và chính quyền Cách mạng non trẻ ở Thị xã lại phải đối phó với nạn giặc ngoại xâm. Núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng Minh vào miền Bắc Đông Dương giải giáp quân đội Nhật, đầu tháng 9-1945, khoảng 50.000 quân Tưởng Giới Thạch từ Tuyên Quang tràn qua địa bàn các huyện Đại Từ, Phú Lương vào chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã Thái Nguyên và một số điểm dọc Quốc lộ số 3 từ thị xã Thái Nguyên xuống cầu Đa Phúc (Phổ Yên). Thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, lật đổ chính quyền Cách mạng, dựng lên một chính quyền tay sai thân Tưởng, đi tới đâu quân Tưởng cũng gây ra những hành động cướp bóc, bắt nhân dân ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm, và tiêu tiền “Quan Kim” đã

mất giá của chúng. Chúng ngang nhiên đòi lập bộ máy chính quyền tay sai của chúng bên cạnh chính quyền Cách mạng của ta. Chúng lôi kéo người Hoa, lập Trụ sở “Nam dương Hoa kiều hiệp hội”, xúi gục người Hoa đòi trở lại quốc tịch Trung Quốc và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Theo chân quân Tưởng, bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách cũng về nước, tăng cường các hoạt động chống phá bằng cách móc nối với những phần tử phản cách mạng, tuyên truyền lôi kéo quần chúng, tranh giành ảnh hưởng và sự ủng hộ của nhân dân, chia rẽ khối đoàn kết dân-tộc, phục vụ mưu đồ xây dựng chính quyền tay sai thân Tưởng.

Trước những diễn biến phức tạp, trực tiếp đe dọa sự tồn tại của chính quyền Cách mạng, thẩm nhuần Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” ngày 25-11-1945 của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, Nhân dân và Lực lượng vũ trang thị xã Thái Nguyên từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định tình hình, xây dựng chế độ mới.

Để đề phòng âm mưu chống phá của quân Tưởng, từ tháng 9-1945, các cơ quan Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh và các đoàn thể quần chúng đã tạm thời di chuyển ra ngoài Thị xã. Trong nội thị chỉ còn các đại diện của Mặt trận Việt Minh và Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh làm nhiệm vụ giao tiếp với bọn chỉ huy quân Tưởng và tổ chức, động viên nhân dân khéo

léo đầu tranh, nhằm hạn chế những hành động phá hoại của chúng.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thị xã Thái Nguyên đã tổ chức hội nghị cán bộ các tổ Đảng, chính quyền, đoàn thể các xã và khu phố quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, nhận rõ các khó khăn và tình thế của cách mạng, giải thích cho nhân dân hiểu để có sự nhượng bộ cần thiết, cung cấp một số lương thực, thực phẩm, phương tiện vận tải cho quân Tưởng. Đồng thời chỉ đạo Lực lượng tự vệ chiến đấu Thị xã làm nòng cốt, hậu thuẫn cho nhân dân đấu tranh, bãi thị, tẩy chay đồng tiền Quan Kim, phản đối những đòi hỏi vô lý, ngăn chặn những hành động khiêu khích, phá hoại của quân Tưởng và tay sai. Trước tinh thần đoàn kết đấu tranh vừa kiên quyết, vừa mềm dẻo, khôn khéo của quân và dân ta, quân Tưởng phải chấp nhận sự thất bại trong âm mưu kéo dài thời gian lưu trú tại thị xã Thái Nguyên để phá hoại, tiến tới lật đổ chính quyền Cách mạng. Giữa tháng 12-1945, quân Tưởng đã phải rút hết khỏi thị xã Thái Nguyên về Hà Nội.

Thực hiện Sắc lệnh (số 8 ngày 5-9-1945) của Chính phủ về việc giải tán các đảng phái phản động và Sắc lệnh (ngày 13-9-1945) về việc đưa đi an trí những phần tử phản cách mạng nguy hiểm, lực lượng tự vệ chiến đấu Thị xã phối hợp với Lực lượng Công an và nhân dân địa phương đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phản cách mạng,

góp phần cùng lực lượng vũ trang và nhân dân toàn tỉnh bắt và xử trí hàng chục tên mật thám, chỉ điểm, đặc vụ của quân Tưởng; bọn cầm đầu các tổ chức phản động (Nam Dương Hoa kiều hiệp hội, Đại Việt quốc gia liên minh, Việt Quốc, Việt Cách) và một số tên quan lại, cường hào gian ác. Đặc biệt, tên Tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận - một tay sai đắc lực của thực dân Pháp, khét tiếng gian ác, có nhiều nợ máu với nhân dân - đã bị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử và tuyên án tử hình tại Thị xã.

Chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta, ngay trong tháng 9/1945, núp sau quân đội Anh, thực dân Pháp đã cho quân đánh chiếm Nam Bộ. Nhân dân Nam Bộ lại phải cầm vũ khí tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Thực hiện lời kêu gọi của Đảng “Hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam”, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân thị xã Thái Nguyên sôi nổi tham gia phong trào “Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến”. Băng, cờ, khẩu hiệu khẳng định chủ quyền của Việt Nam, phản đối thực dân Pháp xâm lược được nhân dân thị xã căng khắp các đường phố chính. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình phản đối thực dân Pháp gây chiến tranh xâm lược được tổ chức tại Trung tâm thị xã Thái Nguyên, với hàng ngàn người tham gia. Cuộc vận động quyên góp thuốc men, quần áo, tiền bạc ủng hộ đồng bào miền Nam được đông đảo nhân dân thị xã Thái Nguyên hưởng ứng. Trong một cuộc mít tinh lớn

tổ chức tại Trung tâm Thị xã, bà Nguyễn Thị Tư đã ủng hộ “ Nam Bộ kháng chiến” 345 đồng (tương đương với 700 kg gạo). Tinh thần ủng hộ Nam Bộ kháng chiến của bà Nguyễn Thị Tư đã cổ vũ mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân Thị xã hăng hái tham gia cuộc vận động. Trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều người dân đã đi lao động, đi bán hàng để lấy tiền góp vào quỹ “Ủng hộ Nam bộ kháng chiến. Đồng đảo thanh niên Thị xã đã đến “Phòng Nam bộ” ghi tên gia nhập các đơn vị Nam tiến, xung phong vào Nam đánh giặc.

Thực hiện đường lối vũ trang toàn dân, cùng với việc xây dựng các đơn vị Nam tiến, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng và Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các cấp từ Thị xã xuống tất cả các xã, khu phố trên địa bàn đều thành lập được các tiểu đội, trung đội tự vệ chiến đấu. Tuy trang bị còn thô sơ, chủ yếu là giáo, mác, nhưng tinh thần tập luyện của cán bộ, chiến sỹ Tự vệ chiến đấu Thị xã rất hăng say; công tác tuần tra, canh gác, giữ gìn trật tự an ninh thường xuyên được duy trì. Cùng với việc làm nòng cốt cho nhân dân đấu tranh làm thất bại các âm mưu khiêu khích, phá hoại của quân Tưởng, Lực lượng tự vệ Thị xã còn kết hợp chặt chẽ với các lực lượng Công an và tự vệ huyện Đông Hỷ cùng các tầng lớp nhân dân trên địa bàn đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động phá hoại của các tổ chức phản động.

Để giải quyết các nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân và ngăn chặn nạn đói có nguy cơ tái diễn,

cán bộ, chiến sĩ Tự vệ Thị xã cùng với Nhân dân các dân tộc trên địa bàn đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Trong khu vực nội thị, tận dụng từng tấc đất, Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Tự vệ Thị xã đã trồng nhiều loại cây thực phẩm, cây lương thực ngắn ngày. Ở các xã ngoại vi, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức Đảng, chính quyền, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Thị xã đẩy mạnh phong trào khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích canh tác gieo cấy lúa và trồng rau, màu.

Cùng với phong trào tăng gia sản xuất, cuộc vận động thực hành tiết kiệm cũng được Nhân dân và lực lượng vũ trang thị xã đẩy mạnh. Hưởng ứng lời kêu gọi tiết kiệm cứu đói của Hồ Chủ tịch “cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Dem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”⁽¹⁾, Đoàn Phụ nữ Cứu quốc thị xã Thái Nguyên thành lập Ban Cứu tế xã hội, gồm 10 người do đồng chí Bạch Thị Tân (Bí thư Đoàn Phụ nữ Cứu quốc Thị xã) làm Trưởng ban. Ban Cứu tế xã hội thị xã làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ người nghèo khổ và tổ chức quyên góp cứu đói. Nêu cao tinh thần đoàn kết, “lá lành đùm lá rách”, “lá rách ít đùm lá rách nhiều”, hầu hết các gia đình trong Thị xã đều lập hũ gạo tiết kiệm, mỗi bữa bớt ra một, vài nắm gạo trong khẩu phần ăn của gia đình để ủng hộ đồng bào đang bị đói. Chính quyền thị xã Thái Nguyên đã lập Trại Tế bần

⁽¹⁾ - Hồ Chí Minh toàn tập - tập IV – NXB Sự thật – Hà Nội 1984 – trang 27.

làm nơi trú chân cho những người gặp nạn đói từ nơi khác phiêu dạt đến. Hàng ngày, chị em phụ nữ trong Ban Cứu tế xã hội Thị xã đi quyên góp gạo ở các gia đình, nấu cháo mang đến cứu giúp những người trong Trại. Bà còn tiểu thương Thị xã tổ chức mở quán ăn, thu tiền ủng hộ cách mạng và giúp đỡ đồng bào đang bị nạn đói đe dọa.

Cùng với việc vận động nhân dân thực hiện nghiêm túc chủ trương tiết kiệm, không dùng lương thực để nấu rượu, làm bánh..., Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên còn ra lệnh tịch thu số thóc còn lại trong các đồn điền Gia Sàng, Kép le... và vay thóc của các nhà buôn ở Thị xã để cấp cho nhân dân, chống đói.

Nhờ có sự chỉ đạo kiên quyết của các cấp chính quyền, sự nỗ lực của các ban, ngành, đoàn thể, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã đẩy mạnh tăng gia sản xuất và các hoạt động tình nghĩa, nên trên địa bàn thị xã Thái Nguyên nạn đói đã kịp thời được ngăn chặn và đẩy lùi, đời sống của các tầng lớp nhân dân từng bước được ổn định.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, từ ngày 17 đến ngày 24-9-1945, nhân dân thị xã Thái Nguyên tích cực hưởng ứng đợt quyên góp xây dựng “Quỹ Độc lập” và “Tuần lễ vàng”. Mặc dù cuộc sống còn hết sức khó khăn, thiếu thốn, do vừa trải qua nạn đói đầu năm và trận lụt lớn cuối tháng 8/1945, nhưng với ý thức xây dựng và bảo vệ nền độc lập vừa giành

được, nhân dân thị xã Thái Nguyên đã giành những tài sản quý giá nhất của gia đình và bản thân để ủng hộ, góp phần cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh đóng góp vào “Quỹ Độc lập” được 5 kg vàng và hàng vạn đồng tiền mặt cùng nhiều đồ vật có giá trị khác. Riêng chị em phụ nữ thị xã Thái Nguyên đã quyên góp xây dựng “Quỹ Độc lập” và “Tuần lễ vàng” trị giá hơn hai vạn đồng. Trong đó, đồng chí Bạch Thị Tân, Bí thư Đoàn Phụ nữ Cứu quốc Thị xã, ủng hộ một đôi hoa tai bằng vàng hai đồng cân; đồng chí Nguyễn Thị Tư, Phó Bí thư Đoàn Phụ nữ Cứu quốc Thị xã, ủng hộ một chiếc nhẫn vàng. Số tiền, vàng và những tài sản có giá trị đó đã góp phần quý giá cho chính quyền Cách mạng giải quyết được những khó khăn gay gắt về tài chính trong những ngày mới thành lập. Kết quả này một lần nữa khẳng định tinh thần yêu nước và cách mạng của quân và dân thị xã Thái Nguyên

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch: “Muốn giữ vững nền độc lập.

Muốn làm cho dân mạnh, nước giàu.

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”⁽¹⁾, nhân dân thị xã

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4, NXB Sự thật, HN, 1984, trang 28, 29.

Thái Nguyên tích cực tham gia diệt “giặc đói”. Ban Bình dân học vụ Thị xã sau khi được thành lập đã cử cán bộ xuống tận các xã, các phố tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xoá nạn mù chữ. Hội viên các Hội Thanh niên, Phụ nữ Cứu quốc đã cùng đội viên các Đội tự vệ Cứu quốc luôn đi đầu trong phong trào thi đua xoá nạn mù chữ. Các lớp huấn luyện nghiệp vụ sư phạm của tỉnh nhanh chóng đào tạo, cung cấp cán bộ, giáo viên cho các huyện, thị mở lớp học văn hoá. Phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ trên địa bàn Thị xã ngày càng lan rộng; trình độ văn hoá và sự hiểu biết của các tầng lớp nhân dân lao động Thị xã từng bước được nâng cao dần. Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Thị xã tích cực làm hậu thuẫn cho các cấp chính quyền đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội (cờ bạc, nghiện hút thuốc phiện...) do chế độ cũ để lại, từng bước xây dựng cuộc sống mới lành mạnh.

Được sống trong độc lập, tự do, được trở thành người làm chủ xã hội và được hưởng những quyền lợi tốt đẹp do chế độ mới đem lại, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang thị xã Thái Nguyên phấn khởi, ra sức tham gia xây dựng và củng cố chính quyền Cách mạng.

Thực hiện Sắc lệnh Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, ngày 23-12-1945, đông đảo cử tri ở thị xã Thái Nguyên đã hăng hái đi bỏ phiếu, góp phần cùng cử tri cả tỉnh bầu

được 3 đại biểu xứng đáng vào Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà⁽¹⁾.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp bộ Đảng, nhân dân thị xã Thái Nguyên tiếp tục tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và bầu Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã đã khẳng định vị thế của chính quyền cách mạng ở các địa phương; đã đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại, lật đổ của các thế lực thù địch và nâng cao lòng yêu nước, phát huy ý thức làm chủ trong mọi tầng lớp nhân dân. Thắng lợi này có sự đóng góp to lớn của Nhân dân và Lực lượng vũ trang thị xã Thái Nguyên. Các đơn vị lực lượng vũ trang thị xã Thái Nguyên đã thường xuyên tổ chức tuần tra, canh gác và phối hợp với các lực lượng công an và tự vệ các huyện đấu tranh với các đảng phái phản động, vạch mặt những phần tử cơ hội, những tên tay sai phản dân, hại nước; phát hiện, ngăn chặn kịp thời những âm mưu và hành động phá hoại của chúng, bảo vệ an toàn các điểm bỏ phiếu và nhân dân tham gia bầu cử.

⁽¹⁾ – Theo chủ trương lúc đầu của Trung ương, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội sẽ được tổ chức vào ngày 23/12/1945. Nhưng để có thời gian chuẩn bị tốt hơn, Trung ương đã quyết định lùi cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội sang ngày 6/1/1946. Song một số địa phương, trong đó có tỉnh Thái Nguyên không nhận được sắc lệnh hoãn đó, nên vẫn tổ chức bầu cử Quốc hội vào ngày 23/12/1945.

Sau thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã, Ủy ban hành chính các cấp trong Thị xã được thành lập, thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám 1945. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân Thị xã từng bước được củng cố và kiện toàn.

Lực lượng vũ trang Thị xã tiếp tục được xây dựng và phát triển. Trong năm 1946, các Đội Tự vệ ở các xã, khu phố đã được xây dựng và trưởng thành cả về tổ chức và vũ khí trang bị.

Trải qua hơn một năm đấu tranh, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã bảo vệ và xây dựng, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân các cấp trên địa bàn ngày càng vững chắc; khối đoàn kết toàn dân được mở rộng, đời sống nhân dân bước đầu có những cải thiện, lực lượng vũ trang không ngừng lớn mạnh; các tổ chức Đảng ở cơ sở phát triển và ngày càng có uy tín cao trong nhân dân. Đó là những yếu tố thuận lợi để quân và dân thị xã Thái Nguyên bước vào thực hiện các nhiệm vụ nặng nề trong thời kỳ Toàn quốc kháng chiến.

*

*

Với dã tâm quyết quay trở lại cướp nước ta một lần nữa, thực dân Pháp liên tiếp cho quân đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung Bộ và Bắc Bộ. Đến những tháng cuối năm 1946, hành động xâm lược của

thực dân Pháp ngày càng trắng trợn. Ngày 20-11-1946, quân Pháp khiêu khích, gây xung đột với bộ đội ta ở Hải Phòng. Ngày 17-12-1946, tại Hà Nội, quân Pháp gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún và chiếm một số trụ sở của Chính phủ ta. Ngày 18 và 19-12-1946, thực dân Pháp liên tiếp gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta đòi tước vũ khí của tự vệ và trao quyền kiểm soát Thủ đô Hà Nội cho chúng.

Trước những hành động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp và đáp Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến (ngày 19-12-1946) của Hồ Chủ tịch, quân và dân thị xã Thái Nguyên lại một lần nữa đứng lên cùng với quân, dân trong tỉnh và quân, dân cả nước cầm vũ khí bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Từ ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) đến tháng 10-1947, mặc dù chiến tranh chưa lan đến thị xã Thái Nguyên, nhưng quân và dân Thị xã Thái Nguyên đã tích cực chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp trên địa bàn.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác chuẩn bị kháng chiến của quân và dân Thị xã Thái Nguyên là củng cố, phát triển lực lượng vũ trang. Dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và các cấp chính quyền, các đội vũ trang tập trung ở các xã, khu phố trên địa bàn Thị xã gấp rút được xây dựng và củng cố.

Lực lượng tự vệ Thị xã hoạt động sôi nổi, nhiều thanh niên hăng hái ghi tên xung phong vào bộ đội. Riêng hai xóm Túc Thái và Đồng Mỗ đã có 40 người ghi tên nhập ngũ. Có gia đình cả ba bố, con đều xung phong tòng quân. Nhân dân Thị xã tích cực ủng hộ lực lượng vũ trang lương thực, thực phẩm, quần áo và 40 vũ khí tự tạo gồm dao, kiếm, mã tấu.

Chấp hành Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Trung ương Đảng, “để cổ động nhân dân bất hợp tác với giặc một cách triệt để”, thực hiện chủ trương “Tàn cư kháng chiến”, đầu năm 1947, Ủy ban hành chính Thị xã ra quyết định thành lập Ủy ban tản cư, tiếp cư các cấp từ thị xã xuống các xã, khu phố làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo hướng dẫn nhân dân tản cư. Sau khi được thành lập, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính các cấp, chỉ trong một thời gian ngắn, Ủy ban tản cư, tiếp cư Thị xã và Ủy ban tản cư, tiếp tục các xã, khu phố đã hướng dẫn, giúp đỡ hàng trăm gia đình ở nội thị và các xã ngoại thị tản cư; cùng với Ban tiếp cư của tỉnh đón tiếp, phân chia khu vực, giúp đỡ, tạo điều kiện cho hàng vạn đồng bào từ các tỉnh đồng bằng tản cư lên Việt Bắc sinh sống và tham gia kháng chiến.

Trước thế giặc mạnh, để bảo đảm cho kháng chiến thắng lợi, thực hiện chủ trương “Tiêu thổ kháng chiến” của Trung ương Đảng và Chính phủ, nhằm không để quân Pháp lợi dụng đánh lại ta, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã tiến hành triệt để “Tiêu thổ kháng chiến”.

Đầu năm 1947, sau khi Ban Phá hoại của tỉnh được thành lập, Ban Phá hoại các cấp từ Thị xã xuống các xã, khu phố cũng lần lượt ra đời, làm nhiệm vụ “Tiêu thổ kháng chiến”.

Thị xã Thái Nguyên vốn là trung tâm chính trị, kinh tế - văn hoá của tỉnh Thái Nguyên, là nơi giao lưu giữa các tỉnh trong Khu Việt Bắc, là cửa ngõ phía nam từ đồng bằng Bắc Bộ lên An toàn khu kháng chiến. Khu vực nội thị lúc này có trên 400 ngôi nhà ngói, nhà gạch; trong đó, khoảng 10% là nhà cao tầng, phần lớn là những công trình kiên cố như dinh Tuần phủ, dinh Công sứ, Trại lính Pháp; 90% còn lại là nhà cấp 4 của bà con tiểu thương và người lao động. Trước nạn ngoại xâm đang đe dọa nền độc lập, tự do của Tổ quốc, uy hiếp nghiêm trọng Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, thị xã Thái Nguyên là một trọng tâm cần “Tiêu thổ kháng chiến” hoàn toàn. “Tiêu thổ kháng chiến” là một nhiệm vụ hết sức khó khăn, phức tạp, bởi trước hết tâm lí “An cư lạc nghiệp” đã ăn sâu, bám rễ trong nhân dân ta nói chung, nhân dân thị xã Thái Nguyên nói riêng từ ngàn đời nay. Thành quả lao động được chắt chiu từ biết bao nhiêu mồ hôi, công sức xây dựng lên, nay phải phá bỏ, nên nhân dân Thị xã đã không tránh khỏi sự đắn đo, bùi ngùi, luyến tiếc. Để công tác phá hoại được triệt để, Chính quyền và các Đoàn thể Cứu quốc Thị xã đã tiến hành một cuộc tuyên truyền, vận động, thuyết phục “Tiêu thổ kháng chiến” sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân nội thị. Đội Thông tin lưu động

của Thị xã thường xuyên phát thanh Lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” của Hồ Chủ tịch và Chỉ thị “Tiêu thổ kháng chiến” của Chính phủ. Khẩu hiệu “Tàn cư để kháng chiến”, “Tiêu thổ để kháng chiến” được kẻ, vẽ, treo, dán ở khắp nơi. Nhờ đó, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã nhận thức được “Tiêu thổ kháng chiến” là để “... chặn quân Pháp lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng”⁽¹⁾, là để “... ngăn trở việc tiếp tế, thông tin liên lạc của địch, đồng thời khiến cho chúng không thể tận dụng cơ sở vật chất của ta để chống lại kháng chiến. Vậy đường sá, cầu, cống, xe tàu lợi cho địch đi thì phá. Tất cả những cái gì giúp cho địch nhìn thấy sáng, nghe thấy xa, nói được xa cũng phá”⁽²⁾. Cán bộ, đảng viên ở thị xã Thái Nguyên là những người tiên phong đi đầu trong việc chấp nhận hy sinh, giao lại nhà cửa cho Ban Phá hoại “tiêu thổ” vì thắng lợi của kháng chiến.

Những ngày đầu do thiếu kinh nghiệm, các công trình do Pháp xây dựng rất kiên cố, nên việc phá hoại hết sức khó khăn. Lực lượng phá hoại không chỉ đổ mồ hôi, công sức mà một số người còn bị thương hoặc hi sinh. Nhưng với quyết tâm “Phá hoại để kháng chiến” của hàng trăm cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và Nhân dân Thị xã có sự phối hợp, giúp sức của Lực lượng vũ trang huyện

⁽¹⁾ - Hồ Chí Minh toàn tập - tập IV – NXB Sự thật – Hà Nội 1984 – tr 249.

⁽²⁾ - Văn kiện Đảng- Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản 1978, tập 1, trang 290, 291.

Đồng Hỷ, nên đến giữa năm 1947, công tác phá hoại ở thị xã Thái Nguyên đã căn bản hoàn thành. Toàn bộ nhà cửa đã được phá sập, toàn bộ gạch, ngói được chuyển ra mặt đường để làm thành các ụ cản xe cơ giới địch; các mặt đường giao thông trong nội thị được xẻ thành hào sâu, rộng; nhiều cây cổ thụ được chặt hạ, đặt chắn ngang mặt đường để cản giao thông địch. Thị xã Thái Nguyên đông vui, nhộn nhịp vài tháng trước đó đã trở thành những đồng gạch vụn. Ngày 11-5-1947, cả thị xã Thái Nguyên chỉ còn lại một ngôi nhà không nguyên vẹn, có một gian tương đối khả quan, có bàn và ghế để Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp Pôn Muýt - phái viên bí mật của Bôlae (Cao uỷ Pháp ở Đông Dương). Chứng kiến cảnh thị xã Thái Nguyên tự tiêu thổ kháng chiến hoang tàn, Pôn Muýt đã phải thừa nhận “Tôi vừa sống, vừa khâm phục... Những người dân đã tự tay phá sạch nhà mình. Khó có sức mạnh nào khuất phục nổi một dân tộc có tinh thần hi sinh như vậy!”⁽¹⁾.

Do yêu cầu giao thông, vận chuyển của cán bộ, nhân dân và các cơ quan, nên ta chưa phá huỷ một số cầu, cống lớn trên địa bàn tỉnh (trong đó có cầu Gia Bẫy ở thị xã Thái Nguyên). Khi nổ ra cuộc tấn công Thu Đông 1947 của thực dân Pháp lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã nhanh chóng triển khai phá sập cầu Gia Bẫy, trọng điểm giao thông cuối

¹ Trần đánh 30 năm, NXB QĐND, HN 2005, trang 188.

cùng trên địa bàn, hoàn thành triệt để nhiệm vụ “Tiêu thổ kháng chiến”.

Kết quả “Tiêu thổ kháng chiến” ở thị xã Thái Nguyên và các huyện trong tỉnh đã làm vô hiệu hoá các phương tiện cơ giới của thực dân Pháp. Chiến sự ở Thái Nguyên trong Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947, do quân Pháp không có ô tô, xe tăng, đại bác hỗ trợ, nên khả năng tác chiến của chúng giảm đi rõ rệt, tạo điều kiện cho dân quân, du kích và bộ đội ta tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch.

Sau khi phần lớn nhân dân đi tản cư và hoàn thành “tiêu thổ kháng chiến”, thị xã Thái Nguyên tạm thời giải thể. Ba xã Gia Sàng, Đồng Quang, Phù Lễn được sáp nhập lại thành xã Hiệp Hoà. Các xã còn lại sáp nhập vào các xã bên tả ngạn sông Cầu, thuộc huyện Đồng Hỷ. Một số đảng viên trong Chi bộ Thị xã được Tỉnh uỷ Thái Nguyên điều động đi nhận công tác khác, số còn lại phân tán về sinh hoạt tại các tổ chức cơ sở Đảng của huyện Đồng Hỷ; Ủy ban hành chính Thị xã chuyển trụ sở ra vùng ngoại vi thuộc huyện Đồng Hỷ để hoạt động.

Nhờ có sự chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành, đến trước Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã chuẩn bị tốt cả tinh thần và lực lượng, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu trực tiếp với quân thù, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía nam Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.

II - Trục tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ Căn cứ địa Việt Bắc, Thủ đô kháng chiến của cả nước (10/1947 - 10/1950).

Thực hiện kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh”, nhằm làm chủ tình hình ở Việt Nam trong vòng 18 tháng, tháng 10/1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta, cắt đứt giao thông, tiếp tế giữa Việt Bắc với các vùng khác ở cả trong và ngoài nước.

Ngày 7-10-1947, Chiến dịch tấn công Việt Bắc Thu Đông 1947 của địch bắt đầu. Trong chiến dịch này, thực dân Pháp huy động 12.000 quân (bao gồm cả hải, lục, không quân) hình thành hai gọng kìm bao vây Việt Bắc từ hai hướng Tây – Tây Bắc và Bắc – Đông Bắc. Đồng thời cho quân nhảy dù, tổ chức thành những mũi tiến công thọc sâu vào hậu phương ta.

Để kịp thời đối phó với cuộc tấn công của địch, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp”. Quán triệt chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp bộ Đảng đã nhanh chóng triển khai kế hoạch chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với các tỉnh bạn, với bộ đội chủ lực tiến công tiêu hao, tiêu diệt địch. Tại thị xã Thái Nguyên, trên những cánh đồng ở các xã Đồng Bẩm,

Quang Vinh, Túc Duyên, du kích và tự vệ Thị xã đã tổ chức cấm chông chống địch nhảy dù; xây dựng nhiều trận địa chiến đấu tại các vị trí hiểm yếu, sẵn sàng đánh địch.

Sau hơn một tháng tung quân lên Việt Bắc càn quét, không những không mang lại kết quả như mục tiêu đề ra mà còn bị quân và dân ta đánh thiệt hại nặng, từ trung tuần tháng 11-1947, sau khi phán đoán lực lượng bộ đội chủ lực của ta có từ 20 đến 25 tiểu đoàn đang đóng ở các vùng Định Hoá, Đại Từ, Võ Nhai (Thái Nguyên), Yên Thế (Bắc Giang), lưu vực sông Phó Đáy và phía tây Tam Đảo; các cơ quan đầu não kháng chiến của ta đóng ở vùng núi đá Võ Nhai, Bộ chỉ huy Pháp quyết định thực hiện cuộc hành quân Xanh - tuya (vành đai) càn quét khu tứ giác Tuyên Quang – Thái Nguyên - Việt Trì – Phủ Lạng Thương (rộng hơn 8.000 km vuông), nhằm tiếp tục “lùng bắt kì được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bằng được chủ lực Việt Minh, phá nát căn cứ địa”⁽¹⁾.

Ngày 20-11-1947, cuộc hành quân Xanh – tuya của địch bắt đầu. Tại Thái Nguyên, từ đêm 24-11-1947, địch cho 1500 quân từ thị trấn Chợ Mới (Bắc Kạn) xuống đánh chiếm vùng Định Hoá (Thái Nguyên). Ngày 26-11-1947, chúng cho máy bay thả 700 quân dù xuống đánh chiếm vùng Võ Nhai và thả 400 quân dù xuống đánh chiếm vùng Đại Từ. Sau hơn 10 ngày liên tục càn quét tại 4 tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Bắc Giang và Thái Nguyên, bị

⁽¹⁾ Theo Hồi kí Xa - làng.

quân và dân ta chặn đánh khắp nơi, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, đầu tháng 12-1947. Bộ chỉ huy quân đội Pháp buộc phải rút quân khỏi Việt Bắc.

Trên hướng Võ Nhai, trong các ngày 7, 8-12-1947, quân địch từ Trảng Xá, La Hiên (Võ Nhai) rút về Chùa Hang, thuộc xã Đồng Bẩm (huyện Đồng Hỷ). Tại đây, quân Pháp bị du kích xã Đồng Bẩm tấn công, quấy rối. Ngày 8-12, từ Chùa Hang (Đồng Bẩm), quân địch tổ chức tuần tiễu từ khu vực đồn điền Đồng Bẩm, qua Bến Tượng sang khu vực Đồng Mỗ, Thác Oánh, rồi quay về Chùa Hang. Ngày 9-12, 400 tên địch từ Chùa Hang vượt qua Bến Tượng sang chiếm đóng Nhà thờ thị xã Thái Nguyên. Đêm 9-12, 4 chiến sĩ du kích xã Đồng Bẩm tập kích địch tại Chùa Hang, diệt 1 tên lính gác, thu 300 viên đạn các loại. Ngày 10-12, từ Chùa Hang và Nhà thờ thị xã Thái Nguyên, quân địch hành quân, càn quét đốt phá các xã Huống Trung, Huống Thượng, Cam Giá, Gia Sàng, Đồng Quang. Ngày 11-12, toàn bộ số quân địch ở Chùa Hang (Đồng Bẩm - Đồng Hỷ) và Nhà Thờ thị xã Thái Nguyên rút lên xã An Khánh (huyện Đại Từ). Trong khi đó, trên các hướng Định Hoá, Phú Lương, Đại Từ, bị quân và dân ta chặn đánh quyết liệt, quân địch phải rút về co cụm ở thị trấn Hùng Sơn và xã An Khánh (huyện Đại Từ). Ngày 18-12, quân địch từ Làng Ngò (xã An Khánh, huyện Đại Từ) rút qua thị xã Thái Nguyên theo Quốc lộ 3 về Hà Nội. Trên đường rút lui chúng đã liên tiếp bị bộ đội và du

kích ta chặn đánh ở Mỏ Bạch, đồi Yên Ngựa, đồi Đội Cấn và Gia Sàng. Ngày 23-12-1947, quân Pháp rút hết khỏi Thái Nguyên qua cầu Đa Phúc về Hà Nội. Tỉnh Thái Nguyên, (trong đó có thị xã Thái Nguyên) hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược.

Sau khi quân Pháp rút khỏi Thái Nguyên, đầu năm 1948, quân và dân thị xã Thái Nguyên triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu. Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và Nhân dân Thị xã tích cực hưởng ứng phong trào thi đua sản xuất do Bộ Canh nông phát động; tổ chức tốt phong trào thi đua: “Mỗi nhà một vườn rau gia đình, một vườn sản kháng chiến, một đàn gà tiếp tế cho bộ đội”, góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống nhân dân và cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho lực lượng vũ trang.

Đầu năm 1950, thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng về “Hoàn thành nhiệm vụ chuyển mạnh sang Tổng phản công”, phong trào thi đua yêu nước của quân và dân Thị xã ngày càng phát triển mạnh. Thực hiện cuộc vận động “rèn cán, chỉnh quân”, ba tháng đầu năm 1950, Đại đội dân quân, du kích và tự vệ tập trung Thị xã do đồng chí Trần Văn Cẩn phụ trách đã tập trung học tập, nâng cao nhận thức chính trị và trình độ kỹ, chiến thuật chiến đấu; đồng thời tăng cường nếp sống quân sự hoá, tổ chức cất giấu tài sản, sẵn sàng đánh địch tấn công vào địa bàn.

Từ giữa năm 1950, để chuyển mạnh sang Tổng phản công, căn cứ vào tình hình và so sánh lực lượng giữa ta và địch, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông biên giới, mở đường giao lưu với các nước Xã hội chủ nghĩa và củng cố Căn cứ địa Việt Bắc.

Để đảm bảo giao thông, vận tải phục vụ Chiến dịch Biên giới, ngày 15-7-1950, Tỉnh uỷ Thái Nguyên ra nghị quyết mở “Chiến dịch sửa chữa cầu đường”, huy động tối đa các lực lượng nhân dân, cán bộ, nhân viên các cơ quan dân, chính, Đảng và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang ra làm nhiệm vụ sửa chữa cầu, đường từ thị xã Thái Nguyên lên phía Bắc, đáp ứng yêu cầu vận tải phục vụ chiến đấu.

Ngày 16-9-1950, Chiến dịch Biên giới mở màn bằng trận tấn công địch ở cứ điểm Đông Khê. Sau hai ngày, đêm chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bộ đội ta tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm quan trọng này. Đông Khê thất thủ, quân địch ở Thất Khê bị uy hiếp, ở Cao Bằng bị cắt đường ứng cứu, lâm vào tình trạng cô lập. Tuyến phòng thủ Đường số 4 của địch bị rối loạn.

Để cứu vãn tình thế đó, Bộ chỉ huy quân Pháp vội vàng vét hết lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ (gồm 5 tiểu đoàn), mở cuộc hành quân Phoque (Chó Biển) đánh lên thị xã Thái nguyên, nhằm kéo một phần bộ đội chủ lực của ta ở biên giới về đối phó với chúng, đỡ đòn cho

đồng bọn ở Đường số 4; phá hoại hậu phương của ta, chặn giữ cửa ngõ phía nam Căn cứ địa Việt Bắc, ngăn chặn sự chi viện của ta từ phía Nam lên phía Bắc.

Kế hoạch đánh lên Thái Nguyên của địch đã nằm trong dự đoán của ta. Chấp hành chỉ thị chiến đấu của trên, cùng với các địa phương khác, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã chủ động, tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương. Các cơ quan, kho tàng trong khu vực Thị xã đã nhanh chóng được sơ tán đến những nơi an toàn. Lực lượng vũ trang Thị xã đã sẵn sàng phối hợp với các đơn vị bạn, với bộ đội chủ lực tấn công, tiêu diệt địch.

Ngày 29-9-1950, cuộc hành quân Phoque của địch bắt đầu. Khoảng 3000 quân địch có pháo binh, tàu chiến, máy bay yểm trợ, từ ba hướng tiến công lên Thái Nguyên.

- Hướng thứ nhất, với hơn 1.000 quân từ Đa Phúc theo Quốc lộ số 3 đánh lên.

- Hướng thứ hai, với khoảng gần 1.000 quân, có 3 ca nô, 10 tàu chiến, từ Đa Phúc ngược sông Cầu, đổ bộ lên bến đò Hà Châu (Phú Bình), theo Đường 19 đánh lên thị xã Thái Nguyên.

- Hướng thứ ba, cũng khoảng gần 1.000 quân từ Phúc Yên theo sườn dãy núi Tam Đảo tiến qua các xã Phúc Thuận, Minh Đức (huyện Phổ Yên), Thịnh Đức, Thịnh Đán (huyện Đồng Hỷ), đánh lên thị xã Thái Nguyên.

Trên cả ba hướng tấn công, quân Pháp đều bị bộ đội địa phương và dân quân, du kích ta chặn đánh quyết liệt, tiêu diệt nhiều sinh lực. Liên tiếp trong hai ngày 30-9 và 1-10-1950, từ ba hướng, quân địch đồng loạt tấn công vào thị xã Thái Nguyên. Chiều ngày 1-10-1950, quân Pháp huy động 27 máy bay các loại lên ném bom, bắn phá và thả 200 quân dù xuống đánh chiếm sân bay Đồng Bầm. Sáng 2-10, từ sân bay Đồng Bầm quân địch qua cầu Gia Bầy và ngầm Bến Tượng sang, phối hợp với các cánh quân từ Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ lên đánh, chiếm thị xã Thái Nguyên. Sau khi chiếm được Thị xã, quân địch tổ chức chốt giữ những vị trí trọng yếu trong nội thị: gồm núi Kô Kê, đồi Yên Ngựa, chùa Phủ Liễn và đồi Két Nước ở đầu cầu Gia Bầy... Chiếm được thị xã Thái Nguyên, thực dân Pháp huyênh hoang tuyên bố “đã chiếm được Thủ đô quân sự và chính trị của Việt Minh”.

Từ ngày 2-10, cùng với việc củng cố các vị trí chiếm đóng, địch cho quân lùng sục, càn quét ra các vùng xung quanh, phá hoại mùa màng, cướp thóc lúa và tài sản của nhân dân ta.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ và Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã thực hiện triệt để chủ trương “Vườn không nhà trống”; kết hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực và dân quân, du kích huyện Đồng Hỷ, tổ chức đánh địch ở Quán Triều, Kép Le, Hiệp Hoà, Gia Sàng, Lưu Xá..., gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề.

Cuộc hành quân Phoque tấn công lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên của địch không những không cứu nguy được cho đồng bọn ở trên Mặt trận Biên giới, mà lại còn bị thất bại nặng nề. Trước tình hình đó, chiều ngày 11-10-1950, quân Pháp buộc phải rút khỏi thị xã Thái Nguyên. Chiều ngày 12-10-1950, toàn bộ quân địch ở Thái Nguyên đã rút hết qua cầu Đa Phúc về Hà Nội.

Trải qua hơn 10 ngày chiến đấu chống lại cuộc hành quân Phoque của địch, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã góp phần cùng với quân và dân trong tỉnh đánh địch hơn 60 trận, tiêu diệt và làm bị thương 872 tên, bắn rơi 1 máy bay, bắn hỏng 3 ca nô, thu nhiều vũ khí, đạn dược, làm thất bại hoàn toàn cuộc hành quân Phoque của chúng, bảo vệ vững chắc cửa ngõ phía nam Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội chủ lực đánh địch trên Mặt trận Biên giới thắng lợi.

III- Xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi (10/1950 - 7/1954).

Sau khi đánh bại cuộc hành quân Phoque (Chó Biển) của địch, quân và dân thị xã Thái Nguyên tập trung xây dựng và củng cố hậu phương, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Trên địa bàn tỉnh nói chung, thị xã Thái Nguyên nói riêng, sau thất bại của cuộc hành quân Phoque, quân Pháp tăng cường các hoạt động phá hoại bằng máy bay. Mục

tiêu đánh phá của chúng là các trục đường giao thông, các cơ quan, kho tàng và các đơn vị quân đội. Hoạt động phá hoại của địch đã gây cho ta một số thiệt hại về người và của. Ngoài những vụ bắn phá, máy bay địch còn thả nhiều truyền đơn nói xấu, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, chia rẽ khối đoàn kết quân, dân và dụ dỗ nhân dân di cư vào vùng địch tạm chiếm.

Nhận rõ trách nhiệm của hậu phương đối với các chiến trường, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân Thị xã tích cực hoạt động, công tác, đẩy mạnh tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu tại chỗ và chi viện cho các mặt trận.

Thực hiện kế hoạch của tỉnh và đẩy mạnh kinh tế kháng chiến, từ năm 1951, tổ chức Đảng và chính quyền Thị xã lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân vừa đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, động viên sức người, sức của cho kháng chiến; vừa thi hành chính sách ruộng đất của Đảng và bao vây kinh tế địch.

Đối với nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp, được các chiến thắng trên chiến trường động viên khích lệ, Nhân dân thị xã Thái Nguyên hăng hái lao động sản xuất. Diện tích gieo cấy lúa (cả vụ chiêm, vụ mùa) được mở rộng; các loại rau, mầu cũng được xen canh gối vụ liên tiếp. Tuy nhiên, do địa bàn hẹp, diện tích canh tác ít, hệ thống thủy lợi không bảo đảm, thời tiết không thuận lợi, lại

thường xuyên bị máy bay địch đánh phá..., nên kết quả sản xuất của Nhân dân Thị xã đạt hiệu quả thấp. Do đó, phần đóng góp lương thực, thực phẩm của Nhân dân thị xã Thái Nguyên cho kháng chiến cũng rất hạn chế. Các ngành sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, giao lưu buôn bán của các hộ tiểu thương từ sau năm 1950 được dần dần phục hồi. Các cơ sở sản xuất nông cụ thô sơ, xe kéo, đồ dùng gia đình..., bắt đầu hoạt động trở lại, đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào phá thế bao vây kinh tế của địch.

Để bảo đảm công tác lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất đối với sự phát triển nhiều mặt của Thị xã trong những năm cuối của cuộc kháng chiến, năm 1953, thị xã Thái Nguyên được tái lập. Ban Cán sự Đảng Thị xã được Tỉnh uỷ chỉ định gồm 3 đồng chí. Từ đây, mọi mặt hoạt động của Thị xã được tiến hành thuận lợi hơn trước. Bộ máy lãnh đạo của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở Thị xã được xây dựng, củng cố kiện toàn. Ban chỉ huy Thị đội được thành lập do đồng chí Vũ Đình Khuy làm Thị đội trưởng. Số lượng đảng viên không ngừng tăng lên. Đến đầu năm 1954, Chi bộ Đảng của Thị xã đã lên tới 60 đảng viên. Tác phong, lề lối làm việc của cán bộ các cấp ngày càng được đổi mới, phù hợp với yêu cầu và điều kiện kháng chiến.

Mặc dù đời sống khó khăn, giá cả sinh hoạt ngày một cao, các cơ sở Đảng và chính quyền các cấp vẫn quan tâm chăm lo đời sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân.

Do máy bay địch thường xuyên bắn phá vào ban ngày, ngành Giáo dục chuyển sang dạy và học vào buổi tối. Mặc dù hết sức khó khăn về trường, lớp, dầu, đèn phục vụ học tập, nhưng chương trình giảng dạy của các nhà trường vẫn được bảo đảm. Nhờ đó, trình độ văn hoá của học sinh thị xã nói riêng, nhân dân thị xã nói chung được nâng cao. Đội thông tin lưu động của Thị xã thường xuyên tổ chức phát thanh tin chiến thắng trên các mặt trận, kết quả sản xuất và tham gia kháng chiến của các tầng lớp nhân dân, tuyên truyền xây dựng nếp sống mới. Từ năm 1951 đến năm 1954, trên địa bàn Thị xã, các hủ tục ma to, cưới lớn đã giảm hẳn, tệ nạn mại dâm đã được xoá bỏ. Tuy nhiên, những kết quả này mới chỉ là bước đầu và chưa vững chắc. Phong trào bình dân học vụ của Thị xã có chiều hướng giảm sút, do cán bộ phụ trách phong trào chỉ chú trọng công tác thanh toán nạn mù chữ mà coi nhẹ việc củng cố, nâng cao trình độ cho những người đã học qua bậc sơ cấp. Công tác vệ sinh, phòng bệnh tuy có được tuyên truyền vận động, nhưng chưa mang lại hiệu quả cao.

Từ sau Chiến thắng Biên giới 1950, do giành được thế chủ động chiến lược, bộ đội ta liên tiếp mở một loạt chiến dịch trên các chiến trường, nên nhu cầu cung cấp nhân, tài, vật lực cho mặt trận ngày càng lớn. Năm trong tỉnh hậu phương căn cứ địa, Cấp uỷ, chính quyền thị xã Thái Nguyên hướng mọi hoạt động vào việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác huy động nhân dân sửa chữa cầu đường, vận

chuyển lương thực, thực phẩm cho các chiến dịch. Từ năm 1951 đến năm 1953, Thị xã đã huy động liên tiếp nhiều đợt dân công sửa đường, tiếp tế, vận tải, xây dựng lán trại trên các trục Quốc lộ 1B, Quốc lộ số 3, Đường 13A phục vụ các chiến dịch Trung du, Đường 18, Tây Bắc. Có những đợt thị xã huy động toàn bộ đảng viên, cán bộ, công nhân, viên chức đi dân công. Nhiều đảng viên nêu cao tinh thần gương mẫu, xung phong đi dân công liên tục 3,4 đợt trong một năm. Tiêu biểu nhất là xã Hiệp Hoà có người đi nhiều nhất 160 ngày, ít nhất 15 ngày trong một năm, xã Túc Duyên có người đi dân công nhiều nhất tới 135 ngày trong một năm⁽¹⁾. Trong hai đợt huy động dân công phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, thị xã Thái Nguyên đã huy động 168 dân công xe đạp thồ, 197 thợ mộc, cùng 407 người tham gia sửa chữa cầu đường trên các tuyến giao thông hướng ra Mặt trận. Đầu năm 1954, trong khu vực nội thị, các tổ bảo vệ cầu, đường được thành lập làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, phối hợp với nhân dân ứng cứu, sửa chữa giao thông kịp thời khi xảy ra các sự cố do mưa lũ hay máy bay địch đánh phá ở các trọng điểm giao thông Cầu số 5, ngầm Bến Tượng, phà bến Oánh...

Trong những năm 1951, 1952, việc thu thuế công thương gặp nhiều khó khăn do sản xuất, buôn bán chưa phát triển và cũng do bà con tiểu thương chưa nhận thức

⁽¹⁾ Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên ngày 31/3/1953 – Tài liệu lưu tại phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

rõ trách nhiệm đóng góp của mình. Một số gia đình tiểu thương kê khai doanh thu thấp hơn thực tế để trốn thuế. Từ năm 1953, kết hợp với cuộc vận động giảm tô được phát động sâu rộng ở nông thôn, các hộ buôn bán trong Thị xã được tổ chức học tập chính sách Thuế công thương nghiệp, được giải thích, giải quyết những băn khoăn, thắc mắc về đường lối, chính sách. Ý thức sâu sắc hơn nghĩa vụ của mình đối với kháng chiến, những người buôn bán trong Thị xã đã tự giác đóng thuế đầy đủ; nhiều gia đình tự nguyện đóng thuế cao hơn mức quy định hoặc đóng thuế trước thời gian quy định.

Đến đầu năm 1954, với khoảng 100 gia đình công thương, thị xã Thái Nguyên trở thành một trong hai trung tâm buôn bán quan trọng nhất của tỉnh Thái Nguyên⁽¹⁾. Thị xã Thái Nguyên không chỉ là nơi trao đổi hàng hoá của nhân dân trong tỉnh mà còn là nơi cung cấp nhiều nguồn hàng cho các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn; đồng thời cũng là nơi trung chuyển hàng hoá giữa vùng tự do và vùng địch tạm chiếm... Do đó, sản xuất công, thương nghiệp của thị xã Thái Nguyên đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế - tài chính kháng chiến của Việt Bắc.

Ngoài việc đóng góp tiền, của cho kháng chiến, nhân dân Thị xã còn tổ chức nhiều hoạt động thiết thực tại địa

⁽¹⁾ – Hai trung tâm buôn bán của tỉnh Thái Nguyên lúc này là Thị xã Thái Nguyên và Phố Giá (Phổ Yên).

phương. Hội Mẹ chiến sĩ Thị xã tổ chức quyên góp gạo, làm quà bánh ủng hộ bộ đội. Phong trào chăm sóc, đón thương binh về làng, đón bộ đội về nhà ăn tết, đỡ đầu các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn được đông đảo nhân dân thị xã hưởng ứng, tạo nên không khí kháng chiến vừa sôi nổi, vừa gần gũi tình nghĩa quân, dân.

Mặc dù nằm trong vùng tự do, hậu phương của cuộc kháng chiến, cửa ngõ phía nam của An toàn khu Việt Bắc, nhưng thị xã Thái Nguyên cũng chỉ cách vùng địch tạm chiếm hơn 20 km. Trong khi đó, quân Pháp vẫn thường xuyên tung gián điệp, biệt kích lên thu thập thông tin, chỉ điểm cho máy bay bắn phá; đồng thời cho quân càn quét vùng giáp ranh thuộc các huyện Phú Bình, Phổ Yên, nhằm phá hoại kinh tế và thăm dò lực lượng của ta. Vì vậy, việc xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu vẫn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quân và dân Thị xã. Từ thực tế đó, đầu năm 1951, cùng với lực lượng vũ trang toàn tỉnh, cán bộ, chiến sĩ du kích và tự vệ Thị xã tham gia đợt luyện quân “Mùa Xuân Quang Trung”, thời gian hơn hai tháng. Qua đợt huấn luyện này, trình độ chính trị, kỹ thuật chiến đấu và hợp đồng tác chiến của cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Thị xã được nâng cao thêm. Trách nhiệm tham gia xây dựng lực lượng vũ trang của nhân dân Thị xã được đề cao. Nhờ đó, các đợt động viên tuyển quân, bổ sung lực lượng cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương của quân và dân thị xã Thái Nguyên đều thu được kết quả tốt.

Từ năm 1952 đến năm 1954, các lực lượng dân quân, du kích, tự vệ và công an Thị xã được chấn chỉnh, củng cố, kiện toàn về mọi mặt. Công tác phòng gian, bảo mật, bảo đảm an ninh, trật tự được lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ; kịp thời khám phá, ngăn chặn các hoạt động phá hoại của bọn gián điệp, biệt kích địch tung vào Thị xã; hạn chế thiệt hại do máy bay địch đánh phá, tạo điều kiện cho sản xuất, nhất là sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, thương nghiệp phát triển, đóng góp ngày càng nhiều nhân, tài, vật lực cho kháng chiến, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

CHƯƠNG III

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – VĂN HOÁ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG VỮNG MẠNH, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1965)

I – Khôi phục, cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội.

Sau chín năm kháng chiến trường kỳ và gian khổ, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân ta đã kết thúc thắng lợi bằng chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được ký kết. Các nước tham gia Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước Việt Nam, Lào và Căm pu chia; quân đội Pháp phải rút khỏi Đông Dương. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, từng bước đi lên Chủ nghĩa Xã hội; miền Nam tạm thời dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai

Ngô Đình Diệm, nhiệm vụ của quân và dân ta còn phải tiếp tục chiến đấu, đánh đuổi đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cùng với quân và dân các huyện, Thị xã trong tỉnh và các địa phương khác trên miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra, quân và dân thị xã Thái Nguyên bước vào thời kỳ khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn ngày càng vững mạnh.

Hoà bình được lập lại, bên cạnh đại bộ phận cán bộ, nhân dân thị xã Thái Nguyên phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ra sức lao động sản xuất để khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, thì trong một số ít cán bộ, đảng viên và nhân dân đã bắt đầu nảy sinh tư tưởng hoà bình chủ nghĩa, muốn xả hơi hưởng thụ. Trong khi đó một số cấp uỷ Đảng, Chính quyền ở cơ sở lại coi nhẹ lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, thiếu tinh thần cảnh giác cách mạng. Đội ngũ cán bộ ở cơ sở vừa thiếu về số lượng, lại vừa yếu về trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo. Tình hình đó đòi hỏi việc củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở các cơ sở trên địa bàn thị xã Thái Nguyên trở nên hết sức cấp bách.

Tuy thị xã Thái Nguyên đã được tái lập từ năm 1953, nhưng sau ngày Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hoà bình lập lại, bộ máy chính quyền vẫn chưa được kiện toàn. Uỷ ban hành chính Thị xã có 4 người (1 Phó Chủ tịch và 3 Uỷ viên), đồng chí Hoàng Thế Minh, Phó Chủ tịch được Tỉnh điều đi làm công tác cải cách ruộng đất,

chỉ còn lại 3 Ủy viên đảm nhiệm toàn bộ công việc của Ủy ban. Do năng lực làm việc của các Ủy viên Ủy ban hành chính Thị xã còn nhiều hạn chế, nhiệm vụ lại nhiều, nên việc giải quyết, điều hành công tác hàng ngày có nhiều lúng túng, chất lượng không cao. Sau ngày hoà bình lập lại, Thị xã được chia thành 10 phố (gồm: Bến Tượng, Hùng Vương, Phủ Liễn, Tân Long, Tân Thành, Chiến Thắng, Gia Bẩy, Quán Triều, Đội Cấn, Quang Trung). Do các phố chưa phải là một đơn vị hành chính tương đương cấp xã và thị trấn, nên không có Ủy ban hành chính phố và chỉ có Ban Ủy nhiệm phố. Ban Ủy nhiệm các phố Hùng Vương, Đội Cấn, Phủ Liễn, Quán Triều hoạt động có nền nếp, chất lượng khá. Ban Ủy nhiệm phố các phố Gia Bẩy, Quang Trung, Chiến Thắng hoạt động còn nhiều hạn chế, chất lượng không cao.

Dân số Thị xã thời kỳ này có 13.539 người, gồm 10.179 người là nhân dân Thị xã và 3.180 người là cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan Tỉnh Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ. Toàn Thị xã có 2.255 hộ gia đình; trong đó, phố Hùng Vương 431 hộ, Tân Long 354 hộ, Bến Tượng 286 hộ, Phủ Liễn 282 hộ, Gia Bẩy 280 hộ, Chiến Thắng 205 hộ, Quán Triều 138 hộ, Quang Trung 121 hộ, Tân Thành 96 hộ, Đội Cấn 62 hộ. Trong số 2.255 hộ gia đình nằm trên địa bàn Thị xã, có 973 hộ làm nghề buôn, bán; 576 hộ làm nghề tiểu, thủ công nghiệp; 315 hộ làm nghề phục vụ, 300 hộ làm nghề kinh doanh ăn uống, 130 hộ làm nghề vận tải. Trong tổng số 13.539 người sống trên địa bàn Thị xã, có 19 người là thương binh, 46 người là bộ đội phục viên. Toàn Thị xã có 35 hộ là gia đình liệt

sĩ, 552 hộ là gia đình quân nhân (25 hộ được cấp Bảng vàng danh dự, 527 hộ được cấp Bảng Gia đình vẻ vang).

Do hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh chống Pháp để lại, cộng với thiên tai lụt lội, hạn hán kéo dài đã dẫn đến mùa màng bị “thất bát”. Trong khi đó một số tư thương ở Thị xã lợi dụng sự khan hiếm lương thực, bỏ vốn đầu cơ tích trữ thóc, gạo làm cho giá thóc, gạo tăng vọt từ 1,5 lần đến 2 lần; sức mua thóc, gạo và nhiều mặt hàng thiết yếu của nhân dân ở trung tâm Thị xã giảm hẳn. Đời sống của nhân dân thị xã Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn.

Tình hình trật tự, trị an xã hội ở Thị xã có nhiều diễn biến phức tạp. Lợi dụng kinh tế khó khăn, bọn phản động đội lốt tôn giáo ra sức chống, phá đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Chúng tuyên truyền, phao tin: “Chúa đã vào Nam, con chiên phải theo Chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu rỗi linh hồn”; chúng còn hù dọa “sau khi hết thời hạn di cư, Mỹ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc” hòng làm cho giáo dân hoang mang, lo sợ. Một số giáo dân nhẹ dạ, cả tin, đã nghe theo sự dụ dỗ, tuyên truyền của chúng, bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn, họ hàng để di cư vào Nam. Ngoài ra, bọn phản động và những tên đã từng tham gia ngụy quân, ngụy quyền cho Pháp trước đây đã lén lút hoạt động phá hoại kinh tế, máy móc ở các nhà máy, xí nghiệp. Cuối năm 1954, đầu năm 1955, địch tung nhiều tay chân vào các nhà máy, công xưởng ở Thị xã để phá hoại. Năm 1955, địch đã thực hiện 4 vụ phá hoại máy móc ở Nhà máy giấy Hoàng Văn

Thụ. Một số tên phản động người Hoa đã kích động người Hoa chống lại các chính sách của Đảng và Chính phủ ta.

Tình hình trên ở thị xã Thái Nguyên đã phản ánh một phần bối cảnh chung của miền Bắc sau ngày hoà bình mới được lập lại.

Xuất phát từ tình hình trên, ngày 5-9-1954, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp, ra nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc là: Đoàn kết lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến để củng cố hoà bình; ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, coi vấn đề khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Ban Cán sự Đảng Thị xã tập trung lãnh đạo nhân dân khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá – xã hội.

Đầu năm 1955, Ban Cán sự Đảng và Chính quyền Thị xã phát động nhân dân thực hiện phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm. Nhằm đẩy lùi nạn đói, Ban Cán sự Đảng và Chính quyền Thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh trồng các loại cây hoa màu ngắn ngày (ngô, khoai, đỗ), cấy thêm các giống lúa ngắn ngày để chống thu hoạch, kịp thời giải quyết tình trạng thiếu lương thực đang diễn ra trên diện rộng. Hưởng ứng phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm do Ban Cán sự Đảng và Chính quyền Thị xã phát động, các tổ chức quần chúng (Nông

hội, Thanh niên, Phụ nữ) đã tích cực tham gia, đẩy lên một không khí thi đua sản xuất sôi nổi trong cán bộ và nhân dân toàn Thị xã. Kết thúc phong trào thi đua này, nhân dân Thị xã đã trồng và thu hoạch được trên 20 tấn rau, màu các loại, góp phần từng bước đẩy lùi nạn đói. Hai năm 1956, 1957, nhân dân Thị xã đẩy mạnh trồng các loại cây rau, màu, coi đó là một hướng đi quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Nhờ đó, diện tích trồng rau, màu (chủ yếu là trồng cây khoai lang) năm 1957, so với năm 1955 đã tăng từ 20% đến 30%; trong đó, năng suất cây khoai lang năm 1957 tăng 18% so với năm 1955.

Để đáp ứng nhu cầu về thực phẩm Ban Cán sự Đảng và Ủy ban hành chính Thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất rau xanh. Năm 1956, Thị xã đã trồng được gần 9 ha rau xanh (năng suất mỗi ha đạt 6.750 kg, vượt 1.890 kg/ha so với chỉ tiêu Tỉnh giao). Năm 1957, Thị xã đã có diện tích trồng rau xanh tăng gấp đôi so với năm 1955.

Trong sản xuất cây lương thực, lãnh đạo Thị xã quan tâm chỉ đạo các khâu kỹ thuật xử lý giống, làm cỏ cải tiến, làm phân xanh, bón thêm phân vô cơ, góp phần tăng nhanh năng suất và sản lượng.

Năm 1956, sản xuất lương thực của Thị xã giành được nhiều kết quả hơn so với những năm trước, mức sống của nhân dân trên địa bàn dần dần được ổn định và từng bước nâng cao hơn.

Về chăn nuôi, đàn lợn tăng từ 400 con (năm 1955) lên 1.974 con (năm 1956), 2.640 con (năm 1957). Năm

1957, đàn trâu, bò của Thị xã có 152 con (có 52 con bò), đàn gà có 12.669 con. Chăn nuôi phát triển, Thị xã đã dần dần tạo được sự cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt, từng bước đáp ứng được nhu cầu về thực phẩm cho cán bộ, nhân dân và thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước.

Về sản xuất thủ công nghiệp, trên địa bàn Thị xã xuất hiện nhiều ngành, nghề mới (làm gạch, nung vôi, dệt vải). Trong 3 năm, từ 1955 đến 1957, nhân dân Thị xã đã xây dựng được 7 lò gạch. Năm 1957, Thị xã sản xuất được 1.034.284 viên gạch nung, (tăng 34.284 viên so với năm 1956), đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ cho ngành xây dựng; so với năm 1954, nghề mộc tăng gấp đôi về sản phẩm. Sản xuất vôi được phát triển mạnh mẽ nhất. Trong 3 năm, từ 1956 đến 1958, Thị xã đã xây dựng được 13 cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, với 16 lò vôi (cả thủ công và lò liên hoàn). Sản lượng vôi năm 1958 tăng 2,5 lần so với năm 1955. Tuy vậy, sản lượng vôi cũng mới chỉ đáp ứng được một phần sáu nhu cầu phục vụ nông nghiệp và xây dựng. Các ngành cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp (cuốc, xẻng, cày, bừa, diệp cày...), phục vụ vận tải (đóng xe trâu kéo, bò kéo, thuyền buồm...), đã bước đầu đáp ứng được yêu cầu sản xuất, khôi phục kinh tế trong thời kỳ này. Đặc biệt, đầu năm 1957, Thị xã đã thành lập được một xưởng dệt vải gồm 1 tổ sản xuất và 5 cơ sở tư nhân, với tổng số 28 khung dệt vải khổ rộng. Năm 1957, xưởng đã sản xuất được 52.598 mét vải (tăng 6.151 mét so với năm 1956), đáp ứng được một phần về nhu cầu may mặc cho nhân dân Thị xã và các huyện lân cận. Ngoài ra, Thị

xã còn 140 hộ gia đình làm nghề may mặc và nhiều hộ gia đình làm nghề sản xuất bột sắn. Chất lượng bột sắn của Thị xã so với các huyện trong khu vực được xếp hàng đầu. Ngành Trung cất dầu thảo mộc cũng khá phát triển. Ngoài ra, mỗi năm Thị xã còn sản xuất được từ 40.000 đến 50.000 tấm da thành phẩm.

Ngành thủ công nghiệp của Thị xã được khôi phục và phát triển đã giải quyết việc làm cho phần lớn lao động trên địa bàn, tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hoá mới cung cấp cho thị trường. Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp phát triển nhanh, tình trạng khan hiếm hàng hoá, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đời sống sinh hoạt của nhân dân thị xã từng bước được giải quyết.

Tuy nhiên, sản xuất tiểu, thủ công nghiệp của Thị xã trong thời kỳ này cũng còn bộc lộ nhiều nhược điểm, thiếu sót: Một số mặt hàng (đồ gỗ, thuỷ tinh, gạch, ngói, đồ song mây, rổ rá...) chất lượng kém, mẫu mã ít, loại hình chưa phù hợp với thị hiếu của nhân dân. Cá biệt, có một số ngành còn phát triển tự do không theo định hướng của cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp trong Thị xã. Một số cơ sở nhận gia công, sản phẩm không đạt yêu cầu các chỉ tiêu về kỹ thuật theo hợp đồng (có cơ sở sản xuất đồ gỗ nhận hợp đồng đóng cho một số đơn vị bộ đội 1.000 chiếc giường, khi giao phải loại tới 60 chiếc)... Tình trạng ăn cắp nguyên, vật liệu được Nhà nước cung cấp để đưa ra ngoài bán kiếm lời vẫn thường diễn ra ở nhiều cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp.

Về thương nghiệp, nhu cầu giao lưu hàng hoá giữa Thị xã và các huyện trong tỉnh cũng như các tỉnh ngoài ngày càng tăng. Chợ Trung tâm Thị xã ở Bến Tượng và các chợ lân cận được phục hồi. Các mặt hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ... ở các huyện trong tỉnh và các tỉnh lân cận được lưu chuyển về các chợ ở Thị xã ngày càng nhiều; giá cả các mặt hàng giảm, chất lượng tăng, đáp ứng được sức mua và thị hiếu của người tiêu dùng.

Thị xã tổ chức cho các hộ tư thương học tập các chủ trương, đường lối, chính sách cải tạo công, thương nghiệp của Đảng; các ngành chức năng (Quản lý thị trường, Thuế vụ) trực tiếp quản lý, tổ chức đăng ký kinh doanh, hầu hết các hộ tư thương đã buôn bán ổn định, chấp hành đúng đường lối chính sách của Đảng.

Tuy nhiên, trong thời kỳ này do hạn hán, lũ lụt gây mất mùa, lợi dụng tình hình lương thực khan hiếm, một số tư thương đã đầu cơ tích trữ thóc, gạo để bán giá cao kiếm lời, gây cho nhân dân nhiều khó khăn trong đời sống. Trước tình hình trên, Ban Cán sự Đảng và Uỷ ban hành chính Thị xã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác quản lý, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý thu hồi được 14 tấn gạo để đem bán theo giá quy định của Nhà nước cho hơn 300 người thiếu lương thực. Việc chính quyền Thị xã xử lý nghiêm minh các hộ tư thương đầu cơ, tích trữ lương thực, vi phạm chính sách công thương của Đảng và Chính phủ đã có tác dụng giáo dục, răn đe, nên tình hình đầu cơ tích trữ trên địa bàn Thị xã giảm dần; các hoạt động buôn bán của tư thương đã đi

đúng hướng, giá cả thị trường được ổn định, sức mua của nhân dân ngày một tăng lên. Việc thu thuế có nhiều tiến bộ, đến ngày 30-11-1955, Thị xã đã thu được 968 triệu đồng tiền thuế công thương, đạt 75% kế hoạch cả năm.

Về Giao thông Vận tải, trong 3 năm, từ 1955 đến 1957, cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp từ Thị xã xuống cơ sở đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc quản lý các bến, bãi xe ô tô và xe ô tô của tư nhân hoạt động trên địa bàn; tận dụng, khuyến khích khả năng vận tải của các loại xe ô tô chở hàng, chở khách ra, vào Thị xã hàng ngày. Nhờ đó, hàng hoá được lưu thông, hành khách đi lại được thuận tiện. Các hành vi tự ý nâng giá cước hàng hoá, tranh giành hành khách; chở hàng và người sai qui định..., đều bị các ngành chức năng của Thị xã phát hiện, xử lý nghiêm minh, đảm bảo được trật tự các bến, bãi và chuyên chở hành khách đúng với qui định.

Các phương tiện vận tải bằng xe thô sơ (chủ yếu là xe trâu kéo tập trung ở các khu vực trung tâm Thị xã và Đồng Bẩm) cũng được Thị xã khuyến khích sử dụng. Từ năm 1956 đến 1958, khối lượng hàng hoá được vận chuyển bằng xe trâu kéo đạt 78.369 tấn, chiếm tỷ lệ 59,4% so với khối lượng vận tải.

Sự nghiệp Văn hoá - Giáo dục được Ban Cán sự Đảng và Uỷ ban hành chính Thị xã lãnh đạo, chỉ đạo củng cố và phát triển tốt. Ngay từ đầu năm 1955, Ban Cán sự Đảng và Uỷ ban hành chính Thị xã đã chủ trương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, động viên nhân dân đóng góp sức người, sức của xây dựng thêm các trường quốc lập và dân

lập. Thực hiện chủ trương của Ban Cán sự Đảng và Chính quyền Thị xã, trong 3 năm (1955–1957), nhân dân Thị xã đã đóng góp, xây dựng thêm được 3 trường công lập ở các phố Tân Long, Phủ Liễn, Chiến Thắng và mở được 10 trường dân lập ở 10/10 phố. Do có nhiều trường mới được xây dựng, nên số thanh, thiếu niên được đến trường học ngày càng tăng. Năm 1957, các trường học ở Thị xã đã thu hút 925 thanh, thiếu niên, nhi đồng đến trường học. Tuy nhiên, cũng còn nhiều trường, cơ sở vật chất, đồ dùng dạy và học còn thiếu, các lớp học còn xây dựng thiếu tập trung, nên công tác theo dõi, quản lý chương trình, kế hoạch giảng dạy của đội ngũ giáo viên còn gặp nhiều khó khăn.

Nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, Thị xã thành lập Ban Bảo trợ học đường, làm nhiệm vụ phối, kết hợp giữa nhà trường, gia đình và đoàn thể trong việc quản lý, giáo dục thế hệ trẻ.

Công tác Bình dân học vụ được nhân dân Thị xã tích cực tham gia. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1956, Thị xã đã có 798 người được thanh toán nạn mù chữ, đạt 47% chỉ tiêu cả năm. Năm 1957, Thị xã có thêm 350 người theo học các lớp bình dân học vụ, đạt 68% số người trong diện thanh toán nạn mù chữ và 700 người theo học các lớp bổ túc văn hoá, đạt 40% kế hoạch.

Ngành Y tế Thị xã có nhiều cố gắng trong việc củng cố và xây dựng thêm các Trạm y tế, công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân ngày càng được tốt hơn, công tác vệ sinh phòng bệnh được chú trọng, nên hạn chế được

nhiều bệnh dịch. Năm 1957, dịch cúm lan tràn khắp các phố trên địa bàn, làm cho 2.720 người bị mắc bệnh. Được ngành Y tế Khu và Tỉnh cử cán bộ chuyên môn về giúp đỡ, ngành Y tế Thị xã đã tập trung 50 cán bộ, nhân viên tổ chức bao vây dập tắt ổ dịch. Chỉ trong một thời gian ngắn, cán bộ, nhân viên ngành Y tế Thị xã đã chữa khỏi cho 2.716 người trên tổng số 2.720 người bị mắc bệnh.

Nhằm tăng cường công tác giữ gìn, bảo vệ trật tự, trị an, lực lượng Công an Thị xã được củng cố, sắp xếp lại tổ chức và bổ sung thêm cán bộ, chiến sĩ. Tuy lực lượng Công an ở Thị xã còn ít, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn nhiều hạn chế, nhưng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Công an Thị xã đã hoạt động có hiệu quả cao, hoàn thành được các nhiệm vụ đăng ký và quản lý hộ tịch, hộ khẩu; ngăn chặn được các âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các phần tử phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

Lực lượng vũ trang địa phương của Thị xã (bao gồm cơ quan Thị đội và lực lượng dân quân, tự vệ) trong thời kỳ này được củng cố và phát triển mạnh; số lượng và chất lượng của lực lượng dân quân, du kích, tự vệ được nâng lên, hoạt động của các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ đi vào nền nếp. Năm 1957, Ban chỉ huy Thị đội đã mở được 3 lớp bồi dưỡng về chính trị và quân sự cho đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ. Lực lượng dân quân, tự vệ Thị xã nhận thức rõ nhiệm vụ của mình là bảo vệ Đảng, bảo vệ Chính quyền, bảo vệ Nhân dân và tích cực làm công tác tuần tra canh gác, bảo vệ các cơ quan, cầu, đường; kết hợp

với các ngành chức năng đấu tranh chống đầu cơ, tích trữ của tư thương. Lực lượng dân quân phố Tân Thành đã làm tốt công tác bảo vệ kho tàng, được Ủy ban hành chính Thị xã khen ngợi. Ngoài ra, một số cán bộ, chiến sĩ dân quân ở các phố Gia Bẩy, Quán Triều đã tuần tra, bắt được bọn lầy trộm thóc của Nhà nước. Tuy nhiên, kết quả công tác xây dựng, phát triển lực lượng dân quân, tự vệ của Thị xã còn hạn chế, biên chế tổ chức của dân quân các phố còn chưa hợp lý; một số cán bộ kiêm nhiệm quá nhiều việc, (có phố, có cán bộ phụ trách dân quân, được sắp xếp làm các việc Tổ trưởng sản xuất, Trưởng ban bảo vệ, Tổ trưởng nhân dân, giáo viên bình dân học vụ), nên chất lượng công tác dân quân đạt thấp. Trước tình hình trên, tháng 3-1957, Ban chỉ huy Thị đội tham mưu với Ban Cán sự Đảng và Ủy ban hành chính Thị xã lãnh đạo, chỉ đạo; tổ chức lại bộ máy chỉ huy dân quân ở các phố đảm bảo gọn, nhẹ; từ đó đã thúc đẩy được phong trào, hoạt động của lực lượng dân quân phát triển ngày càng đông về số lượng và chất lượng cũng được nâng lên.

Bước sang thời kỳ cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội (1958–1960), Thị xã có những thuận lợi mới. Đầu năm 1958, theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Ban Cán sự Đảng Thị xã giải thể, Thị uỷ Thái Nguyên được thành lập. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thị uỷ, cán bộ, đảng viên và nhân dân Thị xã đã học tập, quán triệt tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (tháng 11-1958) về “Đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với

thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh”⁽¹⁾. Đồng thời, Thị uỷ cũng quan tâm lãnh đạo phát triển các ngành công nghiệp và thủ công nghiệp để giải quyết các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân; tích cực củng cố và phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; trên cơ sở đó nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần cho nhân dân và củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng của địa phương.

Thực hiện Nghị quyết 14 của Trung ương và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, từ năm 1958 đến năm 1960, Thị uỷ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hoá.

Đầu năm 1959, Thị uỷ họp ra nghị quyết chỉ rõ: “Tích cực cải tạo thành phần kinh tế tiểu, thủ công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp cá thể thành kinh tế hợp tác xã, cải tạo kinh tế công thương nghiệp tư bản tư doanh... đồng thời phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và vật liệu phục vụ cho xây dựng ở địa phương, thực hiện phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, xoá nạn mù chữ, bổ túc văn hoá cho cán bộ và nhân dân lao động; trên cơ sở đó mà củng cố Đảng, Chính quyền, Lực lượng vũ trang và các Đoàn thể quần chúng”⁽²⁾.

⁽¹⁾ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ XIV, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Nxb sự thật, Hà Nội, 1959, trang 12.

⁽²⁾ Báo cáo Tổng kết công tác năm 1959 của Thị uỷ Thái Nguyên – lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị quyết của Thị uỷ, cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp từ Thị xã xuống các phố đã coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, làm cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của miền Bắc là bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Trong cải tạo kinh tế nông nghiệp, năm 1960, Thị xã xây dựng được 4 hợp tác xã trồng rau, với 159 hộ xã viên, thu hút 85% số hộ nông dân vào các hợp tác xã. Nhiều gia đình quân nhân, bộ đội phục viên, dân quân tự nguyện gia nhập hợp tác xã, nêu gương tốt cho bà con nông dân ở địa phương. Một số quân nhân phục viên được bà con tín nhiệm bầu vào Ban quản trị hợp tác xã hoặc đội trưởng các đội sản xuất.

Phát huy bản chất tốt đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”, các xã viên là bộ đội phục viên, dân quân, du kích trong các hợp tác xã nông nghiệp tích cực áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, góp phần tăng năng suất cây trồng. Năm 1960, sản lượng rau của Thị xã tăng 3,6% so với năm 1958. Chăn nuôi phát triển, năm 1960 so với năm 1957, số đầu lợn tăng gấp đôi, căn bản đảm bảo được nguồn thực phẩm cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng của cán bộ và nhân dân trên địa bàn. Trong thời kỳ thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961–1965), các ngành Kinh tế, Văn hoá, Giáo dục, Y tế của thị xã tiếp tục phát triển; đời sống nhân dân trên địa bàn được nâng lên rõ rệt.

II – Xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân Thị xã vững mạnh, chuẩn bị chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được về các mặt khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, Thị xã đẩy mạnh công tác xây dựng phát triển huấn luyện lực lượng vũ trang địa phương. Ban chỉ huy Thị đội từng bước được củng cố, kiện toàn do các đồng chí Nguyễn Tất Hạch làm Thị đội trưởng và Đặng Đức Thuyết làm Chính trị viên. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố và huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ có nhiều chuyển biến tốt. Đặc biệt, từ khi Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên ra đời, Lực lượng vũ trang nhân dân Thị xã được bổ sung hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ tự vệ là cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước.

Đến những năm 1961, 1962, Thị xã đã xây dựng và củng cố được 4 Khu đội ở 4 khu phố: Trung Vương, Đội Cấn, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng và 4 đại đội, 2 trung đội dân quân, tự vệ.

Năm 1962, 100% các cơ sở dân quân, tự vệ của Thị xã đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự trước thời gian qui định 75 ngày. Nhằm đẩy mạnh công tác huấn luyện dân quân, tự vệ, từ ngày 14 đến ngày 25/2/1963, Ban chỉ huy Thị đội mở lớp tập huấn nâng cao nhận thức tư tưởng, năng lực lãnh đạo, chỉ huy công tác huấn luyện cho 75 cán bộ dân quân, tự vệ (gồm 4 cán bộ khu đội, 4 cán bộ đại đội, 28 cán bộ trung đội và 37 cán bộ tiểu đội). 100% các đơn vị cơ sở dân quân, tự vệ trực thuộc Thị đội

đã cử cán bộ về tập huấn. Tỷ lệ cán bộ về dự lớp tập huấn so với chỉ tiêu được giao khu vực đường phố vượt 91%, khu vực đơn vị vượt 38% (trong đó Khu đội Trung Vương vượt 150%, Đại đội Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam vượt 50%, Đại đội Công ty hợp doanh ô tô đạt 75%). Qua huấn luyện, đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ Thị xã đã thấy được mối quan hệ chặt chẽ giữa quốc phòng với kinh tế và vị trí quan trọng của lực lượng hậu bị trong trường hợp chiến tranh xảy ra; đã nắm được thứ tự, nội dung các bước huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật. Kết quả kiểm tra tập huấn kỹ thuật 97,05% đạt yêu cầu (có 62,1% khá, giỏi), tập huấn chiến thuật 82,74% đạt yêu cầu (có 44,83% khá, giỏi).

Sở dĩ lớp tập huấn cán bộ dân quân, tự vệ do Thị đội tổ chức từ ngày 14 đến ngày 25-2-1963 đạt kết quả tốt là do sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Thị uỷ, Uỷ ban hành chính Thị xã và Ban chỉ huy Thị đội. Ngay từ những tháng cuối năm 1962, thông qua các cuộc họp từ Thị xã xuống cơ sở, Thị uỷ đã chỉ thị cho các chi bộ cơ sở tập trung lãnh đạo, sắp xếp, bố trí cán bộ dân quân, tự vệ đi tập huấn quân sự đảm bảo tỷ lệ cao nhất. Ban chỉ huy Thị đội thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các cơ sở cử cán bộ đi tập huấn. Trong quá trình tập huấn, đồng chí Bí thư Thị uỷ thường xuyên có mặt theo dõi, chỉ đạo. Ngày khai giảng lớp tập huấn, đồng chí Hoàng Minh Trí (Bí thư Thị uỷ) đã trực tiếp khai mạc lớp học, chỉ thị cho Ban chỉ huy Thị đội và các cán bộ về dự lớp tập huấn phải huấn luyện và học tập thật tốt để về cơ sở huấn luyện cán bộ, chiến sĩ. Ban chỉ huy Thị đội xây dựng chương trình tập huấn đảm bảo được nguyên tắc “từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp,

từ thấp đến cao”; đội ngũ giáo viên chuẩn bị giáo án đầy đủ, thực hiện huấn luyện theo đúng yêu cầu “nói ít, làm nhiều, vừa nói vừa làm, từ phân đoạn đến tổng hợp, kết hợp lý thuyết với trình bày động tác mẫu”⁽¹⁾; đội ngũ học viên “nghiên cứu trước, luyện tập sau, luyện tập từ làm chậm đến nhanh, tự sửa, tự tập nhiều”⁽²⁾. Phát biểu tại buổi bế mạc lớp tập huấn, đồng chí Bí thư Thị uỷ khẳng định: “Lớp tập huấn đã đảm bảo vượt chỉ tiêu quân số Tỉnh giao; đạt được yêu cầu tổ chức lớp học không thoát ly địa phương (cán bộ dự lớp tập huấn ăn, nghỉ tại cơ quan, đơn vị, gia đình mình, đúng giờ có mặt huấn luyện); thực hiện được yêu cầu huấn luyện, bồi dưỡng cho từng đối tượng. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, học viên đã thấy được ý thức, trách nhiệm của mình, tự giác trong rèn luyện và học tập”⁽³⁾.

Để đáp ứng yêu cầu và điều kiện phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của thị xã Thái Nguyên, thực hiện Quyết định số 114/CP ngày 19-10-1962 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải thể Thị xã để thành lập Thành phố trực thuộc tỉnh⁽⁴⁾, theo chỉ thị của Ban chỉ huy Tỉnh đội, tháng

(1) (2) (3) Báo cáo Bồi dưỡng cán bộ quân sự năm 1963 của Thị đội Thái Nguyên.

(4) Theo Quyết định số 114/CP của Thủ tướng Chính phủ, địa bàn thành phố Thái Nguyên gồm: - Thị xã Thái Nguyên cũ và các xã Cam Giá, Gia Sàng, Túc Duyên, Quang Vinh, Đồng Bẩm; các xóm Chùa, Quán Triều của xã Lương Sơn, Hoà Bình, Minh Cầu, Thống Nhất, Cầu Tre, Tiến Thành, Cáp Tiến của xã Đồng Quang, Ôn Lương, xóm Thành, xóm Phố của xã Tích Lương (thuộc huyện Đồng Hỷ). Các xóm Nhân Minh, Ngọc Tâm của xã Thượng Đình; Ngân, Nà Hoàng, Tiến Bộ, Phú Thái, Lương Thịnh, Tân Trung của xã Lương Sơn, Hanh của xã Trần Phú (thuộc huyện Phú Bình) và xóm Tân Long của xã Sơn Cẩm (thuộc huyện Phú Lương); thành lập thị trấn Trại Cau trực thuộc thành phố Thái Nguyên, gồm 3 xóm: Thái Thông, Đoàn Kết, Thắc Lạc của xã Tân Lợi (thuộc huyện Đồng Hỷ).

2/1963, Ban chỉ huy Thị đội tổ chức tiếp nhận thêm 6 cơ sở dân quân của 6 xã Cam giá, Gia Sàng, Túc Duyên, Quang Vinh, Đồng Bẩm, Đồng Quang do Ban chỉ huy Huyện đội Đồng Hỷ bàn giao. Số đầu mỗi cơ sở dân quân, tự vệ trực thuộc Thị đội gồm 16 đơn vị (6 xã, 4 khu phố, 1 xí nghiệp, 2 hợp tác xã cao cấp, 1 cơ quan thị xã, 1 trại sản xuất và 1 hợp tác xã thủ công). Ngoài ra, Thị đội còn làm nhiệm vụ quản lý công tác đăng ký quân dự bị và động viên tuyển quân của 40 cơ quan, đơn vị hành chính, công nông, trường, xí nghiệp nằm trên địa bàn.

Ngay sau khi hoàn thành việc tiếp nhận các cơ sở dân quân do Huyện đội Đồng Hỷ bàn giao, Ban chỉ huy Thị đội tập trung chỉ đạo công tác xây dựng và củng cố tổ chức. Việc xây dựng, củng cố biên chế tổ chức các tiểu đội, trung đội dân quân dựa vào các tổ sản xuất và hợp tác xã. Trong các khu phố, lực lượng dân quân của các hợp tác xã thủ công nghiệp, dịch vụ được biên chế thành từng trung đội riêng hoặc từng tiểu đội ghép với trung đội của các tiểu khu. 100% các Ban chỉ huy Xã đội, Khu đội, Đại đội được biên chế, sắp xếp đủ mỗi Ban chỉ huy từ 4 đến 6 cán bộ, trừ Khu phố Hoàng Văn Thụ còn các Khu đội, Xã đội khác đều có cán bộ cấp uỷ phụ trách. Hầu hết các Xã đội, Khu đội đã bố trí sắp xếp đủ cán bộ trung đội, còn 2 xã Gia Sàng và Cam Giá, mỗi xã thiếu 4 cán bộ trung đội.

Để kiện toàn Cơ quan Quân sự, đáp ứng các yêu cầu của công tác quân sự địa phương ở một Thành phố mới

thành lập, ngày 20-2-1963, Bộ Tổng Tham mưu ra Quyết định số 30/TM thành lập Thành đội Thái Nguyên trực thuộc Tỉnh đội Thái Nguyên. Thực hiện Quyết định của Bộ Tổng Tham mưu, ngày 18-3-1963, thay mặt Thủ trưởng Tỉnh đội, đồng chí Đại úy Phùng Văn Thiệu, Chính trị viên phó Tỉnh đội Thái Nguyên ký Quyết định số 117 bổ nhiệm các đồng chí Đại úy Triệu Kỳ Phay (nguyên Trợ lý tác chiến Quân khu Tả Ngạn do Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc điều về Tỉnh đội nhận công tác) làm Thành đội trưởng; Thượng úy Nguyễn Tế Hồng (Phó Chủ nhiệm Chính trị Tỉnh đội) làm Chính trị viên; Trung úy Đỗ Thắng (Thị đội trưởng Thị đội Thái Nguyên) làm Thành đội phó và Trung úy Đặng Đức Thuyết (Chính trị viên Thị đội Thái Nguyên) làm Chính trị viên phó Thành đội.

Hơn một tháng sau ngày Thủ trưởng Tỉnh đội ra quyết định bổ nhiệm, kiện toàn cán bộ, Ban chỉ huy Thành đội Thái Nguyên đã chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt việc tiếp nhận các cơ sở dân quân, tự vệ của các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, trường học của Tỉnh, Khu và Trung ương nằm trên địa bàn Thành phố theo Quyết định số 224/QĐ của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ nhất (họp từ ngày 22 đến ngày 25-5-1963) “Phải củng cố lực lượng dân quân, tự vệ vững vàng, thuần khiết, trong sạch, không để lọt một phần tử nguy hiểm nào vào hàng ngũ. Luôn chủ động trong mọi tình huống bất trắc,

sẵn sàng chấp hành lệnh động viên của Chính phủ, làm tốt công tác trị an với yêu cầu cao nhất”⁽¹⁾, “Tổ chức lực lượng dân quân, tự vệ kết hợp chặt chẽ với tổ chức sản xuất ở địa phương, đảm bảo tính chất gọn nhẹ, cơ động”⁽²⁾, Ban chỉ huy Thành đội Thái Nguyên đã chỉ đạo mỗi xóm, mỗi tổ sản xuất tổ chức 1 tiểu đội, mỗi hợp tác xã, mỗi tiểu khu (đường phố) tổ chức 1 trung đội dân quân. Ở các cơ quan, xí nghiệp mỗi bộ phận công tác, tổ sản xuất tổ chức 1 tiểu đội; mỗi phòng, ban, ca, kíp tổ chức 1 trung đội tự vệ.

Sáu tháng đầu năm 1963, Ban chỉ huy Thành đội chỉ đạo củng cố được 84% số cơ sở dân quân, tự vệ (Trong đó, Công ty gang thép Thái Nguyên củng cố được 18 trên 20 cơ sở tự vệ, khối cơ quan Khu Tự trị Việt Bắc củng cố được 27 trên 30 cơ sở tự vệ, khối Tỉnh củng cố được 17 trên 26 cơ sở tự vệ; khối khu phố và các xã củng cố được 96% cơ sở dân quân).

Qua củng cố, hơn 80% số cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ của Thành phố thuộc thành phần cơ bản. Lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố được sắp xếp, tổ chức phù hợp địa bàn và tính chất công tác, sản xuất. Các cấp Xã đội, Khu đội dân quân, Đại đội, Tiểu đoàn tự vệ đều có cấp Ủy viên trực tiếp phụ trách lãnh đạo, chỉ huy; 29% cấp Tiểu đội, Trung đội tự vệ có cấp Ủy viên phụ trách. Lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố không ngừng phát triển về số lượng và nâng cao về chất lượng. Lực lượng tự vệ Ty

(1), (2) – Báo cáo của Thành đội Thái Nguyên về Công tác xây dựng Lực lượng vũ trang địa phương năm 1963.

Nông nghiệp từ 1 trung đội, 31 cán bộ, chiến sĩ (năm 1960), phát triển thành 1 đại đội, gồm 3 trung đội, với 105 cán bộ, chiến sĩ (6 tháng đầu năm 1963).

Trong lực lượng dân quân, tự vệ của Thành phố, tỷ lệ đảng viên đạt 20%, đoàn viên đạt 45%, quân nhân phục viên, xuất ngũ đạt 23%.

Cùng với việc củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ “Vững vàng, thuần khiết, trong sạch” theo nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ nhất, cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Cơ quan Quân sự các cấp từ Thành phố xuống cơ sở đã đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác huấn luyện quân sự. Trước tình hình khó khăn về lương thực, để đảm bảo cho công tác huấn luyện, đồng chí Phó Bí thư Chi bộ Khu phố Hoàng Văn Thụ đã đi liên hệ với Cửa hàng lương thực Thành phố, vay 200kg gạo cho số cán bộ, chiến sĩ tự vệ gia đình hết gạo để có gạo ăn trong thời gian huấn luyện quân sự. Đồng chí Bí thư Chi bộ Khu phố Đội Cấn trực tiếp vay gạo dự trữ của các ngành để giải quyết khó khăn về lương thực cho số cán bộ, chiến sĩ tự vệ chưa có gạo ăn khi đi huấn luyện quân sự. Hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp đều bán gạo cho số dân quân gia đình gặp khó khăn khi đi huấn luyện quân sự; Hợp tác xã Cờ Hồng trích cho mỗi cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ đi huấn luyện quân sự mỗi ngày 1 đồng v.v. Lãnh đạo các ty Thương nghiệp, Giao thông, Kiến trúc, Bưu điện; các mỏ đá Núi Voi, sắt Trại Cau, các trường Luyện kim, Y sĩ... đã tập trung chỉ đạo các ngành trong cơ quan phục vụ công tác huấn luyện quân sự cho tự

vệ trong một thời gian ngắn, coi đó là một chỉ tiêu, một nhiệm vụ phải hoàn thành của cơ quan, đơn vị mình. Các đồng chí Bí thư Đảng uỷ, Chi uỷ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị (Mỏ đá Núi Voi, Mỏ sắt Trại Cau, Xưởng gỗ Thảng Tám, Xí nghiệp Ô tô Việt Bắc, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, các Tổng đội thuộc Khu Gang thép ...) đã trực tiếp ra thao trường theo dõi, chỉ đạo huấn luyện quân sự.

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp từ Thành phố xuống cơ sở, nên năm 1963, 100% các cơ sở dân quân, tự vệ của Thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự (trong đó, các xã, khu phố, các cơ quan Ty Thương nghiệp, Khu gang thép Thái Nguyên, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ hoàn thành sớm hơn). Ban chỉ huy Thành đội tổ chức kiểm tra ở một số đơn vị, kết quả 100% đạt yêu cầu, có trên 80% đạt khá, giỏi. Kết thúc huấn luyện năm 1963, Ban chỉ huy Thành đội đã tặng giấy khen cho 9 trung đội thuộc tự vệ Gang thép, 1 đại đội và 2 trung đội thuộc tự vệ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ và Trung đội 1 dân quân thuộc Xã đội Gia Sàng; Trung đội dân quân Hương Sen thuộc Xã đội Cam Giá, Trung đội 1 thuộc tự vệ Khu đội Đội Cấn.

Để thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, nhất là công tác động viên, tuyển quân xây dựng lực lượng vũ trang, ngày 23-9-1963, Uỷ ban hành chính thành phố Thái Nguyên ra quyết định thành lập Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố làm nhiệm vụ chỉ đạo công tác quân sự và

tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố do các đồng chí Hoàng Minh Trí (Chủ tịch Ủy ban hành chính Thành phố) làm Chủ tịch, Triệu Kỳ Phay (Thành đội trưởng) làm Phó Chủ tịch và các đồng chí Dương Quyền (Trưởng Công an), Trần Văn Cầu (Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc), Hoàng Huy Thoa (Bí thư Thành Đoàn), Phan Văn Thọ (Trưởng phòng Y tế), Lê Thị Gạo (Chủ tịch Hội Phụ nữ), làm Ủy viên. Ngay sau khi thành lập, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo tốt đợt tuyển quân đợt xuất cuối tháng 9, đầu tháng 10/1963, động viên được 81 người ở các ty Giao Thông, Kiến Trúc và Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ vào bộ đội⁽¹⁾, vượt 1% chỉ tiêu được giao.

Trong hai tháng 1 và 2-1964, Thành phố đã mở được 6 lớp tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho 425 cán bộ dân quân, tự vệ các cấp từ tiểu đội đến tiểu đoàn; trong đó, Ban chỉ huy Thành đội mở 3 lớp tập huấn bồi dưỡng cho 256 cán bộ dân quân, tự vệ (chủ yếu là cán bộ tiểu đội, trung đội, có một số ít đồng chí là cán bộ xã đội, đại đội, tiểu đoàn).

Ban chỉ huy tự vệ Khu gang thép Thái Nguyên mở một lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho 15 cán bộ chuyên trách tự vệ; Ban chỉ huy các khu đội mở hai lớp tập huấn, bồi dưỡng cho 154 cán bộ từ đại đội, trung đội, xuống tiểu đội và giáo viên. Kết quả tập huấn cán bộ,

⁽¹⁾ – Các ty Giao Thông tuyển được 30 người, Kiến trúc tuyển được 24 người, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ tuyển được 27 người.

kiểm tra bắn súng trường CKC bài 2 đạt 100% yêu cầu (có 81,19% khá, giỏi), ném lựu đạn bài một 92,49% đạt yêu cầu (có 83,15% khá, giỏi); ném lựu đạn bài hai 95,46% đạt yêu cầu (có 63,6% khá, giỏi).

Sáu tháng đầu năm 1964, toàn Thành phố có 222 trên tổng số 423 trung đội dân quân, tự vệ đã triển khai công tác huấn luyện quân sự, có 133 trung đội hoàn thành toàn bộ nội dung, chương trình huấn luyện. Tại Khu gang thép Thái Nguyên, 100% cơ sở tự vệ trực thuộc đã triển khai huấn luyện quân sự, trong đó có 98% số cơ sở đã hoàn thành chương trình huấn luyện. Toàn bộ 45 trung đội dân quân, tự vệ ở các xã, khu phố, các hợp tác xã đã triển khai công tác huấn luyện quân sự, quân số tham gia huấn luyện đạt từ 90% đến 95%... Kết quả kiểm tra huấn luyện bắn súng Khu đội Đội Cấn đạt cao nhất (96,42%), Xã đội Đồng Quang đạt thấp nhất (72,80%); ném lựu đạn bài 1 đạt kết quả cao nhất là Xã đội các xã Gia Sàng, Quang Vinh và Khu đội Đội Cấn (100%), thấp nhất là Khu đội Phan Đình Phùng (82,1%); ném lựu đạn bài 2 đạt kết quả cao nhất là Xã đội Gia Sàng, Khu đội Đội Cấn (100%), thấp nhất là Xã đội Cam Giá (80%).

Trước tình hình giặc Mỹ cho máy bay vào hoạt động trinh sát trên vùng trời Thành phố và các huyện trong tỉnh, ngày 18-3-1964, Ủy ban hành chính Thành phố ban hành Kế hoạch phòng không nhân dân, chỉ rõ: “Thành phố Thái Nguyên là Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc, Tỉnh lỵ Thái Nguyên, nơi tập trung các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo chủ chốt của Khu và Tỉnh, nơi có nhiều công trường, nhà máy,

xí nghiệp của Trung ương và địa phương, trong đó có Khu gang thép Thái Nguyên, con chim đầu đàn của ngành luyện kim nước ta, là đầu mối giao thông quan trọng nối liền thành phố Thái Nguyên với đồng bằng Bắc Bộ và thành phố Thái Nguyên với các tỉnh vùng núi phía Bắc. Vì vậy thành phố Thái Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng cả về chính trị, kinh tế và quốc phòng và sẽ là mục tiêu tập trung đánh phá của địch”.

Kế hoạch phòng không nhân dân của Thành phố chia công tác triển khai thực hiện thành hai bước: Bước một tuyên truyền, giáo dục công tác phòng không sơ tán sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Bước hai tổ chức đào hầm, hào phòng tránh và công sự chiến đấu, thực hiện phòng cháy, phòng sập hầm, phòng bom, đạn. Các đơn vị thành lập các tổ cứu thương, tải thương, cứu hoả, đào bới sập hầm; tổ chức các đội tuần tra canh gác, giữ gìn trật tự, trị an cả ngày lẫn đêm, nhất là trong các dịp lễ, tết.

Thực hiện Kế hoạch phòng không nhân dân của Ủy ban hành chính Thành phố, tại Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Đảng uỷ và Ban Giám đốc Nhà máy đã thành lập Ban Phòng không nhân dân do đồng chí Giám đốc làm Chủ nhiệm; đại diện các tổ chức Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Phụ nữ làm Uỷ viên. Ban Phòng không nhân dân Nhà máy đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức được 1 đội cứu hoả gồm 30 người, 1 đội tải thương, cứu thương gồm 33 người. Đơn vị đã tự mua sắm được 25 thùng cứu hoả, 7 thang, 7 câu liêm, 10 bơm tay, 4 chiếc cẩu cứu thương, 8 túi thuốc và bông băng. Ban Phòng không nhân dân Nhà

máy mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ phòng không cho cán bộ chuyên môn các đội liên lạc, cứu hoả, tải thương, cứu thương ...; tổ chức vận động các hộ gia đình công nhân đào được 290 hầm trú ẩn (có gia đình đào 2 hầm) và tự vệ đào được 9 hầm chỉ huy.

Tại Phòng Giáo dục Thành phố, cán bộ, công nhân, viên chức đào được 5 hầm phòng không (chữ L và chữ V), với tổng chiều dài 22,30 mét, sâu 1,40 mét. Trại ngựa Bá Vân thành lập được 1 trung đội tự vệ phòng không (trong trung đội có 1 đội bảo vệ, 1 đội cứu hoả, phòng hoá). Khu phố Đội Cấn thành lập 1 trung đội tự vệ cơ động, làm nhiệm vụ phòng không, sẵn sàng bắn máy bay địch bay thấp và cứu hoả; 2 tiểu đội phòng không cơ động đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy và điều hành trực tiếp của Ban chỉ huy Thành đội Thái Nguyên.

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT ngày 30-7-1964 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên “Về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu khiêu khích và đánh phá miền Bắc của địch”, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội Thái Nguyên đã lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương và Nhân dân quán triệt tốt nhiệm vụ do Tỉnh uỷ đề ra là: “Phải đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích và tổ chức bảo vệ chặt chẽ các cơ quan quốc phòng, các công trình xây dựng kinh tế địa phương; các cơ quan, xí nghiệp phải tăng cường công tác phòng không nhân dân. Các cấp uỷ Đảng phải nắm vững lực lượng quân sự địa phương, phải

củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân, tự vệ; giáo dục anh em tinh thần sẵn sàng chiến đấu và dũng cảm chiến đấu truy lùng và tiêu diệt bằng được bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xâm nhập vào địa phương; lãnh đạo chặt chẽ, có kế hoạch phối hợp với công an và dân quân trong công tác bảo vệ trị an lúc bình thường cũng như khi có tình hình đột xuất xảy ra”⁽¹⁾

Sau ngày giặc Mỹ cho máy bay ném bom, bắn phá một số địa điểm trên địa bàn của các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc nước ta (5-8-1964), Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không nhân dân. Những tháng cuối năm 1964, Ban chỉ huy Thành đội chỉ đạo các cơ sở dân quân, tự vệ trực thuộc tổ chức được 46 tổ trực chiến phòng không bắn máy bay địch bay thấp. Các tổ trực chiến đều được trang bị súng trung liên và súng trường (riêng Lực lượng tự vệ Gang thép tổ chức được 20 tổ). Ban chỉ huy Thành đội mở lớp bồi dưỡng phương pháp bắn máy bay địch bay thấp cho 70 cán bộ dân quân, tự vệ thuộc các đơn vị Công ty Gang thép, Điện Cao Ngạn, Giấy Hoàng Văn Thụ, Ty Y tế và xã Cam Giá. Về vũ khí, Ban chỉ huy Thành đội ưu tiên trang bị các loại súng trường tốt nhất cho các tổ trực chiến bắn máy bay địch bay thấp; một số tổ trực chiến được tăng cường trang bị súng máy trung liên bắn đạn 7,9mm.

⁽¹⁾ Chỉ thị số 18/CT ngày 30-7--1964 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên

Nhằm tăng cường rèn luyện ý thức và tinh thần sẵn sàng chiến đấu cho Lực lượng vũ trang địa phương, ngày 19-9-1964, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức diễn tập động viên quân dự bị. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố quyết định thành lập Trạm Động viên quân dự bị do các đồng chí Triệu Kỳ Phay (Thành đội trưởng) làm Trạm trưởng, Ngô Văn Số (Thành uỷ viên – Trưởng ban Tuyên giáo Thành uỷ) làm Chính trị viên. Trạm Động viên quân dự bị được biên chế thành các phòng Tiếp đón (có đại diện Thành đội, Công an); Khám sức khoẻ (do phòng Y tế Thành phố đảm nhiệm); Nhận quân (có đại diện Thành đội, Đảng, Đoàn); Chờ đợi bàn giao (do Thành đội đảm nhiệm). Trong cuộc diễn tập này, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố phát lệnh động viên 161 hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự bị (gồm 124 chính thức và 37 dự phòng). Đúng 8 giờ 45 phút ngày 19-9-1964, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố phát lệnh cho giao thông viên mang xuống cơ sở. Chỉ 10 phút sau, vào lúc 8 giờ 55 phút, Sở Văn hoá Việt Bắc và Viện Điều dưỡng đã nhận được lệnh động viên. Tới 14 giờ cùng ngày, các giao thông viên đã căn bản chuyển hết lệnh đến quân dự bị. Đúng 19 giờ ngày 19-9-1964, Trạm bắt đầu nhận quân và hoàn thành vào lúc 22 giờ cùng ngày. Trong số 161 hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự bị có lệnh động viên, 136 người đã có mặt tại Trạm (đạt tỷ lệ 84,47%). Trong số 25 người vắng mặt, có 4 người do sai sót trong đăng ký và ghi lệnh, 21 người khác do ốm hoặc đi vắng có lý do. Trong số 136 người có mặt tại Trạm, có 10 người bị loại vì lý do sức khoẻ hoặc vấn đề chính trị, 126 người được biên chế vào đơn vị dự bị động

viên. Trong cuộc diễn tập này, hầu hết các cơ quan, đơn vị đã làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; giải quyết chu đáo mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần cho hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự bị được động viên. Trong đó, các đơn vị Xí nghiệp Điện Thái Nguyên, Công ty Ô tô Việt Bắc, Công ty hợp doanh ô tô, khu phố Trung Vương, xã Gia Sàng..., là những đơn vị thực hiện tốt, được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố biểu dương, khen ngợi. Các ty Kiến trúc, Giao thông đã cho ô tô đi đón anh em đang công tác ở xa trên, dưới 30km về có mặt tại Trạm đúng thời gian...

Đánh giá kết quả cuộc diễn tập động viên quân dự bị này, đồng chí Đại uý Nguyễn Tế Hồng, Chính trị viên Thành đội khẳng định “đạt kết quả tương đối tốt, về quân số đạt yêu cầu, về thời gian vượt 2 giờ, về chất lượng đảm bảo tốt”⁽¹⁾.

Nguyên nhân đạt được kết quả trên, là do “Công tác chuẩn bị được chu đáo, Thành uỷ và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo, xác định rõ được nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các giới. Các cơ quan, đơn vị và hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự bị được động viên đã nghiêm chỉnh chấp hành lệnh động viên với tinh thần tự nguyện, tự giác. Cơ quan Thành đội đã làm tham mưu đắc lực cho Thành uỷ và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố. Công tác chuẩn bị được chu đáo, sát với tình hình thực tế ở các cơ sở. Thủ trưởng và các cơ quan Tỉnh đội chỉ đạo sát sao, giúp đỡ tận tình”⁽²⁾...

(1) (2) Báo cáo tổng hợp kết quả diễn tập động viên của Ban chỉ huy Thành đội – ngày 23-2-1964.

Ngoài việc lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân Thành phố làm tốt công tác xây dựng, củng cố, huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ, triển khai tốt công tác phòng không nhân dân và diễn tập động viên quân dự bị theo chỉ đạo của Tỉnh, năm 1964, Thành phố còn triển khai tốt công tác tuyển quân xây dựng lực lượng vũ trang. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố quyết định tuyển quân ở tất cả các đơn vị cơ sở (kể cả các cơ quan, đơn vị có ít người); trọng tâm là các cơ quan, công trường, xí nghiệp.

Thực hiện quyết định của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố, Ban chỉ huy Thành đội phối hợp chặt chẽ với Phòng Y tế Thành phố tổ chức khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự được 834 người đủ sức khoẻ nhập ngũ (đạt 25,55% so với tổng số 3.225 người trong độ tuổi tuyển quân). Trong số 834 người đủ sức khoẻ nhập ngũ, Thành phố đã tuyển được 162 người vào bộ đội, đạt 100% chỉ tiêu Tỉnh giao. Trong số 162 người của Thành phố nhập ngũ năm 1964, có 6 người là đảng viên, 118 người là đoàn viên; 8 người sức khoẻ A1, 103 người sức khoẻ A2, 51 người sức khoẻ A3; 108 người văn hoá cấp 2, cấp 3 (còn lại là văn hoá cấp 1, trong đó có 2 người văn hoá lớp 2).

Công tác tuyển quân năm 1964 của Thành phố, “tuy gặp nhiều khó khăn vì thay đổi đơn vị nhận quân, nhưng Thành phố vẫn đảm bảo giao quân đạt chỉ tiêu Tỉnh giao. Việc vận dụng các chính sách miễn, hoãn đảm bảo đúng qui định. Việc tổ chức giao quân đảm bảo đúng thời gian và gọn”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ – Theo báo cáo tổng kết công tác tuyển quân năm 1964 của Thành đội Thái Nguyên, kế hoạch ban đầu Thành phố giao quân cho Sư đoàn 308 nhưng sau đó lại chuyển sang giao cho Trung đoàn 210.

Bước sang năm 1965, giặc Mỹ tăng cường cho các loại máy bay vào hoạt động trinh sát trên vùng trời thành phố Thái Nguyên và các vùng lân cận. Số máy bay Mỹ vào hoạt động trinh sát trên vùng trời Thành phố và các huyện trong tỉnh tăng từ 25 lần tốp (năm 1964), lên 221 lần tốp (9 tháng đầu năm 1965). Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh, Thành phố đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán. Sáu tháng đầu năm 1965, hầu hết các kho tàng, tài liệu quan trọng, các chất nổ, chất cháy đã được di chuyển, sơ tán ra khỏi Thành phố. Các đội phòng cháy, chữa cháy, cứu thương, tải thương, các tổ bắn máy bay địch bay thấp được củng cố.

Thực hiện Chỉ thị ngày 8-7-1965 của Ủy ban hành chính tỉnh “Về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân”; “Các cơ quan, xí nghiệp, trường học, các đơn vị, bộ phận có thể di chuyển mà vẫn hoạt động được, không ảnh hưởng lớn đến công tác, sản xuất và học tập thì di chuyển khỏi Thành phố Thái Nguyên”, Thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ tán phòng không. Tính đến tháng 7-1965 (tháng đầu tiên hai tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, Thành phố Thái Nguyên trở thành tỉnh lỵ tỉnh Bắc Thái), 2 phần 3 số cán bộ trong các cơ quan đã sơ tán ra khỏi Thành phố từ 8 km trở lên; 1 phần 3 số cán bộ còn lại cũng phân tán ra cách Thành phố ít nhất 1 km để tiếp tục làm việc và có thể lãnh đạo, chỉ đạo phục vụ chiến đấu và chiến đấu khi có chiến sự xảy ra. Ở khu vực trung tâm Thành phố, khoảng 50% nhà tranh, tre, nứa, lá đã được tháo dỡ, xếp gọn, để phòng máy bay Mỹ

đánh phá gây hoả hoạn; 80% dân số đã được tổ chức đi sơ tán ra khỏi Thành phố (có 5.600 người đã đi sơ tán lâu dài), số còn lại sáng đi sơ tán, tối lại về. Các mặt hàng thiết yếu (gạo, muối, dầu thắp sáng...) đã bán cho nhân dân trước tiêu chuẩn từ 2 đến 3 tháng; số còn lại phân tán về các huyện, xã quản lý. Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố tổ chức thành lập Ban Phòng không nhân dân Thành phố do các đồng chí Nguyễn Tất Hạch, quyền Chủ tịch Uỷ ban hành chính Thành phố làm Chủ nhiệm; Dương Quyền, Trưởng Công an Thành phố làm Phó Chủ nhiệm và Triệu Kỳ Phay, Thành đội trưởng làm Tham mưu trưởng.

Thực hiện Chỉ thị số 140 của Trung ương Đảng và Chỉ thị số 164 của Thủ tướng Chính phủ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ty Y tế, Ngành Y tế Thành phố đã nhanh chóng chuyển hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Các Ban Y tế trên địa bàn Thành phố được bổ sung thêm cán bộ, trang bị thêm dụng cụ y tế, sẵn sàng làm nhiệm vụ cứu chữa người bị nạn khi bị máy bay Mỹ đánh phá.

Để đáp ứng yêu cầu sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu tại chỗ, Ban chỉ huy Thành đội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ. Ngay từ đầu năm 1965, Ban chỉ huy Thành đội đã ra Kế hoạch số 07 về củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, chỉ rõ phương hướng, phương châm “Ra sức củng cố nâng cao chất lượng chính trị, phát triển số lượng có trọng tâm, trọng điểm, nhằm làm cho lực lượng dân quân, tự vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ trị an, sẵn sàng chiến đấu và các nhiệm vụ khác”.

Thực hiện Kế hoạch số 07 của Ban chỉ huy Thành đội, các cơ sở dân quân, tự vệ của Thành phố đã làm tốt việc rà, xét, đưa những người không đủ tiêu chuẩn về chính trị, về ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm ra khỏi lực lượng; tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động thống nhất lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị theo chỉ đạo của Tỉnh đội. Ban chỉ huy Thành đội chỉ đạo các cơ sở dân quân, tự vệ trực thuộc chia lực lượng dân quân ở nông thôn thành 2 bộ phận: dân quân và du kích (trong đó, dân quân là lực lượng rộng rãi vừa sản xuất, vừa phục vụ chiến đấu, chiến đấu và công tác; du kích là các tiểu đội, trung đội dân quân tập trung làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu). Lực lượng tự vệ cũng được chia thành 2 bộ phận: tự vệ và tự vệ chiến đấu (tự vệ như dân quân ở nông thôn, tự vệ chiến đấu như du kích ở nông thôn).

Trên cơ sở chia lực lượng dân quân, tự vệ thành hai bộ phận, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội lãnh đạo, chỉ đạo, huy động lực lượng du kích và tự vệ chiến đấu tập trung xây dựng hầm, hào, công sự, trận địa chiến đấu. Đến trước ngày máy bay Mỹ đánh phá Thành phố (trận Cầu Gia Bẫy ngày 17-10-1965), Thành phố đã xây dựng được 52 tổ, trận địa trực chiến phòng không, với 769 cán bộ, chiến sĩ du kích và tự vệ chiến đấu tham gia. Trên địa bàn Thành phố, Nhân dân và Lực lượng vũ trang địa phương đã đào được 51.365 mét giao thông hào và 19.889 hầm trú ẩn. Nhiều mặt hoạt động kinh tế, xã hội của Thành phố đã dần dần được chuyển sang thời chiến. Một số cơ quan, xí nghiệp, trường

học..., trực thuộc Thành phố đã bước đầu thực hiện nếp sống quân sự hoá. Lực lượng dân quân, tự vệ và bộ đội địa phương của Thành phố đã từng bước được xây dựng và củng cố thành một hệ thống rộng khắp, có cơ sở vững chắc trong nhân dân. Thế trận chiến tranh nhân dân đã được xây dựng, sẵn sàng đánh trả mọi âm mưu và hành động đánh phá của đế quốc Mỹ. Đây chính là những nhân tố đảm bảo cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên đứng vững trong những năm có chiến tranh phá hoại ác liệt, góp phần cùng quân, dân trong tỉnh đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

CHƯƠNG IV

VỪA CHIẾN ĐẤU ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, VỪA GIỮ VỮNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI VÀ HUY ĐỘNG SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (10-1965 – 4-1975).

1. Trực tiếp chiến đấu đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, giữ vững sản xuất, chi viện chiến trường (10-1965 – 3-1968).

Sau khi đánh phá Kho A3 nằm trên địa bàn huyện Bạch Thông, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại vào địa bàn tỉnh Bắc Thái, đầu tháng 10-1965, đế quốc Mỹ tăng cường các loại máy bay vào hoạt động trinh sát các trận địa phòng không và các điểm nút giao thông nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Giữa tháng 10-1965, chúng huy động không quân mở chiến dịch đánh phá ác liệt các tuyến giao thông ở phía bắc và đông bắc Thủ đô Hà Nội, nhằm cắt đứt các tuyến giao thông đường bộ tiếp nhận nguồn viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước Xã hội chủ nghĩa cho cách mạng nước ta. Cầu Gia Bảy bắc qua sông Cầu, nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B là một trong những mục

tiêu đánh phá chủ yếu của không quân Mỹ trong chiến dịch này.

Tuy là một cầu lớn, nằm trên tuyến vận chuyển có ý nghĩa chiến lược quan trọng cả về quốc phòng và kinh tế, nhưng lúc đầu do ta chưa nhận thức đầy đủ và chưa thấy hết những âm mưu và thủ đoạn đánh phá giao thông của địch, nên tại khu vực đầu cầu Gia Bẩy về phía trung tâm thành phố Thái Nguyên còn tập trung một số cơ sở sản xuất và dịch vụ hoạt động (sửa chữa xe đạp, ăn uống). Lực lượng phòng không trực tiếp bảo vệ cầu chỉ có Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẩy thuộc Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ⁽¹⁾, vũ khí gồm 1 khẩu súng thượng liên và 14 khẩu súng trường, triển khai trận địa trên đồi Kết Nước (giáp đầu cầu phía trung tâm Thành phố). Các loại hỏa lực phòng không mạnh của Trung đoàn pháo cao xạ 210 (gồm các loại từ pháo cao xạ 37 li, 57 li, 100 li xuống đến các loại súng máy cao xạ 14 li 5, 12 li 7) đều tập trung bảo vệ Khu gang thép Thái Nguyên và các nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Điện Cao Ngạn ở khu vực Quán Triều.

Ngày 17-10-1965, (ngày Chợ trung tâm thành phố Thái Nguyên họp phiên chính), vào lúc 9 giờ 55 phút, một

⁽¹⁾ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ được thành lập từ năm 1961. Tại thời điểm tháng 10/1965, Ban chỉ huy Đại đội có các đồng chí: Bá Đức Khâm (Đại đội trưởng), Vũ Đình Đức (Đại đội phó), Phan Văn Giao (Chính trị viên). Đại đội có 2 trung đội: Trung đội tự vệ Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà, do các đồng chí Phạm Quang Hợp làm Trung đội trưởng, Nguyễn Văn Thiệp làm Trung đội phó, Lê Văn Chính làm Chính trị viên và Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẩy, trực chiến trên đồi Kết Nước do các đồng chí Trần Văn Đương làm Trung đội trưởng, Lưu Quang Bính làm Trung đội phó, Phan Văn Giao (Chính trị viên đại đội kiêm Chính trị viên Trung đội).

tốp 4 máy bay phản lực Mỹ từ hướng đông nam huyện Võ Nhại, bay lên hướng sau Núi Voi, vòng lại theo Quốc lộ 1B, vọt lên lấy độ cao, bỏ nhào ném bom cầu Gia Bẫy. Do địch áp dụng thủ đoạn bay thấp, đến gần mục tiêu mới vọt lên lấy độ cao bỏ nhào ném bom, nên mạng lưới ra-đa trinh sát của ta không phát hiện được. Mặt khác, do các trạm trinh sát phát hiện máy bay địch từ xa bằng mắt thường của ta hoạt động không tốt, không phát hiện được máy bay địch vào đánh phá, nên ta hoàn toàn bị bất ngờ. Toàn Thành phố không có báo động phòng không. Cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẫy đang sửa chữa công sự chiến đấu trên đồi Két Nước và đào hầm, hố phòng không dọc đường từ cầu Gia Bẫy lên Mỏ Bạch, vừa nghe tiếng máy bay, chưa phân biệt được máy bay địch hay máy bay ta thì đã nghe tiếng bom nổ, đất đá bắn tung toé, khói, bụi bay mù mịt.

Tuy lần đầu tiên đối mặt trực tiếp với máy bay phản lực và đạn, bom hiện đại của đế quốc Mỹ, lại trong tình huống hoàn toàn bị bất ngờ, nhưng cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẫy, từ khẩu đội trưởng Nông Quốc Khánh đến các xạ thủ súng máy thượng liên Hoàng Văn Dương, Lê Xuân Tảo và các chiến sĩ súng trường K44: Phạm Việt Hùng (tức Triều), Nguyễn Trung Ái, Ngô Đình Quý..., đã dũng cảm vượt qua các bãi đất, đá ngổn ngang, khói bụi mịt mù, kịp thời có mặt ở vị trí chiến đấu. Các đồng chí Trần Văn Dương (Trung đội trưởng Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẫy) đang ở khu vực Bến Tượng;

Phạm Quang Hợp (Trung đội trưởng Trung đội tự vệ Hợp tác xã cơ khí Hồng Hà), nữ cứu thương Nguyễn Thị Mỹ Dung ở tiểu khu Chiến Thắng và các chiến sĩ Nguyễn Thị Tuyết, Bùi Thị Vân, Phạm Văn Bông, Trần Thị Kim Dung..., đang sửa chữa hầm, hố phòng không ở khu vực bến Than Gia Bẫy (có đồng chí bị sức ép của bom Mỹ làm rách hết quần, áo) đã không quản hy sinh, dũng cảm lao lên trận địa đồi Két Nước làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Máy bay Mỹ vừa chấm dứt đợt ném bom thứ nhất, các đồng chí Phan Văn Giao (Bí thư Chi bộ, Chính trị viên Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ kiêm Chính trị viên Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẫy); Vũ Đình Đức (Đại đội phó Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ) đã có mặt tại trận địa đồi Két Nước trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy đơn vị chiến đấu. Toàn bộ 9 trên 10 đảng viên trong Chi bộ khu phố Hoàng Văn Thụ đã có mặt tại trận địa và các khu vực bị địch đánh phá để lãnh đạo, chỉ đạo chiến đấu và giải quyết hậu quả (vắng đồng chí Bá Đức Khảm, đảng viên, Đại đội trưởng tự vệ đi công tác xa).

Đợt máy bay Mỹ ném bom lần thứ nhất đã gây một số thiệt hại về người và của ở khu vực hai bên đầu cầu. Trước tình hình hơn 100 mét dây điện thoại và dây truyền thanh ở khu vực cầu Gia Bẫy bị đứt, các đồng chí Vũ Văn Soái, Nguyễn Thừa Cơ (vừa là công nhân bảo dưỡng đường dây, vừa là chiến sĩ tự vệ phòng Bưu điện Thành phố) đã nhanh chóng có mặt ở vị trí đầu cầu, nối thông

các đường dây điện thoại, truyền thanh, kịp thời đảm bảo thông tin liên lạc, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy chiến đấu.

Đồng chí Nông Danh La (Thượng sĩ, Cảnh sát khu vực Công an thành phố Thái Nguyên), tuy nhiệm vụ không ở khu vực cầu Gia Bẩy, nhưng để chi viện cho đồng chí, đồng đội, đã dũng cảm vượt qua cầu sang hướng nhân dân đang ẩn nấp vừa làm nhiệm vụ tìm kiếm, cứu chữa người bị nạn, vừa quan sát bảo vệ tài sản nhân dân ⁽¹⁾.

Sau trận máy bay Mỹ ném bom lần thứ nhất, ở khu vực cầu Gia Bẩy, ngoài những người làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giải quyết hậu quả, còn có rất nhiều người không có nhiệm vụ cũng tập trung đến rất đông. Trong bối cảnh đó, 10 giờ 15 phút, 1 tốp, 2 máy bay địch từ hướng Bắc bắt ngờ lao tới thả bom 2 loạt, mỗi loạt 4 quả bom phá xuống cầu. Tiếp đó, 1 tốp, 5 máy bay địch khác từ độ cao 1000 mét cũng thả bom xuống khu vực cầu Gia Bẩy, bắn rốc két và ném bom xuống trận địa pháo cao xạ của bộ đội phòng không ở Gia Sàng. Ngoài ra, 1 tốp, 2 máy bay địch khác bay lượn ở vòng ngoài để quan sát, chỉ thị mục tiêu đánh phá và còn 1 tốp khác bay cao để sẵn sàng yểm trợ, đề phòng máy bay ta tiến công.

⁽¹⁾ Với tinh thần dũng cảm đó, đồng chí Nông Danh La đã được Bộ Công an tặng Bằng khen và Hồ Chủ tịch tặng Huy hiệu của Người.

Mặc cho máy bay Mỹ ném bom, bắn phá dữ dội vào trận địa và khu vực cầu, công sự sụt lở, khói bụi mù mịt, dưới sự lãnh đạo, động viên, chỉ huy trực tiếp của các đồng chí Phan Văn Giao (Bí thư Chi bộ, kiêm Chính trị viên), Vũ Đình Đức (Đại đội phó), Trần Văn Dương (Trung đội trưởng), cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẩy đã kiên cường chiến đấu đánh địch. Khẩu thượng liên trong tay Khẩu đội trưởng Nông Quốc Khánh và các Xạ thủ Hoàng Văn Dương, Lê Xuân Tảo liên tiếp rung lên nhả đạn vào các tốp máy bay địch. Một quả bom phá do máy bay Mỹ ném xuống đã, rơi trúng khẩu đội thượng liên, cả khẩu đội hy sinh. Không nao núng, các chiến sĩ súng trường Phạm Việt Hùng, Nguyễn Văn Giống, Vũ Ngọc Thiếp, Nguyễn Thị Hợi, Vũ Xuân Trường, Phạm Văn Bông, Ngô Đình Quý..., tiếp tục nhằm thẳng vào các tốp máy bay địch nổ súng, buộc chúng phải bay vòng ra xa mục tiêu, tạo điều kiện cho các đơn vị pháo cao xạ bảo vệ Thành phố bắn rơi 1 chiếc. Bị đánh trả quyết liệt, máy bay Mỹ điên cuồng ném bom huỷ diệt trận địa, làm toàn bộ 32 cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ đang làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu trên đồi Két Nước bị thương, vong (trong đó, có 15 đồng chí hy sinh được công nhận là liệt sĩ gồm : Phan Văn Giao, Bí thư Chi bộ, Chính trị viên Đại đội kiêm Chính trị viên Trung đội 1; Trần Văn Dương, Trung đội trưởng; Hoàng Văn Dương, Chiến sĩ; Nông Quốc Khánh, Khẩu đội trưởng; Lê Xuân Tảo, Chiến sĩ; Phạm Việt Hùng

– tức Triều, Chiến sĩ; Nguyễn Văn Giồng, Chiến sĩ; Vũ Ngọc Thiệp, Chiến sĩ; Nguyễn Thị Hợi, Chiến sĩ; Phạm Văn Bông, Chiến sĩ; Vũ Xuân Trượng, Chiến sĩ; Nguyễn Thị Tuyết, Chiến sĩ; Bùi Thị Vân, Chiến sĩ; Vũ Thị Lập, Chiến sĩ; Nguyễn Văn Muối, Chiến sĩ.

Tinh thần chiến đấu, kiên cường của cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ trong trận chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bẩy ngày 17-10-1965, mãi mãi nêu một tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam cho các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, Lực lượng vũ trang và Nhân dân thành phố Thái Nguyên noi theo. Máu, xương của cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ đổ xuống đã tô thắm và làm rạng rỡ thêm truyền thống anh hùng, bất khuất của quê hương thành phố Thái Nguyên.

Cùng thời gian trên, tại trận địa đồi Cô Kê, cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam (thuộc Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ) cũng kiên cường chiến đấu, bắn trả hết tốp máy bay địch này, đến tốp máy bay địch khác. Khi thấy khả năng bắn máy bay địch của khẩu súng máy thượng liên ở trong công sự bị hạn chế, chiến sĩ Đoàn Văn Bảo (16 tuổi) đã dũng cảm lao lên thành công sự, hai tay cầm lấy hai còng súng làm giá súng cho đồng đội bắn.

Tại khu vực Cao Ngạn, mặc cho máy bay Mỹ gầm thét, lồng lộn trên đầu, đồng chí Đặng Ngọc Lan, chiến sĩ

thuộc Đại đội tự vệ Nhà máy điện Cao Ngạn vẫn một mình vác 56 hòm đạn, mỗi hòm nặng 37kg lên trên trận địa, phục vụ bộ đội chiến đấu,. Tại Nhà máy điện Cao Ngạn, toàn thể cán bộ, công nhân trong ca trực đã bình tĩnh bám máy, đảm bảo sản xuất liên tục. Trước tình hình hai trạm phân phối lưới điện 35kw bị hỏng nặng, hệ thống chuyển tải đột ngột giảm công suất, van an toàn xả hơi không sập, kíp trưởng Đặng Đức Biên bình tĩnh, dũng cảm leo lên đỉnh lò cao 30 mét đóng van lại an toàn. Trưởng ca trực La Thái Ngân bình tĩnh động viên, chỉ đạo bộ phận trực bảng điện bám máy, điều chỉnh tần số, công suất, đảm bảo cấp điện liên tục và ổn định cho Khu gang thép Thái Nguyên sản xuất.

Tại Ty Y tế, khi máy bay Mỹ vừa tạm ngừng đợt ném bom lần thứ nhất, Bác sĩ Nguyễn Kim Anh (Phó Trưởng ty kiêm Trưởng ban Cấp cứu phòng không nhân dân tỉnh) đã cùng một số bác sĩ, y sĩ, y tá lên ngay xe cứu thương ra tận khu vực bị địch đánh phá để cấp cứu người bị nạn, hỗ trợ cán bộ, nhân viên y tế phòng không tuyến I. Bác sĩ Tô Thủ (Trạm trưởng Trạm cấp cứu phòng không cơ động) đã nhanh chóng đi xe đạp từ nhà riêng ở Khu tập thể công nhân Gang thép lên Trạm làm nhiệm vụ. Tại khu vực cầu Gia Bẩy, trong lúc máy bay Mỹ đánh phá ác liệt, các đồng chí Y sĩ Ôn Đức Thành (Trạm Vệ sinh dịch tễ), Nguyễn Thị Diệu (Trạm Bảo vệ Bà mẹ-Trẻ em), Y tá Nguyễn Khắc Hà (Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh)... đã dũng cảm lao vào các khu vực bị máy bay địch

đánh phá, cấp cứu được nhiều người bị nạn. Nhờ được cứu chữa, băng bó kịp thời, nên trong số 39 nạn nhân bị thương nặng phải cấp cứu ở các bệnh viện có 30 người được cứu sống.

Ngay sau khi cầu Gia Bẫy bị máy bay Mỹ đánh phá, các đồng chí Thường trực Thành uỷ, Thường trực Uỷ ban hành chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội Thái Nguyên đã nhanh chóng có mặt tại hiện trường, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo. Nhân dân và Lực lượng vũ trang địa phương giải quyết hậu quả. Đảng viên Cao Thị Vi (50 tuổi) đang làm nhiệm vụ tìm kiếm, cứu chữa người bị nạn thì nhận được tin con trai là chiến sĩ tự vệ Phạm Việt Hùng (tức Triều) hy sinh trên trận địa đồi Két Nước. Lao lên trận địa, nén đau thương, đảng viên Cao Thị Vi bình tĩnh vượt mất vĩnh biệt con trai, rồi quay lại động viên đồng đội của con mình tiếp tục chiến đấu bắn máy bay địch. Cán bộ, nhân viên Cửa hàng ăn uống số I Thành phố mang bia và nước ngọt lên tận trận địa đồi Cô Kê phục vụ bộ đội và tự vệ chiến đấu. Chi hội Phụ nữ các phố Trung Vương, Đội Cấn, Phan Đình Phùng..., tổ chức quây quần góp gạo, thực phẩm, nấu cơm, tiếp tế cho dân quân, tự vệ trực chiến.

Tối ngày 17-10-1965, tại Cơ quan Thành uỷ đóng ở xóm Tiến Thịnh, xã Gia Sàng (nay là khu vực Trường trung học cơ sở Nha Trang), đồng chí Trần Tường, Bí thư Thành uỷ triệu tập Hội nghị cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ các phòng, ban đến Thường trực Thành uỷ, Uỷ ban hành

chính Thành phố, sơ bộ đánh giá tổn thất do máy bay địch đánh phá; quán triệt tình hình, ổn định tư tưởng cho cán bộ và nhân dân; thống nhất nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả. Đồng chí Bí thư Thành uỷ xác định “ Nhiệm vụ trước mắt của Thường trực và các cơ quan Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở giải quyết hậu quả”.

Tiếp đó, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố tổ chức Lễ truy điệu cán bộ, chiến sĩ tự vệ đã chiến đấu kiên cường và hy sinh anh dũng để bảo vệ cầu. Các đồng chí Đại úy Triệu Kỳ Phay (Thành đội trưởng), Đại úy Nguyễn Tế Hồng (Chính trị viên Thành đội) hội ý, phân công cán bộ nhanh chóng kiểm tra, đôn đốc, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ trực chiến trên các trận địa phòng không, Thường trực Uỷ ban hành chính Thành phố quyết định cấp bổ sung 168 kg gạo và 154 đồng tiền mặt cho 4 cơ sở dân quân, tự vệ trực chiến phòng không; cử đoàn đại biểu vào các bệnh viện, bệnh xá thăm hỏi, động viên, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và nhân dân bị thương. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể quần chúng (Thanh niên, Phụ nữ) Thành phố vận động nhân dân quyên góp được 736 đồng giúp đỡ, ủng hộ 29 gia đình có người bị nạn. Công ty Vệ sinh Thành phố tổ chức chôn cất cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ hy sinh và những người dân bị chết suốt từ tối ngày 17, đến 4 giờ sáng ngày 18 – 10 -1965.

Những việc làm kịp thời của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể từ Thành phố xuống các xã, khu phố đã có ý nghĩa rất quan trọng trong việc ổn định tư tưởng, củng cố lòng tin cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Thành phố vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước; đã có tác dụng to lớn động viên, khích lệ cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược ngay trên mảnh đất quê hương yêu dấu của mình.

Trong trận chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bẫy ngày 17-10-1965, tuy quân và dân thành phố Thái Nguyên đã kiên cường, dũng cảm chiến đấu, hạn chế được một số thiệt hại, nhưng do ta thiếu kinh nghiệm phòng, tránh và bố trí lực lượng đánh trả, nên bị tổn thất rất nặng nề. Trong trận này, giặc Mỹ huy động 29 lần chiếc máy bay phản lực hiện đại, ném 116 quả bom phá từ 250 kg đến 450 kg và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống khu vực cầu Gia Bẫy và trận địa cao xạ của Trung đoàn pháo phòng không 210 ở xóm Xuân Quang (xã Gia Sàng). Cầu Gia Bẫy bị trúng 3 quả bom, 2 mố cầu hỏng, dầm chủ và dầm bên thượng lưu bị đứt 3 chỗ, dầm bên hạ lưu bị đứt 1 chỗ, giao thông vận tải qua cầu hoàn toàn bị ngừng trệ. Số người bị chết và bị thương, lên tới 147 người (có 71 người chết tại chỗ). Trong số 71 người bị chết tại chỗ, có 21 người làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và các nhiệm vụ khác, 45

người trong 29 gia đình ở khu vực hai bên đầu cầu. Trong số 29 gia đình có người bị chết, có 2 gia đình bị chết cả vợ lẫn chồng, 1 gia đình chết cả vợ, chồng và các con. Trong số 76 người bị thương (có 24 người bị thương nặng), được đưa vào cứu chữa ở các bệnh viện, 9 người do bị thương quá nặng đã chết. Như vậy, trong trận máy bay địch đánh phá cầu Gia Bấy ngày 17-10-1965, số bị chết lên tới 80 người, số bị thương lên tới 67 người. Tổn thất về tài sản có tới 45 ngôi nhà bị cháy, đổ; 3 cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp bị phá hỏng, 2 xe ô tô và 10 xe đạp bị phá huỷ.

Trước những thiệt hại về người và của do máy bay Mỹ đánh phá, tối ngày 17-10-1965, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc gửi điện kêu gọi quân và dân thành phố Thái Nguyên: “...chống dao động, chuẩn bị tốt hơn nữa để chiến đấu và phục vụ chiến đấu, kiên quyết bảo vệ khu công nghiệp lớn của Tổ quốc và cửa ngõ của hậu phương căn cứ địa Việt Bắc”⁽¹⁾.

Từ ngày 6 đến ngày 8-11-1965, tại thành phố Thái Nguyên, đồng chí Bí thư Thành uỷ tham dự Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái (mở rộng) kiểm điểm trước Ban Thường vụ Khu uỷ Khu tự trị Việt Bắc, nhằm xác định nguyên nhân dẫn đến tổn thất ngày 17-10-1965. Hội nghị chỉ rõ: Phòng không sơ tán là một nhiệm vụ rất quan trọng để chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,

⁽¹⁾ Tài liệu lưu trữ tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

nhưng giữa Tỉnh và Thành phố còn thiếu bàn bạc để thống nhất kế hoạch. Có lúc Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức đưa dân đi sơ tán triệt để, thậm trí còn áp dụng cả các biện pháp mạnh (như dỡ nhà) để bắt dân đi sơ tán, nhưng có đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lại không đồng tình ủng hộ. Thành phố trực tiếp nắm dân, hô hào dân đi sơ tán, nhưng các ngành của tỉnh vẫn chưa có kế hoạch phục vụ nhân dân ở nơi sơ tán, nên đời sống của nhân dân ở nơi sơ tán rất khó khăn. Trong những ngày nghỉ, giờ nghỉ, nhân dân ở nơi sơ tán vẫn phải về Thành phố để mua bán, giải quyết những nhu cầu tối thiểu do cuộc sống đặt ra. Máy bay Mỹ đánh ngày 17-10-1965, lại đúng vào ngày chủ nhật, ngày Chợ trung tâm Thành phố họp phiên chính, nên số người sơ tán trở về đi chợ, tụ tập, nghỉ ngơi ở khu vực đầu cầu Gia Bẩy rất đông, không được giải toả kịp thời, nên bị tổn thất lớn. Mặt khác, do ta phán đoán "... đánh phá Thành phố Thái Nguyên, địch sẽ đánh Khu gang thép Thái nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn trước", nên các hoả lực phòng không (từ súng máy cao xạ 12 li 7, 14 li 5 đến các loại pháo cao xạ 37 li, 57 li, 100 li) đều bố trí bảo vệ các mục tiêu trên, ở xa cầu, nên không bảo vệ được cầu.

Sau Hội nghị trên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố Thái Nguyên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác phòng không sơ tán.

Ban chỉ huy Thành đội làm tham mưu cho Ban phòng không nhân dân Thành phố, do đồng chí Lê Đình Nhậm (Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính Thành phố) làm Chủ nhiệm và đồng chí Triệu Kỳ Phay (Thành uỷ viên, Thành đội trưởng) làm Phó Chủ nhiệm kiêm Tham mưu trưởng, huy động 24 cán bộ phòng, ban các cơ quan Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố xuống trực tiếp kiểm tra, tuyên truyền, vận động nhân dân ở các khu phố đi sơ tán.

Uỷ ban hành chính Thành phố phát động đợt thi đua 15 ngày làm công tác sơ tán, phòng không chống Mỹ cứu nước với các nội dung chủ yếu là: 1- Tổ chức vận động nhân dân sơ tán; 2 – Củng cố, tu sửa hầm, hào; 3- Củng cố, tổ chức các đội cứu thương, đào bồi sập hầm, tải thương, chôn cất, tiếp tế.

Đối với những người cố tình không đi sơ tán, các đồng chí Thường trực Uỷ ban hành chính Thành phố chỉ đạo các ngành chức năng kiên quyết xử lý: 1- Tạm thu phương tiện sản xuất, tạm thu sổ gạo đến khi có chứng nhận đã đi sơ tán của cơ sở; 2- Tổ chức dỡ nhà xếp gọn, nếu cần sung vào công quỹ.

Các biện pháp chỉ đạo xử lý của Thường trực Uỷ ban hành chính Thành phố tuy có phản ứng nhắc, nhưng chính sự chỉ đạo kiên quyết đó kết hợp với công tác kiểm tra, tuyên truyền, vận động của các đoàn cán bộ do Ban phòng không nhân dân Thành phố cử xuống, nên hầu hết

các cơ quan công sở của Khu, Tỉnh, Thành phố (kể cả các cửa hàng mậu dịch, lương thực) và 21 nghìn người dân Thành phố đã di sơ tán. Còn lại ở Thành phố chủ yếu là những người sản xuất nông nghiệp. Tại Khu gang thép Thái Nguyên, gần 1.000 hộ gia đình, với trên 2.250 nhân khẩu đã di sơ tán; Công đoàn Gang thép tổ chức một số nhà trẻ sơ tán ra xa các mục tiêu có thể bị máy bay địch đánh phá. Tuy vậy, vẫn còn tới 11 nhà trẻ, với 274 cháu chưa được sơ tán ra khỏi khu vực Gang thép.

Hưởng ứng đợt thi đua 15 ngày làm công tác sơ tán, phòng không do Ủy ban hành chính Thành phố phát động, Lực lượng vũ trang Thành phố đã xây dựng, củng cố được 65 đội cấp cứu phòng không, với 513 đội viên. Cán bộ và nhân dân Thành phố đã đào mới, tu sửa và củng cố được 51.365 mét giao thông hào, 19.889 hầm, hố phòng không. Ban chỉ huy Thành đội tổ chức, xây dựng và củng cố được 52 trận địa bắn máy bay địch, với gần 770 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ trực chiến. Ngoài ra, các cơ sở dân quân, tự vệ trong Thành phố còn tổ chức được hàng trăm trận địa “Tay cày, tay súng”, “Tay búa, tay súng”, sẵn sàng tham gia chiến đấu. Tại đồi Nhà Bò và núi Cô Kê, Ban chỉ huy Thành đội tổ chức 2 trạm quan sát máy bay địch bằng mắt thường và đếm số bom máy bay Mỹ ném xuống do lực lượng dân quân, tự vệ phụ trách.

Trước tình hình cầu Gia Bẫy bị máy bay địch ném bom, phá hỏng, để đảm bảo giao thông, vận tải qua sông

Cầu ở khu vực Gia Bẫy, Hợp tác xã thuyền thành phố Thái Nguyên có sáng kiến ghép 3 thuyền lại thành 1 phà có trọng lượng tải 2,5 tấn để chở xe ô tô con qua sông Cầu khi cần thiết, đồng thời tổ chức lắp ghép cầu phao bến Oánh. 18 giờ ngày 19-10-1965, cầu phao bến Oánh đã được cán bộ, xã viên Hợp tác xã thuyền Thành phố lắp ghép xong và đưa vào sử dụng, kịp thời đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh, Thành phố đã huy động 100 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ ra đào, phá bom chưa nổ ở khu vực cầu Gia Bẫy. Sau 15 ngày, đêm làm việc khẩn trương, cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ Thành phố đã đào được 1 quả bom phá 500 bảng Anh chưa nổ, chui sâu ở mố cầu phía Tây, cạnh Quốc lộ 3, bảo đảm an toàn và đáp ứng yêu cầu giải phóng mặt bằng cho việc sửa chữa cầu.

Ba ngày sau trận đánh phá cầu Gia Bẫy, ngày 20-10-1965, giặc Mỹ tiếp tục cho máy bay xâm phạm vùng trời khu nam thành phố Thái Nguyên. Tiếp theo, ngày 1-12-

1965, máy bay Mỹ bắn rốc két xuống thị trấn Trại Cau⁽¹⁾ làm chết 1 người và bị thương 7 người. Với tinh thần cảnh giác cao, ngày 20-10-1965, đơn vị tên lửa 3.091 bảo vệ Thành phố đã phóng đạn chính xác, bắn rơi 1 máy bay phản lực Mỹ.

Tuy từ ngày 2-12-1965, máy bay Mỹ không trực tiếp đánh phá, nhưng vẫn tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời Thành phố, nhằm chuẩn bị cho các cuộc đánh phá mới với quy mô lớn, mức độ ác liệt hơn.

Trước tình hình đó, quán triệt sâu sắc nhận định và chủ trương của Tỉnh uỷ “Năm 1966, địch sẽ đánh phá ác liệt hơn, mục tiêu đánh phá của chúng sẽ là Khu công nghiệp Thái Nguyên và các trọng điểm giao thông trên Quốc lộ 3 và Quốc lộ 1B. Nhiệm vụ của quân và dân trong tỉnh là phải lấy sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu làm mục tiêu; phải tăng cường chuẩn bị để đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ với quy mô ngày càng lớn và tính chất ngày càng ác liệt hơn. Tích cực củng cố căn cứ địa, chuẩn bị trận địa, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch trong mọi tình huống”⁽²⁾, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội Thái Nguyên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và cử cán bộ xuống trực tiếp kiểm tra, đôn đốc công tác phòng tránh và đánh địch. Qua kiểm tra, nhân dân ở các khu vực Gang thép,

⁽¹⁾Thị trấn Trại Cau lúc đó thuộc thành phố Thái Nguyên.

⁽²⁾ Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 7/2/1966.

Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Nhà máy điện Cao Ngạn..., đã di dời tán cách xa các trọng điểm có thể bị máy bay địch đánh phá từ 1 km đến 5km; nhân dân ở các khu vực cầu Gia Bẩy, ga Lưu Xá đã thực hiện sơ tán triệt để.

Từ giữa tháng 4-1966, máy bay địch tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời thành phố Thái Nguyên. 14 giờ 20 phút ngày 23-4-1966, giặc Mỹ cho 3 tốp, 12 máy bay trinh sát vũ trang, bay thành nhiều tầng, nhiều hướng vào trinh sát Thành phố. Các lực lượng vũ trang bảo vệ Thành phố đã nêu cao tinh thần cảnh giác, nổ súng đánh trả kịp thời, bắn rơi 2 chiếc F105, tiêu diệt giặc lái.

Cuối tháng 4-1966, địch cho 3 hàng không mẫu hạm tiến ra vùng biển phía bắc Nghệ An để chuẩn bị đánh lớn. Ngày 28-4-1966, sau khi được Ủy ban hành chính tỉnh thông báo nội dung điện của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc “Địch có khả năng đánh sâu, đánh lớn vào Quân khu. Tỉnh cần có kế hoạch để các lực lượng vũ trang chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cao nhất cả ngày lẫn đêm, trong mọi thời tiết. Cần chú ý bảo vệ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng, các trọng điểm giao thông, các nơi đông dân cư. Tích cực thi đua bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 bằng mọi loại vũ khí”, Thành ủy, Ủy ban hành chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội cử cán bộ cùng với các đoàn cán bộ của Tỉnh xuống kiểm tra công tác phòng không, sơ tán ở một số trọng điểm nằm trên địa bàn Thành phố có thể bị máy bay địch đánh phá.

16 giờ chiều ngày 28-4-1966, Trung đoàn pháo cao xạ 210 làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Thành phố nhận được lệnh của Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không – Không quân chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu cấp I. Tiếp đó, Thường trực Thành uỷ, lãnh đạo Công ty gang thép Thái Nguyên được Văn phòng Tỉnh uỷ thông báo nội dung điện của Văn phòng Trung ương Đảng “ Ngày 29-4-1966, có khả năng địch sẽ đánh phá Bắc Thái. Phải cho dân sơ tán ra khỏi các khu vực Gang thép, Cao Ngạn, Quán Triều, Gia Bẩy, Đồng Bầm”. Sau khi nhận được thông báo của Văn phòng Tỉnh uỷ, Thành uỷ chỉ đạo Ủy ban hành chính Thành phố và các cơ quan chức năng (Thành đội, Công an, ..) cử cán bộ xuống kiểm tra, đôn đốc các đơn vị khẩn trương làm công tác phòng tránh và đánh địch. Các đồng chí lãnh đạo Thành uỷ, Ủy ban hành chính thành phố Thái Nguyên trực tiếp xuống các trận địa thăm hỏi, động viên cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ Thành phố và các đơn vị cơ sở của Trung đoàn phòng không 210 làm nhiệm vụ trực chiến.

Ban Thường vụ Đảng uỷ, Ban Giám đốc và Ban Chỉ huy phòng không Công ty gang thép Thái Nguyên hội ý, quyết định: Tổ chức ngay lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu; kiểm tra, củng cố hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống báo động phòng không; lập kế hoạch xử lý trong sản xuất khi bị máy bay địch đánh phá.

Cán bộ các cơ quan Trung đoàn phòng không 210 thay nhau xuống các trận địa kiểm tra, điều chỉnh quyết

tầm và chỉ đạo huấn luyện chiến đấu. Cán bộ, chiến sĩ các đại đội pháo cao xạ 100 li luyện tập thuần thục thêm cách bắn trực tiếp, không dùng khí tài radar và máy chỉ huy. Ban chỉ huy Trung đoàn 210 ra lệnh cho các đơn vị không được tự động bắn máy bay địch vào trình sát để giữ yếu tố bất ngờ.

Đúng như nhận định của trên, chiều ngày 29-4, từ 14 giờ 47 phút, địch sử dụng 2 tốp máy bay vào hoạt động ở đông bắc thành phố Thái Nguyên. 15 giờ 7 phút còi báo động phòng không của Thành phố rú lên từng hồi liên tiếp, hệ thống loa truyền thanh của Thành phố liên tục thông báo tình hình hoạt động của máy bay địch. Lập tức, các tổ chiến đấu và phục vụ chiến đấu của lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố nhanh chóng có mặt ở vị trí trực chiến. Tự vệ xưởng Hàn tán và tự vệ phòng Thiết kế của Công ty gang thép Thái Nguyên cơ động gần một km đến trận địa bộ đội phòng không Trung đoàn 210 làm nhiệm vụ phối hợp chiến đấu. Em Bùi Văn Hoà (13 tuổi, nhà ở Túc Duyên), đang chăn trâu, nghe có báo động phòng không, biết ở nhà chú mình có 1 hòm đạn, vội chạy về vác lên trận địa cho các chú dân quân trực chiến bắn máy bay địch.

15 giờ 9 phút, từ hướng Núi Voi, 2 máy bay Mỹ bay ở độ cao 800 mét lao thẳng về phía cầu Gia Bẩy; đồng thời từ hướng đông bắc Thành phố, 4 máy bay Mỹ khác theo dãy núi Linh Nham bay về hướng đông nam Thành phố rồi vòng theo hướng đường sắt Trại Cau – Gang thép.

Hai chiếc máy bay địch từ hướng Núi Voi lao xuống bị hoả lực tăng thấp của lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố và các phân đội súng máy cao xạ 14 li 5, 12 li 7, pháo cao xạ 37 li, 57 li của Trung đoàn 210 bắn lên dữ dội, 1 chiếc trúng đạn, vội bay vòng lại theo hướng đông bắc Thành phố để thoát thân, đến khu vực Văn Lãng (huyện Võ Nhai) thì bị rơi, cùng với 4 quả bom phá chưa kịp gây tội ác. Đây chính là chiếc máy bay Mỹ thứ 999 bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc.

Còn 4 chiếc máy bay phản lực Mỹ bay theo hướng đường sắt Trại Cau – Gang Thép, đến khu vực Lò Cao, 2 chiếc đầu bay thấp hơn bất ngờ bổ nhào ném bom ga Lưu Xá và ga Lập Tàu, các loại hoả lực phòng không của ta không kịp đánh trả; 2 chiếc sau bay cao hơn, bổ nhào định ném bom thì bị hoả lực phòng không của ta bắn trả dữ dội, không cắt được bom, 1 chiếc trúng đạn, bị thương bay về hướng Tây Bắc.

Tiếp đó, 1 tốp, 6 máy bay phản lực Mỹ khác, tiếp tục từ hướng Đông Bắc theo dãy núi Linh Nham xuống phía đông nam Thành phố, đột ngột quay lên hướng Gang Thép tiếp tục bổ nhào ném bom ga Lưu Xá, ga Lập Tàu, xóm Tiến Thành (xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ) và bắn rốc két xuống Nhà máy điện Cao Ngạn. Các hoả lực phòng không của ta tập trung bắn mãnh liệt vào khu vực máy bay địch bổ nhào. Trên đồi Tiến Lập (xã Gia Sàng), cán bộ, chiến sĩ Đại đội 101 (pháo cao xạ 100 li) tập trung bắn vào chiếc máy bay F 105 bay đầu từ lúc nó vọt lên lấy

độ cao thả nhào ném bom, hai loạt đạn đầu nổ rất chụm nhưng lại vọt cao liên tục. Máy bay địch ném 4 quả bom phá vào gần trận địa, đất, đá bắn tung toé, khói bụi bay mù mịt, mùi thuốc bom Mỹ, mùi thuốc đạn pháo của ta khét lẹt, nồng nặc..... Không nao núng, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 101 bình tĩnh cất lại ngòi nổ, nhằm vào chiếc máy bay Mỹ bay thứ hai, bắn rụng thành màn đạn cố định vào khu vực máy bay địch thả bom. Loạt đạn thứ nhất, sau khi các pháo thủ cất lại ngòi nổ, đã bắn trúng chiếc máy bay F 105 bay thứ hai, làm cho nó bùng cháy như một bó đuốc lớn, lao xuống cánh đồng làng Chùa (xã Túc Tranh, huyện Phú Lương), tên giặc Mỹ lái máy bay bị tiêu diệt. Lúc đó là 15 giờ 22 phút ngày 29-4-1966. Đây là chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc.

Tại Khu gang thép Thái Nguyên, một trong những khu vực bị máy bay địch đánh phá ác liệt, tự vệ các xưởng Bê tông, Gạch chịu lửa, Đường sắt, Tổng kho khối Cung ứng, Tổng đội 62 vẫn bình tĩnh chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Tại ga Lập Tàu – nơi bị máy bay Mỹ ném bom ác liệt nhất, đồng chí Nguyễn Văn Dấu, đảng viên, vừa chỉ huy tự vệ chiến đấu đánh trả máy bay địch, vừa bình tĩnh hướng dẫn hàng trăm công nhân, (phần lớn là phụ nữ), đang bốc xếp gang thép ở đây rút ra khỏi khu vực bị máy bay địch đánh phá, hạn chế được nhiều thương, vong, (trong số hàng trăm người đang lao động ở đây, có 6 người bị chết, 26 người bị thương). Trong lúc máy bay

địch đang găm rít trên đầu, bom từ máy bay địch ném xuống đang nổ rền bốn phía, đồng chí Minh Đoan ở Tổ tải thương Khối 37 Lưu Xá vẫn dũng cảm lao lên trận địa phục vụ chiến đấu.

Chiều ngày 29-4-1966, mặc dù Lực lượng vũ trang và Nhân dân thành phố Thái Nguyên đã có sự chuẩn bị phòng, tránh và đánh trả khá chu đáo, nhưng do địch huy động tới 15 chiếc máy bay phản lực các loại F 105, F 101, F4 ném và bắn nhiều loại bom đạn, với các thủ đoạn chiến thuật nham hiểm (bay nhiều tầng, nhiều hướng, vừa nghi binh, vừa đánh phá và trinh sát mục tiêu), tập trung đánh phá ga Lập Tàu và ga Lưu Xá, nên đã gây cho ta một số tổn thất về người và tài sản. Bom đạn địch đã làm 32 người bị chết và bị thương; hỏng 14 toa tàu, 1 ô tô, 24 đoạn đường sắt dài khoảng 800 mét.... Việc vận chuyển nguyên liệu, vật liệu bằng đường sắt từ ngoài vào Khu gang thép Thái Nguyên tạm thời bị gián đoạn. Ngoài ra, máy bay địch còn bắn rốc két xuống Nhà máy điện Cao Ngạn làm đứt đường dây điện cao thế và thủng tường nhà kho. Trước những đợt đánh phá ác liệt của địch, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã kiên cường chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần bắn rơi 2 máy bay Mỹ, trong đó có chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 bị bắn rơi trên miền Bắc.

Được tin quân và dân thành phố Thái Nguyên bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 trên miền Bắc, 173 tập thể và cá nhân ở cả trong và ngoài nước đã gửi thư và điện đến chúc mừng.

Tối ngày 30-4-1966, hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và Nhân dân thành phố Thái Nguyên tổ chức lễ mít tinh mừng chiến công bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 trên miền Bắc. Các đồng chí Chu Văn Tấn, Bí thư Khu uỷ kiêm Chính uỷ Quân khu Việt Bắc; Lê Hoàng, Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Thái đã đến dự, biểu dương chiến công của quân và dân thành phố Thái Nguyên.

*

* * *

Bị thất bại nặng nề, giặc Mỹ điên cuồng huy động máy bay, bom đạn đánh phá thành phố Thái Nguyên. Ngày 5-5-1966, 10 máy bay Mỹ ném bom, bắn phá ga Lưu Xá và khu vực Quán Triều. Tiếp đó, ngày 8-5-1966, 8 máy bay Mỹ chia làm 2 tốp, ném 12 quả bom phá xuống ga Lưu Xá, làm cháy 11 toa tàu (vì có 1 toa chứa dầu ma dút), hỏng 9 đường ray nhánh, 9 người bị thương. Ngày 22-5-1966, 17 máy bay Mỹ chia làm 5 tốp vào ném bom ga Lưu Xá, cầu Gia Bẩy và bắn tên lửa xuống khu phố Hoàng Văn Thụ. Tại ga Lưu Xá, bom Mỹ đã làm đứt gần 300 mét đường dây điện cao thế, phá hỏng nhiều đường dây điện thoại. Để đảm bảo thông tin liên lạc, kịp thời phục vụ các cấp, các ngành lãnh đạo, chỉ đạo chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất, cán bộ, công nhân Đội xung kích, Ty Bưu điện Bắc Thái đã nhanh chóng có mặt

tại hiện trường để khôi phục và sửa chữa đường dây. Nhờ vậy, đến 16 giờ 30 phút ngày 22-5, các kênh liên lạc bị đứt đã được nối thông.

Đầu tháng 6-1966, mưa nhiều ở đầu nguồn, mực nước sông Cầu tại cầu Gia Bẫy dâng cao tới 24 mét. Lợi dụng tình hình đó, giặc Mỹ huy động máy bay đánh phá ác liệt khu vực cầu Gia Bẫy và cầu Trà Vườn. 15 giờ 5 phút ngày 2-6-1966, máy bay Mỹ ném 16 quả bom phá xuống khu vực cầu Gia Bẫy, mặt cầu bị bay mất ván một đoạn ở giữa, nửa cầu về phía Đồng Bẩm bị vỡ xuống, 1 mố cầu bị hỏng; đoạn đường đầu cầu phía Quốc lộ 3 bị trúng 4 quả bom, khoét thành một hố sâu 10 mét, đường kính rộng 30 mét, giao thông qua cầu hoàn toàn bị ngừng trệ. Thành phố tập trung huy động lực lượng vũ trang và nhân dân phối hợp với Đội 91 Thanh niên xung phong của tỉnh san lấp hố bom, góp phần đảm bảo giao thông qua cầu thông suốt trong vòng 10 ngày sau đó. Sáng ngày 21-6, máy bay Mỹ ném bom cầu Trà Vườn, ga Quán Triều; tiếp đó, ngày 22-6, buổi sáng máy bay Mỹ ném bom các cầu Mỏ Bạch, Trà Vườn và đập Thác Huống; buổi chiều đánh phá tiếp cầu Trà Vườn và Nhà máy điện Cao Ngạn.

Ngay sau khi cầu Trà Vườn bị máy bay Mỹ ném bom, phá hỏng, lãnh đạo Công ty gang thép Thái Nguyên đã huy động hàng nghìn công nhân ra phối hợp với nhân dân và lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố san lấp hố bom, đảm bảo giao thông thông suốt ngay trong ngày.

Ngày 28-6-1966, địch huy động 5 lần tốp, 14 lần chiếc máy bay vào ném 20 quả bom phá xuống khu vực cầu Gia Bẫy, 3 quả rơi trúng lòng Đường 1B giáp cầu. Đường bị hỏng. Tại ga Lưu Xá, 300 mét đường sắt bị hỏng và 1 toa tàu bị phá huỷ. Với quyết tâm đảm bảo giao thông vận tải qua cầu Gia Bẫy kịp thời, thông suốt, chỉ sau 4 giờ lao động khẩn trương, lực lượng dân quân tự vệ và nhân dân Thành phố đã cùng với Đại đội 91 (Tiểu đoàn 19 công binh của Tỉnh đội) và 1 đại đội thuộc Đội 91 Thanh niên xung phong của tỉnh san lấp xong hố bom, đảm bảo giao thông thông suốt.

Như vậy, trong tháng 6-1966, số lần và số mục tiêu đánh phá của máy bay Mỹ trên địa bàn Thành phố nhiều hơn, hoạt động đánh phá dồn dập với quy mô ác liệt hơn nhiều so với trước.

Ngoài đánh phá các trọng điểm giao thông (cầu Gia Bẫy, ga Lưu Xá, cầu Trà Vườn), máy bay Mỹ mở rộng đánh phá sang một số mục tiêu khác ở ngoại vi Thành phố. Thủ đoạn đánh phá của địch thường là dùng máy bay F105 từ các sân bay ở Thái Lan qua Lào, lợi dụng các trục sông, trục đường giao thông và các dãy núi cao để vào đánh phá Thành phố. Khi vào đánh phá thành phố Thái Nguyên, máy bay địch chọn các hướng đánh khác nhau, nhưng vẫn lấy các trục sông, trục đường giao thông, đỉnh núi làm hướng chính để tiếp cận các mục tiêu. Cùng đánh một mục tiêu, nhưng mỗi trận đánh, máy bay địch lại dùng độ cao và góc bổ nhào khác nhau. Cùng đánh cầu

Trà Vườn, ngày 21-6, máy bay địch bay ở độ cao 4000 mét, bổ nhào ở góc từ 30 độ đến 35 độ; ngày hôm sau (22-6), máy bay địch lại bay ở độ cao từ 4.000 mét đến 5.000 mét, góc bổ nhào từ 45 độ đến 50 độ.

Đặc biệt, từ tháng 6-1966, máy bay địch đã chuyển từ thủ đoạn bay thấp, đánh lén trong các tháng trước, sang thủ đoạn công kích, ô ạt ở độ cao từ 2.500 mét đến 5000 mét. Những ngày cuối tháng 6 và đầu tháng 7-1966, địch liên tục cho nhiều tốp máy bay vào hoạt động trinh sát, chụp ảnh các mục tiêu giao thông, kinh tế và trận địa phòng không trên địa bàn Thành phố, chuẩn bị cho các trận đánh phá lớn.

15 giờ 25 phút ngày 6-7-1966, từ hướng tây nam Thành phố, 4 máy bay địch vòng lên Thành phố, 3 chiếc bổ nhào ném bom Kho vật liệu Lưu Xá; 1 chiếc bay thấp, định vòng lên phía Bắc đánh lén Nhà máy điện Cao Ngạn. Phát hiện được thủ đoạn địch đánh lén của máy bay địch lập tức các hoả lực phòng không tầm thấp của dân quân, tự vệ Thành phố và Trung đoàn 210 bắn lên mãnh liệt. Máy bay địch bị trúng đạn, cháy và rơi xuống xã Thịnh Đức (huyện Đồng Hỷ), tên giặc Mỹ lái máy bay bị tiêu diệt. 15 giờ 30 phút, máy bay địch vào ném bom Bệnh viện Khu và Trường Y sĩ Việt Bắc; 15 phút sau (vào hồi 13 giờ 45 phút), một tốp máy bay địch lại từ hướng Tây Bắc, theo trục sông Công về hướng Tây Nam, vòng lên hướng Bắc bổ nhào ném bom bi vào trận địa Đại đội 101

ở Gia Sàng. Một chiếc trong tốp này bị hoả lực phòng không của ta bắn bị thương nặng, bay đến vùng trời Tây Bắc của Tổ quốc thì bị rơi. Cũng vào lúc 15 giờ 45 phút, 1 chiếc trong tốp máy bay địch khác vào ném bom đường sắt từ ga Quán Triều vào Nhà máy điện Cao Ngạn và Kho xăng dầu Quán Triều, bị ta bắn trọng thương, khi bay về đến vùng biên giới Việt - Lào thì rơi. 16 giờ 10 phút ngày 6-7, địch cho 1 máy bay RF101 từ hướng Tây Bắc bay thấp theo trục đường sắt Quán Triều – Gang thép về hướng Đông Nam để trinh sát kết quả đánh phá của chúng. Như vậy, ngày 6-7-1966, ngày mở đầu giai đoạn đánh phá ác liệt vào thành phố Thái Nguyên, chỉ trong thời gian hơn 30 phút địch đã cho nhiều tốp máy bay vào đánh phá nhiều điểm với thủ đoạn nham hiểm vừa đánh phá, vừa nghi binh, trinh sát. Bom đạn Mỹ đã phá hỏng cầu và đường sắt đoạn từ ga Quán Triều vào Nhà máy điện Cao Ngạn.

Kiên quyết trừng trị quân xâm lược Mỹ, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bắn rơi 3 máy bay Mỹ, (có 1 chiếc tại chỗ).

Ngày 7-7-1966, địch cho 6 tốp máy bay vào đánh phá Bệnh viện Khu, Kho vật liệu Lưu Xá, Khu tập thể công nhân xưởng Hàn tán (Gang thép), Khu Ba Cống (gần Phố Hương), Cầu số 5 và Kho xăng Quán Triều. Với tinh thần chiến đấu cao, quân và dân Thành phố lại lập chiến công mới: bắn rơi 1 chiếc và bắn bị thương 1 chiếc khác.

15 giờ 10 phút ngày 8-7-1966, một tốp, 4 máy bay địch từ phía Tây Bắc, theo trục sông Công, bay thấp xuống phía Tây Nam, vòng lên bờ nhào ném bom Khu tập thể công nhân xưởng Hàn tán. Ba phút sau, từ hướng Tây Bắc, 4 máy bay khác của địch bay đến khu vực Núi Voi thì vòng lại, hai chiếc bờ nhào ném bom Cầu số 5, 2 chiếc bờ nhào ném bom Nhà máy điện Cao Ngạn. Tiếp đó, 15 giờ 16 phút, một tốp, 3 chiếc F 105 từ hướng Tây Nam vòng lên phía Bắc, sau đó vòng lại bờ nhào định ném bom tiếp Nhà máy điện Cao Ngạn, bị lực lượng phòng không của ta bắn lên dữ dội, 1 chiếc trúng đạn bốc cháy rơi xuống khu vực Cầu số 5, 2 chiếc còn lại vội quay đầu bay về hướng Đại Từ, cắt bom bừa bãi xuống khu vực núi Pháo. 15 giờ 29 phút, địch lại cho tiếp 4 máy bay F 105 vào ném bom Nhà máy điện Cao Ngạn. Lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố, phối hợp với các lực lượng phòng không của Bộ và Quân khu đánh trả quyết liệt, bắn rơi thêm 1 chiếc máy bay địch nữa.

Sau 3 ngày (từ ngày 6 đến ngày 8-7-1966) tập trung máy bay và bom đạn, đánh phá Thành phố Thái Nguyên rất ác liệt, bị quân và dân thành phố Thái Nguyên kiên cường đánh trả, bắn rơi 6 máy bay, đế quốc Mỹ buộc phải tạm dừng đánh phá, tiếp tục cho máy bay vào trinh sát, chuẩn bị cho các đợt đánh phá mới với quy mô và cường độ ác liệt hơn.

Hưởng ứng Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước ngày 17/7/1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Chiến tranh có thể

kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”⁽¹⁾ quân và dân thành phố Thái Nguyên đã cùng quân và dân trong tỉnh và quân, dân cả nước đẩy lên khí thế thi đua lập công, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Đảng bộ, Chính quyền và Cơ quan Quân sự các cấp từ Thành phố xuống cơ sở tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Nhân dân và Lực lượng vũ trang thực hiện tốt chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh “ Sơ tán triệt để khỏi các trọng điểm địch có thể đánh phá; kiểm tra, củng cố lại hầm, hố phòng không. Các trận địa phòng không thường trực sẵn sàng chiến đấu cao”.

Ngày 25-7-1966, từ 6 giờ 45 phút đến 7 giờ 18 phút, địch huy động 12 máy bay chia làm 3 tốp vào ném bom cầu Gia Bẩy, cầu Trà Vườn. Bộ đội tên lửa bảo vệ Thành phố đã kịp thời đánh trả, bắn rơi 1 chiếc. 13 giờ 5 phút ngày 31-7, 4 máy bay Mỹ bay ở độ cao dưới 2000 mét từ hướng Tây Bắc dọc theo sông Công xuống phía tây nam Gang thép vòng lên định đánh phá Thành phố, bị các đơn vị bộ đội tên lửa, cao xạ và dân quân, tự vệ đánh trả quyết

(¹) Hồ Chí Minh: Vì độc lập, vì tự do, vì chủ nghĩa xã hội – NXB Sự thật, Hà Nội 1970, trang 282, 283.

liệt, buộc phải tăng độ cao lên 3.000 mét bay về phía Tam Đảo.

Tuy địch thực hiện bước leo thang mới, dồn dập đánh phá vào thành phố Thái Nguyên, nhưng nhờ rút được bài học kinh nghiệm xương máu trong trận cầu Gia Bẫy (17-10-1965), các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo, động viên Nhân dân và lực lượng vũ trang làm tốt việc phòng, tránh và đánh trả, nên thiệt hại về người và tài sản không đáng kể. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Nhân dân và Lực lượng vũ trang Thành phố đã tỏ ra rất kiên cường, dũng cảm. Đồng chí Nguyễn Thị Hiền, nữ dân quân xã Đồng Quang, đang làm nhiệm vụ trên Đài quan sát thì bị máy bay địch đến ném bom, bị thương nặng, vẫn không rời vị trí chiến đấu. Đồng chí Trần Minh Giang, Chính trị viên Trung đội dân quân xã Gia Sàng, đang chiến đấu trên trận địa thì được tin máy bay Mỹ ném bom, nhà bị cháy. Đơn vị cho về cứu chữa, đồng chí đã bình tĩnh trả lời “Nhiệm vụ của tôi lúc này là bắn tan xác máy bay Mỹ, công việc ở nhà đã có bà con hợp tác xã”. Cháu Nguyễn Thị Thu (14 tuổi), đội viên Đội Thiếu niên tiên phong tiểu khu Quán Triều, gánh nước sôi lên trận địa cho các chú bộ đội uống, thì máy bay Mỹ ập đến đánh phá. Không may bị ngã xuống hố cá nhân, cả 2 thùng nước sôi đổ lên người, cháu Nguyễn Thị Thu đã hy sinh anh dũng trong niềm tiếc thương vô hạn của bộ đội, dân quân, tự vệ và nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Khi máy bay địch ném bom, bắn phá Nhà máy điện Cao Ngạn, nhà điều khiển trung tâm bị sập, đường nước tuần hoàn bị đứt ngang bên ống xi phông, cán bộ, công nhân trực trong Nhà máy đã bình tĩnh thao tác máy đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo máy móc an toàn, giữ vững dòng điện liên tục phục vụ cho sản xuất và chiến đấu.

Ngày 1-8-1966, giặc Mỹ liên tục cho nhiều tốp máy bay F105, F 4C, RF101 vào đánh phá và trinh sát các khu vực ga Lưu Xá, cầu Gia Bẩy, xã Gia Sàng. Các đơn vị bộ đội tên lửa, cao xạ bảo vệ thành phố Thái Nguyên đã đánh trả kịp thời, 1 chiếc máy bay F105 Mỹ, bị trúng đạn tên lửa, bùng cháy như một bó đuốc lớn, lao xuống xã Bình Dân, huyện Đại Từ, tên giặc Mỹ lái máy bay bị tiêu diệt.

Nhằm huỷ diệt các trận địa phòng không của ta, trong hai ngày 7 và ngày 8-8, giặc Mỹ huy động 10 lần tốp, 22 lần chiếc máy bay vào đánh phá các trận địa phòng không ở các xã Gia Sàng, Cam Giá. Thủ đoạn đánh phá của chúng là dùng nhiều tốp nhỏ, lẻ (2 chiếc một), hoạt động phân tán, đánh nhiều nơi cùng một lúc trong một khu vực để phân tán hoả lực của ta. Chúng tăng cường dùng thủ đoạn bỏ nhào khoan⁽¹⁾, hoặc lợi dụng hướng mặt trời, vọt lên tăng độ cao, bất ngờ bỏ nhào ném bom xuống trận địa. Đánh vào trận địa pháo phòng không 100 li của Đại đội 101 ở Gia Sàng, 2 máy bay F 105 của

⁽¹⁾ Bỏ nhào khoan là máy bay địch vừa vọt lên tăng độ cao, vừa nghiêng cánh và lượn vòng, khi đến điểm cao nhất thì ngoặt gấp theo đường số 8, đồng thời làm động tác nghiêng, ngửa, rồi bỏ nhào ném bom.

địch vọt lên tăng độ cao cùng một lúc, với giãn cách khoảng từ 5 giây đến 7 giây, sau đó liên tiếp bổ nhào cùng một hướng, nhưng xuống một độ cao nhất định thì mỗi chiếc ngoặt, khoan ném bom vào một nơi và phân tán ra hai hướng khác nhau. Thủ đoạn xảo quyệt này của địch đã làm cho ta khó phán đoán âm mưu từng chiếc đánh mục tiêu nào. Để đối phó với tên lửa của ta bắn lên, địch dùng thủ đoạn cho máy bay ngoặt xuống độ cao thấp, rồi cơ động độ cao và hướng. Các thủ đoạn đánh, phá này của địch đã phần nào hạn chế đến kết quả đánh trả của ta.

Ngày 7-8-1966, địch tiếp tục huy động máy bay vào đánh phá thành phố Thái Nguyên. Mặc dù các đơn vị bộ đội tên lửa và cao xạ bảo vệ Thành phố đánh trả rất mãnh liệt, bắn rất nhiều đạn, nhưng cũng chỉ bắn rơi tại chỗ được 1 chiếc. Trong khi đó, 2 quả đạn tên lửa của ta bắn lên bị “quá tải”, mất điều khiển, 1 quả rơi xuống khu vực Trường vùng cao Việt Bắc và 1 quả rơi xuống xã Tích Lương (huyện Đồng Hỷ).

Chiều ngày 12-8-1966, địch cho 24 lần chiếc máy bay vào ném nhiều bom phá, bom bi và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống các trận địa pháo cao xạ 100 li của các đại đội 101, 102, 104, 105 (Trung đoàn 210) nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Các lực lượng phòng không bảo vệ Thành phố đã đánh trả rất mãnh liệt, bắn rơi 2 máy bay Mỹ.

Tại trận địa pháo cao xạ ở xã Quang Vinh, trong lúc cán bộ, chiến sĩ Đại đội 102 đang tập trung đánh 1 tốp

máy bay địch từ hướng Tây Bắc sang thì bất ngờ bị 2 máy bay địch khác từ hướng Tây Nam cùng tăng độ cao, 1 chiếc bổ nhào ném bom Cầu Đá rồi bay ra hướng Tây Nam, 1 chiếc bổ nhào ném cả bom phá và bom bi xuống trận địa, rồi bay ra hướng Tây Bắc. Bị địch đánh lén bất ngờ, hơn 40 cán bộ, chiến sĩ Đại đội 102 đã hy sinh và bị thương; 3 khẩu pháo cao xạ 100 li bị phá huỷ, cả trận địa tê liệt, mất sức chiến đấu. Đây là một tổn thất rất nặng nề của bộ đội cao xạ Trung đoàn 210 nói chung, Đại đội 102 nói riêng trước thủ đoạn nghi binh, đánh lén của địch. Nguyên nhân chính của tổn thất này là do ta không phát hiện được địch từ xa, nên không tổ chức đánh trả kịp thời. Qua tổn thất của Đại đội 102, các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên đã họp, phân tích, rút kinh nghiệm và kết luận “Một trong những nguyên nhân quan trọng để đánh thắng địch, bảo vệ được mình là phải tổ chức trinh sát, phát hiện được địch từ xa và tổ chức đánh trả kịp thời”.

Chiều 18-8-1966, máy bay địch tiếp tục vào đánh phá Khu gang thép Thái Nguyên, Nhà máy điện Cao Ngạn và các trận địa phòng không trên địa bàn Thành phố. Nhờ phán đoán tương đối chính xác về âm mưu và thủ đoạn đánh phá của địch, quản lý chắc các tốp máy bay địch bay thấp, nghi binh và đánh lén, nên các đại đội 101, 103, 104, 105, 106 (pháo cao xạ 100 li), 501, 502 (pháo cao xạ 57 li), 12 đại đội pháo cao xạ 37 li, 1 đại đội, 2 trung đội súng máy cao xạ 14 li 5, 12 li 7 của Trung đoàn

210 và các lực lượng trực chiến phòng không của lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố đã tổ chức đánh trả kịp thời, bảo vệ an toàn Khu gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn.

Trước tình hình giặc Mỹ cho máy bay leo thang đánh, phá ngày càng ác liệt, Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc gấp rút tăng cường lực lượng phòng không bảo vệ Khu công nghiệp Thái Nguyên và các trọng điểm giao thông, kinh tế trên địa bàn Thành phố. Để có trận địa cho các đơn vị bộ đội phòng không triển khai chiến đấu, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố, Ban chỉ huy Thành đội Thái Nguyên lãnh đạo, chỉ đạo, huy động hơn 3.000 ngày công của cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, đào đắp 3.005 mét khối đất, đá để xây dựng các trận địa cao xạ, tên lửa, đáp ứng kịp thời cho các đơn vị triển khai chiến đấu.

Ban chỉ huy Thành đội đã trang bị thêm súng trường và súng đại liên cô li cấp cho 14 đơn vị trực chiến phòng không của lực lượng dân quân, tự vệ 6 xã, 4 khu phố, 4 xí nghiệp và hợp tác xã nằm trên địa bàn Thành phố. Ban chỉ huy Tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên (trực thuộc Tỉnh đội) trang bị thêm vũ khí cho 30 trận địa chính và 20 trận địa phụ của 29 đơn vị cơ sở tự vệ đầu mối trực thuộc. Trên các trận địa trực chiến phòng không của, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố đã đào đắp thêm được 26 km hào giao thông, đưa tổng chiều dài hào giao thông trên các trận địa phòng không của dân quân, tự vệ Thành phố

lên 37,8 km. Ngoài ra, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố còn đào thêm được 2861 hố cá nhân.

Thực hiện Chỉ thị số 27 ngày 20-8-1966 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “Về việc đẩy mạnh công tác phòng không sơ tán”, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố cử cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra công tác phòng không sơ tán của Uỷ ban hành chính tỉnh ở các xã Túc Duyên, Gia Sàng, Đồng Bẩm và một số cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn (gồm Khu gang thép Thái Nguyên và một số cửa hàng mậu dịch ...)

Qua kiểm tra, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố đều tổ chức quán triệt tốt Chỉ thị số 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đến cán bộ và nhân dân; nhận thức của cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể và Nhân dân Thành phố về công tác phòng không sơ tán được nâng lên; hầm, hào phòng không đã được tu sửa, củng cố và đào thêm; các kho tàng được phân tán và nguy trang. Tại Liên Thành, nhân dân đã thực hiện mỗi gia đình có 4 loại hầm (hầm ở nhà, hầm ngoài đồng cho người đi làm, hầm trên đường đi và hầm ở nơi sơ tán cho cụ già và trẻ em). Tại xã Gia Sàng với 3.000 hộ gia đình, nhân dân đã đào đắp được 740 hầm trú ẩn ở trong nhà (bình quân mỗi hộ gia đình có 2,5 hầm), 83 hầm ngoài đồng có thể đảm bảo cho 240 người trú ẩn. Xóm Đồng Tiến tuy chỉ có 123 hộ gia đình, nhưng nhân dân đã đào tới 300 hầm trong nhà (có 200 hầm vào loại kiên cố), 25 hầm, hào giao thông ở ngoài đồng (mỗi chiếc có thể đảm bảo cho từ 20 đến 25 người

trú ẩn). Xóm Xuân Tiến Thịnh chỉ có 111 hộ, nhưng đã đào được 240 hầm, hố phòng tránh ở trong nhà (có 110 cái vào loại kiên cố), 28 hầm ở ngoài đồng (mỗi cái có thể chứa từ 18 người đến 20 người). Ngoài ra, nhân dân xóm Xuân Tiến Thịnh còn đào 35 hầm trú ẩn cho trâu, bò, đắp 70 bịch đựng thóc và tài sản của gia đình. Xóm Xuân Quang có 65 hộ đã đào, đắp 200 hầm kiên cố ở trong nhà, 30 hầm ở ngoài đồng, 40 bịch để thóc, 48 hầm cho trâu, bò. Trên dọc các trục đường giao thông và các nơi công cộng trên địa bàn xã Gia Sàng, nhân dân còn đào đắp được 212 hố trú ẩn cá nhân, 60 giao thông hào trên các trục đường ra đồng. Do có hệ thống hầm, hào phòng tránh tốt, nên nhân dân xã Gia Sàng đã yên tâm sản xuất và sinh hoạt. Xóm Xuân Quang nhiều lần bị máy bay Mỹ ném bom phá và bom bi (năm 1966 đã đánh 3 trận), nhưng không có 1 người nào bị thương, vong. Ngoài hệ thống hầm hố kiên cố ở trong nhà, nhân dân các xã Phú Xá, Túc Duyên, Quang Vinh còn làm hệ thống giao thông hào từ trong nhà thoát ra ngoài đồng. Xóm Mỹ Lộc (cạnh ga Lưu Xá), năm 1966 bị máy bay Mỹ ném bom, bắn phá ác liệt 5, 7 trận, nhưng không có một người nào bị thương, vong.

Tuy vậy, Đoàn cán bộ kiểm tra thực hiện Chỉ thị 27 của Tỉnh uỷ cũng phát hiện, đoạn Quốc lộ 3 từ Khu Gang thép đến Cầu số 5, đoạn Quốc lộ 1B từ cầu Gia Bẩy đến Đồng Bầm, dọc các đường từ Phố Hương xuống Phú Bình, từ Đồng Quang đến Quán Triều hầm, hố phòng không còn ít, có đoạn quá ít, có đoạn hầm không có nắp,

nên không cố khả năng tránh được bom bi. Hợp tác xã Sa Hương (thuộc xã Đồng Bẩm) còn có 11 gia đình chưa có hầm trú ẩn, trong đó 3 gia đình có người là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của xã. Ban phòng không nhân dân xã Đồng Bẩm hoạt động kém hiệu quả, không nắm được các lực lượng cấp cứu phòng không (y tế, đào, bốc cứu sập hầm, tải thương....), nên khi máy bay Mỹ đánh phá vào chợ Đồng Bẩm và xóm Văn Thánh làm chết 9 người, bị thương 2 người, thì bộ phận chuyên trách lúng túng; cán bộ lãnh đạo mỗi người một ngả, khiến quần chúng nhân dân băn khoăn, lo lắng, dao động. Ngay Đội xe ô tô Công ty Nông sản – Thực phẩm của tỉnh đóng ở Đồng Bẩm cũng không có hầm, hố phòng không.

Qua phát hiện những hạn chế, thiếu sót trên, Đoàn cán bộ kiểm tra của Tỉnh và Thành phố đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có nội dung, biện pháp tổ chức khắc phục, nên đã hạn chế được nhiều tổn thất trong các đợt đánh phá tiếp theo của máy bay địch.

Bước vào mùa khô 1966-1967, khi cục diện chiến tranh ở miền Nam ngày càng có lợi cho ta, thì ở miền Bắc những bước leo thang đánh phá của đế quốc Mỹ cũng ráo riết và ác liệt hơn.

Sáng ngày 4-9-1966, 4 máy bay từ hướng Tam Đảo bay sang định đánh phá thành phố Thái Nguyên, Tiểu đoàn 3962 tên lửa bảo vệ Thành phố phóng 1 quả đạn chính xác vào chiếc đi đầu, làm nó bùng cháy lao xuống

xã Phúc Xuân (huyện Đồng Hỷ), 4 quả bom phá chưa kịp ném văng ra gần chỗ xác máy bay rơi. Thấy đồng bọn bị tiêu diệt, 3 chiếc máy bay địch còn lại hoảng hốt bay vòng lại phía sau. Trận đánh thắng lợi của Tiểu đoàn tên lửa 3962 một lần nữa khẳng định bài học cảnh giác, phát hiện máy bay địch từ xa, chủ động tấn công tiêu diệt chúng ngay từ quả đạn đầu, loạt đạn đầu là biện pháp tốt nhất để bảo vệ mục tiêu và bảo vệ mình. Tiếp đó, trong các ngày 10, 11, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 26 và 28-9-1966, giặc Mỹ cho nhiều tốp máy bay đến đánh phá và trinh sát nhiều điểm, ném xuống địa bàn thành phố Thái Nguyên một số lượng lớn bom phá và bom bi. Trong đó, ngày 17-9, máy bay Mỹ ném 12 quả bom phá, 2 quả bom bi xuống 3 điểm nằm trên địa bàn Thành phố. Tại khu vực chợ Đồng Bẩm, máy bay Mỹ đã ném xuống 8 quả bom phá, làm sập 2 hầm, chết 7 người, bị thương 10 người (có 5 người bị thương nặng), cháy và đổ 8 ngôi nhà. Tại khu vực phố Đội Cấn, máy bay Mỹ ném 2 quả bom bi mẹ làm cháy 16 ngôi nhà.

Để chuẩn bị cho các cuộc đánh phá mới ác liệt hơn, tháng 10-1966, máy bay địch tăng cường các hoạt động trên vùng trời Thành phố, chủ yếu là hoạt động trinh sát (cả ban ngày, lẫn ban đêm).

Đêm 21-11-1966, ngay sau khi được Tỉnh đội thông báo nội dung điện của Bộ Quốc phòng “Ngày 22-11-1966, địch sẽ đánh phá Nhà máy điện Cao Ngạn và các trọng điểm ở thành phố Thái Nguyên”, Ủy ban hành

chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội đã cử cán bộ đi kiểm tra công tác phòng không, sơ tán. Các lực lượng phòng không bảo vệ Nhà máy điện Cao Ngạn và các trọng điểm khác ở Thành phố đã làm tốt công tác chuẩn bị chiến đấu, sẵn sàng đánh địch.

Đúng như dự toán của Bộ Quốc phòng, ngày 22-11-1966, địch cho 4 tốp máy bay vào đánh phá và trinh sát thành phố Thái Nguyên. Một tốp máy bay địch từ hướng Tây Bắc bay xuống hướng Đông Nam, vòng lên định bỏ nhào ném bom Nhà máy điện Cao Ngạn, bị một quả đạn tên lửa của ta phóng lên trúng đội hình, 1 chiếc bốc cháy, rơi tại chỗ, 2 tên giặc Mỹ lái máy bay nhảy dù xuống bị dân quân xã Sơn Cẩm (huyện Phú Lương) và tự vệ Nhà máy mì sợi Bắc Hải tiêu diệt 1 tên và bắt sống 1 tên.

Tháng 12-1966, tổng thống Mỹ quyết định mở chiến dịch “Sấm rền 52” đánh vào 44 mục tiêu trên toàn miền Bắc, trong đó có nhiều mục tiêu nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

Bước sang năm 1967, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam ngày càng quyết liệt. Ở chiến trường miền Nam, các cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966 – 1967 của đế quốc Mỹ đều bị thất bại. Ở miền Bắc, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra hầu hết các tỉnh, thành phố. Ngày 24-1-1967, Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn họp ở Hônôlulu quyết định đẩy mạnh đánh phá miền Bắc bằng không quân, nhằm làm tê liệt hệ thống

giao thông vận tải miền Bắc, triệt đường viện trợ từ bên ngoài vào miền Bắc Việt Nam; cắt nguồn tiếp tế vật chất và người từ miền Bắc vào miền Nam; huỷ diệt tiềm lực kinh tế và quốc phòng của miền Bắc. Chiến dịch đánh phá mang tên “Sấm rền” của đế quốc Mỹ được bổ sung thêm nhiều mục tiêu mới. Tập đoàn không quân số 7 của Mỹ được quyền đánh phá vào toàn bộ 6 hệ thống mục tiêu: điện lực, công nghiệp, giao thông, kho nhiên liệu, cơ sở quân sự và trận địa phòng không.

Dự đoán trong năm 1967, địch sẽ đánh phá thành phố Thái Nguyên ác liệt hơn, Ban chỉ huy Thành đội trang bị thêm súng máy cao xạ 12 li 7 và 14 li 5 cho lực lượng tự vệ trực chiến phòng không của Công ty gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn.

Từ cuối tháng 12-1966, lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên có sự thay đổi. Theo thoả thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước Việt Nam- Trung Quốc, từ tháng 12-1966, quân đội Trung Quốc đã lần lượt cử các chi đội⁽¹⁾ 62, 170, 168 pháo cao xạ sang bảo vệ các mục tiêu quan trọng ở thành phố Thái Nguyên, thay thế cho Trung đoàn pháo cao xạ 210 đi chiến đấu bảo vệ Khu 4 và chiến trường miền Nam. Ngày 25-12-1966, Chi đội 62 hành quân tới thành phố Thái Nguyên. Thực hiện Chỉ thị ngày 9-1-1967 của Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái “Bằng mọi biện pháp tích cực nhất, đảm bảo vật chất phục

⁽¹⁾ Chi đội tương đương sư đoàn.

vụ kịp thời, đầy đủ và an toàn cho Chi đội 62”, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân trên địa bàn giúp Chi đội 62 làm nhiều nhà ở, nhà kho, vận chuyển hàng hoá, nguy trang trận địa và kéo pháo vào trận địa. Cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp từ Thành phố xuống cơ sở cử đại biểu các ngành, các giới đến thăm hỏi, động viên, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ Chi đội 62.

Từ giữa tháng 1-1967, Chi đội 62 bắt đầu tiếp nhận trận địa của Trung đoàn 210 và triển khai chiến đấu. Trung đoàn 210 vừa phối hợp chiến đấu với Chi đội 62 vừa rút dần từng đơn vị đi chiến đấu ở Quân khu 4 và chiến trường miền Nam.

Phát hiện được Chi đội 62 bộ đội Trung Quốc mới đến, chưa có kinh nghiệm chiến đấu và một số đơn vị của Trung đoàn 210 đã rút đi làm nhiệm vụ ở nơi khác, đế quốc Mỹ tập trung máy bay và bom đạn đánh phá ác liệt các mục tiêu và trận địa của ta ở thành phố Thái Nguyên, gây cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên nhiều tổn thất.

Ngày 17-1-1967, cả buổi sáng và buổi chiều, giặc Mỹ huy động 49 máy bay vào đánh phá các khu vực trọng điểm nằm trên địa bàn Thành phố. Buổi sáng, từ 7 giờ 10 phút, máy bay Mỹ đã vào ném nhiều bom phá, bom bi xuống Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, ga Lưu Xá, cầu Trà Vườn và nhiều điểm nằm trong Khu gang thép Thái Nguyên. Buổi chiều, máy bay địch tiếp tục ném nhiều

bom phá, bom bi xuống Đoàn Cơ giới, Xưởng 19-5 (cũ), Bệnh viện Gang thép (cũ), xưởng Hàn tán, Tổng kho Thiết bị, Kho xăng, Bãi Than và nhiều điểm khác của Công ty gang thép Thái Nguyên và một số trận địa cao xạ ở các xã Gia Sàng, Túc Duyên. Tổng cộng trong ngày 17-1-1967, máy bay Mỹ đã ném 178 quả bom phá, 26 quả bom bi mẹ xuống 23 điểm nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, làm cho gần 100 người bị chết và bị thương, 479 gian nhà bị cháy, bị hỏng, 17 con trâu, bò và 28 con lợn bị chết. Trận địa Đại đội 102 pháo cao xạ 100 li (Trung đoàn 210) bị máy bay Mỹ ném trúng cả bom phá và bom bi làm 27 người bị chết (có 15 người là bộ đội, 12 người là tự vệ, dân quân và nhân dân phục vụ chiến đấu), 59 người bị thương (có 24 người là bộ đội, 35 người là tự vệ, dân quân và nhân dân phục vụ chiến đấu). Liên tiếp trong các ngày 22, 28 và 29-1-1967, máy bay Mỹ vào đánh phá nhiều điểm nằm trên địa bàn cả 3 khu Bắc, Trung, Nam của Thành phố. Cầu Gia Bẩy bị máy bay địch ném 36 quả bom phá làm bay mất nhiều ván trên mặt cầu. Cầu Trà Vườn cũng bị máy bay Mỹ ném 10 quả bom phá.

Ngày 29-1-1967, tại trận địa xã Quang Vinh, trong lúc cán bộ, chiến sĩ Đại đội 105 (Trung đoàn 210) vừa thu pháo cao xạ chuẩn bị bàn giao trận địa cho bộ đội Trung Quốc thì máy bay địch đến ném 4 quả bom phá và 6 quả bom bi mẹ xuống trận địa, làm 18 cán bộ, chiến sĩ bị hy sinh (có 2 chiến sĩ bộ đội Trung Quốc) và 24 cán bộ,

chiến sĩ bị thương (có 4 chiến sĩ bộ đội Trung Quốc), 2 khẩu pháo cao xạ 100 li bị phá hỏng.

Nhận được tin trận địa pháo cao xạ ở xã Quang Vinh bị máy bay địch ném bom phá và bom bi, đồng chí Nguyễn Công Bằng, Bí thư Đảng uỷ kiêm Giám đốc Nhà máy điện Cao Ngạn quyết định điều gấp 2 xe cứu thương cùng toàn bộ số thuốc cấp cứu phòng không của Nhà máy và 1 xe ô tô xuống trận địa cứu chữa được nhiều bộ đội ta và bộ đội Trung Quốc bị thương.

Tổn thất về người và vũ khí trong trận máy bay địch đánh phá ngày 29-1-1967 ở trận địa xã Quang Vinh là do sự phối hợp bàn giao trận địa và tổ chức chiến đấu giữa bộ đội ta và bộ đội Trung Quốc không tốt. Qua tổn thất này, lãnh đạo, chỉ huy Trung đoàn 210 và lãnh đạo, chỉ huy Chi đội 62 đã rút kinh nghiệm, chỉ đạo các đơn vị hiệp đồng chặt chẽ, đảm bảo vừa bàn giao trận địa, vừa đánh địch liên tục.

Từ giữa tháng 3-1967, máy bay Mỹ tập trung đánh phá huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên. Ngày 10-3, giặc Mỹ huy động 32 máy bay, ném 108 quả bom phá xuống các xưởng Cán thép 650, Cơ khí, Hoá nghiệm, Hàn tán, Sửa chữa động lực 2, Thiêu kết, Bảo dưỡng cơ khí, Trạm điện 35 KW..., làm chết 4 người, bị thương 2 người. Hôm sau (11-3), giặc Mỹ lại huy động 46 máy bay, ném 180 quả bom phá, nhiều bom bi và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống 12 điểm nằm trong Khu gang thép Thái

Nguyên, làm 7 người chết, 23 người bị thương, nhiều nhà cửa, máy móc, thiết bị bị phá hủy.

Với quyết tâm chiến đấu bảo vệ Khu gang thép Thái Nguyên, hai ngày 10 và 11-3, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã làm tốt công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần cùng với Chi đội 62 bắn rơi 4 máy bay Mỹ, tiêu diệt và bắt toàn bộ số giặc Mỹ lái 4 chiếc máy bay đó. Trong hai đêm 19 và 20-3, máy bay Mỹ tiếp tục bắn tên lửa và ném nhiều bom phá xuống Khu gang thép Thái Nguyên.

Trong đợt bom ác liệt, cán bộ, công nhân Công ty gang thép Thái Nguyên đã nêu cao khẩu hiệu “Tay búa, tay súng”, dũng cảm, kiên cường bám máy, bám lò, bám xưởng giữ vững sản xuất và làm tốt công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Trong lúc bom, đạn do máy bay địch dội xuống nổ dữ dội, mặt đất rung chuyển, hệ thống cung cấp điện bị hỏng, cầu trục ngừng chạy, đồng chí Vương Diệc, Quản đốc Phân xưởng Đúc Thép bình tĩnh chỉ huy công nhân trèo lên cao, dùng sức người đẩy cầu trục, đưa nồi nước thép đang nóng chảy trên 1000 độ đến vị trí rót thép, cứu từng mẻ thép an toàn. Khi tầng trên của nhà đặt Tổng đài 500 số bị đánh sập, Lương Thị Thanh, công nhân trực Tổng đài đã bình tĩnh, tiếp chuyển thông tin, liên lạc chính xác, kịp thời phục vụ Ban chỉ huy Tự vệ và Ban Giám đốc Công ty gang thép Thái Nguyên lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và chiến đấu. Đồng chí Phạm Văn Hà, chiến sĩ cảnh sát khu vực Gang thép nghe tiếng trẻ khóc

đã dũng cảm rời khỏi hầm trú ẩn, băng vào khu vực máy bay Mỹ đang đánh phá đưa hai em nhỏ đến nơi an toàn. Bị thương nặng, đồng chí Phạm Văn Hà vẫn không rời vị trí làm nhiệm vụ, nêu cao tấm gương “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ” của người chiến sĩ Công an nhân dân Việt Nam anh hùng.

Hành động tập trung máy bay và bom đạn đánh, phá huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên hòng làm nhụt ý chí đội ngũ cán bộ, công nhân. Khu liên hợp gang thép Thái Nguyên của đế quốc Mỹ đã bị thất bại. Những ngày tháng 3-1967, máy bay địch đánh phá ác liệt, trong đội ngũ cán bộ, công nhân và chiến sĩ tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên luôn vang lên lời thề “Khi Tổ quốc cần, chúng tôi sẵn sàng đổi máu lấy thép”. Giữ vững lời thề thiêng liêng đó, trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ lần thứ nhất (từ tháng 10-1965 đến tháng 3-1968), cán bộ, công nhân, chiến sĩ tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên đã trực tiếp chiến đấu với gần 1460 lần chiếc máy bay Mỹ và 2.247 quả bom phá, bom bi mìn các loại, cùng với nhiều loạt đạn tên lửa, rốc két trong 112 trận. Trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất, vì sự nghiệp gang, thép của Tổ quốc, 112 cán bộ, công nhân và chiến sĩ tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên đã anh dũng hy sinh, 226 đồng chí khác đã bị thương. Đồng chí Chu Văn Cương, đảng viên, đang làm nhiệm vụ kiểm tra hệ thống nước làm mát vỏ lò cao số I thì máy bay Mỹ ập đến đánh phá. Bị thương rất nặng, phải

nằm trên giường cấp cứu của bệnh viện, đồng đội đến thăm, điều quan tâm trước tiên của đồng chí Chu Văn Cương là hỏi “ Lò cao có hoạt động bình thường không”. Vì vết thương quá nặng, đồng chí Chu Văn Cương đã anh dũng hy sinh. Đồng chí Hồng Long, Phó Giám đốc Công ty gang thép Thái Nguyên phụ trách sản xuất, sau mỗi trận máy bay địch đánh phá, đều luôn có mặt tại nơi bị máy bay địch ném bom để lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết hậu quả và nghiên cứu khôi phục lại sản xuất. Đồng chí Nguyễn Văn Tý, đảng viên, Đội phó Đội Hàn đã quyết tâm học tập, trở thành một trong những người thợ đầu tiên hàn được vỏ lò cao, đảm bảo chất lượng và năng suất cao. Giữa những ngày giặc Mỹ tập trung máy bay, bom đạn đánh phá huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên (đầu năm 1967), đồng chí Nguyễn Văn Tý đã anh dũng cùng đồng đội vừa đánh trả máy bay địch, vừa hăng hái sản xuất, được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lao động.

Nhằm cắt nguồn năng lượng thiết yếu cung cấp cho Khu gang thép Thái Nguyên và chìm thành phố Thái Nguyên trong bóng tối, cuối tháng 3-1967, máy bay địch tập trung đánh phá huỷ diệt Nhà máy điện Cao Ngạn. 15 giờ 15 phút ngày 19-3-1967, lợi dụng các dãy núi cao ở phía Bắc và Tây Bắc, 3 máy bay địch bay ở độ cao thấp từ 200 mét đến 300 mét vào tới gần khu vực Cao Ngạn, rồi bất ngờ tăng độ cao, bỏ nhào ném 7 quả bom phá và bắn 2 quả đạn tên lửa xuống khu vực phía bắc Nhà máy

Điện làm hỏng 1 trạm biến thế điện, đứt dây điện cao thế và hỏng 200 mét đường sắt từ ga Quán Triều về Nhà máy. Đêm 19-3, cán bộ, công nhân Nhà máy Điện tập trung sửa chữa. Sáng 20-3, Nhà máy Điện lại tiếp tục hoạt động phát điện, phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Thành phố.

Tiếp đó, 23 giờ 5 phút đêm 23-3, máy bay địch từ hướng Đông Nam bay lên ném 24 quả bom phá xuống khu vực Nhà máy điện Cao Ngạn. Đêm hôm sau (24-3), máy bay Mỹ lại ném tiếp 8 quả bom phá nữa xuống Nhà máy. Nhà máy điện Cao Ngạn bị hỏng nặng lò 1, lò 2, hỏng nhẹ lò 3; đường sắt chở nhiên liệu (than) từ ga Quán Triều vào Nhà máy bị hỏng 40 mét, Nhà máy phải ngừng sản xuất toàn bộ để sửa chữa, khôi phục.

Với quyết tâm “Địch đánh hỏng, ta sửa chữa phục hồi”, sau một thời gian ngắn, cán bộ, công nhân Nhà máy điện Cao Ngạn đã sửa chữa, phục hồi xong lò số 1, chạy 2 máy phát điện số 1 và số 2. Máy bay địch tiếp tục đánh phá Nhà máy điện Cao Ngạn làm hỏng cầu tải than, trạm bơm tuần hoàn và băng tải. Trước tình hình đó, lãnh đạo Nhà máy quyết định chuyển hướng từ sản xuất sang sơ tán máy móc, thiết bị.

Mặc dù máy bay Mỹ đánh phá thành phố Thái Nguyên rất ác liệt, nhưng trong nhân dân Thành phố vẫn xuất hiện các hiện tượng chủ quan, mất cảnh giác. Nhiều nơi, kể cả những nơi là trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ, nhân dân vẫn tập trung, hội họp rất đông người. Các

buổi tối, Rạp chiếu bóng Thành phố vẫn tổ chức chiếu phim, thu hút đông đảo người xem.

Chấp hành Chỉ thị ngày 25-3-1967 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “Đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân” và thực hiện Kế hoạch “Một tháng làm hầm hào” của Ban chỉ huy Tỉnh đội, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội cử cán bộ xuống cơ sở trực tiếp hướng dẫn nhân dân sửa chữa hầm, hào cũ, đào thêm hầm, hào mới. Sau 3 ngày làm việc khẩn trương, 100% các hộ gia đình ở khu phố Phan Đình Phùng đã đào xong hầm, hào liền nhà, liền đường. Dân quân và nhân dân xã Quang Vinh thành lập các đội chuyên đào hầm giúp các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội và các gia đình có hoàn cảnh neo đơn. Trong một tháng đào hầm, hào, cán bộ, công nhân, chiến sĩ tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên và cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 Công an nhân dân vũ trang của Tỉnh đã đào hoàn thành 2 hầm địa đạo sâu vào lòng núi từ 15 mét đến 20 mét.

Với khẩu hiệu “Nhà che mưa, che nắng. Hầm che máu, che xương”, trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (từ tháng 10-1965 đến tháng 3-1968), cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên đã đào được 13.377 hầm gia đình, 19.947 hố trú ẩn cá nhân, 2014 hầm cất tài sản, 1027 hầm trú ẩn cho gia súc, 59.370

hầm, hố công cộng và 146, 4 km giao thông hào⁽¹⁾. Ngoài ra, ở các khu vực nằm trên địa bàn trung tâm Thành phố, cán bộ, nhân dân và chiến sĩ lực lượng vũ trang còn đào một hệ thống hầm địa đạo đảm bảo an toàn cho các cơ quan Thành uỷ, Uỷ ban hành chính và các Đoàn thể của Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và chiến đấu. Ở các ngã ba, ngã tư, nơi giao điểm của các trục giao thông, Thành phố triển khai xây dựng các hầm bê tông nổi để đảm bảo an toàn cho cán bộ, chiến sĩ cảnh sát làm nhiệm vụ ẩn nấp khi máy bay địch đánh phá.

Nhờ Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội cùng với các ban, ngành chức năng của Thành phố làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân đào hầm, hố phòng tránh, nên đã hạn chế được nhiều tổn thất về người và của do máy bay địch đánh phá gây ra.

Trong những tháng cuối năm 1967, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn Thành phố ngày càng quyết liệt. Địch tập trung máy bay, bom đạn, đánh phá ác liệt, hòng huỷ diệt các nhà máy Điện Cao Ngạn, Giấy Hoàng Văn Thụ. Trong Khu liên hợp gang thép Thái Nguyên, máy bay địch tập trung đánh vào 3 lò cao, lò cốc, Trạm biến thế 35 KVA, Xưởng gạch chịu lửa, Khu vực cán thép... Bom đạn Mỹ

⁽¹⁾ Tổng kết 30 năm bảo vệ an ninh Tổ quốc (1945-1975) của thành phố Thái Nguyên, trang 23.

đã phá huỷ toàn bộ dây chuyền sản xuất chính của Nhà máy, gây tổn thất cho ta hàng trăm triệu đồng lúc bấy giờ.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 17 đến ngày 19-6-1967, tại xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên), Đảng bộ Thành phố tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III, xác định quyết tâm của Đảng bộ, Nhân dân và Lực lượng vũ trang Thành phố “Bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào, Đảng bộ Thành phố cũng phải lãnh đạo nhân dân phát huy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, với tinh thần tiến công cách mạng, kiên quyết góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch, bảo vệ khu công nghiệp của Tổ quốc, giảm đến mức thấp nhất sự thiệt hại về người và của, đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội; làm tốt công tác chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khoá III, gồm 21 Uỷ viên do các đồng chí Lê Đình Nhậm làm Bí thư, Dương Quyền làm Phó Bí thư, Dương Đình Hình làm Uỷ viên Ban Thường vụ – Thường trực Thành uỷ. Đồng chí Đại uý Nguyễn Tế Hồng, Chính trị viên Thành đội được bầu làm Uỷ viên Ban Thường vụ Thành uỷ khoá III.

*

* *

Sau khi đánh phá có tính chất huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên và các nhà máy Điện Cao Ngạn, Giấy Hoàng Văn Thụ, từ tháng 7-1967, máy bay địch tập trung đánh phá các trận địa phòng không của ta. Ngoài bom phá, bom hơi, máy bay địch còn ném xuống các trận địa phòng không của ta 78 quả bom bi mẹ, phần lớn là bom bi nổ chậm, gây cho bộ đội, dân quân, tự vệ nhiều khó khăn trong việc khắc phục hậu quả.

Trong hai ngày 12 và 13-7-1967, máy bay địch ném nhiều bom phá và bom bi xuống các trận địa phòng không ở xóm Thống Nhất (xã Đồng Quang), sân bay Đồng Bẩm và Làng Đông (xã Đồng Bẩm), xưởng Động lực (Gang thép).

Ngày 10-8-1967, máy bay địch ném 12 quả bom bi mẹ, hầu hết là bom bi nổ chậm xuống các trận địa ở các xã Quang Vinh, Gia Sàng. Tại trận địa nằm trên địa bàn xã Quang Vinh, bom bi nổ chậm đã làm cho 20 cán bộ, chiến sĩ bị thương và hy sinh. Trước tình hình đó, nhiều nữ dân quân xã Quang Vinh đã dũng cảm bò dưới làn bom bi nổ chậm vào trận địa đưa từng thương binh ra cứu chữa. Giữa lúc trận chiến đấu diễn ra quyết liệt, đồng pháo thủ số 1 bị thương, lập tức Nông Thị Hồng Thanh, nữ dân quân xã Quang Vinh đã bình tĩnh lao vào thay thế, khẩu đội tiếp tục nổ súng đánh trả máy bay địch. Các nữ chiến sĩ dân quân Vũ Thị Hồi, Nguyễn Thị Mùi ở xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng, có con nhỏ vẫn xung phong lên trận địa cứu thương, tải thương. Không quản tuổi cao,

sức yếu, lão dân quân Trần Bích, 62 tuổi ở Tiểu khu Quán Triều vẫn dũng cảm lên trận địa phục vụ bộ đội và dân quân chiến đấu và đã hy sinh anh dũng.

Những hành động dũng cảm, sẵn sàng hy sinh thân mình để cứu, chữa thương binh của nhân dân và cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên đã góp phần hạn chế được nhiều tử vong cho bộ đội khi bị máy bay địch đánh phá vào trận địa. Đó là những tấm gương tiêu biểu đã làm sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, góp phần tăng cường sức mạnh cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân chiến đấu, phục vụ chiến đấu đánh thắng địch.

Vừa tập trung đánh phá các trận địa, máy bay Mỹ vừa tăng cường đánh phá các đầu mối giao thông. Cầu Gia Bẩy, cầu Trà Vườn nằm trên địa bàn Thành phố luôn bị máy bay địch đánh đi, đánh lại nhiều lần. Để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn, Thành uỷ, Ủy ban hành chính Thành phố quyết định thành lập “Ban chỉ huy đảm bảo giao thông Thành phố”, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính Thành phố làm Chỉ huy trưởng và Đại úy Hoàng Nam Thành (Thành đội trưởng) làm chỉ huy phó. Sau khi thành lập, Ban chỉ huy đảm bảo giao thông Thành phố đã chỉ đạo và tổ chức tốt việc tu bổ, sửa chữa các bến phà Thác Oánh, Ngọc Lâm và các đường ngầm Sơn Cẩm, Bến Tượng. Nhờ đó, khi cầu Gia Bẩy bị máy bay địch ném bom, phá hỏng, giao thông vận tải trên Quốc lộ 1B qua

khu vực Gia Bẫy về thành phố Thái Nguyên luôn đảm bảo thông suốt.

Ngày 17-12-1967, máy bay Mỹ ném nhiều bom phá và 23 quả bom từ trường xuống khu vực Trung tâm thành phố Thái Nguyên, gây cho ta rất nhiều khó khăn trong việc khắc phục hậu quả. Tuy từ tháng 6-1967, máy bay Mỹ đã thả nhiều bom từ trường xuống các địa phương khác, nhưng khi địch thả loại bom này xuống thành phố Thái Nguyên thì bộ đội công binh của ta vẫn chưa tìm hiểu được nguyên lý cấu tạo và nguyên lý gây nổ, do đó chưa có biện pháp chống, phá hiệu quả. Trung úy Đoàn Mạnh Hùng⁽¹⁾, Trợ lý Công binh Thành đội Thái Nguyên được giao nhiệm vụ đi kiểm tra, đánh dấu bom nổ chậm. Kim loại của súng ngắn và kim loại của đồng hồ đeo tay mà đồng chí Đoàn Mạnh Hùng mang trong người đã kích nổ bom từ trường. Đồng chí Đoàn Mạnh Hùng bị hy sinh. Một xe ô tô chở lương thực và một số người dắt xe đạp qua khu vực có bom từ trường, kim loại của ô tô và xe đạp đã kích nổ bom từ trường, gây thương, vong.

⁽¹⁾ Đồng chí Đoàn Mạnh Hùng, sinh năm 1932; quê xã Anh Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; gia đình hiện nay trú tại Tổ 28, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên. Đồng chí Đoàn Mạnh Hùng nhập ngũ ngày 25/11/1952, xuất ngũ, chuyển ngành về Khu gang thép Thái Nguyên từ tháng 5/1960; tái ngũ vào làm Trợ lý Công binh Thành đội Thái Nguyên từ năm 1966; hy sinh ngày 18/12/1967. Đồng chí Đoàn Mạnh Hùng là liệt sĩ duy nhất của Thành đội Thái Nguyên, hy sinh trong khi làm nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Ngày 15/8/1985, Hội đồng Nhà nước đã ra Quyết định số 719 KT/HĐNN truy tặng liệt sĩ Đoàn Mạnh Hùng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

Trước tình hình việc giao thông vận chuyển hàng hoá và đi lại qua khu vực Thành phố Thái Nguyên bị ách tắc, Ban chỉ huy Tỉnh đội giao cho Ban Công binh đánh dấu các vị trí có bom chưa nổ, cử cán bộ đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm dùng các vật bằng sắt và nam châm để kích nổ, phá bom từ trường của thành phố Hải Phòng và Quân khu 4 . Được sự hướng dẫn, giúp đỡ và hỗ trợ của bộ đội Công binh Quân khu Việt Bắc, cán bộ, chiến sĩ Công binh của Lực lượng tự vệ thành phố Thái Nguyên đã dùng dây buộc mảnh tôn kéo qua bom từ trường, gây nổ từng quả một. Bằng phương pháp này lực lượng tự vệ thành phố Thái Nguyên đã cùng với bộ đội công binh của Quân khu Việt Bắc phá nổ 23 quả bom từ trường, giải tỏa hoàn toàn ách tắc giao thông qua khu vực Trung tâm Thành phố.

Đầu năm 1968, ở miền Nam cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân ta Tết Mậu Thân đã phá tan kế hoạch tìm diệt của địch, tạo ra một cục diện mới trên chiến trường. Từ phản công, quân địch phải lùi về phòng ngự trên hai hướng chính là Sài Gòn – Gia Định và Trị Thiên.

Ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ cũng bị thất bại nặng nề.

Hoà chung với khí thế chiến thắng của quân và dân cả nước, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố lãnh

đạo, chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân, đặt công tác phòng không nhân dân lên ngang hàng với các mặt công tác khác, do đó đã hạn chế được nhiều tổn thất do máy bay địch đánh phá gây ra.

Trong những tháng đầu năm 1968, máy bay địch đánh phá thành phố Thái Nguyên 7 trận, ném nhiều bom phá và bắn nhiều tên lửa xuống các trận địa phòng không của ta ở Xuân Quang (Gia Sàng), Ao Than (Quán Triều), Trạm bơm Gang thép và các nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Điện Cao Ngạn. Kiên quyết trừng trị tội ác quân xâm lược Mỹ, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã làm tốt nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần cùng với quân và dân trong tỉnh bắn rơi 2 máy bay Mỹ.

Bị thất bại nặng nề trong cuộc tiến công và nổi dậy của quân, dân ta ở miền Nam Tết Mậu Thân 1968 và thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ở miền Bắc, ngày 31- 3-1968, tổng thống Mỹ Giôn - xon buộc phải chính thức tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, chấp nhận đàm phán với Chính phủ ta tại Pa ri (Thủ đô nước Pháp). Cùng với quân và dân các huyện, thành phố trên miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, quân và dân thành phố Thái Nguyên kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Trải qua hơn 2 năm, 5 tháng leo thang đánh phá thành phố Thái Nguyên, (từ trận đầu tiên đánh cầu Gia Bẩy ngày 17-10-1965, đến trận cuối cùng đánh ga Lưu Xá và Bệnh viện Gang thép ngày 10-3-1968), đế quốc Mỹ đã huy động 1.639 lần chiếc máy bay các loại F4, F105, RF101, RF4C... (có 58 lần chiếc máy bay trinh sát) vào trinh sát và đánh phá thành phố Thái Nguyên. Máy bay Mỹ đã đánh phá thành phố Thái Nguyên 239 trận (có 80 trận vừa và nhỏ), trong thời gian 219 ngày và đêm. Máy bay Mỹ đã ném 3.176 quả bom phá, 244 quả bom hơi và bom từ trường, hơn 300 quả bom bi mẹ (104.760 quả bom bi con) và bắn 76 loạt đạn rốc két, tên lửa..., xuống 121 mục tiêu công nghiệp, 60 mục tiêu giao thông, 21 mục tiêu quân sự, 24 mục tiêu dân cư, 4 mục tiêu nhiên liệu nằm trên địa bàn 100% xã, khu phố thuộc thành phố Thái Nguyên. Bom đạn Mỹ đã giết chết 335 người, làm bị thương 596 người, phá huỷ hàng nghìn ngôi nhà và nhiều tài sản của nhân dân.

Nêu cao truyền thống anh hùng, bất khuất của quê hương Căn cứ địa Cách mạng, Thủ đô Kháng chiến chống Pháp, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cùng với các lực lượng phòng không-không quân của Bộ, Quân khu Việt Bắc và bộ đội Trung Quốc tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng

không quân của đế quốc Mỹ, bắn rơi 17 máy bay, tiêu diệt và bắt sống nhiều tên giặc Mỹ lái máy bay, (bắt 9 tên gồm 2 thiếu tá, 3 đại úy, 4 trung úy)⁽¹⁾.

*

* *

Trong bom, đạn ác liệt, Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã không ngừng được xây dựng, củng cố và trưởng thành. Ngay trong những tháng đầu tiên trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố và Ban chỉ huy Thành đội đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và thống nhất lực lượng dự bị và dân quân, tự vệ theo Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Trong đó, xã Gia Sàng đã làm tốt việc thí điểm triển khai cuộc vận động này theo sự chỉ đạo của Thành phố, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm để Thành phố vận dụng lãnh đạo, chỉ đạo các xã và khu phố khác thực hiện đạt kết quả tốt. Thực hiện cuộc vận động xây dựng và thống nhất lực lượng dự bị và dân quân, tự vệ, sáu tháng đầu năm 1966, Thành phố đã xây dựng và củng cố được 82 cơ sở

⁽¹⁾ Số máy bay Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời thành phố Thái Nguyên: 17/10/1965: 1 chiếc; 20/10/1965: 1 chiếc; 24/4/1966: 1 chiếc; 29/4/1966: 2 chiếc; (có chiếc thứ 1000); 8/5/1966: 2 chiếc; 12/8/1966: 1 chiếc; 14/8/1966: 2 chiếc; 4/9/1966: 1 chiếc; 22/11/1966: 2 chiếc; 10/31/1967: 2 chiếc; 11/3/1967: 2 chiếc. Trong số 9 tên giặc Mỹ lái máy bay bị bắt sống, lực lượng tự vệ bắt 6 tên gồm: Tự vệ Gang thép bắt sống 2 tên ngay tại chân Lò cao số 1; tự vệ Xưởng gạch chịu lửa bắt sống 1 tên ở Trại Cau; tự vệ trường Công nhân kỹ thuật 3 bắt sống 1 tên khi sơ tán ở Phúc Thuận (Phổ Yên); tự vệ Quán Triều và Tân Long bắt 2 tên ở cầu số 5.

dân quân, tự vệ (gồm Gang thép: 29 cơ sở; các cơ quan, xí nghiệp, trường học của Khu Tự trị Việt Bắc: 24 cơ sở, Thành phố: 29 cơ sở), với 364 trung đội. Toàn thành phố huấn luyện cán bộ dân quân đạt 84,4%, cán bộ tự vệ khu phố đạt 109%, cán bộ tự vệ cơ quan, xí nghiệp đạt 91,8%; 65,9% số cơ sở dân quân tự vệ đã triển khai được công tác huấn luyện quân sự, chính trị cho chiến sĩ, trong đó có 23% cơ sở hoàn thành chương trình huấn luyện cả năm. Các cơ sở tự vệ thuộc Công ty gang thép Thái Nguyên, Nhà máy điện Cao Ngạn, Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam đã kết hợp tốt việc huấn luyện quân sự với việc chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (10/1965 – 3/1968), Lực lượng dân quân tự vệ Thành phố đã xây dựng được 52 trận địa trực chiến phòng không, với 924 cán bộ, chiến sĩ tham gia; vũ khí trang bị có 22 súng máy cao xạ 12 li 7, 18 súng máy đại liên, trung liên và 200 súng máy tiểu liên và súng trường. Ban phòng không nhân dân các cấp trong Thành phố đã xây dựng được 125 đội cứu sập hầm, 125 đội cứu hoả, 125 đội cứu thương và 18 tổ, đài quan sát, báo động phòng không. Ban Y tế phòng không Thành phố đã xây dựng được 6 đội phẫu thuật lưu động và 3 cơ sở điều trị làm nhiệm vụ cứu, chữa thương binh và người bị nạn.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát và kiên quyết của Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố, toàn Thành phố đã có 49.652 người đi sơ tán; cán bộ và nhân

dân trong Thành phố đã đào được hơn 146,8km giao thông hào, 39.317 hầm tập thể, 37 hầm địa đạo, 21.011 hầm kèo, 3041 hầm gia súc và cất giấu tài sản. Cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương và lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố đã tháo, gỡ, thu nhặt 62 quả bom từ trường, 64 quả bom phá, 12.620 quả bom bi con và 25 quả đạn rốc két⁽¹⁾.

Vượt lên trên đạn, bom ác liệt của giặc Mỹ, các mặt Kinh tế, Y tế, Giáo dục, Văn hoá - Xã hội của thành phố Thái Nguyên vẫn được giữ vững và phát triển. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được giữ vững và phát triển, thu hút 97,40% số hộ nông dân ở Thành phố vào con đường làm ăn tập thể. Trong 3 năm (1965-1967), năng suất lúa của Thành phố tăng từ 35 tạ/ha (năm 1965), lên 37,28 tạ/ha (năm 1966), 45,92 tạ/ha (năm 1967); tổng sản lượng lương thực qui thóc năm 1967 đạt 4932 tấn, tăng 265 tấn so với năm 1966 và tăng 968 tấn so với năm 1965. Mức ăn bình quân của mỗi nhân khẩu nông nghiệp trên địa bàn Thành phố tăng từ 15,7 kg lương thực/tháng (năm 1965), lên 16,3kg lương thực/tháng (năm 1966) và 18,8 kg lương thực/tháng (năm 1967).

Trong hai năm 1966 và 1967, thành phố Thái Nguyên là nơi bị máy bay địch đánh phá ác liệt nhất so với các huyện, thị khác trong tỉnh. Do hầu hết các thôn,

⁽¹⁾ Báo cáo thống kê các mặt – Lưu trữ tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên

xóm, ruộng đồng của các xã, hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố đều ở gần các nhà máy, xí nghiệp, trận địa phòng không... (các mục tiêu mà máy bay Mỹ tập trung đánh phá nên nhiều cánh đồng ở các hợp tác xã Phú Xá, Tân Minh, Xuân Quang... đã bị bom Mỹ tàn phá, bà con nông dân phải san lấp hố bom, lấp bùn, nhặt từng mảnh bom, mảnh đạn, từng quả bom bị để cày, cấy. Có cánh đồng vừa cấy xong lại bị máy bay địch ném bom, phá hỏng, bà con xã viên các hợp tác xã phải cấy đi cấy lại tới 3, 4 lần.

Các cánh đồng ở gần các cầu, cống, trận địa, nhà máy, xí nghiệp thường xuyên bị máy bay Mỹ đánh phá, lực lượng dân quân và thanh niên xung kích đã dũng cảm đi đầu để giữ vững sản xuất. Năm 1967, Thành phố có 3 xã Đồng Bẩm, Quang Vinh, Túc Duyên và 8 trên tổng số 21 hợp tác xã nông nghiệp đạt năng suất trên 5 tấn thóc trên 1 ha. Chăn nuôi lợn của Thành phố phát triển tốt. Trên địa bàn Thành phố bình quân mỗi héc ta gieo trồng đạt 3,1 con lợn, mỗi hộ sản xuất nông nghiệp nuôi 2,3 con lợn và nếu tính thêm cả số lợn nuôi tập thể thì bình quân mỗi hộ đạt 2,8 con. Chăn nuôi gia cầm cũng được chú trọng. Năm 1967, nhân dân Thành phố bán cho Nhà nước 4 tấn gà, vịt, dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh. Ti trọng các ngành trong sản xuất nông nghiệp được phát triển đúng hướng của một thành phố công nghiệp. Năm 1967, so với tổng sản lượng nông nghiệp, ngành Trồng trọt chiếm 61,46% (tăng 11,2 % so với năm 1966), ngành

Chăn nuôi chiếm 36,98% (tăng 14% so với năm 1966). Trong ngành Trồng trọt, sản lượng rau xanh chiếm tỷ lệ 38,8% tổng sản lượng cây trồng. Giá trị tổng sản lượng sản xuất nông nghiệp của Thành phố năm 1967 đạt 4.517.000 đồng (tăng 466.000 đồng so với năm 1966 và tăng 1.464.000 đồng so với năm 1965). Sản xuất lương thực của Thành phố được ghi vào Sổ vàng thành tích sản xuất lương thực của tỉnh Bắc Thái.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Thành phố cũng được giữ vững. Năm 1967, mặc dù bị máy bay địch đánh phá ác liệt nhất, nhưng so với năm 1965, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Thành phố vẫn đạt 3.368.000 đồng, tăng 11,6% so với năm 1965.

Về Giáo dục, năm học 1966- 1967, trong điều kiện sơ tán phòng không, con em nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên vẫn đạt tỷ lệ thi lên lớp và thi đỗ tốt nghiệp cao nhất tỉnh, trong đó 60% học sinh cấp I và học sinh cấp II đạt tiêu chuẩn “Cháu ngoan Bác Hồ”. Trường phổ thông cấp II khu phố Hoàng Văn Thụ là lá cờ đầu trong phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” của tỉnh, được Hội đồng Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Trong công tác động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường, trong 3 năm (1965–1967), Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Thành phố Thái Nguyên đã động viên được 1057 con em

ưu tú của mình vào bộ đội⁽¹⁾; trong đó, so với chỉ tiêu quân số do Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự Thành phố giao, ty Nông nghiệp vượt 6,66%, ty Giao thông vượt 2,85%. Con em nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên vào bộ đội đã có mặt chiến đấu và công tác ở khắp các chiến trường và mặt trận, nhiều đồng chí đã trở thành những tấm gương sáng về ý chí, quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, về tinh thần chiến đấu hy sinh, sẵn sàng xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

An ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn Thành phố luôn được giữ vững. Xã Gia Sàng, Tiểu khu Tân Long là đơn vị lá cờ đầu của các xã, các tiểu khu trong Thành phố về phong trào giữ gìn trật tự, trị an. Xã Quang Vinh 3 năm liên được công nhận là “Đơn vị Quyết thắng” trên trận tuyến bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tất cả những thành tựu mà quân và dân thành phố Thái Nguyên đạt được trong gần 3 năm chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ (từ tháng 10-1965 đến tháng 3-1968) là tiền đề rất quan trọng để quân và dân thành phố Thái Nguyên tiến lên giành những năm thắng lợi lớn hơn trong những tiếp theo.

II - Đẩy mạnh tuyển quân chi viện chiến trường và tích cực xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; trực tiếp chiến đấu đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (4/1968 – 12/1972).

⁽¹⁾ Số con em nhân dân thành phố Thái Nguyên lên đường nhập ngũ năm 1965: 494 người, năm 1966: 393 người, năm 1967: 210 người.

Sau Tết Mậu thân 1968, cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam còn tiếp tục diễn ra hai đợt nữa ở một số đô thị. Do yếu tố bất ngờ không còn nữa, địch đã kéo quân về phòng thủ dày đặc các tuyến thành, thị nên “sức của ta bị hao mòn và giảm sút đi nhiều, cơ sở chính trị bộc lộ và bị tan rã, căn cứ đứng chân của ta ở các vùng nông thôn lại bị bỏ lỏng”⁽¹⁾, ta bị “... tổn thất, mất đất, mất dân, thương, vong nhiều, ảnh hưởng kéo dài đến những năm sau”⁽²⁾.

Tình hình đó đòi hỏi sự chi viện sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam trở nên to lớn và cấp bách hơn bao giờ hết. Tại Hội nghị giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành phố miền Bắc do Hội đồng Chính phủ tổ chức đầu năm 1968, đồng chí Phạm Văn Đồng, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị “Công tác động viên tuyển quân là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định”.

Thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ vào chỉ tiêu tuyển quân được giao, Thành uỷ chỉ thị “Dù trong điều kiện chiến tranh phá hoại ác liệt thế nào vẫn

⁽¹⁾ Hoàng Dũng: Tết Mậu Thân 1968 bước ngoặt quyết định- Tạp chí Lịch sử quân sự số 1, 1998, trang 15,16

⁽²⁾ Tổng kết Bộ Tổng Tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, NXB QĐND, Hà Nội 1997, trang 125.

phải tạo mọi thuận lợi cho việc hoàn thành có chất lượng mọi mặt nhiệm vụ chi viện tiền tuyến cả về sức người, sức của, với quyết tâm ưu tiên hàng đầu”. Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự Thành phố do đồng chí Dương Văn Quyền – (Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính Thành phố) trực tiếp làm Chủ tịch, đã họp giao chỉ tiêu tuyển quân cụ thể cho các xã, khu phố, các cơ quan, đơn vị trực thuộc; phân công từng thành viên trong Hội đồng xuống cơ sở kiểm tra, đôn đốc, động viên công tác tuyển quân. Kết quả trong năm 1968, Thành phố tiến hành 4 đợt tuyển quân, động viên được 416 người là con em nhân dân các dân tộc ở các xã, khu phố và 3958 người là cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, trường học... đóng trên địa bàn vào bộ đội. Trong đó, đợt tuyển quân thứ ba năm 1968, Thành phố vượt chỉ tiêu quân số 16,1% dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh, được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Trong số các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn Thành phố, so với chỉ tiêu được giao, tuyển quân đợt 3 năm 1968, các ty Lâm nghiệp vượt 5,38%, Bưu điện vượt 3,14%, Thuỷ lợi vượt 1, %.

Ngoài tuyển quân giao cho các đơn vị bộ đội chủ lực, ngày 18-7-1968, tại Rạp chiếu bóng thành phố Thái Nguyên, Ban chỉ huy Thành đội tổ chức thành lập 1 đại đội bộ binh (Đại đội bộ binh 2) giao cho Tiểu đoàn 68C của Tỉnh đội Bắc Thái huấn luyện, trực tiếp đưa vào chi viện cho chiến trường miền Nam với quân số khoảng 200 cán bộ, chiến sĩ, được biên chế thành 4 trung đội. Lúc mới

thành lập, Ban chỉ huy Đại đội gồm các đồng chí Trung úy Nguyễn Viết Thạch (Đại đội trưởng), Trung úy Dương Minh Đức (Chính trị viên), các thiếu úy Nguyễn Văn Dật, Hồ Chấn (Đại đội phó). Sau hơn 6 tháng huấn luyện tại xã Tân Thái (huyện Đại Từ), ngày 2-2-1969 cùng với cán bộ, chiến sĩ các đại đội, trung đội khác trong Tiểu đoàn 68C, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 (con em nhân dân các dân tộc Thành phố Thái Nguyên) lên tàu tại ga Đồng Quang tạm biệt quê hương lên đường hành quân ra mặt trận đánh giặc. Sau hơn 3 tháng hành quân, ngày 15-5-1969 đơn vị vào tới K9 (Tây Ninh), đảm bảo tỷ lệ quân số hành quân chiến đấu đến đích cao nhất so với các đơn vị khác. Năm 1970, Đại đội tham gia chiến đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong Chiến dịch Chenna 2. Sau đó đơn vị nhận thêm quân huấn luyện và chuyển xuống chiến đấu ở vùng miền Tây Nam Bộ. Trong chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 thành phố Thái Nguyên đã tỏ ra rất kiên cường, dũng cảm. Nhiều đồng chí đã lập công xuất sắc, được tặng thưởng Huân chương Chiến công; tiêu biểu là đầu năm 1972, tại An Biên (Rạch Giá), đồng chí Phan Trần Chí (Tham mưu trưởng Tiểu đoàn), bị thương đang nằm chờ phẫu thuật ở Trạm phẫu thuật tiền phương. Tại đây, khi địch đổ quân bao vây, đánh vào đơn vị, đồng chí Phan Trần Chí đã sử dụng súng AK chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, tiêu diệt được hàng chục tên địch và đồng chí đã hy sinh anh dũng ⁽¹⁾.

¹⁾ Tư liệu do các đồng chí Hầu Viết Đạo (nguyên chiến sĩ Đại đội 2, hiện trú tại xã Tức Tranh, huyện Phú Lương) và đồng chí Nguyễn Hùng Quý (nguyên chiến sĩ Đại đội 2, hiện trú tại phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên) cung cấp

Với tinh thần “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, qua 4 chiến dịch động viên tuyển quân năm 1968, thành phố Thái Nguyên đã giao quân vượt mức chỉ tiêu 4,52%; trong đó, tỷ lệ đảng viên nhập ngũ so với số người nhập ngũ đạt 15,14%, đứng thứ hai toàn tỉnh (sau huyện Phú Bình đạt 16,8%). Nếu tính từ năm 1965 đến hết năm 1968, tỷ lệ người nhập ngũ so với dân số của Thành phố đạt 3,88%; 100% đảng viên trong độ tuổi nhập ngũ ở các xã Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng đã được huy động vào bộ đội.

Những thành tích trong công tác tuyển quân và các chiến công của cán bộ, chiến sĩ là con em nhân dân các dân tộc Thành phố lập được ở chiến trường đã khẳng định sự đóng góp to lớn của Đảng bộ, Chính quyền, Đoàn thể và Nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc; thể hiện ý chí của quân và dân thành phố Thái Nguyên cùng với quân và dân cả nước quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Tuy nhiên, do chiến tranh diễn ra ngày càng ác liệt, thương binh từ các chiến trường trở về hậu phương ngày một nhiều, con số báo tử của Thành phố cũng ngày một tăng, nên đã có tác động không nhỏ đến tư tưởng của một bộ phận quần chúng; hiện tượng sợ hy sinh, ngại gian khổ cũng đã bắt đầu xuất hiện trong một số thanh niên. Trong

tại cuộc gặp mặt Ban liên lạc truyền thống Cựu chiến binh Tiểu đoàn 68C ngày 17/7/2005.

khi đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Cơ quan Quân sự ở cơ sở lại thiếu nhạy bén và không kiên quyết. Có cấp uỷ Đảng, đảng viên chưa quán triệt đầy đủ, chưa thấy hết trách nhiệm lãnh đạo của mình đối với công tác tuyển quân. Thậm chí một số cán bộ, đảng viên còn tìm cách trốn tránh trách nhiệm để cho con, em mình không phải đi bộ đội. Hiện tượng quan hệ nam, nữ bất chính, vi phạm hạnh phúc gia đình quân nhân đang chiến đấu ở xa, (ở xã và đường phố là 10,4%; ở cơ quan, xí nghiệp Nhà nước là 19,6%) đã làm cho những người đang chiến đấu ở chiến trường xa thiếu yên tâm tư tưởng, những người sắp lên đường đi chiến đấu không thật sự yên lòng đối với người vợ ở hậu phương⁽¹⁾.

Những hiện tượng trên đã gây bất bình trong nhân dân, nhiều nơi nhân dân không muốn cho con em mình vào bộ đội. Để khắc phục tình trạng đó, chấp hành Chỉ thị ngày 20-5-1969 của Uỷ ban hành chính tỉnh “Phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân năm 1969. Phải chỉ đạo chặt chẽ việc đăng ký, thống kê và quản lý quân dự bị để nắm chắc thực lực; khẩn trương triển khai công tác khen thưởng các gia đình quân nhân chống Mỹ, cứu nước, nhằm động viên tinh thần và tư tưởng quần chúng trước khi tiến hành tuyển quân năm 1969”, Thành

(1) Theo “Tổng kết chống chiến tranh phá hoại của thành phố Thái Nguyên”, trang 36: Trong số người quan hệ bất chính với vợ bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường có cả cán bộ, đảng viên ở cơ quan Thành đội; có cán bộ, đảng viên đã phải xử lý kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng.

ủy, Ủy ban hành chính Thành phố đặt công tác động viên tuyển quân chi viện cho chiến trường lên hàng đầu. Thành ủy, Ủy ban hành chính Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội. Tết Nguyên đán năm 1969, Thành phố tổ chức gặp các mặt gia đình có quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường miền Nam và Lào. Các ngành, các cấp tăng cường giáo dục truyền thống, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên. Ban chỉ huy Thành đội triển khai tốt công tác thống kê, nắm chắc thực lực từ cơ sở.

Năm 1969, Thành phố tiến hành 2 đợt tuyển quân, động viên được 376 người lên đường đánh Mỹ, trong đó so với chỉ tiêu quân số, khối xã và đường phố hoàn thành vượt mức 5,7% (đợt 1 vượt 8%, đợt 2 đạt 100%); khối các cơ quan, xí nghiệp.. đóng trên địa bàn Thành phố, bên cạnh các ty Lâm nghiệp, Giáo dục, Bưu điện, các trường trung học Sư phạm, Nông nghiệp, Đội 91 Thanh niên xung phong, Chi nhánh Ngân hàng và Bưu điện Khu tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu; thì các ty Thương nghiệp chỉ đạt 33,33%, Nông nghiệp đạt 70%, Công nghiệp đạt 75%, Văn hoá-Thông tin đạt 85,71%.

Giữa lúc lực lượng vũ trang và nhân dân thành phố đang sôi nổi thi đua đẩy mạnh mọi mặt hoạt động để chi viện cho chiến trường, thì một tổn thất lớn đến với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta: Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân – người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân từ

trần. Biến thương đau thành hành động, cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta Lực lượng vũ trang và Nhân dân Thành phố mở đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Trong hai năm 1970 và 1971, khối xã và đường phố của Thành phố tuyển được 470 người vào bộ đội, vượt mức chỉ tiêu trên giao 3,3%; khối các cơ quan, đơn vị Nhà nước trên địa bàn đạt gần 85%; trong đó, có một số đơn vị đạt thấp⁽¹⁾. (Trong tuyển quân đợt I năm 1971, thời gian chuẩn bị chỉ một tháng, từ cuối tháng 12-1970 đến cuối tháng 1-1971, đã giao quân, Thành uỷ, Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự Thành phố tập trung lãnh đạo, triển khai thực hiện, nên riêng khối xã và đường phố đã giao quân vượt chỉ tiêu 8%; cả năm 1971, riêng khối xã và đường phố giao quân vượt chỉ tiêu 13,8%).

Cùng với nhiệm vụ động viên tuyển quân chi viện chiến trường, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố lực lượng bộ đội địa phương và dân quân tự vệ vững mạnh, đáp ứng yêu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại chỗ. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IV (hợp tháng

⁽¹⁾ Tuyển quân năm 1970, khối các cơ quan Tỉnh tuyển quân chỉ đạt 41,08%, khối Uỷ ban hành chính Khu đạt 76,5%. Tuyển quân đợt I năm 1971, các ty Nông nghiệp đạt 80%, Giao thông đạt 66%, Lương thực đạt 60%, Y tế đạt 50%, Công nghiệp đạt 41,6%, Giáo dục đạt 39%, Bưu điện đạt 26%, Công ty xuất khẩu đạt 20%, Thương nghiệp đạt 18%..

4-1971) đã ra nghị quyết chỉ rõ “Coi trọng công tác xây dựng các lực lượng chiến đấu của dân quân, tự vệ và công an nhân dân, với phương châm vừa chiến đấu, vừa sản xuất”. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IV, các cấp uỷ Đảng, Chính quyền từ Thành phố xuống các xã, khu phố, cơ quan, đơn vị..., đẩy mạnh phát triển lực lượng dân quân, tự vệ, đưa tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số của Thành phố tăng từ 13% (năm 1965), lên 20,8% (năm 1971), vượt chỉ tiêu trên giao; 99,5% cơ sở Xã đội dân quân và Đại đội tự vệ có cấp uỷ Đảng trực tiếp lãnh đạo, 100% các Ban chỉ huy tự vệ ở các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp đều có cấp Uỷ viên phụ trách. Các Ban chỉ huy Xã đội dân quân, Đại đội tự vệ đều được kiện toàn đủ từ 4 đến 5 cán bộ. Trên địa bàn Thành phố, 100% đoàn viên nam và 95% đoàn viên nữ đã được động viên vào lực lượng dân quân tự vệ. Nhờ được thường xuyên củng cố, kiện toàn đảm bảo số lượng và chất lượng, lực lượng dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên luôn đáp ứng được yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại chỗ, đồng thời tham gia phòng chống bão, lụt, đào, phá bom nổ chậm đạt kết quả tốt. Năm 1969, Thành phố huy động 3526 ngày công của 204 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, đào được 22 quả bom phá (trong đó phá nổ 6 quả, tháo 16 quả) và 8 quả bom bi mìn. Năm 1970, lực lượng công binh của dân quân, tự vệ Thành phố tiếp tục rà, phá được 8 quả bom phá. Với những thành tích xuất sắc trong công tác đào và phá bom chưa nổ, trong hai năm 1969 và 1970, lực lượng dân quân tự vệ Thành phố đã được Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen. Các đồng chí

Nguyễn Hữu Hạnh (tự vệ Khu phố Phan Đình Phùng), Phạm Văn Thép (tự vệ Khu phố Hoàng Văn Thụ), Nguyễn Văn Sen (tự vệ Hợp tác xã Cơ khí Hồng Hà), Nguyễn Văn Hoàn (tự vệ Hợp tác xã Cơ khí Bắc Nam) luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đào, phá bom chưa nổ, được Ủy ban hành chính tỉnh tặng Giấy khen.

Tranh thủ thời gian máy bay địch tạm ngừng đánh phá, trong những năm từ 1968 đến 1971, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã tích cực khôi phục và phát triển sản xuất, khắc phục hậu quả chiến tranh, coi đó là hành động thiết thực góp phần vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Một trong những việc làm có ý nghĩa to lớn của Đảng bộ, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố trong thời gian này là đẩy mạnh và thực hiện thắng lợi cuộc động viên Chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tuy là một thành phố công nghiệp, nhưng thành phố Thái Nguyên có hơn 2650 hộ nông dân, với diện tích đất trồng trọt hơn 1100 ha (1000 ha cấy lúa và hơn 100 ha trồng rau xanh), nên sản xuất nông nghiệp giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế của Thành phố. Toàn Thành phố có 45 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 2583 hộ nông dân, chiếm tỷ lệ 97,39% tổng số hộ nông dân của Thành phố vào con đường làm ăn tập thể (có 41 hợp tác xã bậc cao, với 2503 hộ nông dân, chiếm tỷ lệ 96,9% số hộ nông dân trong hợp tác xã). Thực hiện cuộc động viên chính trị

“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Thành phố đã tập trung củng cố phong trào hợp tác xã. Đến năm 1971, 100% số hợp tác xã nông nghiệp của Thành phố đã qua 2 vòng cải tiến, quản lý, trở thành hợp tác xã bậc cao. Số hợp tác xã chuyên canh rau tăng từ 5 hợp tác xã (năm 1965), lên 7 hợp tác xã (năm 1971). Thành phố chỉ đạo các hợp tác xã Quan Triều, Minh Hoà, Tiến Thành làm thí điểm áp dụng kỹ thuật gieo thẳng lúa xuân, kết quả năng suất tăng gấp 4 lần cấy bằng tay. Cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của Thành phố được tăng cường, với 44 máy bơm nước, 11 máy xay sát, 3 máy tuốt lúa, 1 máy nghiền thức ăn gia súc, 1200 xe cải tiến, 108 sân phơi, 120 gian nhà kho, 3552 cày, bừa cải tiến, 67 bơm thuốc trừ sâu⁽¹⁾. Công tác thuỷ lợi được chú trọng đảm bảo nước tưới cho 90,1% diện tích trồng trọt vụ đông xuân. Vụ mùa năm 1971, Thành phố bị 4 trận lụt liên tiếp, làm ngập úng, hỏng 269 ha lúa. Tiếp tục thực hiện cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân áp dụng biện pháp gieo thẳng và tích cực tìm mạ ở các nơi khác về cấy lại hết số diện tích bị ngập, hỏng; năng suất lúa đạt hơn 38 tạ/ha. Năm 1972, năng suất lúa của Thành phố đạt 44,99 tạ/ha (tăng 17,8% so với năm 1971).

Chăn nuôi lợn được Thành phố ưu tiên giành 2% sản lượng lương thực cho chăn nuôi gia đình và 5% diện tích cho chăn nuôi tập thể, nên đàn lợn tăng từ 8559 con (năm

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Thành uỷ Thái Nguyên tại Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IV (tháng 4/1971)

1968), lên 9895 con (năm 1971) và 10.953 con (năm 1972). Sản lượng thịt lợn Thành phố bán cho Nhà nước tăng từ 140.830 kg (năm 1970), lên 190.289 kg (năm 1971) và 242.804 kg (năm 1972).

Sản xuất thủ công nghiệp trong hai năm 1969 và 1970 của Thành phố phát triển khá nhanh và vững chắc. Đầu năm 1970, Thành phố đã có một mạng lưới sản xuất cơ khí, một số cơ sở sản xuất cơ khí lớn đã được trang bị máy nổ, máy búa, máy ép đinh chạy điện, quay tay, máy tiện, máy hàn, máy cắt tôn, cưa đĩa, cưa vòng... Ngành Thủ công nghiệp của Thành phố đã sản xuất được phụ tùng xe đạp, vòng bi, đồ nhựa... Các hợp tác xã Cơ khí Hồng Hà, Bắc Nam, Biên Hoà, Cờ Hồng nhiều năm liên đạt tiêu chuẩn Hợp tác xã tiên tiến.

Phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” trong Ngành Giáo dục của Thành phố tiếp tục được đẩy mạnh. Năm học 1971 – 1972, tỷ lệ số học sinh được lên lớp cấp I đạt 95,7%, cấp II đạt 95%; toàn Thành phố có 20 trên tổng số 34 trường đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” cấp Thành phố và cấp Tỉnh (tăng 18 trường so với năm học 1970 – 1971).

Thành Đoàn Thanh niên vận động và tổ chức đoàn viên, thanh niên phát huy tốt vai trò xung kích trong khôi phục và phát triển kinh tế. Năm 1971, Đoàn Thanh niên Thành phố đã có 84 công trình xe máy, lò máy “Thanh niên”; 22 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm nguyên, vật liệu trong sản xuất thủ công nghiệp trị giá hàng nghìn đồng. Đầu năm 1971, Thành Đoàn huy động 3500 đoàn viên, thanh niên tham gia 3 đợt trồng cây mùa Xuân.

Ngoài ra, năm 1971, Đoàn Thanh niên Thành phố còn đóng góp 11.820 ngày công, làm được 4000 mét khối cát, sỏi để xây dựng, kiến thiết Thành phố.

Đầu năm 1972, ở miền Nam quân và dân ta mở một cuộc tiến công chiến lược lớn và giành được nhiều thắng lợi, đẩy chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ đến nguy cơ thất bại. Để cứu vãn tình thế đó từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 5-1972, đế quốc Mỹ đã điều sang Đông Dương 337 máy bay chiến thuật, 50 máy bay ném bom chiến lược B52, nâng số máy bay Mỹ ở Đông Dương lên 931 chiếc máy bay chiến thuật và 140 chiếc máy bay ném bom chiến lược B52. Trong hai tháng 4 và 5-1972, số tàu chiến đấu của Mỹ ở khu vực vịnh Bắc Bộ cũng tăng lên tới 66 chiếc (chiếm 60% tổng số tàu chiến đấu và đổ bộ của Hạm đội 7).

Trước tình hình đó, Bộ Tổng Tham mưu đã chỉ thị cho các lực lượng vũ trang miền Bắc sẵn sàng đánh trả, nếu địch đánh phá trở lại miền Bắc.

Thành phố Thái Nguyên là Thủ phủ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa- xã hội và quốc phòng của Khu Tự trị Việt Bắc và của tỉnh Bắc Thái ; là nơi tập trung nhiều công trình kinh tế, quốc phòng quan trọng của Trung ương (Khu liên hợp Gang thép, các nhà máy Điện Cao Ngạn, Giấy Hoàng Văn Thụ và các nhà máy Quốc phòng Z115, Z127...). Thành phố Thái Nguyên cũng là nơi tập trung nhiều đầu mối giao thông có ý nghĩa chiến lược quan trọng không chỉ đối với Tỉnh, Khu mà còn đối với cả nước.

Xuất phát từ đặc điểm, tình hình đó, nếu gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai, thành phố Thái Nguyên chắc chắn sẽ là mục tiêu, trọng điểm đánh phá ác liệt của đế quốc Mỹ.

Để bảo vệ thành phố Thái Nguyên, từ ngày 15-4-1972, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã gấp rút xây dựng, kiện toàn Tiểu đoàn 68 pháo cao xạ đủ 2 đại đội pháo 37 li và 1 đại đội pháo 57 li; đồng thời gấp rút triển khai thành lập khung Tiểu đoàn 68C dự nhiệm pháo cao xạ.

Các cơ sở dân quân, tự vệ trên địa bàn Thành phố đã xây dựng được gần 80 trận địa “Tay cày, tay súng”, “Tay búa, tay súng”, sẵn sàng lên trận địa chiến đấu, phục vụ chiến đấu khi có máy bay địch hoạt động.

Giữa lúc quân và dân thành phố Thái Nguyên cùng với quân và dân các huyện, thị khác tỉnh Bắc Thái đang ráo riết chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới, thì đế quốc Mỹ cho máy bay chiến lược B52 và tàu chiến liên tục ném bom, bắn, phá nhiều mục tiêu ở bắc Vĩ tuyến 20, gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc lần thứ hai.

Ngày 16-4-1972, đế quốc Mỹ huy động 261 lần chiếc máy bay chiến thuật, 9 lần chiếc máy bay chiến lược B52 vào đánh phá ác liệt thành phố Hải Phòng và 60 máy bay chiến thuật vào đánh phá Thủ đô Hà Nội, làm hàng nghìn người dân Hải Phòng và Hà Nội bị thương, vong; 12 trên tổng số 14 bể xăng và 7000 phi dầu ở Kho xăng dầu Đức Giang bị máy bay Mỹ ném bom, phá huỷ hoàn toàn.

Hưởng ứng lời kêu gọi ngày 16-4-1972 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thực hiện Chỉ thị ngày 19-4-1972 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái về “Tăng cường công tác, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân trong tình hình mới”, Thành ủy, Ủy ban hành chính và Ban chỉ huy quân sự Thành phố⁽¹⁾ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy công tác chuẩn bị phòng tránh và đánh địch. Cuối tháng 4-1972, toàn bộ các cơ quan Khu, Tỉnh, Thành phố, bệnh viện, trường học, người già, trẻ em và phụ nữ có thai được lệnh sơ tán khỏi thành phố Thái Nguyên. Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ tổ chức cho hơn 800 cán bộ, công nhân đi sơ tán, chỉ để lại ở Nhà máy 120 người sản xuất. Công ty gang thép Thái Nguyên tổ chức cán bộ, công nhân làm 3 ca, chỉ để lại 1 ca sản xuất, còn lại 2 ca sơ tán ra khỏi Nhà máy.

Tại Nhà máy điện Cao Ngạn, cán bộ, công nhân vừa đảm bảo sản xuất, vừa sơ tán được 300 người và tổ chức vận chuyển phân tán 1.500 tấn thiết bị, vật tư tồn kho ra khỏi Nhà máy. Ban Giám đốc Nhà máy huy động cán bộ, công nhân, viên chức xây được 320 mét khối gạch xỉ để che, chắn các máy biến thế điện; đào, đắp 2800 mét khối than xỉ bảo vệ máy phát; tổ chức sửa chữa hầm, hào phòng tránh cho cán bộ, công nhân viên làm việc trong Nhà máy; củng cố các đội cứu thương, cứu hỏa, cứu sập hầm và các đội thông tin trực chiến, sẵn sàng đối phó với các tình huống máy bay địch đánh phá. Sau khi được Bộ

¹ Từ cuối năm 1971, danh từ Ban chỉ huy Thành đội đổi thành Ban chỉ huy quân sự Thành phố

chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái và Ban chỉ huy quân sự Thành phố trang bị thêm 15 khẩu súng máy cao xạ 12 li 7, Đảng uỷ và Ban Giám đốc Nhà máy quyết định rút 60 cán bộ, chiến sĩ tự vệ là những đảng viên và quân chúng tốt, tổ chức thành 1 đại đội gồm 3 trung đội, làm nhiệm vụ trực chiến phòng không liên tục 24 giờ trong ngày. Đảng uỷ và Ban Giám đốc Nhà máy phân công 1 đồng chí Đảng uỷ viên trực tiếp làm Chính trị viên, đồng chí Thư ký Công đoàn trực tiếp làm Đại đội trưởng. Với 15 khẩu súng máy cao xạ 12 li 7, 2 khẩu súng trung liên và một số khẩu súng trường được trang bị, cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ Nhà máy điện Cao Ngạn sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

Sau hơn một tháng khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính thành phố Thái Nguyên và các ngành chức năng (Ban chỉ huy quân sự và Công an Thành phố) thường xuyên tăng cường kiểm tra công tác phòng không, sơ tán.

Sau ngày máy bay Mỹ ném bom Hải Phòng, Hà Nội (16-4-1972), Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức cho hơn 60.300 người sơ tán ra khỏi các khu vực trọng điểm có thể bị máy bay địch đánh phá (trong đó có 1750 hộ gia đình, gồm 8.484 người).

Những người ở lại Thành phố làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất đều có hầm, hào phòng tránh. Đầu tháng 5-1972, nhân dân Thành phố đã

tu sửa, đào đắp được 17.744 hầm gia đình và tập thể (có 1.035 hầm lát phẳng, 16.709 hầm kèo), 2.104 hầm xây gạch, 56 hầm xi măng cốt thép, 56 hầm địa đạo (mỗi hầm chứa được từ 50 người đến 120 người), riêng Khu gang thép Thái Nguyên làm được 36 hầm địa đạo). Trên địa bàn Thành phố còn có 2 hầm địa đạo lớn của Ủy ban hành chính tỉnh và của Thành ủy, mỗi hầm chứa được khoảng 200 người. Ngoài ra, ở những nơi công cộng, nhà ga, bến xe, hai bên trục đường giao thông, khu vực các nhà máy Điện, Giấy, Gang thép, cán bộ và nhân dân còn tu sửa và đào mới được 17.339 hố trú ẩn cá nhân (riêng Khu gang thép có 9.909 hố) và 46.895 mét giao thông hào (riêng Khu Gang thép có 11.052 mét).

Để kịp thời giải quyết hậu quả khi bị máy bay địch đánh phá, Thành phố đã tổ chức được 122 tổ cấp cứu, tải thương, với 1.106 người tham gia; 123 tổ đào bới sập hầm, với 1.314 người; 125 tổ chữa cháy, với 1.235 người; 6 tổ ứng cứu giao thông với 360 người; 8 đài quan sát báo động phòng không (có 3 đài chuyên nghiệp) làm nhiệm vụ thông báo, báo động cho nhân dân phòng tránh khi có máy bay địch, 4 trạm gác phòng không tại các đầu mối giao thông quan trọng của Thành phố. Lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố xây dựng được 1 cụm trận địa súng máy cao xạ 14 li 5 của tự vệ Công ty Gang thép, gồm 3 khẩu đội, 20 cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ thường xuyên trực chiến đấu liên tục 24 giờ trong ngày; 6 cụm trận địa súng máy cao xạ 12 li 7, gồm 24 khẩu đội, với 96 cán bộ, chiến sĩ tự vệ các nhà máy Cơ khí 3-2, Điện Cao Ngạn, Cán thép Gia Sàng; 8 cụm trận địa đại liên gồm 23 khẩu

đội, 106 cán bộ, chiến sĩ tự vệ (riêng Khu gang thép 6 cụm, 20 khẩu đội), 17 trận địa trung liên, súng trường ban ngày sản xuất, ban đêm làm nhiệm vụ trực chiến.

Để có lực lượng sẵn sàng đánh địch tập kết đường không, gây rối bạo loạn, Ban chỉ huy quân sự Thành phố tổ chức và trang bị thêm vũ khí cho Đại đội 23 tự vệ Nhà máy cán thép Gia Sàng làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu trên địa bàn tỉnh, Trung đội dân quân cơ động xã Đồng Quang, Trung đội dân quân cơ động xóm Xuân Thanh (xã Gia Sàng) và 2 trung đội tự vệ của Công ty Gang thép làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu trên địa bàn Thành phố.

Trung đội dân quân cơ động chiến đấu xóm Thái Ninh (xã Túc Duyên), Trung đội tự vệ cơ động chiến đấu Khu phố Hoàng Văn Thu và các Tiểu đội tự vệ cơ động chiến đấu của Công ty Ô tô, Ngân hàng tỉnh cũng được gấp rút củng cố về tổ chức, ổn định biên chế và huấn luyện theo phương án bảo vệ khu vực Thành phố.

Ngoài ra, Thành phố còn xây dựng được 1 trung đội công binh (Trung đội dân quân xã Đồng Bẩm) và 56 tổ công binh độc lập ở các xã, khu phố, tiểu khu, xí nghiệp, sẵn sàng làm nhiệm vụ khắc phục hậu quả và ứng cứu giao thông khi bị máy bay địch đánh phá.

Để lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố sẵn sàng làm tốt nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, Ban chỉ huy quân sự Thành phố tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng pháo thủ pháo cao xạ 37 li cho 133 cán bộ, chiến sĩ tự vệ (Tự vệ Công ty Gang thép 51 người, Tự vệ Nhà máy Giấy 34 người, Tự vệ Nhà máy Điện 48 người).

Ngoài ra, trong quá trình chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Thành phố còn huy động 1.630 công lao động ngoài giờ của lực lượng dân quân các xã Đồng Quang, Đồng Bẩm, Quang Vinh; tự vệ các khu và tiểu khu phố Quán Triều, Hoàng Văn Thụ; các nhà máy Gang thép, Điện, Giấy; huy động 21 xe ủi, gạt đất cùng với các đơn vị bộ đội xây dựng được 2 hầm sỏ chỉ huy Trung đoàn, 2 trận địa (bằng 12 ụ) pháo 100 li, 2 hầm khí tài, 2 hầm chỉ huy, với tổng khối lượng đào đắp 2.016 mét khối đất, đá. Cán bộ, công nhân và nhân dân Thành phố còn ủng hộ bộ đội 320 cây tre, cho mượn 21 nhà bạt lưu động.

Các lực lượng vũ trang và nhân dân thành phố Thái Nguyên phối hợp với các đơn vị bộ đội phòng không của Bộ và Quân khu cơ bản triển khai xong thể trận phòng không nhân dân, sẵn sàng chiến đấu.

Đêm 23-5-1972, sau khi nhận được điện của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thông báo nhận định của Bộ và Quân khu Việt Bắc “Ngày 24-5-1972, địch có thể đánh lớn vào Bắc Thái”, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính và Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã cử ngay cán bộ xuống các cơ sở trọng điểm kiểm tra, đôn đốc công tác sơ tán phòng không và thường trực sẵn sàng chiến đấu.

8 giờ ngày 24-5-1972, do được thông báo từ đêm 23, hơn 200 cán bộ, công nhân làm nhiệm vụ đào đắp công sự, che chắn thiết bị, máy móc tại Nhà máy điện Cao Ngạn đã được sơ tán triệt để, trong Nhà máy chỉ còn 40 cán bộ, công nhân trực ca 2 ở lại sản xuất.

10 giờ 45 phút, giặc Mỹ huy động 5 máy bay, chia làm 2 tốp bất ngờ lao vào ném 12 quả bom “tinh khôn”⁽¹⁾ và bắn một loạt đạn rốc két xuống Nhà máy điện Cao Ngạn, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ 2 vào địa bàn thành phố Thái Nguyên. Toàn Thành phố không kịp báo động phòng không. Tiểu đoàn 68B (pháo cao xạ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) và các đơn vị trực chiến phòng không của lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố hoàn toàn bị bất ngờ, không kịp nổ súng đánh trả. Bom đạn Mỹ đã làm cho Nhà máy điện Cao Ngạn bị tổn thất nặng (3 người chết, 6 người bị thương, 2 lò hơi đốt bị hỏng, kho tạp phẩm trị giá 54.000 đồng bị phá huỷ hoàn toàn). Nhà máy phải ngừng sản xuất để tháo dỡ 500 tấn vật tư, thiết bị đưa đi sơ tán.

Tuy bị máy bay địch đánh phá bất ngờ, nhưng cán bộ, công nhân trực ca 2 của Nhà máy điện Cao Ngạn vẫn bình tĩnh, dũng cảm thao tác vận hành máy. Tập thể ca trực 2 và 10 cán bộ, công nhân Nhà máy điện Cao Ngạn đã được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen.

Tổn thất nặng nề do máy bay địch đánh phá gây ra ở Nhà máy điện Cao Ngạn ngày 24-5-1972 là thực tế kiểm

⁽¹⁾ Bom “tinh khôn” có thể là bom điện quang hoặc bom lade. Bom điện quang là bom có 1 camera truyền hình nhỏ để ở đầu quả bom. Khi bom rơi, camera truyền hình ảnh đến thiết bị theo dõi trên máy bay; từ trên máy bay, sĩ quan phụ trách vũ khí có thể điều chỉnh hướng rơi của bom bằng cách sử dụng thiết bị điện tử lái cánh đuôi của bom. Bom la de: là bom ở đầu quả bom có gắn thiết bị tìm lade. Khi đánh phá miền Bắc, giặc Mỹ sử dụng một máy bay chiếu chùm tia la de xuống mục tiêu, một máy bay khác cất bom có gắn thiết bị tìm la de. Bom theo chùm tia la de xuống mục tiêu. Thông thường khi 2 máy bay bay ở độ cao từ 3,6km đến 4,6 km thì tỉ lệ số bom rơi cách mục tiêu trong vòng 9 mét là 50%.

nghiệm kế hoạch chiến đấu và phòng tránh của thành phố Thái Nguyên sau hơn 4 năm máy bay địch tạm ngừng đánh phá (từ tháng 4-1968). Tổn thất đó đã thể hiện công tác chuẩn bị phòng tránh và đánh địch của Thành phố tuy có cố gắng, nhưng còn nhiều sơ hở và thiếu sót, chưa đáp ứng được với quy mô và tính chất quyết liệt, dồn dập trong cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ hai của đế quốc Mỹ. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tổn thất này là do các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên nói chung, bảo vệ Nhà máy điện Cao Ngạn nói riêng chủ quan, mất cảnh giác, không phát hiện được máy bay địch từ xa, nên khi máy bay địch đến đánh phá thì hoàn toàn bị bất ngờ, chỉ huy lúng túng, xử lý chậm, không nổ được súng để đánh trả máy bay địch.

Đầu tháng 6-1972, sau khi địch thả 13.000 quả thủy lôi và bom từ trường xuống phong toả 43 cửa sông, bến cảng thuộc 10 tỉnh, thành phố trên miền Bắc, tỉnh Bắc Thái được Trung ương giao hai nhiệm vụ: Một là, tiếp nhận hàng (chủ yếu là lương thực và quốc phòng) từ các tỉnh Cao Bằng theo Quốc lộ 3, Lạng Sơn theo Quốc lộ 1B và Hà Bắc theo Đường sắt Kép – Lưu xá về, để vừa dự trữ, vừa tiếp chuyển cho chiến trường và các tỉnh trong khu vực, với khối lượng từ 30.000 tấn đến 50.000 tấn một tháng. Hai là, đảm bảo giao thông, vận tải thông suốt trong mọi tình huống trên các trục đường, đặc biệt là các trục đường chiến lược nằm trên địa bàn Thành phố.

Thực hiện nhiệm vụ Trung ương giao, toàn bộ trụ sở các cơ quan, trường học và tầng 1 của các nhà từ 2 tầng trở

lên nằm trên địa bàn Thành phố đều được Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh quyết định sử dụng làm kho chứa 14.000 tấn lương thực, gấp 4 lần sức chứa của tất cả các kho lương thực nằm trên địa bàn tỉnh. Các lực lượng công an, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ Thành phố được giao nhiệm vụ tổ chức tuần tra, canh gác bảo vệ các kho chứa hàng nằm trên địa bàn.

Nhằm tăng cường lực lượng vũ trang bảo vệ thành phố Thái Nguyên, trên cơ sở Tiểu đoàn cao xạ 68B của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, từ tháng 7-1972, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc quyết định thành lập Trung đoàn 256 pháo cao xạ, gồm 3 tiểu đoàn 1, 2, 3. Tiểu đoàn 1 bảo vệ khu vực Gang thép, Tiểu đoàn 2 bảo vệ khu vực Cao Ngạn, Tiểu đoàn 3 bảo vệ khu vực Đông Thành phố.

Được Cục Hoá học (Bộ Quốc phòng) và Phòng Hóa học (Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc) giúp đỡ, theo chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái và thực hiện Quyết định số 492/QĐ của Ủy ban hành chính thành phố Thái Nguyên, Ban chỉ huy quân sự Thành phố chỉ đạo xã Cam Giá và khu phố Hoàng Văn Thụ mỗi đơn vị tổ chức thành lập 1 tiểu đội dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ thả màn khói nguy trang đập thác Huống, cầu Trà Vườn và cầu Gia Bảy, chống lại bom “tinh khôn” của địch. Mỗi tiểu đội được biên chế 1 tiểu đội trưởng, 1 tiểu đội phó và 9 chiến sĩ dân quân, tự vệ tuổi từ 18 đến 35, không nằm trong đối tượng huy động phục vụ tại ngũ.

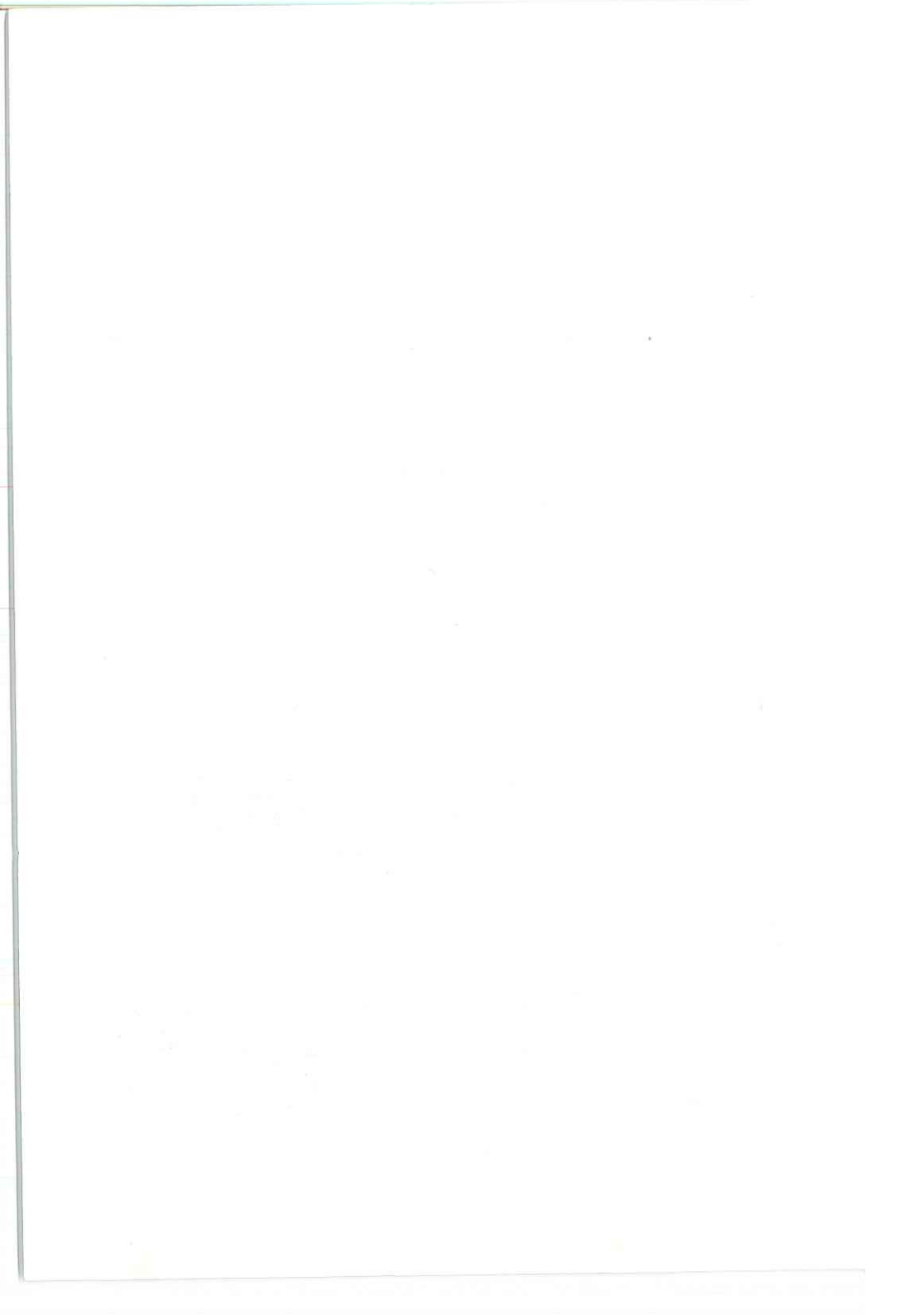
Trong những ngày cuối tháng 6-1972, máy bay Mỹ hoạt động với cường độ cao, đánh phá nhiều mục tiêu trên



Lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố chiến đấu, góp phần đánh thắng Chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ (1965-1972).



Cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự Thành phố tăng gia cải thiện đời sống.



địa bàn thành phố Thái Nguyên, gây cho quân và dân trên địa bàn thành phố Thái Nguyên nhiều thiệt hại về người và của. 14 giờ ngày 21-6, máy bay Mỹ ném 8 quả bom “tinh khôn” điều khiển bằng tia lade xuống cầu Trà Vườn, làm hỏng 2 mố cầu. 16 giờ 50 phút ngày 24-6, giặc Mỹ huy động 36 máy bay vào ném 196 quả bom phá xuống Khu gang thép Thái Nguyên, xã Cam Giá và Hợp tác xã Minh Hương, làm 9 người chết, 12 người bị thương, 51 ngôi nhà bị phá hủy. Xưởng Luyện thép Lưu xá trước đây bị máy bay địch đánh hỏng, đang khôi phục, nay lại bị máy bay địch ném trúng 4 quả bom “tinh khôn” điều chỉnh bằng tia lade, hỏng nặng hơn. Địch tập trung máy bay và bom đạn đánh phá với cường độ cao, thủ đoạn xảo quyệt, vũ khí trang bị tinh vi, hiện đại, các đơn vị bộ đội phòng không và dân quân tự vệ bảo vệ Thành phố rất tích cực nổ súng đánh địch, nhưng do lực lượng mỏng, ít kinh nghiệm chiến đấu, nên hiệu suất chiến đấu thấp, không bắn rơi được máy bay địch và không bảo vệ được mục tiêu. Đây là một thử thách rất lớn và quyết liệt đối với các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Quân khu Việt Bắc và Quân chủng Phòng không - Không quân, các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên vừa tiếp tục chiến đấu, vừa tranh thủ thời gian huấn luyện và rút kinh nghiệm. Nhờ vậy, hiệu suất chiến đấu của bộ đội và dân quân, tự vệ dần dần được nâng lên.

11 giờ ngày 28-8-1972, giặc Mỹ cho 6 tốp máy bay vào hoạt động, đánh phá Thái Nguyên. Một tốp máy bay

F4 của địch từ hướng Tây Bắc lao thẳng về phía trận địa Đại đội 1 (thuộc Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 256) ở khu vực Quán Triều. Bình tĩnh chờ cho trắc thủ đo xa Lưu Văn Thiện thông báo cự li máy bay địch bay vào tầm bắn hiệu quả, Đại đội trưởng Chu Quang Kỳ lập tức phát còi ra lệnh nổ súng. Từng loạt đạn pháo cao xạ 57 li từ trận địa Đại đội 1 vút lên không trung, nổ ròn rã, bủa vây tốp máy bay F4 của địch, 1 chiếc trúng đạn, bốc cháy. Đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị quân và dân thành phố Thái Nguyên bắn rơi trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Tiếp đó, hai ngày 10 và 13-9-1972, trùng trị máy bay Mỹ vào hoạt động, đánh phá Thái Nguyên, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 256 bảo vệ Thành phố đã bắn rơi liền 2 chiếc máy bay F4 của địch.

Từ đầu tháng 10-1972, giặc Mỹ sử dụng máy bay cường kích F111A cánh cụp cánh xoè vào hoạt động, đánh phá thành phố Thái Nguyên về ban đêm một cách liên tục, không có qui luật thời gian, với nhiều thủ đoạn phức tạp, gây căng thẳng, mệt mỏi, ảnh hưởng xấu tới sản xuất, chiến đấu và đời sống sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang bảo vệ Thành phố. Trong tháng 10-1972, máy bay Mỹ đã đánh phá thành phố Thái Nguyên 46 trận (có 32 trận về ban đêm), làm chết 85 người, bị thương 117 người (gần bằng 40% số người chết và bị thương do máy bay Mỹ đánh phá từ tháng 5 đến tháng 9-1972).

Nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tổn thất về người và của do máy bay Mỹ đánh phá về ban đêm gây ra, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân chấp hành nghiêm túc Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân ngày 20-10-1972 của Uỷ ban hành chính tỉnh “Từ 8 giờ tối đến 5 giờ 30 phút sáng hôm sau, nghiêm cấm để lọt ánh sáng ra ngoài; các xe cơ giới chỉ được sử dụng đèn ngấm; làm thêm hầm, hào trú ẩn ngay tại nơi ngủ, nơi sản xuất; các tổ cứu thương, tải thương diễn tập theo phương án thực hiện nhiệm vụ trong đêm tối. Tất cả các xã, khu phố đều phải tổ chức đài quan sát, trực báo động phòng không suốt ngày, đêm”. Ban chỉ huy quân sự Thành phố chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương “duy trì chặt chẽ chế độ thường trực chiến đấu; luôn tỉnh táo, cảnh giác, chủ động đánh địch không kể ngày, đêm. Tổ chức các trận địa cơ động, phục kích, đón lõng các đường bay của địch”.

Nhờ các phương tiện thông tin đại chúng và cán bộ các ngành, các cấp của Thành phố tích cực tuyên truyền, phổ biến “Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân” ngày 20-10-1972 của Uỷ ban hành chính tỉnh, nên ý thức cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu của Nhân dân và Lực lượng vũ trang Thành phố từng bước được nâng lên, dần dần hạn chế được những tổn thất do máy bay địch đánh phá về ban đêm gây ra.

Từ ngày 22-10 đến ngày 25-11-1972, giặc Mỹ liên tiếp cho 11 lần tốp máy bay trinh sát chiến lược SR71 và máy bay trinh sát không người lái vào hoạt động trên

vùng trời thành phố Thái Nguyên và các huyện khác trong tỉnh. Trước tình hình đó, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính thành phố tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang Thành phố nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, làm tốt công tác phòng không sơ tán.

Để đối phó với tình huống đế quốc Mỹ dùng máy bay ném bom chiến lược B52⁽¹⁾ đánh phá các kho tàng, chân hàng, đầu mối giao thông quan trọng, các khu công nghiệp nằm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, đầu tháng 11-1972, Trung đoàn 256 quyết định tách 3 đại đội 3, 5, 9 pháo cao xạ 100 li khỏi các tiểu đoàn về trực thuộc Ban chỉ huy Trung đoàn, sẵn sàng làm nhiệm vụ phối hợp với bộ đội tên lửa và không quân đánh máy bay chiến lược B52.

Đại đội 3 triển khai chiến đấu ở trận địa Viện Điều dưỡng (nay là Bệnh viện Lao). Đại đội 5 triển khai chiến đấu ở trận địa xã Quang Vinh; đại đội 9 triển khai chiến đấu ở trận địa xã Cam Giá. Mỗi đại đội pháo cao xạ 100 li

⁽¹⁾ Máy bay ném bom chiến lược B52 của đế quốc Mỹ là loại máy bay có thể hoạt động trong điều kiện thời tiết phức tạp, ném bom ở độ cao trên dưới 10 km. Mỗi máy bay B52 có 15 máy gây nhiễu tích cực, 2 máy gây nhiễu tiêu cực bằng kim loại. Máy bay B52 được Mỹ coi là vũ khí “linh hoạt nhất” trong bộ ba vũ khí chiến lược (gồm tên lửa chiến lược, tàu ngầm hạt nhân và máy bay ném bom chiến lược B52). Từ năm 1966, đế quốc Mỹ đã sử dụng máy bay B52 đánh phá miền Bắc. Sau nhiều lần xuất kích chưa bị trừng trị, giới quân sự Mỹ cho rằng “B52 có thể đánh bất kỳ mục tiêu nào ở miền Bắc Việt Nam”.

có 6 khẩu đội, 1 máy chỉ huy, 1 máy đo xa và 1 radar Son-9. Do tất cả các radar Son-9 của cả 3 đại đội 3, 5, 9 đều bị hỏng, các máy chỉ huy chưa được kiểm tra đồng bộ xong, nên Trung đoàn 256 xây dựng phương án dùng pháo cao xạ 100 li bắn máy bay B52 bằng phương pháp thao tác quay tay theo các phân tử tính sẵn, bắn dựng màn đạn cố định trên các đường bay của máy bay B52. Ban chỉ huy Trung đoàn 256 cử cán bộ về Quân chủng Phòng không – Không quân nghiên cứu, học tập cách đánh B52 bằng pháo cao xạ 100 li để về huấn luyện bộ đội. Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không – Không quân cử cán bộ trực tiếp xuống các đại đội 3, 5, 9 hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ cách hiệu chỉnh khí tài bắn máy bay B52. Ban chỉ huy quân sự Thành phố huy động hàng trăm cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ phối hợp với dân quân, tự vệ các huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình và bộ đội củng cố, sửa chữa trận địa cũ, làm thêm trận địa mới, xây dựng đường mới, sửa chữa đường cũ cho xe, pháo phòng không sẵn sàng cơ động bắn máy bay địch. Trung đoàn 256 tổ chức 2 trạm quan sát, phát hiện máy bay địch ở Đèo Khế và Núi Pháo (Đại Từ).

Đến giữa tháng 12-1972, lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên có 1 trung đoàn pháo cao xạ của Quân khu Việt Bắc và hơn 20 cụm trận địa súng máy cao xạ 14 li 5, 12 li 7, súng máy trung liên, thượng liên, đại liên và hơn 100 trận địa súng trường của bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên. Ngoài ra, lực lượng bảo vệ thành phố Thái Nguyên còn có một số đơn vị bộ đội cao xạ, tên lửa, không quân của Bộ Tư

lệnh Quân chủng Phòng không – Không quân cơ động chiến đấu trên địa bàn.

Giữa tháng 12-1972, tình hình trở lên hết sức khẩn trương, căng thẳng. Ngày 13-12, do thái độ ngoan cố, lật lọng của Mỹ, nên Hội nghị Pari về Việt Nam bế tắc. Ngày 14-12, tổng thống Mỹ Ních – Xon chính thức thông qua kế hoạch tập kích chiến lược bằng máy bay B 52 vào Hà Nội bắt đầu từ ngày 17-12 (theo giờ Hà Nội là ngày 18-12); đồng thời quyết định tiếp tục thả thủy lôi, bom, mìn phong tỏa vùng biển miền Bắc. Thực hiện kế hoạch đó, sáng ngày 17-12-1972, sau hai tháng tạm ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, đế quốc Mỹ huy động 13 lần chiếc máy bay, thả 150 quả thủy lôi, bom từ trường xuống luồng tàu biển ngoài cửa Nam Triệu, bắn hai quả tên lửa vào Kho xăng dầu Thượng Lý và thôn Vị Xuyên, xã Tân Dân, huyện An Thủy (Hải Phòng).

Ngày hôm sau (18-12-1972), đế quốc Mỹ, huy động một số lượng lớn máy bay chiến lược B52 và máy bay chiến thuật cùng nhiều khí tài điện tử gây nhiễu hiện đại vào đánh phá ồ ạt vùng Hà Nội, Hải Phòng. Từ ngày 18 đến ngày 24-12, đế quốc Mỹ sử dụng 129 lần chiếc B 52 và hơn 160 lần chiếc máy bay chiến thuật đánh phá Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi trên miền Bắc.

Từ 19 giờ 40 phút tối ngày 18, đến 4 giờ 51 phút ngày 19-12-1972, giặc Mỹ huy động 90 lần chiếc máy bay ném bom chiến lược B52, 135 lần chiếc máy bay chiến thuật các loại vào đánh phá các sân bay Kép, Hòa Lạc, Gia Lâm, Yên Bái và các khu vực Đông Anh, Yên

Viên, Đức Giang, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam ở Mễ Trì. Quyết tâm bảo vệ Thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng, quân và dân Hà Nội, Hải Phòng bắn rơi 3 máy bay ném bom chiến lược B52 (có 1 chiếc rơi tại chỗ). Đêm 19-12, máy bay B52 và máy bay chiến thuật của giặc Mỹ tiếp tục ném bom Hà Nội, Hải Phòng. Quân và dân Hà Nội, Hải Phòng bắn rơi tiếp 2 máy bay B52 nữa.

Tại thành phố Thái Nguyên, đêm 19 rạng ngày 20-12, đế quốc Mỹ cho nhiều tốp máy bay F111A cánh cụp, cánh xoè và các loại máy bay chiến thuật khác quần đảo, gây nhiễu và đánh phá một số điểm ở vùng ngoại ô.

4 giờ 30 phút ngày 20-12, giặc Mỹ huy động 5 tốp máy bay ném bom chiến lược B52 và nhiều máy bay cường kích chiến thuật ô at ném gần 1000 quả bom phá xuống 10 trọng điểm ở khu vực bắc thành phố Thái Nguyên. Tiếp đó, từ 23 giờ 40 phút ngày 20, đến 1 giờ 15 phút ngày 21-12, giặc Mỹ huy động tiếp 5 tốp máy bay B52 tiếp tục vào ném bom huỷ diệt khu Bắc Thành phố.

Các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên nổ súng đánh trả rất quyết liệt, nhưng phần vì hỏa lực hạn chế, phần vì chưa có kinh nghiệm, nên không bắn rơi được máy bay Mỹ. Bom đạn do máy bay ném bom chiến lược B52 của giặc Mỹ ném xuống đã huỷ diệt vùng dân cư Tiểu khu Thống Nhất và các hợp tác xã nông nghiệp Quang Tiến, Quyết Tiến (xã Quang Vinh), Tân Long (xã Tân Long), Nhất Tâm (xã Đồng Bẩm), các trường phổ thông cấp I xã Quang Vinh, cấp II Hoàng Văn

Thụ, cấp III vừa học vừa làm Thành phố, Trung cấp y sĩ Việt Bắc, Đại học sư phạm Việt Bắc. Đặc biệt, tại Khu tập thể công nhân Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, máy bay B52 của giặc Mỹ đã ném xuống 200 quả bom phá, làm 31 người chết, 4 người bị thương, hơn 40 ngôi nhà bị phá huỷ. Gia đình ông Vũ Kim Nhiên có 8 người, chết 7 người (chỉ còn sống sót một người con đi học ở Trường cấp III vừa học, vừa làm của Thành phố). Gia đình vợ chồng anh Hoàng Văn Tụ chết hết cả mẹ, vợ, chồng, con và 1 người bạn. Gia đình vợ chồng anh Nguyễn Kim Đăng chết 5 người, gồm chồng và 4 con, vợ bị thương nặng.

Để hạn chế tổn thất về người và của xuống mức thấp nhất do máy bay B52 Mỹ ném bom rải thảm, Thành uỷ, Ủy ban hành chính, Ban chỉ huy quân sự và Công an Thành phố cử cán bộ xuống cơ sở trực tiếp kiểm tra công tác phòng không sơ tán, đôn đốc các cơ quan, xí nghiệp, trường học, cửa hàng kiểm tra lại hầm hào, nếu chưa đảm bảo đủ số lượng và chất lượng thì tạm dừng sản xuất, học tập để làm cho đủ. Các xí nghiệp không thể tạm ngừng sản xuất, phải giành riêng một số nhân lực để làm hầm hào. Ở những nơi công cộng phải có đủ hầm hào phòng tránh cho người qua lại. Phân tán nhỏ các cửa hàng bách hoá, lương thực, thực phẩm. Thành phố củng cố lại hệ thống trinh sát, báo động phòng không.

Nhằm tập trung hỏa lực pháo cao xạ 100 li bắn máy bay B52, Ban chỉ huy Trung đoàn 256 quyết định chuyển Đại đội 9 từ trận địa xã Cam Giá lên trận địa xã Túc Duyên để cùng với Đại đội 3 ở Viện Điều dưỡng và Đại đội 5 ở xã Quang Vinh phối hợp chiến đấu.

Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban hành chính tỉnh và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy, Ủy ban hành chính Thành phố, ngày 22-12, Ban chỉ huy quân sự Thành phố phối hợp với Ban chỉ huy quân sự huyện Đông Hỷ huy động hơn 1000 dân quân, tự vệ ra đào đắp, sửa chữa, củng cố các ụ pháo ở trận địa Túc Duyên; sửa chữa đường để xe ô tô vận tải kéo pháo vào trận địa. Sáng 23-12, Ban Giám đốc Mỏ than Khánh Hoà điều động 4 xe vận tải Kra và URan kéo 6 khẩu pháo cao xạ 100li từ trận địa Cam Giá lên trận địa Túc Duyên. Chiều 23-12, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 9 đã hoàn thành việc chiếm lĩnh trận địa và triển khai chiến đấu ở trận địa Túc Duyên. Trưa và chiều ngày 23-12, giặc Mỹ cho nhiều tốp máy bay chiến thuật tiếp tục ném bom xuống các khu dân cư Chùa Hang và Chiến Thắng (thuộc xã Đồng Bẩm).

Chiều ngày 24-12, Ban chỉ huy và cán bộ các cơ quan Tham mưu, Chính trị Trung đoàn 256 trực tiếp xuống các đại đội 3, 5, 9 kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo công tác chuẩn bị chiến đấu. Ban chỉ huy các đại đội 3, 5, 9 mở hội nghị quân nhân bàn biện pháp và quyết tâm bắn rơi máy bay B52, trả thù cho nhân dân thành phố Thái Nguyên bị bom Mỹ giết hại và chia lửa với Thủ đô Hà Nội. Khẩu hiệu “Quyết tâm bắn rơi máy bay B52 của giặc Mỹ” được cán bộ, chiến sĩ các đại đội 3, 5, 9 quán triệt sâu sắc và biến thành hành động cụ thể trong thực chiến sẵn sàng chiến đấu và trong bảo quản, bảo dưỡng vũ khí, khí tài.

19 giờ 45 phút ngày 24-12, từ các hướng Tây và Tây Bắc, máy bay B52 của giặc Mỹ bay theo trục Đường 13A tiến vào thành phố Thái Nguyên. Ban chỉ huy Trung đoàn 256 ra lệnh cho các đại đội 3, 5, 9 chuẩn bị đánh B52 theo phương án bắn dựng màn đạn cố định bằng ngòi nổ định sẵn ở độ cao từ 10 km đến 12 km.

Từ 19 giờ 55 phút ngày 24, đến 0 giờ 5 phút ngày 25-12, giặc Mỹ huy động 34 máy bay B52 và gần 40 máy bay chiến thuật ô ạt vào ném hơn 700 quả bom các loại xuống Khu Nam thành phố Thái Nguyên. Thảm bom B52 kéo thành 3 vệt dài, vệt thứ nhất từ Bệnh viện Điều dưỡng đến Hợp tác xã Cơ khí Hồng Hà; vệt thứ hai từ xóm Cầu Thông (xã Tích Lương) qua Xí nghiệp 19-5, Khu tập thể Công ty Xây lắp, Bệnh viện Gang thép đến Nhà máy cán thép Gia Sàng; vệt thứ ba từ Trường Đại học cơ điện Việt Bắc (nay là trường Đại học công nghiệp Thái Nguyên), qua ga Lưu Xá đến Xưởng Gang (Công ty gang thép Thái Nguyên).

Tuy thời tiết xấu, trời tối, lại bắn máy bay địch trong điều kiện không có khí tài điều khiển, khí tài quan sát máy bay địch ban đêm có nhiều hạn chế, nhưng cán bộ, chiến sĩ các đại đội 3, 5, 9 vẫn bình tĩnh, kiên trì bám trận địa, sẵn sàng trên mâm pháo chờ máy bay địch. Khi máy bay B52 của địch bay vào tới tầm bắn hiệu quả, Ban chỉ huy Trung đoàn 256 ra lệnh cho các đại đội 3, 5, 9 đồng loạt nổ súng, tập trung hỏa lực bắn máy bay B52. Bầu trời thành phố Thái Nguyên sáng rực bởi lửa, đạn của súng, pháo phòng không các loại. Tiếng nổ của bom từ máy bay

B52 của địch ném xuống, tiếng đạn pháo cao xạ của ta bắn lên đã làm rung chuyển cả một vùng.

Tại trận địa Đại đội 5 ở xã Quang Vinh, sau khi nhận được thông báo về hướng, cự li của máy bay B52 và lệnh nổ súng của Ban chỉ huy Trung đoàn 256, đồng chí Nguyễn Công Tuấn, Đại đội trưởng bình tĩnh chỉ huy cả 6 khẩu đội bắn đồng loạt vào từng tốp máy bay B52. Trong khói đạn mịt mù, Trung sĩ Giá Văn Trường, Khẩu đội trưởng Khẩu đội 3 vừa chỉ huy Khẩu đội bắn theo lệnh của Đại đội trưởng Nguyễn Công Tuấn, vừa làm pháo thủ thay chiến sĩ bị thương. Chiến sĩ Vũ Đình Chiến, vừa rời ghế nhà trường vào bộ đội được 3, 4 tháng, thoăn thoắt vác từng quả đạn pháo cao xạ 100 li nặng bằng trọng lượng của cơ thể mình, chuyên cho đồng đội. Chiến sĩ Trần Quốc Hùng, nhận được tin gia đình bị máy bay ném bom, nhà bị đổ, hầm bị sập, em ruột bị thương nặng, vẫn bình tĩnh bám trận địa chiến đấu hết trận này đến trận khác.

21 giờ 50 phút đêm 24-12, Đài quan sát máy bay địch của Trung đoàn 256 ở Đèo Khế (Đại Từ) báo cáo về Sở chỉ huy Trung đoàn “ Một máy bay B52 của địch bị cháy bay về phía Tây”. Sáng 25-12, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái nhận được thông báo của Bộ, đêm qua (24-12), lực lượng pháo cao xạ 100 li ở Thái Nguyên đã bắn rơi 1 máy bay B52. Chiến công của quân và dân thành phố Thái Nguyên bắn rơi “Siêu pháo đài bay B52” của đế quốc Mỹ đêm 24-12 đã góp phần cùng với quân và dân Thủ đô Hà Nội đập tan đợt một cuộc tập kích đường

không chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh, thành phố trên miền Bắc.

Từ 0 giờ ngày 25-12, lấy cơ nghỉ lễ Noel, máy bay địch tạm ngừng đánh phá để củng cố lực lượng và ổn định tinh thần bọn giặc Mỹ lái máy bay, đồng thời rút kinh nghiệm, tìm thủ đoạn đánh phá mới, ác liệt hơn.

Tranh thủ thời gian địch tạm ngừng đánh phá, các lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên khẩn trương rút kinh nghiệm, tìm cách đánh, kịp thời ứng phó với các thủ đoạn đánh phá nham hiểm và các loại vũ khí trang bị hiện đại, tối tân của địch. Các đơn vị khẩn trương củng cố, bổ sung lực lượng, vũ khí; sửa chữa công sự, trận địa; bồi dưỡng lực lượng, sẵn sàng bước vào trận chiến đấu mới. Các cơ sở bị máy bay địch đánh phá nhanh chóng khắc phục hậu quả; triệt để sơ tán, dẫn dân ra khỏi các trọng điểm đánh phá của máy bay địch. Ban chỉ huy quân sự Thành phố chỉ đạo các đơn vị dân quân, tự vệ củng cố lại công sự, trận địa, bố trí lại các trận địa phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp bằng súng bộ binh.

Ngày 25-12-1972, thực hiện quyết định Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc và Hướng dẫn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự Thành phố tổ chức biên chế Tiểu đoàn pháo cao xạ 37 li của Tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên đặt dưới sự chỉ huy chiến đấu trực tiếp của Ban chỉ huy Trung đoàn 256.

Tiểu đoàn pháo cao xạ 37 li của Tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên được biên chế 194 cán bộ, chiến sĩ,

gồm cơ quan Tiểu đoàn bộ, 1 trung đội chỉ huy và 3 đại đội hoả lực pháo cao xạ 37 li (mỗi đại đội có 2 trung đội, mỗi trung đội có 2 khẩu đội). Tiểu đoàn được trang bị 12 khẩu pháo cao xạ 37 li, 69 súng tiểu liên và 24 súng ngắn. Sự ra đời của Tiểu đoàn pháo cao xạ 37 li Tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên đã khẳng định sự trưởng thành về mọi mặt của lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố. Sự trưởng thành đó đã đáp ứng kịp thời yêu cầu chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ ngày càng ác liệt.

Chiều 25-12, sau khi nhận được điện của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thông báo lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc “Từ ngày 25-12, tất cả cán bộ, chiến sĩ, vũ khí, khí tài trực chiến phòng không của bộ đội và dân quân, tự vệ phải sẵn sàng chiến đấu 100%. Các loại pháo, súng máy phòng không tập trung bắn máy bay F111 và các loại máy bay chiến thuật khác; các đại đội cao xạ 100 li tham gia bắn máy bay chiến lược B52”, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã nhanh chóng cử cán bộ xuống trực tiếp kiểm tra, đôn đốc các đơn vị dân quân, tự vệ trực chiến làm công tác chuẩn bị chiến đấu.

11 giờ ngày 26-12, địch huy động nhiều tốp máy bay F111 và F4 vào ném bom khu vực Chùa Hang (xã Đồng Bẩm). Cán bộ, chiến sĩ các khẩu đội súng máy phòng không 12 li 7, 14 li 5 và súng máy trung, thượng, đại liên của dân quân, tự vệ Thành phố đã cùng với cán bộ, chiến sĩ bộ đội pháo cao xạ 37 li, 57 li của Trung đoàn 256 nổ súng đánh trả máy bay địch rất quyết liệt.

Từ 22 giờ 5 phút đêm 26-12, giặc Mỹ huy động 110 lần chiếc máy bay chiến thuật hộ tống 105 lần chiếc máy bay B52, ô ạt từ nhiều phía vào đánh tập trung một đợt xuống cả 3 thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên. Tại thành phố Thái Nguyên, địch cho 21 tốp máy bay B52, có nhiều tốp máy bay chiến thuật hộ tống, ô ạt vào ném gần 600 quả bom phá xuống 3 khu vực rộng lớn: Khu vực thứ nhất là từ bến đò Ngọc Lâm (sông Cầu) đến xóm Dân Tiến (xã Túc Duyên); khu vực thứ hai từ Trại Bầu (xã Gia Sàng) đến sân vận động Khu gang thép Thái Nguyên; khu vực thứ ba từ Núi Đỏ đến đồi Độc Lập. Đồng thời với máy bay B52 ném bom rải thảm, máy bay F111 cũng ném 48 quả bom phá cỡ lớn xuống khu vực cầu Trà Vườn. Cả thành phố Thái Nguyên và vùng phụ cận rung chuyển bởi những tiếng nổ âm âm của bom Mỹ.

Quyết tâm chiến đấu bảo vệ thành phố Thái Nguyên, cán bộ, chiến sĩ các đại đội pháo cao xạ 100 li của Trung đoàn 210 đã không quản trời tối, mưa phùn, gió bắc, tập trung bắn cấp tập từng đợt, mỗi đợt 18 loạt đạn vào các tốp máy bay B52 của địch. Các loạt đạn tập trung, chính xác của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5 ở trận địa xã Quang Vinh đã bắn rơi tiếp 1 “siêu pháo đài bay” B52 nữa, góp phần nâng số máy bay B52 của giặc Mỹ bị bắn rơi ở Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên đêm 26-12 lên 8 chiếc.

Chiến công bắn rơi 2 “siêu pháo đài bay” B52 của giặc Mỹ bằng pháo cao xạ 100 li trong điều kiện không có khí tài điều khiển của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 5 (Trung

đoàn 256) ở trận địa xã Quang Vinh đã được Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba và được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Tôn Đức Thắng tặng Lãng hoa.

Trước tình hình máy bay B52 của Mỹ ném bom, bắn phá ác liệt, ngày 27-12-1972, Ban Chủ nhiệm phòng không nhân dân thành phố Thái Nguyên chuyển đến làm việc tại hầm địa đạo Cô Kê⁽¹⁾, nằm trên địa bàn khu phố Phan Đình Phùng theo quyết định của Ủy ban hành chính tỉnh.

⁽¹⁾ Để đảm bảo việc lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và chiến đấu trong điều kiện có chiến tranh phá hoại ác liệt, ngày 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái đã quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng 4 đường hầm địa đạo ở núi Kô Kê, gồm các đồng chí Lý Văn Tấn (Trưởng ban Thiết kế cơ bản tỉnh) Trưởng ban, Đỗ Xuân Lộc (Phó Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh) và Nghiêm Xuân Đạo (Phó Bí thư tỉnh Đoàn, Đội trưởng Đội 91 Thanh niên xung phong) Phó ban. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo là tổ chức lực lượng thi công hầm địa đạo Kô Kê đảm bảo nhanh, gọn, an toàn. Từ ngày 28/4/1972, Đội 91 Thanh niên xung phong, Công ty Xây lắp Kiến trúc, Xí nghiệp đá Núi Hột, Công ty gang thép Thái Nguyên, 1 tổ thợ lò của Mỏ than Phấn Mễ, có sự giúp đỡ của phòng Công binh Quân khu Việt Bắc..., đã thi công xây dựng đường hầm địa đạo Kô Kê. Khắc phục những khó khăn về nơi ăn, ở; vượt qua các thiếu thốn về lương thực, thực phẩm, dụng cụ thi công, ánh sáng, cán bộ, chiến sĩ, công nhân... các đơn vị thi công hầm địa đạo Kô Kê đã tổ chức làm việc 3 ca liên tục. Sau 60 ngày liên tục làm việc, các đơn vị đã đào 1281 mét khối đất, đá, hoàn thành việc đào đường hầm vào lòng núi Kô Kê với tổng chiều dài 141 mét; làm 6 buồng hầm làm việc cho lãnh đạo Tỉnh uỷ và Ủy ban hành chính tỉnh. Theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo, ty Lâm nghiệp đã tổ chức khai thác, cung cấp kịp thời cho các đơn vị thi công hầm địa đạo Kô Kê 60 mét khối gỗ chống lò, 20 mét khối gỗ chèn đường hầm. Ngày 18/10/1972, hầm địa đạo Kô Kê đã hoàn thành. Nhờ có hầm địa đạo đôi Kô Kê, nên trong những ngày cuối tháng 12/1972, trong điều kiện máy bay B52 Mỹ ném bom rải thảm, huỷ diệt nhiều nơi trên địa bàn Thành phố, mà các đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh và các cơ quan, ban, ngành của tỉnh vẫn có nơi làm việc an toàn, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân trong tỉnh chiến đấu và sản xuất thắng lợi.

Càng thất bại nặng nề, giặc Mỹ càng điên cuồng cho máy bay đánh phá Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh, thành phố trên miền Bắc ác liệt hơn. Tại thành phố Thái Nguyên, đêm 27-12, Mỹ cho máy bay F111 ném 8 quả bom phá cỡ lớn xuống Nhà máy điện Cao Ngạn; đêm 28-12, máy bay F4 của địch lại ném tiếp 64 quả bom phá và bom phật xuống các vùng phụ cận Thành phố. Đêm 29-12 giặc Mỹ huy động 32 máy bay B52 tiếp tục vào ném 580 quả bom phá xuống khu vực từ Trại Cà đến thị trấn Trại Cau, làm thành 3 vệt bom có chiều dài từ 800 mét đến 5000 mét, chiều rộng từ 100 mét đến 1.000 mét.

Sau 12 ngày, đêm huy động máy bay ném bom chiến lược B52 mở cuộc tập kích đường không chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh, thành phố khác trên miền Bắc không đạt được kết quả mong muốn, lại bị tổn thất về máy bay B52 và giặc lái máy bay quá lớn, 7 giờ sáng ngày 30-12-1972, Tổng thống Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt cuộc tập kích đường không chiến lược, ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và đề nghị gặp đại diện của Chính phủ ta tại Pari để bàn việc ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Trong cuộc tập kích đường không chiến lược này, tại thành phố Thái Nguyên, đế quốc Mỹ đã huy động 69 lần chiếc máy bay B52, 170 lần chiếc máy bay chiến thuật, ném hơn 2700 quả bom các loại, làm chết 264 người, bị thương 102 người⁽¹⁾ (Trong số 264 người chết có 134 nam;

⁽¹⁾ Toàn tỉnh Bắc Thái có 309 người chết, 178 người bị thương.

131 cán bộ, công nhân, viên chức; 44 trẻ em dưới 15 tuổi; 24 gia đình có từ 3 người trở lên bị chết. Trong số 102 người bị thương có 57 nam; 42 cán bộ, công nhân, viên chức; 28 trẻ em dưới 15 tuổi). Toàn Thành phố có 1805 gian nhà bị phá huỷ, 49 con trâu, bò, 183 con lợn bị chết, 7,4 ha lúa và hơn 5500 kg thóc giống bị phá huỷ.

Xí nghiệp Cơ khí 19-5 thuộc Bộ Cơ khí – Luyện kim, trên diện tích chỉ có 1000 mét vuông, nhưng máy bay B52 của đế quốc Mỹ đã ném xuống 135 quả bom phá, làm 15 người chết. Đặc biệt, tuyến đê sông Cầu nằm trên địa bàn Thành phố Thái Nguyên (đoạn từ ga Lưu Xá xuống đập Thác Huống) đã bị máy bay Mỹ ném xuống 20 quả bom phá, 6 quả trúng giữa thân đê, 14 quả còn lại trúng từ 1/3 đến 1/4 thân đê và chân đê.

Quyết tâm bảo vệ Thành phố công nghiệp gang thép đầu tiên của Tổ quốc, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã chiến đấu và phục vụ chiến đấu rất kiên cường, dũng cảm, bắn rơi 2 máy bay ném bom chiến lược B52 của đế quốc Mỹ, góp phần cùng với quân và dân Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh, thành phố trên miền Bắc làm nên một trận “Điện Biên phủ trên không” ngay trên vùng trời Thủ đô Hà Nội, bắn rơi 81 máy bay Mỹ (có 34 máy bay ném bom chiến lược B52 và 5 máy bay F111 cánh cụp cánh xoè), bắt 40 tên giặc Mỹ lái máy bay (có 34 tên lái máy bay B52).

Bên cạnh thành tích bắn rơi 2 máy bay ném bom chiến lược B52, quân và dân thành phố Thái Nguyên còn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông, vận

tải, tiếp nhận và trung chuyển lương thực, hàng hoá chi viện chiến trường miền Nam.

Ngay từ đêm 18-12-1972, khi máy bay B52 của đế quốc Mỹ ồ ạt vào ném bom Hà Nội, Hải Phòng, tại hai chân hàng ga Lưu Xá và ga Quán Triều (thành phố Thái Nguyên) vẫn còn tồn lại gần 20.000 tấn lương thực, hàng hoá. Tỉnh và Thành phố tập trung các lực lượng thanh niên xung phong, dân quân, tự vệ đến giải toả gấp số hàng hoá, lương thực tồn đọng. Từ đêm 20, rạng sáng ngày 21-12-1972, khi máy bay B52 của đế quốc Mỹ ném bom rải thảm xuống khu vực Bắc Thành phố, việc giải toả lương thực, hàng hoá ở 2 chân hàng trên trở nên hết sức cấp bách. Ủy ban hành chính tỉnh quyết định: “Tập trung lực lượng thanh niên xung phong và dân quân, tự vệ khu vực thành phố Thái Nguyên và toàn bộ phương tiện vận tải của ty Giao thông vào việc giải toả 19.923 tấn lương thực, hàng hoá ở 2 chân hàng ga Lưu Xá và ga Quán Triều”. Thực hiện chủ trương đó, ngày 24-12-1972, 100 cán bộ, chiến sĩ Đại đội 912 và Đại đội 915 (Đội 91 Thanh niên xung phong của tỉnh) do đồng chí Nguyễn Thế Cường, Đội phó Đội 91 trực tiếp chỉ huy xuống làm nhiệm vụ giải toả hàng hoá trong ngày. Do chủ quan cho rằng đêm 24-12 (trước Nô-en), máy bay Mỹ không đánh phá, nên 66 cán bộ, đội viên Đại đội 915 và đồng chí Nguyễn Thế Cường (Đội phó) Đội 91 Thanh niên xung phong cùng với 2 đồng chí công nhân Thủ kho Lương thực Lưu Xá không rút về nghỉ ở Trường Đại học cơ điện Việt Bắc theo qui định của Ủy ban hành chính tỉnh, mà tự ý rút về nghỉ ở khu vực Bệnh viện Gang thép (nay thuộc Tổ 14 phường

Gia Sàng). 19 giờ 55 phút ngày 24-12, cán bộ, đội viên Đội 91 thanh niên xung phong đang chuẩn bị ăn cơm thì máy bay B52 của giặc Mỹ đến ném bom rải thảm vào đúng khu vực hai hầm trú ẩn, làm chết tại chỗ 59 cán bộ, đội viên Thanh niên xung phong và 2 công nhân thủ kho Lương thực Lưu Xá, làm bị thương 8 đội viên Thanh niên xung phong, trong đó 4 đội viên thanh niên xung phong bị thương nặng⁽¹⁾. Trong số 4 người bị thương nặng có 1 người bị chết khi đi cấp cứu tại bệnh viện. Đây là một tổn thất nặng nề của thành phố Thái Nguyên trên mặt trận tiếp nhận, trung chuyển lương thực, hàng hoá, đảm bảo giao thông vận tải. Tổn thất này vừa là sự đóng góp, hy sinh to lớn của Thành phố vào mặt trận giao thông vận tải, đồng thời cũng là bài học xương máu, đắt giá trong công tác phòng tránh, bảo toàn lực lượng để phục vụ chiến đấu, chiến đấu và công tác lâu dài.

Tuy bị tổn thất nặng về người ở khu vực Lưu Xá đêm 24-12, nhưng các lực lượng làm nhiệm vụ giải toả lương thực, hàng hoá ở các chân hàng ga Lưu Xá và ga Quán Triều vẫn kiên cường bám trụ, kịp thời giải toả hết số lương thực, hàng hoá tồn đọng đến nơi an toàn, giảm được nhiều thiệt hại do bom địch gây ra. Trong số gần 20 nghìn tấn lương thực, hàng hoá ở ga Quán Triều và ga Lưu Xá được giải toả trong 12 ngày, đêm cuối tháng 12-1972, có 40 tấn bị phá huỷ, gần 25 tấn bị kém phẩm chất, tỷ lệ hao

⁽¹⁾ Trong số 59 cán bộ, đội viên Đội 91 thanh niên xung phong bị chết, có 23 nam và 36 nữ. Trong số 8 người bị thương có 1 nam và 7 nữ.

hụt gần 0,34% (thấp hơn rất nhiều so với quy định của trên).

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải, trong năm 1972, thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ và động viên tuyển quân chi viện chiến trường miền Nam.

Ngay từ những tháng đầu năm 1972, khi đế quốc Mỹ chưa gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã chỉ đạo và ra nhiều quyết định củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ các đơn vị trực thuộc ⁽¹⁾, đảm bảo tốt yêu cầu 100% cán bộ xã đội dân quân và Ban chỉ huy Tự vệ cơ sở

⁽¹⁾ Quyết định số 16 ngày 25/3/1972 kiện toàn Ban chỉ huy Đại đội tự vệ Công ty than Việt Bắc gồm 4 đồng chí (Trần Cửu, Đại đội trưởng; Phan Hay, Chính trị viên; Lê Văn Tích, Chính trị viên phó; Lê Văn Hân, Đại đội phó).

- Ban chỉ huy Đại đội tự vệ Ngân hàng gồm 4 đồng chí (Nguyễn Văn Anh, Đại đội trưởng; Đỗ Đăng Tuyên, Chính trị viên phó; Chu Văn Thà, Đại đội phó; Trần Thị Quyết, Chính trị viên phó).

- Ban chỉ huy Đại đội tự vệ Xí nghiệp gỗ Thảng Tám gồm 4 đồng chí (Dương Kim Nụ, Chính trị viên; Trần Lượm, Chính trị viên phó; Vũ Văn Dương, Đại đội trưởng; Dương Văn Thương, Đại đội phó).

- Ban chỉ huy Trung đội tự vệ Phân viện nghiên cứu Lâm nghiệp gồm 2 đồng chí (Trần Đức Hậu, Trung đội trưởng; Nguyễn Xuân Mai, Chính trị viên).

- Ban chỉ huy Đại đội tự vệ Khu phố Hoàng Văn Thụ gồm 5 đồng chí (Giang Thành Chất, Đại đội trưởng; Vũ Văn Thủ, Đại đội phó; Đỗ Đức Nhâm, Đại đội phó; Nguyễn Ngọc Nhường, Chính trị viên; Nguyễn Văn Toàn, Chính trị viên phó).vv

- Ban chỉ huy Đại đội tự vệ Trường Đoàn thanh niên Việt Bắc gồm 5 đồng chí (Nguyễn Sĩ Quý, Đại đội trưởng; Lâm Văn Việt, Chính trị viên; Lương Văn Hoè, Chính trị viên phó; Đàm Viết Khoa, Đại đội phó; Nguyễn Thị Len, Đại đội phó).

là đảng viên, trong đó, Chính trị viên là Bí thư, Phó Bí thư hoặc cấp Ủy viên; Xã đội trưởng là Ủy viên Thường vụ hoặc Đảng ủy viên; 75% cán bộ đại đội, 50% cán bộ trung đội, 30% cán bộ tiểu đội là đảng viên.

Được Ban chỉ huy quân sự Thành phố trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố vừa làm tốt nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa làm tốt nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ trật tự, an ninh trên địa bàn. Riêng lực lượng tự vệ các khu phố Hoàng Văn Thụ, Trưng Vương, Tiểu khu Quán Triều và dân quân các xã Quang Vinh, Đồng Quang đã có 1876 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia tuần tra canh gác ban đêm, phát hiện và bắt giữ 37 vụ phạm pháp (có 12 vụ giả danh bộ đội đi lừa đảo, buôn lậu); góp phần giảm số vụ phạm pháp hình sự trên địa bàn Thành phố từ 558 vụ năm 1971, xuống 511 vụ năm 1972. Trong số 511 vụ phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn Thành phố năm 1972, lực lượng dân quân tự vệ cùng với các lực lượng công an, bảo vệ khám phá được 136 vụ.

Năm 1972, trên địa bàn Thành phố còn xảy ra 72 vụ tai nạn xã hội (có 52 vụ tai nạn giao thông, làm chết 8 người, bị thương 11 người). Trong số 5 vụ tự sát xảy ra trên địa bàn Thành phố năm 1972, có vụ Đại úy Hoàng Nam Thành, Thành đội trưởng tự sát bằng lựu đạn.

Đối với nhiệm vụ động viên tuyển quân chi viện chiến trường, Ban Thường vụ Thành ủy ra Chỉ thị (số 08 CT-TP) chỉ rõ: “Trong những đợt tuyển quân trước đây,

đợt nào Thành phố cũng đạt và vượt chỉ tiêu. Bên cạnh các đơn vị Đồng Quang, Gia Sàng, Quang Vinh, Đội Cấn, Hoàng Văn Thụ, Chiến Thắng, Thống Nhất, Phú Xá, làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, nắm chắc thực lực, quản lý chặt chẽ nguồn dự bị, làm tốt công tác tuyển quân; một số đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo chưa thường xuyên, ít kiểm tra đôn đốc, có cơ sở còn khoán trắng cho đồng chí làm công tác quân sự. Công tác giáo dục, tuyên truyền còn ít, chưa có bề rộng và chiều sâu, chưa nắm và quản lý được thực lực, nên tỷ lệ khám tuyển và giao quân đạt thấp, cá biệt có đơn vị chỉ đạt từ 25% đến 30%”.

Để khắc phục tình trạng trên Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành uỷ chỉ rõ nhiệm vụ của các Đảng bộ, Chi bộ cơ sở là:

1. Coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho quần chúng hiểu rõ nghĩa vụ của người công dân đối với việc bảo vệ Tổ quốc. Lực lượng thanh niên phải tự nguyện, tự giác thực hiện Nghĩa vụ quân sự, 100% thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 32 phải hăng hái đi đăng ký và khám tuyển Nghĩa vụ quân sự.

2. Các cấp uỷ Đảng ở cơ sở phải nắm chắc đối tượng và tiêu chuẩn tạm miễn, tạm hoãn nghĩa vụ quân sự để xét duyệt đảm bảo chính xác. Không miễn hoãn tràn lan, đồng thời cũng không vi phạm chính sách. Chú ý thực hiện tốt chính sách công bằng, hợp lý.

Nhờ có sự lãnh đạo sâu sát, chặt chẽ của Ban Thường vụ Thành uỷ, nên tuyển quân đợt I năm 1972, Thành phố

giao quân vượt chỉ tiêu 33,7%, dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh. Tuyển quân các đợt 2, 3, 4 năm 1972, thành phố Thái Nguyên đã động viên được 380 thanh niên là con, em nhân dân các xã, khu phố vào bộ đội, hoàn thành vượt mức 52% chỉ tiêu quân số, trong đó tỷ lệ quân số đi chiến đấu ở chiến trường vượt chỉ tiêu 34%, vừa “đáp ứng yêu cầu của tiền tuyến, vừa đảm bảo yêu cầu xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để chiến đấu và bảo vệ địa phương”⁽¹⁾. Năm 1972, thành phố Thái Nguyên trở thành đơn vị dẫn đầu tỉnh về công tác tuyển quân, được Chính phủ tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Con, em nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên lên đường đánh Mỹ năm 1972 đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên các chiến thắng vang dội trong các chiến dịch Trị Thiên, Bắc Tây Nguyên, Nguyễn Huệ, Bắc Bình Định... Đặc biệt là trận “Điện Biên Phủ trên không” trên vùng trời Thủ đô Hà Nội cuối năm 1972 đã buộc đế quốc Mỹ phải ký “Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam”, rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Trải qua 18 năm chiến đấu, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã góp phần cùng quân, dân cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược “Đánh cho Mỹ cút”, đưa cả nước chuyển sang một thời kỳ mới, hết sức quan

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết năm 1972 của Thành uỷ Thái Nguyên.

trọng của cách mạng: Thời kỳ tạo lực, tạo thế tiến lên “Đánh cho nguy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc.

III. Xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, tích cực chi viện sức người, sức của cho các chiến trường, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1-1973 – 4-1975)

Hiệp định Pa-ri được ký kết là thắng lợi to lớn của quân và dân ta. Thắng lợi oanh liệt này đã làm cho so sánh lực lượng giữa ta và địch thay đổi, có lợi cho ta. Theo quy định của Hiệp định Pa-ri đến ngày 29-3-1973, đơn vị cuối cùng của quân Mỹ đã rút về nước. Tuy vậy, đế quốc Mỹ vẫn viện trợ tài chính, vũ khí, trang bị, kỹ thuật cho bọn tay sai để duy trì chế độ thực dân mới ở miền Nam. Trong quá trình rút quân, Mỹ để lại nhiều sĩ quan mặc áo dân sự và nhiều vũ khí trang bị hiện đại. Dựa vào Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ra sức phá hoại Hiệp định Pa ri, bất chấp lệnh ngừng bắn, tập trung quân thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”, hòng tiêu diệt cơ sở hạ tầng của ta, củng cố nguy quân, nguy quyền với hy vọng kiểm soát hoàn toàn miền Nam.

Nhận thức rõ trách nhiệm trước yêu cầu cấp bách của tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên khẩn trương xây dựng lực lượng về mọi mặt, củng cố quân, dân cả nước đón thời cơ, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Từ chiến tranh gay go, ác liệt, kéo dài, chuyển sang hoà bình, công tác quân sự địa phương của Thành phố xuất hiện những khó khăn mới. Nhận thức tư tưởng của một số cấp ủy Đảng, Chính quyền, cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ của Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố sau ngày Hiệp định Pari được ký kết cũng chưa thật đúng đắn; còn cho rằng hoà bình rồi, nhiệm vụ chủ yếu là lãnh đạo, chỉ đạo khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, còn nhiệm vụ quân sự không quan trọng lắm. Từ nhận thức đó đã dẫn đến thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ. Mặt khác, các đơn vị dân quân, tự vệ chuyển từ nơi sơ tán về Thành phố, có đơn vị về lại chỗ cũ, có đơn vị chuyển sang chỗ mới, nơi ăn, chốn ở, nơi làm việc chưa ổn định, trong khi đó về mặt tổ chức lại chưa được củng cố. Một số cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ cũng bắt đầu xuất hiện tư tưởng nghỉ ngơi, coi nhẹ công tác huấn luyện quân sự, chính trị và sẵn sàng chiến đấu.

Trong đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy quân sự Thành phố cũng “xuất hiện tư tưởng hoà bình, mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi thoải mái, cho mình là tuổi già, sức yếu muốn hưởng thụ, đãi ngộ, muốn nghỉ hưu hoặc chuyển ngành. Từ đó dẫn đến tự do, tùy tiện, trung bình chủ nghĩa, làm được đến đâu hay đến đó, trên không chê, dưới không trách là được. Cá biệt, có cán bộ chấp hành kỷ luật không nghiêm, phát ngôn vô trách nhiệm, có lúc nói năng thô tục. Tư tưởng địa vị, cá nhân chủ nghĩa xuất hiện. Xin

tranh thủ nghỉ thứ bảy, chủ nhật không được thì tỏ ra không vui, oán trách cấp trên không quan tâm đến đời sống gia đình cán bộ”⁽¹⁾.

Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ V (họp từ ngày 9 đến ngày 15-4-1973 tại hội trường Ủy ban hành chính Thành phố) đã ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố trong giai đoạn mới là “Tăng cường củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng các đơn vị dân quân, tự vệ trong Thành phố giỏi về sản xuất và chiến đấu. Không ngừng rèn luyện, nâng cao trình độ chính trị, quân sự đạt chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố tiềm lực kinh tế và quốc phòng ngày càng giàu mạnh”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ V, sau bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp (4-1973), Thành uỷ, Ủy ban hành chính và Ban chỉ huy quân sự Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức dân quân, tự vệ. Sau khi Thành phố bàn giao các cơ sở tự vệ Trường Kinh tế cho huyện Phổ Yên, Trường Trung cấp Luyện kim cho huyện Đồng Hỷ và sáp nhập các cơ sở tự vệ Hùng Vương vào Trung Vương, Đội Cán vào Hoàng Văn Thụ; Ô tô Bắc Thái, Công ty Cầu đường, Đoạn bảo dưỡng I vào Ty Giao thông và thành lập hai cơ sở tự vệ mới là Phân viện Luyện kim và Tiểu khu Hương Sơn, toàn Thành phố có 69 cơ sở dân quân, tự vệ.

⁽¹⁾ Báo cáo số 77 ngày 30/4/1973 của Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên.

Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp, Thành phố sáp nhập 6 tiểu khu và 6 khu phố thành 10 tiểu khu. Lúc đó Thành phố chia thành 18 đơn vị hành chính (gồm 10 tiểu khu, 6 xã và 2 thị trấn)⁽¹⁾. Đối với 10 tiểu khu mới thành lập, Ban chỉ huy quân sự Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn đội ngũ cán bộ. Ban chỉ huy tự vệ các tiểu khu gồm 42 đồng chí, có 28 đồng chí là đảng viên (chiếm 66,66%) và 14 đồng chí là quần chúng (chiếm 33,34%). Tỷ lệ đảng viên trong Ban chỉ huy Tự vệ các tiểu khu Hương Sơn là 100%, Phan Đình Phùng là 80%; Tân Long, Trưng Vương, Chiến Thắng 75%; Hoàng Văn Thụ, Quán Triều đều là 60%; Tân Thành là 50%; Trưng Thành là 40%.

Đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy Xã đội dân quân 6 xã cũng được kiện toàn gồm: 24 đồng chí, có 22 đồng chí là đảng viên (chiếm 91,7%). Tỷ lệ đảng viên trong Ban chỉ huy Xã đội các xã Quang Vinh, Cam Giá, Đồng Quang, Túc Duyên đều đạt 100%, Đồng Bẩm, Gia Sàng đạt 75%. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, 50% Xã đội trưởng già, yếu được thay thế bằng các đồng chí trẻ, khỏe hơn. Sau khi củng cố, kiện toàn về tổ chức, tỷ lệ đảng viên trong đội ngũ cán bộ, dân quân, tự vệ của Thành phố cấp đại đội đạt từ 80% đến 90% (chỉ tiêu 100%), cấp trung đội đạt từ 30% đến 45% (chỉ tiêu 70%), cấp tiểu đội đạt 20% (chỉ tiêu 50%).

(1) 10 tiểu khu là: Tân Long, Trưng Vương, Chiến Thắng, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Hương Sơn, Trưng Thành, Phú Xá, Tân Thành, Quán Triều; 6 xã là: Quang Vinh, Đồng Bẩm, Gia Sàng, Cam Giá, Đồng Quang, Túc Duyên; 2 thị trấn là: Trại Cau và Núi Voi.

Đội ngũ cán bộ, dân quân, tự vệ được củng cố, kiện toàn và từng bước được nâng cao về chất lượng, phong trào xây dựng lực lượng và huấn luyện dân quân, tự vệ của Thành phố được giữ vững. Tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số, toàn Thành phố đạt 16%, đứng thứ hai các huyện, thành phố trong tỉnh (sau huyện Phổ Yên đạt 17%). Trong đó, tỷ lệ dân quân so với dân số ở các xã, tiểu khu là 6,55%; tỷ lệ tự vệ so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học đạt 44,92%.

Trong lực lượng dân quân, tự vệ của toàn Thành phố, tỷ lệ đảng viên đạt 26,91%, tỷ lệ đoàn viên đạt 69,39%. Trong tổng số dân quân ở các xã và đường phố, tỷ lệ nữ chiếm 54,76%; trong tổng số tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị, tỷ lệ nữ chiếm 20,17%.

Sau khi được củng cố và chấn chỉnh lại tổ chức và lực lượng, cơ sở tự vệ các cơ quan Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Công ty gang thép Thái Nguyên, Ngân hàng Thành phố, Tiểu khu Hoàng Văn Thụ, các Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam, Hồng Hà và cơ sở dân quân các xã Đồng Quang, Gia Sàng, Quang Vinh hoạt động tốt và ngày càng đi vào nền nếp.

Công tác bồi dưỡng cán bộ và huấn luyện chiến sĩ dân quân, tự vệ, nhìn chung được các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp từ Thành phố xuống cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ.

Sáu tháng đầu năm 1973, toàn Thành phố đã mở được 9 lớp huấn luyện bồi dưỡng cán bộ; trong đó, Ban chỉ huy quân sự Thành phố mở 3 lớp, bồi dưỡng được 200

cán bộ quân sự, 1 lớp bồi dưỡng được 50 cán bộ chính trị cấp trung đội, đại đội. Công ty gang thép Thái Nguyên mở 2 lớp bồi dưỡng được 214 cán bộ các cấp tiểu đội, trung đội, đại đội tự vệ (có 70 cán bộ chính trị). Bên cạnh các cơ sở tự vệ Đại học sư phạm Việt Bắc, Công ty Kiến trúc, cơ sở dân quân xã Đông Quang tỷ lệ cán bộ đi bồi dưỡng tập huấn đạt từ 130% đến 137%, thì Thành phố vẫn còn tới 10 cơ sở dân quân, tự vệ không cử được cán bộ đi tập huấn, bồi dưỡng⁽¹⁾. Kết thúc năm 1973, Ban chỉ huy quân sự Thành phố mở được 12 lớp tập huấn, bồi dưỡng, cán bộ từ cấp trung đội trở lên và 1 lớp tập huấn cho cán bộ các tổ, đội công binh, trinh sát.

Đối với công tác huấn luyện dân quân tự vệ, Ban chỉ huy quân sự Thành phố chỉ đạo các cơ sở Mĩ sơi Bắc Hải, Chi nhánh Ngân hàng tỉnh, Tiểu khu Hoàng Văn Thụ triển khai trước để rút kinh nghiệm. Cả ba cơ sở này đều tổ chức tốt việc triển khai huấn luyện thí điểm, kết quả kiểm tra cả ba đơn vị đều đạt giỏi.

Từ kết quả chỉ đạo thí điểm việc triển khai huấn luyện quân sự, chính trị ở ba cơ sở trên, năm 1973, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính và Ban chỉ huy quân sự Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc huấn luyện dân quân, tự vệ. Toàn Thành phố có 63 trên tổng số 69 cơ sở dân quân tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, trong đó có 40 đơn vị đạt loại giỏi (chiếm 63,49%), 10 đơn vị đạt loại khá (chiếm 15,87%), 13 đơn vị đạt yêu cầu (chiếm 20,64%).

(1) Trong số 10 cơ sở dân quân, tự vệ không có cán bộ đi tập huấn có 8 đơn vị cơ quan, xí nghiệp tỉnh, 1 cơ quan xí nghiệp Thành phố và 1 tiểu khu.

Phong trào huấn luyện dân quân tự vệ ở các tiểu khu Chiến Thắng, Phan Đình Phùng, xã Đồng Bẩm đã từ yếu, kém vươn lên trung bình và khá.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Ban chỉ huy quân sự Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố các đơn vị Tiểu đoàn pháo cao xạ 37 li của Tự vệ Công ti gang thép Thái Nguyên, Đại đội súng máy cao xạ 14 li 5, 12 li 7 của Tự vệ Nhà máy điện Cao Ngạn, Đại đội bộ binh cơ động của tự vệ Công trường xây dựng Nhà máy cán thép Gia Sàng.

Trên mặt trận lao động sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên đã nêu cao vai trò xung kích, tích cực cùng với nhân dân hưởng ứng phong trào soạn lấp hố bom, mở rộng diện tích gieo trồng do Thành ủy và Ủy ban hành chính Thành phố phát động.

Cán bộ, chiến sĩ các tổ, đội công binh của Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố đã rất tích cực, chủ động trong việc dò và tháo gỡ bom đạn chưa nổ, để giải phóng mặt bằng, phát triển sản xuất. Lực lượng tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên đã huy động 802 công của cán bộ, chiến sĩ các tổ, đội công binh dò và tháo gỡ được 47 quả bom bi, 2 quả đạn dốc kết, giải phóng 546.641 mét vuông đất đai để khôi phục và phát triển sản xuất. Được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giúp đỡ, phối hợp, Thành ủy, Ủy ban hành chính và Ban chỉ huy quân sự Thành phố huy động 3392 công lao động (gồm 1627 công của dân quân, tự vệ; 845 công của cán bộ, công nhân, viên chức, 920

công của học sinh, sinh viên và 8940 đồng kinh phí, đào lên, lấp xuống 6.315 mét khối đất đá, phát hiện và phá được 7 quả bom phá cỡ từ 225 kg đến 900 kg.

Trong công tác giữ gìn trật tự, trị an ở cơ sở, lực lượng dân quân, tự vệ của Thành phố cơ bản vẫn duy trì được nền nếp, chế độ tuần tra, canh gác, phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp trấn áp kịp thời các đối tượng lưu manh, trộm cắp, buôn gian, bán lận, góp phần cùng với lực lượng công an, bảo vệ của Thành phố giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên, trong cán bộ, chiến sĩ dân quân các xã Đồng Bẩm, Túc Duyên, Quang Vinh, Cam Giá còn có hiện tượng ném mìn xuống một số triền sông để vớt cá. Một số cán bộ lãnh đạo, chỉ huy dân quân, tự vệ chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, còn có biểu hiện ngại khó, ỷ lại, nên chưa kết hợp chặt chẽ với các đồng chí công an khu vực trong việc bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn. “Thành phố vẫn còn trộm cắp, buôn gian, bán lận, gái điếm, lưu manh, côn đồ, hiếp dâm, cần quấy ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội”⁽¹⁾.

Trong công tác hậu phương quân đội, thực hiện chủ trương của Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự và Phòng Tổ chức dân chính Thành phố tổ chức một đợt tổng kiểm tra việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở cơ sở. Kết quả kiểm tra đã

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác năm 1973 của Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên.

khẳng định: Tuy trên thực tế có nhiều khó khăn, nhưng các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Cơ quan Quân sự các cơ sở đã có nhiều cố gắng lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Các cấp uỷ Đảng và Chính quyền ở cơ sở đã làm tốt việc xét trợ cấp cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình quân nhân gặp khó khăn do thiên tai, địch hoạ gây ra. Xã Đồng Quang điều hoà lương thực giúp đỡ một gia đình thương binh đặc biệt khó khăn, xã Đồng Bẩm nuôi một mẹ liệt sĩ đã già yếu, xã Túc Duyên giúp đỡ mỗi gia đình bộ đội đi B, C 20 kg lúa lúc giáp hạt, tiểu khu Trung Vương huy động 43 ngày công giúp đỡ gia đình liệt sĩ dựng một ngôi nhà 3 gian. Hầu hết các gia đình thương binh, liệt sĩ, quân nhân trên địa bàn Thành phố đều được ổn định về vật chất; vui vẻ về tinh thần, hăng hái khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất. Các gia đình gặp tai nạn chiến tranh, đều được các cấp uỷ Đảng, Chính quyền cơ sở quan tâm chăm sóc, giúp đỡ làm lại nhà cửa, chăm sóc các cháu mồ côi, giúp gạo, giúp tiền để nhanh chóng ổn định đời sống.

Lực lượng dân quân, tự vệ các xã Quang Vinh, Đồng Quang, Túc Duyên, Gia Sàng, Công ti gang thép Thái Nguyên, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã gương mẫu, tích cực giúp đỡ các gia đình bị nạn do máy bay Mỹ đánh phá trong 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972. Cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cơ quan, xí nghiệp, tiểu khu đã có nhiều cố gắng bố trí, sắp xếp công ăn, việc làm hợp lý cho các chị là vợ bộ đội có chồng đang chiến đấu ở xa; thành lập các tổ “Phụ nữ chung thuỷ, đảm đang” để chị em có điều kiện sinh hoạt, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Được sự

quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị, nhiều chị có chồng đi chiến đấu ở xa đã phát huy tốt truyền thống “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” của Phụ nữ Việt Nam, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, được bầu là Chiến sĩ Thi đua, Chiến sĩ Quyết thắng, Lao động Tiên tiến. Chị Lương ở Bệnh viện Gang thép, chồng đi chiến đấu ở chiến trường xa đã 11 năm, một mình ở nhà nuôi 4 con nhỏ (2 con học cấp II, 2 con học cấp III), vừa công tác tốt, được cơ quan bầu là Chiến sĩ Thi đua 11 năm liền, được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, được Bác Hồ tặng Huy hiệu của Người. Chị Lê ở Công ty gang thép Thái Nguyên, có chồng đi chiến đấu ở xa đã 8 năm, một mình ở nhà nuôi 3 con nhỏ, vừa tự học bổ túc văn hoá từ lớp 4 đến lớp 10, vừa đảm bảo ngày công cao, có tháng đạt tới 25 công.

Các cơ quan, chức năng của Thành phố cũng phát hiện được nhiều thiếu sót trong việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội. Việc phối hợp giữa Cơ quan Quân sự, Phòng Tổ chức dân chính Thành phố và cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở cơ sở trong việc triển khai thực hiện chính sách hậu phương quân đội chưa thật chặt chẽ. Ở tiểu khu Phú Xá, cơ sở chưa báo tử liệt sĩ, nhưng Phòng Tổ chức dân chính Thành phố báo cáo lên trên đã báo tử, Ban chỉ huy quân sự Thành phố gửi giấy mời gia đình lên lĩnh tiền riêng của liệt sĩ, gia đình mới đột ngột biết tin là con mình đã hy sinh. Ở tiểu khu Phan Đình Phùng, cơ sở đã báo tử liệt sĩ Phan Quang Bảo hơn 1 năm, nhưng gia đình vẫn chưa được hưởng chế độ, chính sách gia đình liệt sĩ, trong khi điều kiện gia đình của liệt sĩ rất khó khăn

(một mẹ già, 4 con nhỏ, thu nhập chỉ trông vào đồng lương 40 đồng-tháng của vợ liệt sĩ).

Việc cấp phát trợ cấp hàng tháng, hàng quý cho gia đình liệt sĩ tuy đã có những cố gắng lớn, thực hiện được đủ số lượng và cấp phát đến tận tay, nhưng thời gian còn chậm các gia đình liệt sĩ còn phải đi lại nhiều, mất thời gian, ảnh hưởng sản xuất và công tác.

Cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở một số cơ sở chưa có những biện pháp tích cực để ngăn ngừa các hành động không lành mạnh, xâm phạm và làm tổn thương đến hạnh phúc gia đình quân nhân đang chiến đấu ở xa⁽¹⁾.

Các thiếu sót, khuyết điểm đó đã hạn chế đến kết quả thực hiện chính sách hậu phương quân đội của Thành phố. Qua kiểm tra, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố đã kịp thời đề ra các nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, uốn nắn, sửa chữa, công tác hậu phương quân đội của Thành phố ngày càng đạt kết quả tốt hơn. Nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên hăng hái động viên con em mình lên đường nhập ngũ, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện cho miền Nam đánh Mỹ.

Để thực hiện tốt khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, ngay từ đầu năm 1973, Ban Thường vụ Thành uỷ đã chỉ thị cho cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành chức năng làm tốt việc thống kê, đăng ký quản lý

⁽¹⁾ Năm 1973, toàn Thành phố còn để xảy ra 7 vụ vợ quân nhân đang chiến đấu ở chiến trường có chứa với người khác phải nạo thai, 4 vụ đẻ con với người khác và 5 vụ bỏ nhà theo trai đi nơi khác.

quân dự bị. Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành uỷ chỉ rõ “Công tác điều tra, thống kê, đăng ký, quản lý nắm chắc thực lực quân dự bị là một công tác rất quan trọng, mất nhiều thời gian. Có quản lý, nắm chắc thực lực quân dự bị mới lập kế hoạch, phân bổ chỉ tiêu tuyển quân cho từng cơ sở một cách chính xác, công bằng và hợp lý. Việc thống kê, đăng ký, quản lý, nắm chắc thực lực quân dự bị không những phục vụ cho công tác động viên tuyển quân, mà còn phục vụ cho cả công tác tuyển sinh, tuyển dụng công nhân, viên chức, điều chỉnh hợp lý giữa nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá”.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Thành uỷ, Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự và Ban chỉ huy quân sự Thành phố chỉ đạo các cơ sở làm tốt việc đăng ký, thống kê thực lực quân dự bị. Chuẩn bị cho công tác tuyển quân năm 1973, ngay từ đầu năm, Thành phố đã tổ chức khám tuyển, xét duyệt chính trị được 237 thanh niên đủ điều kiện sẵn sàng nhập ngũ. Sau khi Hiệp định Pa ri được ký kết, tuyển quân đợt I năm 1973 tạm hoãn, Thành phố đã giải quyết cho một số thanh niên đủ điều kiện nhập ngũ thuộc diện gia đình đã có con em đang chiến đấu ở chiến trường đi học, thoát li. Số lượng thanh niên đã được khám tuyển, xét duyệt đủ điều kiện sẵn sàng nhập ngũ toàn Thành phố chỉ còn 186 người. Trước tình hình đó, sau khi được Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân (8-1973), Ban Thường vụ Thành uỷ, Uỷ ban hành chính và Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự Thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Kết quả chỉ

trong vòng một tuần Thành phố đã tuyển được 284 người vào bộ đội, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh giao 1,4%, dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh.

Phong trào Thi đua Quyết thắng trong các đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố luôn luôn được giữ vững và phát triển. Năm 1973, toàn Thành phố có 11 Đơn vị Quyết thắng. Các đơn vị quyết thắng của lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố (tiêu biểu là Công ty gang thép Thái Nguyên, Công ty Xây lắp - Luyện kim, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Nhà máy mì sợi Bắc Hải, Tiểu khu Tân Long, Tiểu khu Hoàng Văn Thụ, Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam) là những đơn vị dẫn đầu Thành phố trên các lĩnh vực xây dựng lực lượng, huấn luyện chiến đấu, bảo vệ trật tự trị an, chấp hành chính sách hậu phương quân đội, động viên tuyển quân chi viện chiến trường và tham gia khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Kết thúc năm 1973, lực lượng tự vệ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ và lực lượng tự vệ Nhà máy điện Cao Ngạn vinh dự được nhận Lãng hoa của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà Tôn Đức Thắng trao tặng.

Nhằm tăng cường công tác bảo vệ và giữ gìn trật tự, trị an, trong hai đêm 12 và 13-3-1974, Ban chỉ huy quân sự Thành phố huy động 91 cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ phối hợp với Công an Thành phố tiến hành tổng kiểm tra hành chính trên địa bàn. Qua kiểm tra đã phát hiện được 321 vụ vi phạm pháp luật (có 2 vụ bộ đội đảo ngũ, 1 vụ giả danh bộ đội, 3 vụ hoạt động

mại dâm, 4 vụ thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự, các vụ còn lại là cư trú không hợp pháp và lưu manh, trộm cắp).

Đợt tổng kiểm tra hành chính đã làm cho bọn phạm pháp hình sự, bọn lưu manh, trộm cắp phải hoảng sợ; an ninh, trật tự trên địa bàn Thành phố được giữ vững và ổn định. Lực lượng dân quân các xã Gia Sàng, Quang Vinh, Đồng Quang và lực lượng tự vệ các tiểu khu: Tân Thành, Tân Long, Hoàng Văn Thụ là các đơn vị tiêu biểu của Thành phố trong công tác bảo vệ trật tự, trị an.

Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức biên chế của lực lượng dân quân, tự vệ được các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể từ Thành phố xuống cơ sở chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo. Do một số đơn vị tự vệ ở nơi khác mới bàn giao về và một số đơn vị mới được thành lập, nên năm 1974 toàn Thành phố có 90 đầu mối cơ sở dân quân tự vệ; tỷ lệ dân quân tự vệ so với tổng dân số toàn Thành phố tăng 0,5% so với năm 1973. 100% cán bộ trong các Ban chỉ huy Tự vệ của các cơ quan, xí nghiệp là đảng viên và cấp uỷ viên, đa số các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư hoặc Uỷ viên Thường vụ cấp uỷ Đảng là Chính trị viên; 91% cán bộ trong các Ban chỉ huy Xã đội là đảng viên và cấp Uỷ viên; 70% cán bộ Trung đội và 30% cán bộ Tiểu đội dân quân, tự vệ là đảng viên.

Vừa củng cố, kiện toàn tổ chức, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, các cấp uỷ Đảng, Chính quyền Thành phố vừa đẩy mạnh công tác huấn luyện. Năm 1974, toàn Thành phố có 892 cán bộ dân quân, tự vệ các cấp từ tổ, đội chuyên môn đến cán bộ trung

đội trở lên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy, thống nhất nội dung, chương trình, phương pháp, kế hoạch huấn luyện dân quân tự vệ. 100% số cơ sở dân quân tự vệ hoàn thành được nhiệm vụ huấn luyện quân sự, chính trị (tăng 8,7% so với năm 1973). Các đơn vị dân quân tự vệ xã Gia Sàng, Ngân hàng tỉnh, Ngân hàng Thành phố, Ủy ban hành chính Thành phố, Xưởng Gang, Xưởng Cơ khí (Công ty gang thép Thái Nguyên), các Công ty Xăng dầu, Kim khí Hoá chất đều hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự đạt loại giỏi.

Dân quân xã Đồng Quang kết hợp huấn luyện quân sự với lao động đắp đê, và xây dựng chợ. Các đơn vị tự vệ tiểu khu Tân Thành kết hợp huấn luyện quân sự với lao động làm thuỷ lợi cho hợp tác xã; Xí nghiệp mì sợi Bắc Hải kết hợp huấn luyện quân sự với lao động sản xuất theo ca, kíp. Các đơn vị tự vệ Công trường xây dựng Nhà máy cán thép Gia Sàng, Trường trung cấp Xây dựng miền Núi, Xưởng Gang và Xưởng Cơ khí thuộc Công ty gang thép Thái Nguyên, cũng kết hợp chặt chẽ việc huấn luyện quân sự với lao động sản xuất, vừa hoàn thành được chương trình, nội dung huấn luyện quân sự, vừa hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất.

Tuy nhiên, Thành phố vẫn còn một số đơn vị dân quân, tự vệ còn hơi lúng túng trong việc kết hợp huấn luyện quân sự với lao động sản xuất. Có đơn vị đảm bảo được nội dung huấn luyện quân sự lại không hoàn thành được kế hoạch sản xuất, phải nghỉ sản xuất mới triển khai được công tác huấn luyện.

Để dồn sức chi viện cho chiến trường đánh Mỹ, Thành phố đã tổ chức cho cán bộ và nhân dân quán triệt sâu sắc Chỉ thị của Hội đồng Chính phủ “Động viên tuyển quân là công tác có tầm quan trọng hàng đầu đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước” và Chỉ thị của Tỉnh uỷ Bắc Thái “Bất kỳ trong tình huống nào, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh cũng kiên quyết hoàn thành công tác tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu về số lượng, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân đúng thời gian, góp phần chi viện cho tiền tuyến với tinh thần tích cực, khẩn trương và đầy đủ nhất”⁽¹⁾.

Thực hiện Chỉ thị ngày 28-5-1974 của Ban Thường vụ Thành uỷ “phải quyết tâm phấn đấu tuyển quân vượt yêu cầu chỉ tiêu về số lượng, có chất lượng tốt, đúng chính sách, đúng thời gian, giao quân nhanh và gọn”, ngày 3-6-1974, Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự Thành phố hướng dẫn một số nội dung công tác chính trị trong động viên tuyển quân, nêu rõ:

1. Các cơ sở phải tiến hành mở các cuộc sinh hoạt chính trị trong Đảng, trong các Đoàn thể (Thanh niên, Phụ nữ), trong dân quân, tự vệ về tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay và trách nhiệm của người công dân với công cuộc giải phóng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

2. Chính quyền và các Đoàn thể ở cơ sở tạo điều kiện, giúp đỡ các gia đình có con em nhập ngũ tổ chức họp mặt để

⁽¹⁾ Chỉ thị ngày 20/11/1972 của Tỉnh uỷ Bắc Thái về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân.

động viên, khuyến khích con em họ phấn khởi lên đường nhập ngũ, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ quân đội giao phó. Tránh lãng phí, lạm sát, không đảm bảo nghĩa vụ thực phẩm.

3. Các cơ sở tổ chức họp mặt anh em lên đường nhập ngũ, có đại biểu Đảng, Chính quyền, Đoàn thể tham dự, trao tặng phẩm lưu niệm, dặn dò động viên anh em phát huy truyền thống của địa phương.

4. Tổ chức tốt việc tiễn đưa anh em lên đường nhập ngũ từ địa điểm tập trung của Thành phố đến địa điểm giao quân.

Các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở cơ sở đã thực hiện tốt hướng dẫn của Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự Thành phố, thực hiện thắng lợi hai chiến dịch động viên tuyển quân (đợt I giữa tháng 6, đợt II đầu tháng 10-1974). Tiễn thanh niên lên đường nhập ngũ, Thành phố đã tổ chức Ngày Hội giao quân bằng hình thức mít tinh. Trong các Ngày Hội giao quân, đại diện Thành uỷ, Uỷ ban hành chính và Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố đã phát biểu căn dặn, động viên anh em trước lúc lên đường đánh Mỹ. Những việc làm tình nghĩa của Thành phố đã gây những ấn tượng tốt, những kỷ niệm đẹp đẽ, sâu sắc đối với anh em nhập ngũ trước lúc xa quê hương, xa gia đình lên đường đánh giặc. Qua hai chiến dịch động viên tuyển quân năm 1974, Thành phố đã huy động được 310 nam, nữ thanh niên vào bộ đội. Trong đó, tuyển quân đợt II năm 1974, Thành phố đã giao quân vượt chỉ tiêu quân số 14%, giữ vững truyền thống là đơn vị đạt tỷ lệ tuyển quân vượt chỉ tiêu cao nhất các huyện, thành phố trong tỉnh (các huyện Đại Từ vượt 8%, Đồng Hỷ vượt 6%, Định Hoá vượt 4%, Phú Lương vượt 1%). Qua hai

đợt tuyển quân năm 1974, Thành phố đã có thêm 9 gia đình động viên được người con thứ 3, 74 gia đình động viên được người con thứ 2 vào bộ đội. Các xã Đồng Quang, Gia Sàng và các tiểu khu Hoàng Văn Thụ, Hương Sơn, Chiến Thắng, Tân Long tuyển quân vượt mức chỉ tiêu giao.

Do có thành tích xuất sắc trong công tác động viên tuyển quân năm 1974, ngày 31-12-1974, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen.

Thắng lợi ngày càng to lớn của quân và dân ta ở miền Nam đầu năm 1975 đã tạo thời cơ tiến lên giải phóng miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Lúc này, chi viện cho miền Nam là nhiệm vụ hàng đầu, là tình cảm thiêng liêng của nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên.

Dự đoán trước tình hình nhiệm vụ năm 1975, ngày 27-12-1974, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Thái đã giao nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1975 cho Thành phố Thái Nguyên “Phải làm tốt công tác giáo dục bảo vệ Tổ quốc cho nhân dân và cho thanh niên. Quản lý chặt chẽ thực lực, chủ động làm tốt công tác chuẩn bị, tuyển quân đảm bảo 100% chỉ tiêu về số lượng và chất lượng, đúng thời gian, đúng chính sách, công bằng và hợp lý”.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Thành uỷ, Ủy ban hành chính và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự Thành phố đã triệu tập hội nghị liên ngành, thảo luận, thống nhất cách giải quyết các mối quan hệ giữa công tác tuyển quân, tuyển sinh và tuyển lao động. Hội nghị nhất trí xác định: Tuyển quân là nhiệm

vụ hàng đầu, đồng thời cũng phải quan tâm giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân để xây dựng đất nước. Cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Ban, Ngành, Đoàn thể các cấp phải lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác giáo dục, động viên được đông đảo thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ.

Trước tình hình cách mạng miền Nam chuyển biến nhanh chóng, theo Chỉ thị ngày 18-2-1975 của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, thành phố Thái Nguyên và các huyện trong tỉnh phải hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân đợt I năm 1975 trong tháng 2 và hoàn thành tuyển quân đợt II năm 1975 vào ngày 15-3, hoàn thành tuyển quân đợt III vào ngày 15-4-1975.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính, Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Sau một thời gian ngắn làm công tác chuẩn bị (khám sức khoẻ, xét duyệt hồ sơ), đến ngày 28-2-1975, Thành phố đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân đợt I, huy động được 164 thanh niên nam, nữ vào bộ đội (tuyển quân nam vượt chỉ tiêu 25%, tuyển quân nữ vượt chỉ tiêu 16,66%).

Sau một tháng làm công tác chuẩn bị tuyển quân đợt II (tính từ ngày giao quân đợt I), ngày 1-4-1975, Thành phố đã huy động được 653 người vào bộ đội (chỉ tiêu trên giao là 554 người), hoàn thành vượt mức chỉ tiêu 17,87%, (trong đó tuyển quân nam vượt chỉ tiêu 17,63%, tuyển quân nữ vượt chỉ tiêu 50%). Sau đợt giao quân ngày 1-4-1975, toàn Thành phố đã có 1 gia đình huy động người con thứ năm, 6 gia đình huy động người con thứ tư, 24 gia

đình huy động người con thứ ba và 172 gia đình huy động người con thứ hai vào bộ đội. Số hộ có từ 2 người nhập ngũ trở lên ở các xã Túc Duyên là 21 gia đình, các tiểu khu Hoàng Văn Thụ là 17 gia đình, Trung Vương là 16 gia đình, Tân Long là 13 gia đình, các xã Cam Giá là 15 gia đình, Gia Sàng, Đồng Bẩm và tiểu khu Trung Thành mỗi đơn vị có từ 10 đến 11 gia đình. Các xã Đồng Quang, Quang Vinh, tiểu khu Phan Đình Phùng, thị trấn Núi Voi mỗi đơn vị có từ 5 đến 8 gia đình.

Từ ngày 12-4-1975, Thành phố tiến hành tuyển quân đợt III năm 1975. Đợt tuyển quân thứ 3 này, Thành phố huy động lực lượng cán bộ, công nhân, học sinh các trường trung học, đại học, dạy nghề vào bộ đội. Phòng Y tế Thành phố tổ chức khám tuyển liên tục 6 ngày rưỡi được hơn 800 người trong độ tuổi từ 18 đến 32. Kết quả sau 4 lần giao quân lẻ cho các đơn vị Sư đoàn 304B, Quân chủng Phòng không – Không quân, Cục Tài vụ và các Đoàn Văn công Quân khu Việt Bắc, Văn công Tây Nguyên, Thành phố đã huy động được 413 người vào bộ đội đánh Mỹ.

Như vậy, với tinh thần “Vì đồng bào miền Nam ruột thịt”, “Vì trách nhiệm vinh quang giải phóng miền Nam”, từ tháng 2 đến tháng 4-1975, Thành phố Thái Nguyên đã tiến hành dồn dập 3 đợt tuyển quân quy mô lớn, động viên được 1320 con, em ưu tú của mình vào bộ đội, (chiếm 30,79% số người nhập ngũ toàn tỉnh), vượt chỉ tiêu trên giao 21,31%, dẫn đầu các huyện, thành trong tỉnh. Nếu tính từ sau ngày “Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến

tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam” được ký kết (27-1-1973) đến cuối tháng 4-1975, Nhân dân và Lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên đã huy động được 1824 con, em vào bộ đội. Con em nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên vào bộ đội đã có mặt chiến đấu ở trên khắp các chiến trường, góp phần cùng quân, dân cả nước làm nên một Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên tự hào đã có những đóng góp hết sức to lớn về mọi mặt vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Do có những đóng góp hết sức to lớn đó, nên Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên và 11 tập thể trực thuộc hoặc nằm trên địa bàn Thành phố đã được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân⁽¹⁾

⁽¹⁾ Xin xem phần phụ lục.

CHƯƠNG V

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN XÂY DỰNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

(1975 - 1986)

I – Xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tham gia xây dựng kinh tế, xã hội địa phương.

Với Đại thắng mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta kéo dài trên 20 năm đã kết thúc thắng lợi. Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Nam Bắc được sum họp một nhà. Dân tộc ta bước sang một kỉ nguyên mới - kỉ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cùng với niềm vui chiến thắng của dân tộc, quân và dân tỉnh Thái Nguyên nói chung, thành phố Thái Nguyên nói riêng sôi nổi bắt tay vào nhiệm vụ mới.

Bước vào thời kì mới, để kịp thời lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh hoàn

thành nhiệm vụ được giao, ngày 23-5-1975, Đảng uỷ Tỉnh đội Bắc Thái ra Nghị quyết số 176/NQ - ĐU về nội dung, phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt. Tiếp đó, ngày 4-7-1975, Đảng uỷ Tỉnh đội ra Nghị quyết số 230/NQ - ĐU về phương hướng lãnh đạo công tác 6 tháng cuối năm 1975.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, Nghị quyết 176 và Nghị quyết 230 của Đảng uỷ Tỉnh đội Bắc Thái đã chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong thời gian trước mắt:

- Một là, tăng cường công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng trong cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương. Trước mắt, mở một đợt giáo dục chính trị sâu rộng, làm cho mỗi cán bộ, chiến sĩ nhận thức đầy đủ ý nghĩa lịch sử to lớn về thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975). Trên cơ sở đó, tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, đấu tranh chống các biểu hiện tư tưởng, nhận thức lệch lạc (tự do vô kỉ luật, hoà bình hưởng lạc, nghỉ ngơi, giảm sút ý chí chiến đấu...); xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn vững vàng, kiên định, sẵn sàng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Hai là, củng cố và kiện toàn đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ ở cơ sở sau các đợt tuyển quân, tuyển lao động và bầu cử Hội đồng nhân dân. Chú trọng kiện toàn các tổ chức tiểu đội, trung đội dân quân, tự vệ cơ động. Duy trì các chế độ sinh hoạt, đưa mọi hoạt động của lực lượng dân quân, tự vệ đi vào nề nếp.

- Ba là, nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan và đơn vị bộ đội địa phương.

- Bốn là, lãnh đạo hoàn thành tốt các chỉ tiêu huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, chú ý cán bộ chính trị và cán bộ ở các cơ sở yếu.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố, Đảng uỷ Tỉnh đội và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh⁽¹⁾, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã có nhận thức đúng đắn về tình hình và nhiệm vụ mới, không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, tích cực xây dựng lực lượng vững mạnh về mọi mặt, kết hợp nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ củng cố quốc phòng, góp phần cùng quân và dân cả nước thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về công tác quân sự địa phương, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố không chỉ tăng lên về số lượng, mà chất lượng cũng được nâng cao. Năm 1976, tỉ lệ dân quân, tự vệ chiếm 26,68% so với số dân toàn Thành phố; tỉ lệ đảng viên tham gia dân quân ở các xã đạt 8,75%, tỉ lệ đảng viên tham gia tự vệ ở khối cơ quan đơn vị, trường học, xí nghiệp, bệnh viện đạt 16,6%. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố được tăng cường. Nhiều đồng chí đảng viên trong cấp uỷ Đảng có

⁽¹⁾ Tuy Tỉnh đội được đổi thành Bộ chỉ huy quân sự tỉnh từ tháng 8-1971, nhưng mãi tới ngày 16-7-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mới ra Nghị quyết số 211-NQ – BT đổi tên Đảng bộ Tỉnh đội thành Đảng bộ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

năng lực và tinh thần trách nhiệm tốt được cử sang phụ trách công tác quân sự địa phương. Năm 1977, các Đảng bộ, Chi bộ cơ sở đã cử 716 đồng chí cấp Ủy viên trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy lực lượng dân quân, tự vệ. Số đơn vị dân quân, tự vệ có cấp Ủy viên trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy đạt 96,7%; 100% Xã đội trưởng, 91,2% Xã đội phó, 85,6% cán bộ chỉ huy đại đội tự vệ, 68,5% cán bộ chỉ huy Trung đội và 21,54% cán bộ chỉ huy Tiểu đội dân quân, tự vệ là đảng viên.

Việc đăng kí Nghĩa vụ Quân sự và quản lí lực lượng dự bị động viên được tiến hành khá chặt chẽ. Năm 1976, Thành phố đã tổ chức đăng kí và quản lí được 26.163 người (trong đó, số người đăng kí trực tiếp đạt 95%, còn lại 5% thuộc diện đăng kí vắng mặt), kết quả tuyển quân, toàn Thành phố đạt 100% so với chỉ tiêu được giao.

Công tác huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ dân quân, tự vệ được Thành phố duy trì thường xuyên và đạt kết quả tốt. Năm 1976, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã mở được 10 lớp bồi dưỡng cán bộ dân quân, tự vệ (trong đó, có 6 lớp quân sự, 3 lớp chính trị và 1 lớp binh chủng), vượt yêu cầu tỉnh giao 200%. 100% số đơn vị khối địa phương và 89,7% số đơn vị khối cơ quan tham gia huấn luyện. Đơn vị dân quân, tự vệ các xã Tân Long, Quang Vinh, Hợp tác xã Cờ Hồng, Tiểu khu Phan Đình Phùng, Ngân hàng Thành phố, Đại đội Xí nghiệp mì sợi Bắc Hải, Đại đội Phân xưởng Cơ khí..., huấn luyện đạt loại giỏi.

Năm 1977, lần đầu tiên Thành phố xây dựng hoàn chỉnh hệ thống sổ sách, thống kê, biểu đồ theo dõi, chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị, tạo

điều kiện thuận lợi cho công tác quản lí, điều chỉnh mỗi khi có biến đổi.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được cấp uỷ Đảng và Ban chỉ huy quân sự các cấp từ Thành phố xuống cơ sở coi trọng. Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố thường xuyên được tổ chức học tập, quán triệt hai nhiệm vụ xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Đại đa số cán bộ dân quân, tự vệ ở Thành phố đều tích cực, nhiệt tình với công tác được giao. Một số đồng chí cán bộ là thương binh, cán bộ hưu trí, hoặc kiêm nhiệm, nhưng vẫn hăng hái hoạt động, tích cực đi sâu, đi sát phong trào, giúp cho các cấp uỷ Đảng và Chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương đạt nhiều kết quả tốt.

Phát huy truyền thống đơn vị 12 năm liên hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân, chỉ hai ngày sau khi nhận được chỉ tiêu tuyển quân năm 1977, Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân và Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự thành phố Thái Nguyên đã họp bàn chủ trương, biện pháp triển khai xuống các cơ sở. Đến ngày 12-7-1977, Thành phố đã giao quân đảm bảo nhanh, gọn, vượt chỉ tiêu 1% (trong đó, các xã Đồng Bẩm vượt 35%, Quang Vinh vượt 12%...)

Tuy nhiên, bên cạnh những cố gắng và thành tích đã đạt được, ở một số nơi cấp uỷ Đảng và Chính quyền cơ sở chưa quan tâm đúng mức công tác quân sự địa phương; có cơ quan chưa củng cố được lực lượng tự vệ; một số cơ quan, đơn vị chưa có cán bộ chuyên trách tự vệ và có nơi không thành lập Ban chỉ huy Tự vệ. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ ở một số cơ sở chưa được chú trọng...

Trong khi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh, thì tình hình an ninh chính trị trên biên giới phía Bắc ngày càng căng thẳng do những hành động khiêu khích quân sự của đối phương. Trên địa bàn thành phố Thái Nguyên cũng có những diễn biến phức tạp. Một số phần tử xấu tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với người Hoa, kích động, lôi kéo người Việt gốc Hoa bỏ về Trung Quốc. Do nhẹ dạ, cả tin nghe theo các phần tử xấu, 31 hộ (gồm 198 nhân khẩu) trong số 103 hộ (440 nhân khẩu) người Hoa đang sinh sống trên địa bàn Thành phố đã bán nhà cửa, đồ đạc... bỏ về Trung Quốc một cách trái phép, ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trước tình hình trên, ngày 28-1-1978, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh họp, đề ra một số nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng Cơ quan Quân sự các cấp trong tỉnh vững mạnh toàn diện, theo hướng chính quy, hiện đại, đủ sức làm tham mưu cho cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương triển khai thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ quân sự ở địa phương.

- Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp, mạnh mẽ và vững chắc, bảo đảm tỉ lệ so với dân số đạt 12% (trong đó, dân quân đạt 9%, tự vệ đạt 45%). Quy mô tổ chức dân quân ở xã là cấp đại đội, nơi có điều kiện thì tổ chức tới cấp tiểu đoàn; nơi có lực lượng tự vệ tổ chức từ cấp tiểu đoàn đến cấp trung đoàn.

Thành uỷ ra nghị quyết nêu rõ "Tăng cường giáo dục quốc phòng toàn dân cho các dân tộc thành phố Thái Nguyên, nhất là trong thanh niên, học sinh và trong các cơ

quan Nhà nước; lãnh đạo tốt công tác tuyển quân, thường xuyên quản lý nắm chắc quân dự bị các hạng một và hai, phục vụ tốt cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Tiếp tục lãnh đạo làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội. Đẩy mạnh phong trào "Thi đua Quyết thắng", hoàn thành vượt mức kế hoạch các nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1978".

Để chủ động đối phó với mọi tình huống, Thành uỷ chủ trương xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ với chất lượng tốt, số lượng đông; mỗi xã xây dựng từ 1 đến 3 đại đội dân quân, du kích; mỗi tiểu khu xây dựng 1 đại đội tự vệ; các nhà máy, xí nghiệp tổ chức quy mô từ tiểu đoàn đến trung đoàn tự vệ. Bí thư các Đảng bộ, Chi bộ trực tiếp làm Chính trị viên đơn vị dân quân, tự vệ cùng cấp.

Nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, thực hiện Nghị quyết ngày 5-8-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thành uỷ Thái Nguyên đã tổ chức thành lập Ban chỉ huy quân sự thống nhất các cấp từ Thành phố xuống cơ sở làm nhiệm vụ thống nhất, lãnh đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang, huy động sức người, sức của chi viện phía trước. Ban chỉ huy quân sự thống nhất Thành phố gồm các đồng chí Đỗ Thắng (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên) làm Chỉ huy trưởng; Nguyễn Duy An (Bí thư Thành uỷ) làm Chính trị viên; Vũ Đình Tuy (Trưởng Công an Thành phố) làm Chỉ huy phó; Phùng Đức Nự (Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự Thành phố) làm Chính trị viên phó.

Tiếp theo, chấp hành Chỉ thị số 576/A- TC, ngày 5-8-1978 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh ngày 18-8-1978, Ban chỉ huy quân sự Thành phố ra Chỉ thị số 116/A - TC về công tác phòng không, sẵn sàng chiến đấu bắn máy bay địch bất ngờ tập kích vào thành phố Thái Nguyên, yêu cầu "Các xã, tiểu khu, thị trấn, cơ quan, trường học, xí nghiệp, công trường, nhà máy, hầm mỏ, bệnh viện trong toàn Thành phố, tùy theo địa dư và đặc điểm của từng đơn vị mà chọn địa điểm đặt đài quan sát được cả 4 phía thuận tiện cho việc theo dõi, quan sát báo động phòng không khi có máy bay địch hoạt động cho đơn vị mình...". Chỉ thị 116/A-TC của Ban chỉ huy quân sự Thành phố chỉ rõ những trường hợp các đơn vị dân quân, tự vệ được bắn máy bay.

Ngày 11-10-1978, Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên đề ra "Phương án phòng thủ bảo vệ Thành phố chống chiến tranh xâm lược của địch", nêu rõ: "Thế trận của Thành phố là thế trận của một pháo đài quân sự vững chắc, toàn diện, bao gồm lực lượng toàn dân của 19 đơn vị cơ sở hành chính và hàng trăm đơn vị dân quân, du kích, tự vệ trên địa bàn được triển khai từ lúc chưa có địch, sẵn sàng tiêu diệt địch khi có chiến tranh qua từng thủ đoạn từ thấp đến cao, hoặc kết hợp nhiều thủ đoạn chiến tranh cùng một lúc của tập đoàn phản động quốc tế"⁽¹⁾.

Với phương châm chỉ đạo đó, Phương án đề ra những nội dung cụ thể về việc triển khai nhiệm vụ sẵn sàng đối phó với âm mưu và thủ đoạn tiến hành chiến tranh xâm

⁽¹⁾ Ban CHQS thành phố Thái Nguyên: Phương án phòng thủ bảo vệ Thành phố chống chiến tranh xâm lược của địch. Số 02-PA - TP, Ngày 11-10-1978, tr. 7.

lược của địch: Xây dựng Thành phố trở thành pháo đài quân sự vững chắc, có khả năng làm tròn nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Thành phố, sẵn sàng chi viện phía trước; phát động toàn Đảng, toàn dân nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đập tan mọi thủ đoạn gây rối, gây bạo loạn tại thành phố Thái Nguyên.

Xây dựng Thành phố trở thành một pháo đài quân sự vững chắc là nội dung quan trọng của việc xây dựng cấp huyện vững mạnh toàn diện cả về chính trị, kinh tế và quốc phòng; đồng thời cũng là một nội dung cơ bản của phương hướng xây dựng kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng.

Từ nhận thức trên, thành phố Thái Nguyên được xây dựng thành 5 khu vực phòng thủ liên hoàn:

- *Khu vực 1*, vùng phía Bắc Thành phố gồm tiểu khu Quan Triều, tiểu khu Tân Long, xã Quang Vinh và các cơ quan, xí nghiệp, công trường đóng trên địa bàn.

- *Khu vực 2*: Khu trung tâm công nghiệp phía Nam Thành phố, gồm địa bàn các tiểu khu Phú Xá, Trung Thành, Tân Thành, Hương Sơn, các xã Cam Giá, Lương Sơn và các cơ quan, xí nghiệp, trường học đóng trên địa bàn.

- *Khu vực 3*: gồm địa bàn các tiểu khu Hoàng Văn Thụ, Trung Vương, Phan Đình Phùng, các xã Túc Duyên, Đồng Quang, Già Sàng và các cơ quan, xí nghiệp, công trường đóng trên địa bàn.

- *Khu vực 4*, gồm địa phận tiểu khu Chiến Thắng, xã Đồng Bẩm, thị trấn Núi Voi và các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn.

- *Khu vực 5*, gồm các khu vực thị trấn Trại Cau và Mỏ sắt Trại Cau.

Mỗi khu vực phòng thủ liên hoàn đều hình thành các cụm chiến đấu; Thành phố xây dựng 16 cụm chiến đấu chính:

Khu vực 1, hình thành 3 cụm chiến đấu:

+ Cụm số 1: Lấy Quốc lộ 3 làm chuẩn, từ Cầu số 5 lên km 7 cửa ngõ phía Bắc.

+ Cụm số 2: Lấy đường vào ga Quan Triều làm chuẩn, từ ngã tư cầu xây đường sắt vào ga và đội sản xuất xóm Quan Triều.

+ Cụm số 3: Lấy Quốc lộ 3 làm chuẩn, từ Cầu số 5 xuống cầu Mỏ Bạch, khu vực Nhà máy Giấy, Nhà máy Điện, Z.127, Hợp tác xã Cộng Lực, tiểu khu Quan Triều, bắc xã Quang Vinh.

Khu vực 2, hình thành 5 cụm chiến đấu:

+ Cụm số 4: Toàn bộ khu sản xuất của Công ti Gang thép.

+ Cụm số 5: Toàn bộ khu sinh hoạt của Công ti Gang thép đến hết địa phận cầu Vó Ngựa, tiểu khu Hương Sơn.

+ Cụm số 6: Lấy Quốc lộ 3 làm chuẩn, hướng về phía tây, gồm các tiểu khu Phú Xá, Trung Thành, ga Lưu Xá, Xí nghiệp Luyện kim màu, Công ti Xây lắp Luyện kim, Công ti Xây dựng dân dụng Lưu Xá...

+ Cụm số 7: Địa phận xã Cam Giá, cầu Trà Vườn.

+ Cụm số 8: Tiểu khu Tân Thành xuống hết địa bàn xã Lương Sơn.

Khu vực 3, hình thành 4 cụm chiến đấu:

+ Cụm số 9: Lấy đoạn Quốc lộ 3 cũ làm trung tâm, từ cầu Mỏ Bạch xuống, nửa phía nam xã Quang Vinh và tiểu khu Hoàng Văn Thụ; nửa phía bắc xã Đồng Quang.

+ Cụm số 10: Khu vực bắc tiểu khu Trung Vương và xã Túc Duyên.

+ Cụm số 11: Khu vực bắc tiểu khu Phan Đình Phùng và nửa phía nam xã Đồng Quang.

+ Cụm số 12: Khu vực xã Gia Sàng và nam tiểu khu Phan Đình Phùng, Xí nghiệp cán thép Gia Sàng.

Khu vực 4, hình thành 2 cụm chiến đấu:

+ Cụm số 13: Khu vực tiểu khu Chiến Thắng và xã Đồng Bẩm.

+ Cụm số 14: Khu vực thị trấn Núi Voi, Xí nghiệp đá Núi Voi đến ngã ba Minh Lập.

Khu vực 5, hình thành 2 cụm chiến đấu:

+ Cụm 15: Khu vực nông nghiệp thị trấn Trại Cau.

+ Cụm số 16: Khu vực Xí nghiệp Mỏ sắt Trại Cau.

Tại mỗi cụm chiến đấu, Thành đội lựa chọn các cao điểm xây dựng thành các điểm tựa chiến đấu bảo vệ khu vực. Các điểm tựa liên kết với nhau bằng hệ thống địa đạo, duy trì khả năng chiến đấu lâu dài bảo vệ Thành phố.

Đối với công tác quân sự địa phương, Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên chủ trương "Tiếp tục chuyển hướng nội dung, phương thức công tác cho phù hợp với giai đoạn cách mạng mới theo phương hướng xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa..., ra sức xây dựng dân quân, tự vệ

rộng khắp, mạnh mẽ, vững chắc, đủ sức hoàn thành hai nhiệm vụ chính trị xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Không ngừng nâng cao sức chiến đấu, trình độ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương, làm tốt công tác an ninh chính trị, giữ vững trật tự xã hội, nhất là các cơ sở xung yếu, trọng điểm. Phát huy vai trò xung kích nòng cốt của lực lượng dân quân, tự vệ trong lao động sản xuất và 3 cuộc cách mạng ở cơ sở. Tăng cường giáo dục nền quốc phòng toàn dân cho nhân dân các dân tộc trong Thành phố, nhất là trong thanh niên học sinh và trong các ngành Nhà nước. Làm tốt công tác tuyển quân, thường xuyên quản lý nắm chắc quân dự bị 1, 2 phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu..."⁽¹⁾.

Thực hiện chủ trương của Ban chỉ huy quân sự Thành phố, từ năm 1978, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố tiếp tục được nâng cao về chất lượng, đồng thời phát triển bổ sung những cán bộ, chiến sĩ mới có đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động, bảo đảm là lực lượng tin cậy của Đảng, của nhân dân. Các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn, Công ti Xây lắp Luyện kim, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Xí nghiệp Vận tải số 10... là những đơn vị đã hoàn thành tốt công tác đăng kí, quản lý quân dự bị. Trong tuyển quân đợt 1 năm 1978, thành phố Thái Nguyên giao quân vượt chỉ tiêu 0,95%. Cơ quan Quân sự Thành phố phối hợp với các Đảng bộ, Chi bộ cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo củng cố được 60% cơ sở dân quân, tự vệ. Công tác huấn luyện cán bộ dân quân, du kích vượt kế hoạch 3%, huấn luyện cán bộ

⁽¹⁾ Phương hướng nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1978 của Ban chỉ huy quân sự Thành phố. Số 09/A - QS, ngày 28-1-1978, tr. 1, 2.

tự vệ vượt 10%; 98,7% cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành chương trình, nội dung huấn luyện quân sự. Ban chỉ huy quân sự thống nhất các cấp từ Thành phố xuống đến các xã, tiểu khu, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn làm tốt công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện sức người, sức của cho các tỉnh biên giới. Thực hiện nhiệm vụ trên giao quân và dân Thành phố sản xuất hàng vạn chiếc chông tre, chông sắt (vượt chỉ tiêu được giao 60%), kịp thời chi viện cho hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn xây dựng tuyến phòng thủ bảo vệ biên cương Tổ quốc. Trong đó, 44 cụ lão dân quân tiểu khu Trung Vương (đơn vị lão dân quân đầu tiên của thành phố Thái Nguyên) cùng con cháu vót vượt chỉ tiêu 430 chiếc chông tre; tiểu khu Tân Long huy động đoàn xe đạp chở chông kéo dài hàng cây số đến bàn giao cho Ban chỉ huy quân sự Thành phố; cán bộ, chiến sĩ tự vệ Công ti Xây lắp Luyện kim làm được 529 bàn chông và 2.525 chiếc chông sắt.

Việc xây dựng các đơn vị tự vệ trong các nhà máy, xí nghiệp, trường học được đẩy mạnh. Theo quyết định của Bộ Tư lệnh Quân khu I, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái tổ chức thành lập Sư đoàn tự vệ Công ti gang thép Thái Nguyên, gồm 19 đơn vị tự vệ cơ sở, với đủ các binh chủng bộ binh, cao xạ, thông tin. Ngày 29-11-1978, Sư đoàn tự vệ Công ti gang thép Thái Nguyên chính thức làm lễ ra mắt với sự có mặt của các đồng chí đại diện Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu I, Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Thái, Bí thư Thành uỷ Thái Nguyên và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái. Tại buổi lễ, Đại tá Vũ Trọng Yên, Phó Chính uỷ Quân khu I đã công bố Quyết định của Bộ Tư lệnh Quân khu I về việc thành lập Sư đoàn tự vệ Công ti gang thép Thái

Nguyên và trao cho Bộ Tư lệnh Sư đoàn lá cờ thêu dòng chữ: "Sư đoàn Tự vệ Gang thép". Tiếp đó là cuộc diễu binh, diễu hành của các đơn vị tự vệ cơ sở, biểu thị sức mạnh và quyết tâm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của Sư đoàn.

Các đơn vị tự vệ của Trường Đại học Y khoa Việt Bắc, Nông trường Sông Cầu cũng mở rộng quy mô từ cấp tiểu đoàn lên cấp trung đoàn.

Trung đoàn tự vệ Trường Đại học Y khoa Việt Bắc biên chế thành 3 tiểu đoàn, gồm 10 đại đội; được tổ chức thành 2 lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong lực lượng phục vụ chiến đấu có một bộ phận cơ động sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến, gồm 15 tổ cấp cứu ngoại khoa cho các tuyến huyện, 1 đội cấp cứu ngoại khoa cho tuyến tỉnh.

Quán triệt Chỉ thị 223 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chính sách hậu phương quân đội, Phòng Thương binh - Xã hội phối hợp với Phòng Y tế tổ chức khám sức khoẻ cho thương binh và thân nhân liệt sĩ; phối hợp với Phòng Thương nghiệp giải quyết tốt việc phân phối hàng tiêu dùng cho thương binh và gia đình liệt sĩ; phối hợp với Ty và Phòng Lương thực giải quyết tốt việc nâng mức ăn cho bố, mẹ liệt sĩ già yếu ở khu vực phi nông nghiệp, vùng sản xuất rau, cho vợ liệt sĩ đông con gặp khó khăn.

Tại xã Quang Vinh, hầu hết các gia đình thương binh, liệt sĩ đều có mức sống từ trung bình trở lên; thu nhập bình quân của bố, mẹ liệt sĩ đạt 20 kg thóc một tháng, con liệt sĩ từ 10 kg đến 13 kg. Các thầy, cô giáo trường cấp I - II của xã chăm lo kèm cặp đảm bảo 100% con, em liệt sĩ, thương binh được lên lớp hoặc thi đỗ tốt nghiệp.

Bước vào năm 1979, tình hình biên giới phía Bắc trở nên căng thẳng. Ngày 6-1-1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị "Tăng cường lực lượng sẵn sàng chiến đấu ở các tỉnh phía Bắc", nêu rõ: "Phải khẩn trương nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của địch trong việc lấn chiếm, xâm phạm biên giới của Tổ quốc ta". Thường vụ Quân uỷ Trung ương chỉ thị: "Quân khu I, Quân khu II và các tỉnh biên giới phía Bắc phải ở trong tình thế sẵn sàng chiến đấu cao nhất".

Chấp hành các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Quân uỷ Trung ương, ngày 8-1-1979, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh họp và quyết định:

- Chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

- Chuẩn bị tuyển quân xây dựng 2 trung đoàn bộ đội địa phương, thành lập khung 3 trung đoàn dự nhiệm.

- Sẵn sàng làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm và lực lượng vũ trang chi viện cho các tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

Ngày 9-1-1979, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trực tiếp giao nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh và các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ các Huyện uỷ, Thành uỷ phụ trách công tác quân sự...

Sau khi nhận được các chỉ tiêu trên và Chỉ thị ngày 12-1-1979 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về "Xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, sẵn sàng chi viện phía trước khi có lệnh", Ban Thường vụ Thành uỷ họp, bàn phương hướng, nội dung và biện pháp thực hiện các chỉ

thị, nghị quyết của cấp trên. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được tăng cường. Ban chỉ huy quân sự Thành phố tổ chức các hội nghị bất thường mở rộng đến các đồng chí Bí thư cấp uỷ Đảng đồng thời là Chính trị viên cơ sở dân quân, tự vệ các cấp để quán triệt tình hình, nhiệm vụ, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu.

Sáng 17-2-1979, địch vô cớ tấn công nước ta trên toàn tuyến biên giới phía Bắc. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của quân và dân ta diễn ra trên toàn tuyến biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh), đến Phong Thổ (Lai Châu).

Chấp hành Mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu I, ngay chiều 17-2-1979, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh Bắc Thái quyết định chuyển toàn bộ Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh vào chiến đấu và chỉ thị mỗi huyện, thành chuẩn bị 1 tiểu đoàn dân quân, tự vệ sẵn sàng cơ động lên chiến đấu ở Mặt trận Biên giới phía Bắc.

Buổi tối ngày 17-2-1979, Ban Thường vụ Thành uỷ họp với Ban chỉ huy quân sự thống nhất Thành phố, quyết định chuyển toàn bộ Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố vào chiến đấu; đồng thời chỉ thị cho các xã, tiểu khu, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp sẵn sàng phục vụ chiến đấu; mỗi đơn vị chuẩn bị lực lượng từ 1 đại đội đến 1 tiểu đoàn dân quân, tự vệ, sẵn sàng cơ động lên tham gia chiến đấu ở Biên giới phía Bắc.

Nhờ chủ động chuẩn bị và làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nên chỉ một ngày sau khi địch phát động chiến tranh xâm lược nước ta trên toàn tuyến biên giới phía Bắc, nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, giáo viên và học sinh trên địa bàn Thành phố đã viết đơn

tình nguyện tham gia chiến đấu; trong đó có 280 đơn viết bằng máu, 123 chỉ đoàn viết quyết tâm thư gửi lên Thành Đoàn với 100% đoàn viên thanh niên kí tên sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Nhiều cựu chiến binh tuy tuổi cao, sức khỏe giảm sút, vẫn xin được tái ngũ để làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trùng đơn xin tái ngũ của ông Đinh Như Việt (xã Đồng Quang) có đoạn: "Mặc dù hiện nay tôi vẫn còn hai con trai đang tại ngũ, bản thân tôi tuy tuổi cao, sức khỏe không được như trước, nhưng tôi thấy mình vẫn còn có thể trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở chiến trường được. Tôi thiết tha xin được trở lại quân đội cầm súng chống quân xâm lược". Các cụ lão dân quân ở xã Gia Sàng và tiểu khu Trưng Vương đã tự trang bị vũ khí bằng giáo, mác, gậy gộc, tình nguyện tham gia tuần tra, canh gác bảo vệ trật tự trị an thay cho con cháu lên đường đánh giặc.

Qua 3 đợt tuyển quân năm 1979, Thành phố đã tuyển được 666 thanh niên vào bộ đội, vượt chỉ tiêu 0,9%. Ban chỉ huy quân sự thống nhất Thành phố đã xây dựng được 1 đại đội dân quân, du kích, gồm 70 cán bộ, chiến sĩ, có trang bị vũ khí đầy đủ, bổ sung cho Tiểu đoàn 736 dân quân, du kích tỉnh đi làm nhiệm vụ chiến đấu ở phía Bắc huyện Ngân Sơn (tỉnh Cao Bằng, nay thuộc tỉnh Bắc Kạn).

Từ ngày 18 đến ngày 28-2-1979, theo chủ trương của Thành uỷ, các Công ti gang thép Thái Nguyên, Xây lắp Luyện kim, Xây lắp Cơ khí đã xây dựng được các tiểu đoàn tự vệ 734, 735 và 737. Ngay sau khi thành lập, chấp hành Mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, các tiểu đoàn này đã lần lượt cơ động lên Mặt trận Biên giới, tham gia chiến đấu và phục

vụ chiến đấu trong thời gian từ ngày 26-2 đến ngày 3-3-1979.

Tiểu đoàn tự vệ 735 của Công ty Xây lắp Luyện kim (thành lập ngày 23-2-1979, gồm 473 cán bộ, chiến sĩ) đã trực tiếp tham gia chiến đấu và lập nhiều chiến công. Ngày 7-3-1979, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 735 được lệnh đưa đơn vị lên chặn đối phương từ thị xã Cao Bằng theo đường Nguyên Bình về Tà Sa, Tỉnh Túc. Sáng 8-3, Đại đội 6 của Tiểu đoàn 735 hành quân bằng xe cơ giới về đến bản Nà Pao, xã Minh Tâm (huyện Nguyên Bình) thì gặp địch. Cán bộ, chiến sĩ trong Đại đội 6 đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu. Đại đội đã đánh lui nhiều đợt tấn công của địch. Càng về trưa, cuộc chiến đấu càng trở nên ác liệt; nhiều cán bộ và chiến sĩ hi sinh.

Ngày 9-3, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 735 điều Đại đội 2 lên tham gia chiến đấu cùng với Đại đội 6. Qua hai ngày chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 735 đã đẩy lùi 13 đợt tấn công, tiêu diệt 550 tên, bắt 8 tên thám báo, thu 2 súng tiểu liên AK, 2 súng chống tăng B41, 2 dàn tên lửa H12, 17 quả mìn chống tăng. Đến ngày 10-3, Tiểu đoàn 735 tiếp tục truy kích, tạo điều kiện cho đơn vị bạn bức hàng 1 đại đội địch. Trong chiến đấu, Tiểu đoàn 735 đã có 27 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, 40 cán bộ, chiến sĩ bị thương.

Tại Mặt trận Lạng Sơn, các tiểu đoàn 1 và 2 (Trung đoàn 197) triển khai trận địa chiến đấu ở khu vực phía bắc cầu Khánh Khê. Từ ngày 27-2 đến ngày 4-3-1979, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 (đa số là cán bộ, công nhân Công ty gang thép Thái Nguyên) đã chiến đấu rất kiên cường, đánh lui tất cả các cuộc tấn công của đối phương, tiêu diệt

1.300 tên, bắn cháy 7 xe tăng, thu 1 súng máy cao xạ 12,7 mm, 8 đại liên, tiểu liên, 2 súng chống tăng B40, B41, góp phần cùng quân và dân Lạng Sơn đánh thắng quân xâm lược.

Cùng với các đơn vị tự vệ trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại Mặt trận Cao Bằng, thực hiện Chỉ thị ngày 3-3-1979 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc "Phát động tổ chức toàn dân chuẩn bị chiến đấu và tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc", Ban chỉ huy quân sự thống nhất thành phố Thái Nguyên đã huy động gần 10.000 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ các xã, thị trấn, tiểu khu, cơ quan, các trường chuyên nghiệp đóng trên địa bàn tham gia xây dựng công trình chiến đấu ở biên giới phía Bắc. Ngoài ra, Thành phố còn huy động 46.341 ngày công của dân quân, tự vệ xây dựng phòng tuyến chiến đấu tại chỗ và đào, đắp được 22.000 mét chiến hào, 10.000 hố chiến đấu cá nhân, hàng chục trận địa chiến đấu. Nhiều đơn vị tăng năng suất đào đắp từ 1 mét lên 3 mét khối đất một ngày ; tiêu biểu là Tiểu đoàn 28 Công ti Xây dựng dân dụng Lưu Xá, Xí nghiệp Xây dựng Xuân Hoà... Kết thúc đợt xây dựng phòng tuyến, toàn Thành phố có 22 trên tổng số 27 đơn vị tham gia được tặng danh hiệu "Thi đua Quyết thắng".

Hướng về cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đang trực tiếp chiến đấu bảo vệ từng tấc đất biên cương của Tổ quốc, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực.

Hưởng ứng phong trào "Cây chuối quốc phòng, sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ vững chắc địa phương" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố phát động trong giới

Phụ lão, Thành phố đã xây dựng được 9 đơn vị Lão dân quân, gồm 571 cụ tham gia.

Các Chi hội Phụ nữ Thành phố đã vận động chị em quyền góp lương thực, thực phẩm trị giá 3.800 đồng ủng hộ bộ đội Biên giới.

Hưởng ứng "Chiến dịch Trần Quốc Toản ra quân đánh thắng quân xâm lược" do Phòng Giáo dục Thành phố phát động, Liên đội Thiếu niên Tiên phong Trường Phổ thông cấp I - II Đồng Quang quyền góp được 794 kg đậu xanh, 806 quả trứng và 38 kg đường ủng hộ bộ đội và thương binh...

Ngay sau khi quân xâm lược rút về nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân Thành phố đã tích cực quyền góp ủng hộ đồng bào Cao Bằng nhanh chóng ổn định đời sống và khôi phục kinh tế. Ủy ban nhân dân Thành phố huy động hàng ngàn công nhân, phần lớn là cán bộ, chiến sĩ tự vệ của các Công ti Xây dựng nhà ở, Xây dựng dân dụng, Xây lắp Luyện kim và xã viên Hợp tác xã Cộng Lực tập trung phương tiện, lao động, gia công và vận chuyển 500 bộ vì kèo thép, cột bê tông, hàng vạn cây tre, nứa lên giúp nhân dân thị xã Cao Bằng xây dựng 10.000 m² nhà ở.

Trường Đại học Y khoa Việt Bắc cử hơn 100 giáo viên bộ môn dịch tễ và sinh viên năm thứ 6, chia thành nhiều đoàn lên các tỉnh Biên giới làm công tác vệ sinh, phòng dịch; đồng thời điều một kíp mổ và hàng trăm sinh viên về các viện quân y tham gia cứu chữa thương binh, v.v...

Sau hơn hai tháng hưởng ứng Cuộc vận động ủng hộ Cao Bằng do Mặt trận Tổ quốc tỉnh phát động, đến ngày

30-5-1979, cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ cùng với các tầng lớp nhân dân Thành phố đã ủng hộ đồng bào Cao Bằng 177.056,23 đồng và 23.552 mét phiếu vải. Sự ủng hộ của quân và dân thành phố Thái Nguyên đã góp phần quan trọng giúp nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống.

Trong quá trình tổ chức lực lượng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Đảng bộ Thành phố tiếp tục lãnh đạo thành lập thêm nhiều đơn vị dân quân, tự vệ. Trong các nhà máy, xí nghiệp, lực lượng tự vệ được xây dựng với quy mô từ cấp trung đoàn đến sư đoàn. Tính đến giữa năm 1979, lực lượng dân quân, tự vệ chiếm 33,6% tổng số dân toàn Thành phố (trong đó, lực lượng chiến đấu chiếm 40,8% tổng số dân quân, tự vệ, vượt chỉ tiêu từ 1% đến 10%). Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ tiếp tục được đẩy mạnh. Vào thời gian này, toàn Thành phố đã có 86 đơn vị dân quân, tự vệ hoàn thành tốt công tác huấn luyện. Trong số 24 đơn vị được kiểm tra, có 14 đơn vị đạt loại giỏi, 7 đơn vị đạt loại khá. Sau tháng 2-1979, Ban chỉ huy quân sự thống nhất Thành phố đã cử cán bộ lên Cao Bằng, Lạng Sơn học tập kinh nghiệm tác chiến trong cuộc chiến đấu bảo vệ Biên giới, trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương án huấn luyện cho sát với thực tế chiến đấu. Ban chỉ huy quân sự Thành phố mở 25 lớp tập huấn cho 2.656 cán bộ dân quân, tự vệ từ tiểu đội đến đại đội về các khoa mục sử dụng súng bộ binh, súng chống tăng, các loại pháo và kỹ thuật chiến đấu cá nhân; đồng thời bồi dưỡng 500 cán bộ dân quân, tự vệ từ cấp tiểu đoàn đến cấp sư đoàn về lý luận đường lối chiến tranh

nhân dân của Đảng, về phương thức chỉ huy tác chiến trên địa bàn rộng.

Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ, Chính quyền và Cơ quan Quân sự các cấp, lực lượng dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên lớn mạnh nhanh chóng không chỉ về số lượng, mà cả về chất lượng. Từ 106 đơn vị trong năm trước, đến giữa tháng 11-1979, toàn Thành phố đã có 135 đầu mối trực thuộc. Nhiều đơn vị trước đây là trung đội, đại đội, nay đã phát triển thêm lực lượng, đủ quân số xây dựng đại đội, tiểu đoàn. Trong 135 đầu mối trực thuộc, có 1 sư đoàn, 2 trung đoàn, 54 đại đội, 11 Ban chỉ huy quân sự, 7 xã đội và 35 đại đội. Số lượng cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ từ 49.637 người (năm 1978), đến cuối năm 1979, đã tăng lên 57.666 người; trong đó, lực lượng tự vệ chiến đấu có 23.510 người. Số đảng viên tham gia lực lượng dân quân, tự vệ chiếm 66,3%; số đảng viên trong dân quân, tự vệ chiếm 15,46%⁽¹⁾.

Với vị trí vừa là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, vừa là một trọng điểm về an ninh, quốc phòng của tỉnh Bắc Thái, là cửa ngõ phòng thủ quan trọng ở phía Bắc của thủ đô Hà Nội, quân và dân Thành phố Thái Nguyên luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch.

Từ sau khi xảy ra chiến tranh biên giới phía Bắc (2-1979), lợi dụng lúc đồng bào tỉnh Cao Bằng chạy giặc,

(1) Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1979 của thành phố Thái Nguyên, ngày 15-11-1979. Hồ sơ 4, Hộp 1, tr.2

tạm lánh xuống địa bàn thành phố Thái Nguyên, bọn tình báo, gián điệp của địch trà trộn vào dòng người sơ tán để hoạt động phá hoại, thu thập tin tức...

Trong bối cảnh ấy, cùng với việc xây dựng phương án phòng thủ, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã vạch ra kế hoạch triển khai nhiệm vụ trị an tác chiến. Căn cứ vào Kế hoạch hướng dẫn số 11/A-TM (ngày 6-1-1978) của Phòng Tham mưu Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái và tình hình thực tế, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã tiến hành điều chỉnh, bổ sung phương án bảo vệ Khu uỷ, Ủy ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc thành phương án bảo vệ Tỉnh uỷ và Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng lại phương án bảo vệ Thành uỷ, Ủy ban nhân dân Thành phố tại khu vực địa điểm mới; xây dựng phương án chống phá hoại và bảo vệ Đảng uỷ, Ban Giám đốc Công ty gang thép Thái Nguyên.

Đảng bộ cùng với chính quyền và Ban chỉ huy quân sự các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục quân và dân nêu cao ý thức cảnh giác, phòng gian, giữ bí mật; đồng thời chỉ đạo các lực lượng bộ đội, dân quân, tự vệ phối hợp với lực lượng công an tăng cường tuần tra, canh gác, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Công tác huấn luyện trong lực lượng dân quân, tự vệ tiếp tục được đẩy mạnh, đủ sức đảm nhận những nhiệm vụ nặng nề trong tình hình mới. Trong năm 1979, được sự chỉ đạo, giúp đỡ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Quân khu và Trường Quân sự Quân khu I, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã mở được 9 lớp huấn luyện bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ các cấp từ tiểu đoàn đến sư

đoàn dân quân, tự vệ⁽¹⁾. Ban chỉ huy quân sự Thành phố còn tổ chức huấn luyện bổ sung về kĩ, chiến thuật sử dụng các loại cối, pháo, B.40, B.41, các loại chông, mìn và đánh xe tăng. Đến tháng 10-1979, toàn Thành phố đã có 126/135 đơn vị dân quân, tự vệ tham gia huấn luyện; nhiều đơn vị đạt kết quả khá⁽²⁾.

Dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ huy quân sự các cấp, Thành phố tiến hành xây dựng lại cụm chiến đấu, từ 16 cụm nhỏ được tổ chức lại thành 5 cụm lớn cho phù hợp với yêu cầu của cụm chiến đấu có chiều sâu và rộng, đảm bảo phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân. Các điểm tựa, cụm điểm tựa được xây dựng và phân công cho các đơn vị phụ trách. Cơ quan chỉ huy quân sự Thành phố còn chỉ đạo tu sửa và kiểm tra 106 cao điểm, với trên 3.000 hố bắn, hầm để đạn, hầm chỉ huy, hầm thương binh... Qua nhiều lần kiểm tra và báo động, các trận địa pháo luôn luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, tiêu biểu là các trận địa của Sư đoàn Tự vệ Gang thép, Nhà máy Điện, Nhà máy Giấy, Công ti Xây lắp Luyện kim...

Bên cạnh những thành tích, ưu điểm đã đạt được, trong những năm từ 1975 đến 1979, công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố chưa trở thành một phong trào quần chúng sâu rộng. Các hiện tượng tiêu cực xã hội (tham ô, móc ngoặc, trộm cắp, cờ bạc, phạm pháp hình sự...) vẫn tiếp diễn, chưa được xử lí kịp thời và kiên quyết.

*

(1) (2) Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1979 của thành phố...
Tlđđ.

* *

Cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, bồi dưỡng, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên còn tích cực tham gia xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV "Phải kết hợp đúng đắn kinh tế với quốc phòng, xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước...", phát huy truyền thống vừa chiến đấu vừa sản xuất trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh mà còn tỏ rõ là một lực lượng xung kích trong lao động, sản xuất, mà trong đó điển hình là trong phong trào làm thuỷ lợi với Chiến dịch ra quân thi công hệ thống kênh, mương Núi Cốc, do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động (đầu năm 1977).

Đầu năm 1977, Thành phố đã huy động 356 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và đoàn viên thanh niên đường phố có sức khoẻ tốt, nhiệt tình cao, biên chế thành một tiểu đoàn, làm nhiệm vụ thi công kênh Tây trong hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc. Được giao chỉ tiêu huy động 25.000 công, đào, đắp 7.150 m³ đất, đá, nhưng với tinh thần quyết tâm cao, Tiểu đoàn đã hoàn thành khối lượng công việc trên chỉ mất 20.000 công, dành được 5.000 công để nhận thêm công việc khác. Trong 20 ngày lao động đầu tiên, năng suất của tiểu đoàn tăng từ 23% lên 36%. Khí thế lao động ngày càng sôi nổi. Trong phong trào "Giành cờ đỏ, bỏ cờ xanh" do Ban chỉ huy Tiểu đoàn Thành phố phát động, các Trung đội dân quân các xã Gia

Sàng, Đồng Quang, tiểu khu Trung Thành đã quản lí lao động chặt chẽ, phát huy dân chủ bàn bạc, nên năng suất lao động tăng từ 35% lên 95%.

Nhờ thực hành quân sự hoá chế độ sinh hoạt và làm việc, Tiểu đoàn thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thi công kênh Tây trong hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và chỉ thị của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc huy động 1 vạn lao động tham gia đợt 2 Chiến dịch thủy lợi xây dựng hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc, trong thời gian hơn 3 tháng (từ ngày 15-9 đến ngày 31-12-1977), Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân thành phố thành lập 1 trung đoàn dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ thi công hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc, do đồng chí Nguyễn Đức Tân - Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố, làm Trung đoàn trưởng kiêm Chính trị viên và Đại úy Đỗ Thắng - Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự Thành phố, làm Trung đoàn phó.

Đầu tháng 10-1977, hơn 810 cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn dân quân, tự vệ Thành phố ra quân tham gia Chiến dịch làm thủy lợi; trong đó, Đại đội dân quân xã Túc Duyên vượt chỉ tiêu quân số 97 người, Đại đội dân quân, tự vệ tiểu khu Tân Long vượt gần 100% chỉ tiêu quân số.

Nhờ tinh thần quyết tâm và biết tổ chức sắp xếp công việc hợp lí, nên năng suất lao động của Trung đoàn trong 1 tháng không ngừng nâng lên, từ 6% lên 25% và cuối cùng là 40,7%. Qua hơn một tháng lao động, Trung đoàn đã hoàn thành chỉ tiêu đào, đắp và trồng cỏ 3 km kênh Tây và kênh Giữa, về đích trước thời hạn 45 ngày. Năng

suất lao động bình quân của Trung đoàn đạt 126,3%. Riêng Đại đội tiểu khu Tân Long đạt năng suất bình quân 220%, dẫn đầu các đại đội trên công trường. Các Đại đội Gia Sàng, Cam Giá, Trung Thành đều đạt năng suất bình quân từ 180% đến 200%.

Qua 2 đợt huy động lực lượng tham gia xây dựng kênh, mương hồ Núi Cốc năm 1977, Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên là đơn vị đạt năng suất lao động cao nhất toàn công trường và là đơn vị hoàn thành khối lượng được giao sớm nhất, có quân số lên công trường cao nhất. Với thành tích đó, Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái trao tặng lá cờ “Đơn vị khá nhất”.

Hưởng ứng Chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã, từ ngày 27-2 đến ngày 31-5-1978, Thành phố huy động 1 tiểu đoàn dân quân, du kích, tự vệ ở 6 xã (Quang Vinh, Đồng Quang, Đồng Bẩm, Túc Duyên, Gia Sàng, Cam Giá) và 3 tiểu khu (Tân Long, Phú Xá, Trung Thành) lên công trường. Trong suốt thời gian tham gia chiến dịch làm đường, Tiểu đoàn luôn luôn vượt chỉ tiêu quân số, năng suất lao động, thời gian và khối lượng công việc. Kết thúc chiến dịch, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn Thành phố và Đại đội dân quân xã Đồng Bẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Giấy khen; 71% cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn được khen thưởng.

Không chỉ là lực lượng xung kích trong các chiến dịch làm thủy lợi, làm đường, cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, du kích, tự vệ Thành phố còn đóng vai trò nòng cốt trong các cơ sở sản xuất.

Dân quân, du kích trong các hợp tác xã nông nghiệp luôn dẫn đầu phong trào làm thủy lợi, làm phân bón ruộng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và sản lượng lương thực, hoa màu.

Lực lượng tự vệ trong các nhà máy, xí nghiệp cũng luôn đi đầu phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Cán bộ, chiến sĩ tự vệ Công ti gang thép Thái Nguyên đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, cùng đồng nghiệp nghiên cứu đúc thành công các loại trục cán thép 530 mm, 680 mm, 840 mm có chất lượng cao; sử dụng 100% than mỡ Phấn Mễ để luyện than cốc, giữ vững sản xuất, tạo ra nhiều mặt hàng mới, góp phần quan trọng đưa toàn Công ti hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1979 trước thời hạn 5 ngày, đạt giá trị tổng sản lượng 101,51%. Cán bộ, chiến sĩ tự vệ Nhà máy điện Thái Nguyên, với quyết tâm cao, đã cùng với đồng nghiệp rút ngắn thời gian đại tu, tiểu tu lò máy 11 ngày, sản lượng điện phát ra tăng 2.808.000 kw giờ, hoàn thành toàn diện vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1979 trước 14 ngày và nâng giá trị tổng sản lượng lên 62,4% so với kế hoạch. Tự vệ Xí nghiệp 19 tháng 5 tích cực phát huy sáng kiến, tiết kiệm, tự thiết kế chế tạo thành công máy bào gỗ, góp phần tăng năng suất từ 300% đến 400% so với bào bằng tay, hoàn thành kế hoạch Nhà nước trước thời hạn 16 ngày, vượt giá trị tổng sản lượng 4%...

Trong các cơ sở sản xuất, lực lượng dân quân, tự vệ luôn nêu cao tinh thần xung phong gương mẫu, tự đứng ra đảm nhận những nhiệm vụ khó khăn, nặng nề nhất. Trong số đó, tiêu biểu là Đại đội 3 tự vệ Nhà máy giấy Hoàng

Văn Thụ đã phát động đơn vị xung kích trong nhiệm vụ đào móng và xây dựng khu nhà công nhân, hoàn thành kế hoạch 107%, về trước thời gian 9 ngày. Đại đội tự vệ công trình 1 Công ty gang thép Thái Nguyên xây dựng bể dầu đã tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị xung kích vào nhiệm vụ khó khăn đột xuất là đổ bê tông đáy bể và đường ống đạt chỉ tiêu sản xuất, đưa năng suất từ 101% lên 109%, hoàn thành kế hoạch trước thời hạn 16 ngày. Đại đội dân quân tiểu khu Tân Long phát động chiến dịch cấy tăng diện tích lúa chiêm xuân cho hợp tác xã. Chỉ trong 2 ngày lao động, đơn vị đã cấy thêm được 3 mẫu ngoài kế hoạch, đưa tổng diện tích cấy lúa chiêm xuân từ 37 mẫu lên 40 mẫu. Ngoài ra, Đại đội còn tổ chức 1 trung đội chủ lực cơ động chuyên môn nhận mọi công việc khó khăn và đột xuất, nạo vét 1.000 mét nương, trừ sâu cứu 20 mẫu lúa, làm phân xanh trong các ngày chủ nhật, nhận gặt lúa ở tất cả những khu ruộng lúa bị đổ và bị nước ngập sâu, đưa năng suất từ 100% lên 170% so với các xã viên khác. Đơn vị tự vệ Trường Trung học Bưu điện đã tổ chức đi lao động trong 10 ngày tại Nông trường Phú Lương, khai hoang được 4ha, v.v...

* *

Sau gần 5 năm (1975 - 1979), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã nêu cao tinh thần tiến công cách mạng, vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, kịp thời chi viện sức người, sức của cho các tỉnh Biên giới, trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần đánh bại quân xâm lược, vừa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Những thành tích đạt được trong những năm từ 1975 đến 1979 đã tạo đà cho quân và dân Thành phố tiếp tục phấn đấu đi lên. Tuy nhiên, bước vào thập kỉ 80, trong tình hình chung của đất nước, thành phố Thái Nguyên đứng trước rất nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội. Tốc độ phát triển của các ngành sản xuất còn chậm, thị trường và vật giá không ổn định, số người lao động chưa có việc làm còn đông, đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, các hiện tượng tiêu cực xã hội chưa được ngăn chặn và có chiều hướng gia tăng...

II - Tiếp tục xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố vững mạnh, phòng chống có hiệu quả cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch.

Năm 1980 là năm đầu tiên của thập kỉ 80 và cũng là năm cuối của Kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 - 1980 do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đề ra, chuẩn bị bước vào Kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 - 1985. Đối với quân và dân thành phố Thái Nguyên, năm 1980 còn là năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VIII (2-1980).

Vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố tiếp tục giữ vững vai trò xung kích trong lao động sản xuất trên đồng ruộng cũng như trong các nhà máy, xí nghiệp.

Trong những năm từ 1980 đến 1985, ngoài khó khăn về vật tư, nhất là về phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ..., sản xuất nông nghiệp thành phố còn gặp khó khăn do thời tiết thất thường. Các hợp tác xã đã tận dụng mọi khả năng,

đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng toàn diện. Từ khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương về "Cải tiến công tác khoán và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp", lực lượng dân quân, du kích trong các hợp tác xã tích cực, chủ động đầu tư chăm sóc cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần đưa năng suất lúa từ 36,32 tạ/ha (năm 1980), lên 45,55 tạ/ha (năm 1982) và đến năm 1985 đạt trên 50 tạ/ha. Riêng các hợp tác xã Tân Long, Quan Triều, Đại Đồng, Quang Vinh đạt năng suất bình quân từ 60 đến 70 tạ/ha. Sản lượng lúa từ 4.412 tấn (năm 1980), tăng lên 6.197 tấn (năm 1982) và đến năm 1985 là 10.632 tấn. Diện tích trồng màu cũng phát triển tương đối khá, tăng từ 453 ha (năm 1980) lên 784 ha (năm 1982).

Thực hiện chủ trương mới của Đảng, kinh tế phụ gia đình theo mô hình kinh tế Vườn-Ao-Chuồng (VAC) bước đầu được đẩy mạnh. Từ năm 1982 về trước, các cấp lãnh đạo và đa số quần chúng đều có tư tưởng thành kiến đối với thành phần kinh tế phụ gia đình, coi đó là yếu tố cản trở sự phát triển thành phần kinh tế tập thể.

Từ năm 1982 trở đi, với cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, kinh tế phụ gia đình được coi là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân Thành phố đã có nhiều nghị quyết về việc đẩy mạnh kinh tế gia đình, coi đó là yêu cầu cấp bách trực tiếp tác động đến đời sống

nhân dân. Đến những năm 1984, 1985, phong trào làm kinh tế VAC đã phát triển rộng khắp Thành phố; nhiều gia đình thương binh, quân nhân phục viên, gia đình dân quân... làm ăn có hiệu quả kinh tế cao.

Trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp trung ương và địa phương đóng trên địa bàn Thành phố, cán bộ, kỹ sư và công nhân, số đông là cán bộ, chiến sĩ tự vệ, đã vượt qua khó khăn về vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế..., kịp thời chuyển hướng hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Cán bộ, chiến sĩ tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên, trong điều kiện khó khăn gay gắt, đã hăng hái đi đầu trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thực hiện được nhiều chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch sản xuất, đồng thời sản xuất thêm nhiều mặt hàng mới.

Cán bộ, chiến sĩ tự vệ trong Nhà máy Điện, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Xí nghiệp cơ khí 3 - 2, Mỏ than Khánh Hoà... tích cực tháo gỡ khó khăn, vừa bảo đảm kế hoạch sản xuất chính, vừa làm thêm kế hoạch sản xuất phụ, góp phần cải thiện đời sống công nhân trong nhà máy, xí nghiệp.

Cán bộ, chiến sĩ Cơ quan Quân sự Thành phố đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất làm ra của cải vật chất. Riêng trong năm 1980, Ban Chỉ huy quân sự Thành phố đã tự túc được lương thực, đạt bình quân 100kg gạo/người, vượt 132% so với chỉ tiêu được giao, 8 kg thịt/người, đạt yêu cầu 100%.

Sau khi chiến tranh Biên giới kết thúc, đất nước ta ở trong tình trạng vừa có hoà bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh. Các thế lực thù địch vẫn tăng cường chiến tranh phá

hoại nhiều mặt đối với cách mạng nước ta. Trên tuyến biên giới phía Bắc, tình hình căng thẳng vẫn chưa dịu bớt. Kẻ địch thường xuyên gây ra các vụ lấn chiếm, tung thám báo, biệt kích vào sâu lãnh thổ nước ta để dò la tin tức, bắt cóc cán bộ...

Trong tình hình ấy, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, đập tan âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch, vừa là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã chỉ đạo tất cả các cơ sở tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ học tập quán triệt Chỉ lệnh 47/QL ngày 22-3-1980 của Bộ Quốc phòng về 4 trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Ngày 15-5-1980, Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên ra Chỉ thị số 28/TC “Về việc sẵn sàng chiến đấu”, nêu rõ: “Toàn thể nhân dân và lực lượng vũ trang của Thành phố phải hết sức đề cao cảnh giác, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, kịp thời đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, tấn công xâm lược của địch..., phải phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, tích cực đẩy mạnh xây dựng kinh tế”⁽¹⁾. Bản Chỉ thị cũng nêu lên những quy định về các trạng thái sẵn sàng chiến đấu, gồm:

- Trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên, áp dụng trong tình huống đất nước hoặc trên các hướng, các

⁽¹⁾ Ban CHQS TPTN: Chỉ thị Về việc sẵn sàng chiến đấu. Số 28-TC, ngày 15-5-1980, tr. 1.

khu vực chiến lược chưa có dấu hiệu bị tấn công xâm lược (tình hình bình thường).

- Trạng thái sẵn sàng chiến đấu tăng cường, áp dụng trong tình hình ở từng hướng và khu vực chiến lược hoặc một số bộ phận trong nước có dấu hiệu bị tấn công xâm lược, hoặc khu vực địa bàn an ninh chính trị bị uy hiếp hay trong những ngày đất nước có sự kiện chính trị lớn (ngày lễ, ngày tết...).

- Trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao, áp dụng trong tình hình nhiều hướng và khu vực chiến lược trọng yếu, trên phần lớn đất nước có dấu hiệu rõ ràng bị tấn công xâm lược.

- Trạng thái sẵn sàng chiến đấu toàn bộ, áp dụng trong tình hình toàn bộ đất nước có dấu hiệu rõ ràng bị tấn công xâm lược.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và Chính quyền, công tác đăng ký quân dự bị và tuyển quân trong những năm 1980 - 1985 đạt kết quả tốt. Đến tháng 4-1980, 100% cơ sở dân quân, tự vệ đã tiến hành đăng ký quân dự bị. Trong đợt 1 tuyển quân năm 1980, thành phố Thái Nguyên đạt 102% chỉ tiêu trên giao⁽¹⁾. Từ khi Luật Nghĩa vụ quân sự được Hội đồng Nhà nước công bố (10-1-1982), Thành phố vẫn luôn luôn giữ vững và phát huy truyền thống là đơn vị dẫn đầu trong công tác tuyển quân. Chỉ tính trong 3 năm (1982 - 1984), Thành phố đã tuyển được 3.174 thanh niên vào bộ đội⁽²⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác năm 1980 của Ban CHQS TPTN - 20-11-1980

⁽²⁾ Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự Thành phố: Dự thảo kiểm điểm 3 năm thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự. Số 18/A-DVTQ, 15-4-1985, tr. 2.

Trong những năm thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, có nhiều đơn vị giao quân đạt tỉ lệ rất cao: Năm 1982, xã Quang Vinh đạt 140%, xã Tân Long đạt 128,5%, phường Phan Đình Phùng đạt 116%; Năm 1984, các xã Quang Vinh, Đồng Quang, Cam Giá, các phường Tân Long, Hoàng Văn Thụ... đều vượt chỉ tiêu giao quân... Với thành tích đó, năm 1985, các phường Tân Long, Tân Thành, Hoàng Văn Thụ và các xã Gia Sàng, Quang Vinh, Đồng Quang đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương.

Trong những năm 80, lực lượng dân quân, tự vệ tiếp tục phát triển về số lượng, đồng thời nâng cao về chất lượng. Đến cuối năm 1980, tổng số dân quân, tự vệ của thành phố Thái Nguyên có 54.042 người; trong đó, lực lượng chiến đấu có 26.344 người vượt 3% so với chỉ tiêu). So với tổng số dân toàn Thành phố, lực lượng dân quân, tự vệ chiếm 34,15% (vượt chỉ tiêu là 2,15%). Trong lực lượng dân quân, tự vệ, tỷ lệ đảng viên và đoàn viên chiếm 79,81% (chỉ tiêu là 70%), quân nhân phục viên chiếm 72,02% (chỉ tiêu là 45%)⁽³⁾.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân thành phố Thái Nguyên, từ năm 1980, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã xây dựng hoàn chỉnh các kế hoạch tác chiến phòng thủ đánh địch trên không và trên mặt đất. Toàn bộ 129 cơ sở dân quân, tự vệ trên địa bàn Thành phố đều có kế hoạch tác chiến tại chỗ. Các lực lượng cao xạ của dân quân, tự vệ được củng cố theo kế hoạch tác chiến trên các

⁽³⁾ Ban CHQS thành phố TN: Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác 1980, ngày 20-11-1980.

hướng được phân công bảo vệ nhà máy, xí nghiệp. Riêng lực lượng phòng không, trong năm 1980, thành phố Thái Nguyên đã xây dựng được 6 đại đội pháo cao xạ, gồm 24 khẩu đội 37 mm; 4 đại đội súng máy cao xạ, gồm 17 khẩu đội 14,5 mm; đào, đắp được 10.000 m³ công sự; tổ chức 75 tổ súng trường bắn máy bay, bố trí tại các điểm cao; thành lập 147 tổ cấp cứu, đào được 3.348 hầm tập thể, 10.995 hầm cá nhân, 21 hầm địa đạo... Chế độ trực chỉ huy từ Ban chỉ huy quân sự Thành phố đến các cơ sở dân quân, tự vệ được duy trì thường xuyên. Mạng lưới thông tin liên lạc cùng với hệ thống báo động được củng cố, bảo đảm thông suốt trong mọi tình huống.

Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ được duy trì và đẩy mạnh. Trong năm 1980, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã tổ chức 12 lớp tập huấn tập trung cho 938 cán bộ ở 113 cơ sở dân quân, tự vệ. Số cán bộ ở các cơ sở còn lại được tổ chức học tập tại đơn vị. Đến giữa tháng 11-1980, có 90/126 cơ sở dân quân, tự vệ tham gia huấn luyện các khoa mục. Qua kiểm tra bắn đạn thật, toàn Thành phố đạt 87,7%; các khoa mục khác đều đạt yêu cầu 100%. Ba đại đội cao xạ 37 mm của các đơn vị tự vệ Công ti Gang thép, Đường sắt Hà Thái, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ và một đại đội tự vệ nữ của Công ti Gang thép tham gia bắn đạn thật ở Tỉnh đều đạt kết quả tốt.

Tuy nhiên, việc triển khai công tác huấn luyện ở thành phố Thái Nguyên còn chậm so với thời gian quy định. Đến tháng 11-1980, một số cơ sở dân quân, tự vệ trên địa bàn vẫn chưa tổ chức huấn luyện được. Nội dung

huấn luyện chung cho các đối tượng chưa được cải tiến và nâng cao chất lượng; có nơi chưa đảm bảo nội dung, thời gian... Những hạn chế này từng bước được khắc phục trong những năm sau.

Thực hiện nghị quyết ngày 29-5-1979 của Thường vụ Quân uỷ Trung ương về tổ chức thực hiện chế độ thủ trưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, từ ngày 1-10-1980, toàn quân từ cấp đại đội trở lên thực hiện chế độ thủ trưởng (chế độ một người chỉ huy). Ở mỗi cấp có Chỉ huy trưởng và các Chỉ huy phó giúp Chỉ huy trưởng về các mặt công tác quân sự, chính trị, hậu cần, kỹ thuật. Chỉ huy phó về quân sự có thể là một hoặc hai người, trong đó có một người kiêm Tham mưu trưởng. Thực hiện chế độ Thủ trưởng đồng chí Phùng Đức Nụ (Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ), Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự Thành phố tiếp tục được giao giữ chức Chỉ huy trưởng; đồng chí Đặng Tuấn Ngân (Chính trị viên) được giao giữ chức Chỉ huy phó về Chính trị; đồng chí Phạm Đại Bằng (Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự Thành phố) được giao giữ chức Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng. Các đồng chí Lưu Văn Mục, Nguyễn Trọng Lệ (Chỉ huy phó) tiếp tục được giao giữ chức Chỉ huy phó quân sự.

Ngày 31-5-1981, Đảng uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh họp phiên bất thường, đánh giá tình hình đội ngũ cán bộ quân sự tỉnh từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam và ra Nghị quyết chỉ rõ "phải tăng cường xây dựng, giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, coi đó là nhiệm vụ trung tâm, thường xuyên của cấp uỷ và chỉ huy các cấp".

Nhận rõ yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, Đảng bộ Thành phố đã chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nói chung, lực lượng vũ trang nói riêng nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Đến giữa năm 1981, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã hoàn thành việc xây dựng kế hoạch chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và kế hoạch thực hiện Chỉ lệnh 47 (3-1980) của Bộ Quốc phòng về 4 trạng thái sẵn sàng chiến đấu. 100% cơ sở dân quân, tự vệ đã được tổ chức huấn luyện cả bộ binh và binh chủng. Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã mở 8 lớp bồi dưỡng cán bộ từ cấp trung đội trở lên và 1 lớp trinh sát có 548 đồng chí tham gia (trong đó có 194 cán bộ trung đội, 159 cán bộ đại đội, 36 cán bộ xã đội, 85 cán bộ tiểu đoàn và 62 cán bộ chuyên trách tự vệ).

Ngoài huấn luyện quân sự và sẵn sàng chiến đấu, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố còn tích cực tham gia tuần tra, canh gác bảo vệ trật tự, trị an; phối hợp với lực lượng công an truy quét các tụ điểm tệ nạn xã hội (lưu manh, trộm cướp, nghiện hút...), làm trong sạch địa bàn.

Từ năm 1983, công tác quân sự địa phương của thành phố Thái Nguyên có nhiều thuận lợi hơn trước. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp từ tỉnh xuống đến cơ sở có nhiều chuyển biến mạnh, tích cực, sâu sát và kịp thời. Trên địa bàn Thành phố do sản lượng lúa tăng nên đời sống của cán bộ, bộ đội và nhân dân từng bước được ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quân sự địa phương. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân

dân Thành phố đều xác định tốt nhiệm vụ: "... phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, kịp thời đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch, hoàn thành nhiệm vụ của lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc, tích cực tham gia xây dựng kinh tế và làm nghĩa vụ quốc tế".

Ban chỉ huy quân sự Thành phố phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an và các cơ quan, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện tốt các Chỉ thị 01, 02 của Liên bộ Quốc phòng - Nội vụ, Chỉ thị 128 của Hội đồng Bộ trưởng, Chỉ thị 53 của Bộ Tổng tham mưu về công tác bảo vệ trật tự trị an xã hội. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng kiểm soát quân sự của Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã nhận rõ chức năng, nhiệm vụ của mình, hiệp đồng chặt chẽ với các ngành Công an, Kiểm lâm, Thuế vụ trong việc giữ gìn an ninh, trật tự ở các tụ điểm đông dân cư, các nơi có nhiều quân nhân qua lại.

Sự nỗ lực của cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên trong công tác xây dựng và bảo vệ trật tự, trị an xã hội đã góp phần làm giảm tình hình phạm pháp hình sự trên địa bàn.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu I, được sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, năm 1984, thành phố Thái Nguyên thành lập Tổ An ninh - Quốc phòng. Đến cuối năm, theo quyết định của Bộ Tư lệnh Quân khu I, Sư đoàn tự vệ Gang thép và Trung đoàn tự vệ Đường sắt Hà - Thái được chuyển về trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

Nhằm nâng cao khả năng chiến đấu của lực lượng dân quân, tự vệ, ngày 12-9-1984, Ban Thường vụ Thành uỷ ra Nghị quyết về công tác quân sự địa phương trong

hai năm 1984 - 1985. Nghị quyết nêu rõ yêu cầu, nhiệm vụ chủ yếu của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể và Cơ quan Quân sự các cấp đối với việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương:

- Cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, Cơ quan Quân sự các cấp phải quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ công tác quân sự địa phương, tăng cường giáo dục trong toàn Đảng, toàn dân nhận rõ bản chất của kẻ thù...

- Hoàn chỉnh phương án phòng thủ cơ bản của Thành phố, thường xuyên bổ sung kịp thời, phù hợp với diễn biến tình hình của từng thời gian để đối phó với âm mưu của địch và sự phát triển lực lượng của ta; triển khai phương án phòng không đến tận cơ sở; kết hợp xây dựng Thành phố với xây dựng pháo đài quân sự.

- Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ trong sạch, vững mạnh để đáp ứng yêu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đảm bảo tỉ lệ phát triển dân quân, tự vệ đối với xã từ 10% đến 15%, đối với phường từ 5% đến 10% dân số; đối với cơ quan, xí nghiệp từ 40% đến 50% tổng số cán bộ, công nhân, viên chức.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Đoàn thể, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố không ngừng được củng cố, từng bước nâng cao chất lượng mọi mặt. Hầu hết cán bộ lãnh đạo, chỉ huy dân quân, tự vệ là đảng viên, nhiều đồng chí là cấp uỷ viên. Hàng năm, cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đều được tổ chức huấn luyện quân sự và chính trị. Đến ngày 10-11-1984, 100% cơ sở dân quân, tự vệ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành chương trình huấn luyện quân

sự, chính trị. Lực lượng tự vệ phòng không thuộc Sư đoàn Tự vệ Gang thép tham gia Hội thao bắn súng máy cao xạ 14,5 mm, 12,7 mm đạt thành tích cao nhất toàn quân.

Năm 1985, theo Quyết định số 102/HĐBT ngày 2-4-1985 của Hội đồng Bộ trưởng, xã Đồng Bẩm được tách khỏi thành phố Thái Nguyên, sáp nhập về huyện Đồng Hỷ; các xã: Phúc Hà, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Tân Cương, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Tích Lương được tách khỏi huyện Đồng Hỷ, sáp nhập về thành phố Thái Nguyên. Năm 1980, công tác huấn luyện dân quân, tự vệ trên địa bàn cũng có sự đổi mới về nội dung và phương pháp, phù hợp với đối tượng. Đối tượng dân quân, tự vệ huấn luyện năm thứ nhất và dân quân, tự vệ ở các đơn vị trực tiếp chiến đấu sẽ có thời gian huấn luyện dài hơn; nội dung huấn luyện đi sâu hơn vào các môn kỹ thuật, chiến thuật. Phương pháp huấn luyện được tổ chức xoay vòng, xen kẽ giữa các môn và kết hợp huấn luyện quân sự với lao động sản xuất. Lực lượng dân quân, tự vệ thành phố Thái Nguyên được tổ chức thành 5 trung đoàn, 76 đại đội, 541 tổ đội binh chủng chuyên môn; 100% cơ sở được củng cố và kiện toàn.

Với phương châm kết hợp tổ chức huấn luyện quân sự với lao động sản xuất, Thành đội mở 3 lớp tập huấn cho 215 cán bộ từ trung đội đến tiểu đoàn và cán bộ chuyên trách. Cuối năm 1985, toàn Thành phố có 100% cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành chương trình huấn luyện. Kết quả huấn luyện: Khối xã, phường có 40,9% đơn vị đạt loại giỏi, 31,8% đạt loại khá, 27,7% đạt yêu cầu và 4,6% không đạt; khối tự vệ có 33,6% đạt loại giỏi,

22,1% đạt loại khá, 37,9% đạt yêu cầu và 6,4% không đạt⁽¹⁾.

Cũng trong năm 1985, được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân Thành phố và sự ủng hộ của các cơ sở, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã tổ chức huấn luyện 1 cụm tại xã Phúc Trù, với sự tham gia của 6 đơn vị (gồm các xã Phúc Xuân, Phúc Trù, Thịnh Đức, Thịnh Đán, phường Phan Đình Phùng và Công ti Nông sản thực phẩm). Thời gian huấn luyện 12 ngày, trong đó có 7 ngày học quân sự và 5 ngày lao động sửa chữa đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã.

Giữ vững truyền thống đơn vị luôn dẫn đầu công tác tuyển quân, năm 1985, Thành phố đã tuyển được 1.286 người (có 85 nữ) vào bộ đội, đạt 100,08% so với chỉ tiêu được giao. Bên cạnh đó, Thành phố còn huy động 12 sĩ quan dự bị nhập ngũ và tuyển được 55 người vào các Trường Quân sự.

Năm 1985 là năm đầu tiên Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các đơn vị lực lượng vũ trang thực hiện huấn luyện quân sự kết hợp với lao động sản xuất nhằm làm ra của cải vật chất, giảm bớt một phần kinh phí cho công tác huấn luyện dân quân, tự vệ; đồng thời phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng dân quân, tự vệ trong lao động sản xuất. Thực hiện chủ trương này, Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên chỉ đạo, chỉ huy lực lượng dân quân, tự vệ sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự năm 1985, đã tham gia 43.217 ngày công lao

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1985 của Ban chỉ huy quân sự Thành phố.

động sản xuất, đạt giá trị kinh tế 131.484 đồng, cao nhất tỉnh Bắc Thái. Cán bộ, chiến sĩ cơ quan Quân sự Thành phố tích cực tăng gia sản xuất tự túc, bình quân mỗi người tăng gia được 146 kg rau xanh, đạt kỉ lục cao nhất tỉnh.

Thành phố Thái Nguyên là một trong những trung tâm giáo dục và đào tạo của cả nước. Trên địa bàn Thành phố có 4 trường đại học, 1 trường cao đẳng, nhiều trường trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông và dạy nghề, với hàng vạn học sinh, sinh viên. Do đó, công tác giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên trở thành một yêu cầu cấp bách, đòi hỏi Ban chỉ huy quân sự Thành phố phải quan tâm tổ chức thực hiện.

Tháng 5-1985, tại Trường Trung học Giao thông miền Núi, Ban chỉ huy quân sự Thành phố dự họp với đại diện của 20 trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề bàn chuyên đề về giáo dục quốc phòng và huấn luyện quân sự cho học sinh, sinh viên (Hội nghị do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái tổ chức). Hội nghị quyết định 4 vấn đề cơ bản:

- Giáo dục ý thức quốc phòng cho học sinh, sinh viên trên cơ sở giáo dục tốt chính trị tư tưởng, đạo đức, các môn học và các hoạt động khác.

- Huấn luyện cho học sinh, sinh viên những kiến thức quân sự cơ bản.

- Xây dựng và rèn luyện nếp sống quân sự cho học sinh, sinh viên.

- Tổ chức tốt lực lượng bảo vệ, chuẩn bị các kế hoạch sơ tán, phòng tránh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ trật tự trị an.

Sau Hội nghị, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn Thành phố đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự các cấp tổ chức huấn luyện quân sự cho học sinh, sinh viên. Bên cạnh đó, các trường còn tổ chức học sinh, sinh viên tham gia thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tuần tra, canh gác, giữ gìn trật tự, trị an.

Bước vào năm 1986, sau 10 năm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quân và dân cả nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực. Với kết quả ngăn chặn đà giảm sút của các ngành sản xuất và thắng lợi của cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tổ quốc, quân và dân ta đã làm thất bại một bước chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch... Tuy nhiên, chúng ta cũng còn nhiều mặt khó khăn, hạn chế, nhất là khó khăn về kinh tế - xã hội. Đời sống nhân dân ta gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn; đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội nghiêm trọng.

Trong bối cảnh ấy, ngày 21-7-1986, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 33/NQ - TW về nhiệm vụ quốc phòng 5 năm (1986 - 1990), nêu rõ "Ra sức củng cố nền quốc phòng toàn dân và xây dựng hậu phương chiến lược vững mạnh. Nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân chính quy, ngày càng hiện đại..., làm tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc tế và nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống công nghiệp quốc phòng...".

Tiếp theo, từ ngày 13 đến ngày 18-10-1986, Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ IV họp tại Hà Nội đã tập trung

thảo luận, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Trên cơ sở đó, Đại hội xác định nhiệm vụ trước mắt của quân đội trong tình hình mới.

Từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được triệu tập. Trên cơ sở đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong 10 năm đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng trong thời kỳ đổi mới xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đối với nhiệm vụ quốc phòng an ninh, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI nhấn mạnh phải quán triệt và thực hiện đúng quan điểm "toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước". Đại hội quyết nghị "Trong giai đoạn mới phải xây dựng quân đội chính qui, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có tổ chức hợp lý, cân đối, gọn và mạnh, có kỷ luật chặt chẽ, có trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu cao", tiếp tục phát triển dân quân, tự vệ với số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới...

Tất cả những sự kiện lịch sử trên có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị, tinh thần của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Trong khi đó, trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, tình hình cũng có những diễn biến mới.

Nằm ở vị trí quan trọng cả về chính trị, kinh tế và quốc phòng, thành phố Thái Nguyên là một trong những địa bàn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Ngay từ đầu những năm 80, chúng đã tiến hành các hoạt

động thâm nhập, tung gián điệp đi sâu vào địa bàn thành phố Thái Nguyên nhằm thu thập tin tức, tình báo, đặc biệt là khả năng chỉ viện và phòng thủ khi có chiến sự. Những vùng đông giáo dân, các điểm đông dân cư nơi hẻo lánh là những khu vực chúng tập trung tìm cách móc nối các phần tử xấu, thoái hoá, biến chất, bất mãn... để hoạt động phá hoại, gây rối.

Cùng với hoạt động tình báo, gián điệp, các thế lực thù địch còn tăng cường hoạt động chiến tranh tâm lý. Chúng phát tán truyền đơn, tờ rơi, thư từ, sách, báo... tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động quần chúng, loan truyền tin thất thiệt nhằm gây hoang mang trong nhân dân thành phố.

Trước tình hình trên, Ban chỉ huy quân sự Thành phố chỉ đạo, chỉ huy cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương trên địa bàn thực hiện tốt Nghị quyết ngày 17/1/1986 của Đảng ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái "duy trì chặt chẽ các chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chiến, sẵn sàng đáp ứng với mọi tình huống...". Trong những ngày nghỉ, ngày lễ, tết, các kíp trực chỉ huy, trực ban tác chiến, trực ban nội vụ, trực chiến đấu đều phải được tăng cường. Công tác thông tin liên lạc phải bảo đảm thường xuyên thông suốt".

Từ ngày 30-9 đến ngày 4-10-1986, Đảng bộ Thành phố tiến hành Đại hội lần thứ X. Trên cơ sở phân tích, đánh giá những thành tích đã đạt được và những mặt tồn tại, đồng thời quán triệt quan điểm đổi mới của Trung ương Đảng và của Tỉnh uỷ, Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới (10-1986 - 1988), trong đó có vấn đề "Lập lại trật tự, khôi phục lại kỷ cương

xã hội, thực hiện sống và làm việc theo pháp luật, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa", "Thường xuyên đề cao cảnh giác, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo được phong trào quần chúng tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đảm bảo an ninh kinh tế - xã hội, đảm bảo vững chắc từng cơ sở sản xuất và từng tổ chức nhân dân"⁽¹⁾.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, quân và dân thành phố Thái Nguyên tích cực thi đua đẩy mạnh mọi mặt hoạt động. Lực lượng dân quân, tự vệ tiếp tục phát huy vai trò xung kích trên mặt trận sản xuất. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, cán bộ, chiến sĩ dân quân tích cực đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa các giống lúa mới có năng suất cao (CR.203, K.3, 184...) vào sản xuất, góp phần đưa sản lượng vụ lúa mùa vượt kế hoạch 674 tấn và tăng 610 tấn so với năm 1985 (4,8%). Nhiều tấm gương lao động quên mình, dám nghĩ, dám làm, ngày đêm gấn bó, tận tụy với công việc của hợp tác xã xuất hiện ngày càng nhiều trong lực lượng dân quân. Nhiều quân nhân phục viên, nhiều cán bộ, chiến sĩ dân quân được tập thể tín nhiệm trao cho các cương vị chủ chốt trong các Đội sản xuất hoặc Ban Quản trị Hợp tác xã. Trong số đó, có nhiều đồng chí làm Chủ nhiệm Hợp tác xã, nhiều năm đứng mũi chịu sào, những lúc gặp khó khăn vẫn không hề nản chí, cùng bà con xã viên tìm cách tháo gỡ, đưa phong trào đi lên.

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên. Tập 2 (1875 - 2002). Xb 2002, tr. 146.

Lực lượng dân quân Thành phố cũng đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố, hoàn thiện cơ chế khoán trong các Hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 129 của Thành uỷ. Thông qua việc thực hiện chính sách khoán sản phẩm, hệ số quay vòng sử dụng đất được nâng lên từ 1,51 lần (năm 1985), lên 1,8 lần (năm 1986) và nếu tính cả diện tích đất trồng màu thì hệ số quay vòng đạt 2,1 lần.

Sự hoạt động tích cực, năng động của cán bộ, chiến sĩ trong các đơn vị dân quân đã góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, thu hút thêm nhiều hộ nông dân vào hợp tác xã. Nhiều hợp tác xã đã mở rộng ngành, nghề như thực hiện hạch toán kinh doanh, từng bước bảo đảm tốt 3 lợi ích. Một số hợp tác xã triển khai khoán và quản lí ao, hồ, các loại cây ngô, chè, lạc có kết quả. Nhờ đó, giá trị sản lượng nông nghiệp, năm 1986 trên Thành phố đạt 120.227.000 đồng (tăng hơn 20 lần so với năm 1980). Các Hợp tác xã Yên Thịnh, Ninh Sơn, Tân Long, Gia Sàng, Hoà Tiến, Thống Nhất, Đại Đồng... đã giải quyết tốt việc thu sản phẩm...

Cán bộ, chiến sĩ lực lượng tự vệ trong các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Thành phố đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, tự tìm cách tháo gỡ khó khăn để hoàn thành kế hoạch và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần đưa tổng giá trị sản lượng năm 1986 lên trên 6.000.000 đồng (vượt 10% so với kế hoạch).

Nhằm tăng cường khả năng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, từ ngày 28-4 đến ngày 17-5-1986, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức cuộc diễn tập quân sự BT - 86, báo động kiểm tra quân số huấn luyện quân sự giai đoạn I của các tiểu đoàn dự bị động viên các huyện, thành, thị theo phương châm kết hợp huấn luyện quân sự với lao động sửa chữa đường giao thông Thác Giềng - Áng Toòng - Na Rì. Trong đợt diễn tập này, Tiểu đoàn dự bị động viên thành phố Thái Nguyên là đơn vị đạt thành tích cao nhất về huy động quân số (92,2%).

Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên còn phối hợp với các ngành có liên quan làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tại các khu vực trọng điểm, công tác, thường trực, bảo vệ, tuần tra, canh gác... được duy trì tốt.

Lực lượng dân quân, tự vệ trên địa bàn được củng cố và kiện toàn thêm một bước. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã, phường, phần lớn cán bộ lãnh đạo dân quân, tự vệ được thay thế, có phẩm chất, năng lực và khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Số cán bộ mới được tổ chức bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân. Hầu hết các xã, phường đều thành lập Tổ An ninh - Quốc phòng.

Công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ tiếp tục được đẩy mạnh, có nền nếp. Việc xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng và quản lí lực lượng dự

bị động viên, triển khai công tác sẵn sàng chiến đấu đều được thực hiện có chất lượng tốt. Công tác tuyển quân hằng năm đều vượt chỉ tiêu được giao; riêng năm 1986, Thành phố tuyển được 1.204 người vào bộ đội.

Trải qua hơn 10 năm sau ngày thống nhất đất nước (5-1975 - 12-1986), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp bộ Đảng, Chính quyền Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong hơn 10 năm, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố đã tích cực tham gia huấn luyện quân sự và chính trị, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần trực tiếp bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn. Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố còn đóng vai trò xung kích trong lao động sản xuất trên đồng ruộng cũng như trong các nhà máy, xí nghiệp; trong phát triển sức sản xuất cũng như trong củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù còn có những mặt hạn chế, yếu kém, song những ưu điểm và thành tích đạt được trong hơn 10 năm (1975 - 1986) đã tạo đà cho cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố tiếp tục phấn đấu, đạt nhiều thành tích hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước.

CHƯƠNG VI

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (1987 - 2000).

1. Tham gia xây dựng Thành phố thành pháo đài phòng thủ vững chắc, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng trên địa bàn.

Chấp hành chỉ thị của Thành uỷ, cuối tháng 2-1987, Chi bộ và Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên và chiến sĩ trong đơn vị học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Trước hết, Chi bộ giáo dục cán bộ, chiến sĩ quán triệt sâu sắc và nhận thức đúng đắn về những nội dung đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra. Đó là sự chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự tham gia quản lí của Nhà nước; xây dựng lại thể bố trí chiến lược quân sự bảo vệ Tổ quốc, giảm mạnh quân số thường trực; đổi mới hoạt động đối ngoại, tạo điều kiện hoà bình ổn định xây dựng đất nước; chủ động từng bước đưa nước ta hoà nhập vào cộng đồng quốc tế, nhất là hoà nhập vào nền kinh tế thế giới; mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa trên mọi mặt của đời sống xã hội.

Mỗi cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố đều nhận thức rõ: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trong khi thực hiện nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải luôn luôn cảnh giác, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta.

Đối với công tác quân sự địa phương và lực lượng vũ trang, thực hiện đổi mới là một thử thách, một cuộc đấu tranh gian khổ cả trong nhận thức và trong thực tiễn. Với cơ chế mới, 31 Hợp tác xã nông nghiệp và 20 Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp không còn điều kiện để bao cấp cho mọi hoạt động của dân quân, tự vệ. Trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, mọi chi phí đều phải đưa vào hạch toán kinh tế, do đó không còn điều kiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của tự vệ như trước. Khó khăn này đã phát sinh ngay sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100 CT (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các Hợp tác xã nông nghiệp; sau đó là các quyết định 25, 26-CP của Chính phủ về một số chủ trương, biện pháp phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các cơ sở sản xuất.

Tuy các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhưng những vấn đề cơ bản về cơ chế hoạt động và chính sách, chế độ đối với công tác quân sự địa phương chưa được đặt

ra cụ thể. Đến lúc này, tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Thái Nguyên vẫn nằm trong tình trạng khủng hoảng: Sản xuất nông nghiệp bị thất thu nghiêm trọng do thiên tai và do cơ chế khoán chưa hợp lý, không khuyến khích người lao động, dẫn đến hiện tượng nông dân bỏ ruộng, trả ruộng cho hợp tác xã. Các ngành sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Thành phố thiếu vốn, thiếu nguyên liệu, nhiên liệu và các vật tư thiết yếu khác, làm giảm năng lực sản xuất, ảnh hưởng đến thu nhập của hàng vạn công nhân. Mặt trận lưu thông phân phối cũng gặp nhiều khó khăn; giá cả leo thang, đồng tiền giảm giá, kéo theo sự giảm sút về đời sống của mọi người dân trong Thành phố...

Tất cả tình hình trên đã tác động trực tiếp đến tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương ảnh hưởng tiêu cực đến công tác quân sự địa phương của Thành phố.

Trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, các thế lực thù địch đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt. Chúng luôn luôn lợi dụng tôn giáo, nhất là Thiên chúa giáo, để thực hiện âm mưu chống phá phong trào cách mạng của nhân dân ta một cách có hệ thống⁽¹⁾. Chúng lén lút đưa một số tài liệu phản động vào các trường trung, đại học nhằm đầu độc thanh niên học sinh, sinh viên. Chiến lược "Chiến thắng không cần chiến tranh" của cựu Tổng thống Mỹ Níchxơn và âm mưu "diễn biến hoà bình" có dấu hiệu xuất hiện ở khía cạnh này hoặc khía cạnh khác, đã gây sự bất ổn định trên địa bàn Thành phố⁽²⁾.

(1) (2) Xem: Lịch sử công an nhân dân tỉnh Bắc Thái.

Đó chính là những thách thức mới đối với Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên khi bước vào năm đầu thực hiện đường lối đổi mới.

Tình hình trên đặt ra một yêu cầu là muốn xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố vững mạnh về mọi mặt, đủ sức giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, làm chỗ dựa vững chắc cho nhân dân yên tâm tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế, trước hết, Cơ quan Quân sự Thành phố tham mưu cho Thành uỷ có chủ trương về công tác quân sự địa phương của Thành phố trong tình hình mới. Mặt khác, phải phối hợp với các đoàn thể trong hệ thống chính trị và các cơ quan thông tin đại chúng tiến hành đợt tuyên truyền giáo dục quốc phòng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người, mỗi ngành đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở đó, cần phát động nhân dân tự giác tham gia xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân, tự vệ.

Ngay từ cuối năm 1986, Đại hội Đảng các cấp trong Đảng bộ Thành phố đã ra Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ 3 năm (1987-1989), trong đó có nhiệm vụ quốc phòng. Cũng trong dịp này, nhân sự của các Ban chỉ huy Xã đội, Phường đội cũng có nhiều thay đổi: 13 trên tổng số 24 đồng chí Chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, 67 trên 126 đồng chí Chỉ huy trưởng đơn vị tự vệ được nghỉ và thay bằng những đồng chí trẻ, khoẻ và hầu hết là cựu quân nhân⁽¹⁾. Đây cũng là một điều kiện thuận

⁽¹⁾ Theo Báo cáo số 09-A - BC - ngày 20-1-1987 và Báo cáo số 79-A - BC, ngày 20-11-1987

lợi để Ban Cán sự Đảng, Quân sự Thành phố⁽¹⁾ cùng với tổ chức Đảng cơ sở trong toàn Thành phố tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, nâng cao chất lượng lực lượng dự bị động viên và dân quân, tự vệ trên địa bàn. Đến cuối năm 1987, dân số thành phố Thái Nguyên có 189.639 người, trong đó lực lượng dân quân, tự vệ chiếm khoảng 3%; lực lượng dự bị động viên (bao gồm hạng 1 và 2) có 28.891 cán bộ, chiến sĩ (chiếm trên 15% dân số). Trong chỉ đạo xây dựng lực lượng, chấp hành chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu I, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và của Thành uỷ, Ban Cán sự Đảng và Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã thực sự coi trọng chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị. Năm 1987, toàn Thành phố có 12% trong tổng số 4.761 đảng viên và 75% trong tổng số 3.645 đoàn viên thanh niên tham gia lực lượng dân quân, tự vệ. Đội ngũ dân quân, tự vệ Thành phố được sàng lọc, sa thải những phần tử thoái hoá, biến chất, những người có tiền án, tiền sự. Tất cả các Xã đội trưởng, Phường đội trưởng đều do cấp Uỷ viên trực tiếp phụ trách; hầu hết cán bộ chỉ huy các trung đội dân quân, tự vệ đều là đảng viên. Ban chỉ huy quân sự Thành phố từng bước xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch động viên, tiến hành đăng kí, quản lý chắc nguồn dự bị động viên và phương tiện kĩ thuật của nền kinh tế quốc dân; sắp xếp các đơn vị dự bị động viên theo mệnh lệnh được giao. Năm 1987, Ban chỉ huy quân sự Thành phố nắm chắc nguồn phương tiện kĩ thuật của các ngành kinh tế trong tỉnh sẵn sàng động viên khi cần, bao

⁽¹⁾ Năm 1987, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) ra Nghị quyết về đường lối quân sự của Đảng và nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới. Theo đó, các Cơ quan Quân sự địa phương thành lập Ban Cán sự Đảng để làm công tác Đảng trong Lực lượng vũ trang nhân dân địa phương.

gồm hàng ngàn phương tiện, trong đó có 130 xe ô tô các loại, 38 phương tiện làm đường, 150 máy điện thoại, 200 km dây thông tin, v.v...

Công tác huấn luyện được coi trọng. Đến ngày 20-11-1987, toàn Thành phố có 85 trên tổng số 104 đơn vị dân quân, tự vệ (trên 81%) hoàn thành chương trình huấn luyện năm 1987; đồng thời bồi dưỡng luyện tập thông tin truyền lệnh cho 30 đồng chí ở 2 phường Túc Duyên và Cam Giá.

Ngày 10-10-1987, Ban Thường vụ Thành uỷ ra Chỉ thị số 04 /CT-TP về việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ động viên Z.87B và kiểm tra vũ khí, chất nổ. Chỉ thị chỉ rõ: "Cuộc động viên Z87B và kiểm tra vũ khí, chất nổ năm 1987 nhằm kiểm tra nhận thức về nhiệm vụ xây dựng quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc đối với các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân Thành phố ; kiểm tra sự chuẩn bị sẵn sàng nhận lệnh động viên của quân dự bị và các loại phương tiện của nền kinh tế quốc dân; kiểm tra việc quản lí, sử dụng vũ khí, chất nổ của lực lượng vũ trang và nhân dân để đảm bảo đúng nguyên tắc, ngăn chặn những hậu quả xảy ra, bảo đảm an toàn xã hội.

Ban Thường vụ Thành uỷ yêu cầu các cấp uỷ Đảng, các ngành lãnh đạo thực hiện tốt ba việc: Một là, quán triệt thông suốt nhiệm vụ diễn tập động viên trong cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, các ngành, các cấp, các đơn vị có liên quan của Tỉnh, của Trung ương đóng trên địa bàn và nhân dân Thành phố. Hai là, khi có lệnh động viên, phải nhanh chóng tổ chức thực hiện theo nội dung lệnh, đảm bảo người và phương tiện đến địa điểm tập

trung đủ và đúng giờ quy định. Ba là, việc kiểm tra vũ khí, chất nổ phải làm chặt chẽ, đồng bộ, phối hợp tốt giữa các ngành trong khối nội chính rà soát lại biên chế, trang bị để nắm chắc thực lực, phát động nhân dân tự khai báo, phát giác để kiểm tra, không để sót, kiên quyết thu hồi các loại vũ khí, chất nổ dùng sai đối tượng quy định".

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Thành uỷ, từ cuối tháng 12-1987, Ban chỉ huy quân sự Thành phố tập trung chỉ đạo thực hành diễn tập động viên Z87B đạt kết quả khá. Tuy nhiên, "chất lượng và hoạt động của dân quân, tự vệ ở cơ sở chưa đều, huấn luyện quân sự cho dân quân, tự vệ chưa đạt chất lượng cao..."⁽¹⁾.

Bước vào năm 1988, tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố tiếp tục gặp khó khăn, có mặt còn gay gắt hơn. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, do thời tiết diễn biến phức tạp, đầu năm hạn hán, giữa năm lũ lụt, gây thiệt hại lớn, làm tổng sản lượng lương thực toàn Thành phố giảm tới 40%, nông dân ở nhiều xã thiếu ăn trong những kì giáp hạt. So với kế hoạch, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chỉ đạt 72%, tổng thu ngân sách đạt 72,5% và tổng chi đạt 68,2%⁽²⁾.

Trong điều kiện đó, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng dưới các hình thức, biện pháp thích hợp, làm cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân nắm vững quan điểm, chủ

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả công tác năm 1987 của Thành uỷ Thái Nguyên. Số 17/BC - TP, ngày 25-12-1987

⁽²⁾ Theo Báo cáo số 11/BC - TP, ngày 29-6-1988, kì giáp hạt vụ chiêm năm 1988 có 100% số xã, hợp tác xã có nông dân thiếu đói.

trương, nhiệm vụ quân sự trong tình hình mới; thấy rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thông qua "Diễn biến hoà bình", "Bạo loạn lật đổ". Ngay từ đầu năm, Thành đội đã phối hợp với các cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị, sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng triển khai tích cực, rộng khắp, có chiều sâu công tác giáo dục quốc phòng trong toàn dân, đặc biệt trong đội ngũ cán bộ Xã đội, Phường đội và Ban chỉ huy tự vệ các cơ quan, xí nghiệp, trường học. Sau Tết Nguyên đán, Ban chỉ huy quân sự Thành phố cử 26 cán bộ quân sự xã, phường và cơ quan, xí nghiệp đi tập huấn tại Trường Quân sự tỉnh; đồng thời tổ chức lớp tập huấn cho 83 cán bộ quân sự chuyên trách của 51 cơ quan, xí nghiệp (từ ngày 21 đến ngày 31-3-1988). Cùng thời gian này, Thành phố đã tổ chức khám sức khoẻ cho 1.380 thanh niên trong độ tuổi Nghĩa vụ quân sự và gọi nhập ngũ 580 người (đạt 100% chỉ tiêu), trong đó có 35 nữ.

Nhằm thu hẹp dần khoảng cách phát triển kinh tế – xã hội giữa các xã và các phường trung tâm, Ban chỉ huy quân sự Thành phố cùng với các ban, ngành, đoàn thể... đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, tích cực giúp các xã có nhiều khó khăn củng cố hệ thống chính trị, coi đây là khâu đột phá có ý nghĩa quyết định thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, ngày 26-11-1988, Ủy ban nhân dân Thành phố đề ra Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ diễn tập Z88Đ. Đây là cuộc diễn tập có quy mô lớn, gồm 3 cấp (tỉnh, thành, cơ sở) tham gia, với lực lượng được huy động

lên tới hàng ngàn người, hơn 30 xe cơ giới, hàng trăm xe thô sơ và nhiều phương tiện kỹ thuật khác. Thời gian diễn tập bắt đầu từ ngày 4 và kết thúc vào ngày 8-12-1988.

Cuộc diễn tập Z88Đ nhằm mục đích làm cho các cấp, các ngành, trước hết là lực lượng vũ trang quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 07 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái về thực hiện cơ chế mới trong nhiệm vụ phòng thủ khu vực và chuyển Thành phố từ thời bình sang thời chiến, phát huy sức mạnh tổng hợp của địa phương và thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn Thành phố. Cuộc diễn tập còn nhằm bổ sung, hoàn thiện các kế hoạch chiến đấu, xây dựng Thành phố thành một khu vực phòng thủ vững chắc.

Ngày 12-12-1988, Hội đồng chỉ đạo diễn tập đã họp tổng kết và đánh giá: Cuộc diễn tập Z88Đ đạt kết quả cao so với yêu cầu do Uỷ ban nhân dân Thành phố đặt ra.

Trọng năm 1988, Ban chỉ huy quân sự cùng với Ban chỉ huy công an Thành phố tham mưu cho Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân Thành phố thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao cảnh giác, phòng chống có hiệu quả chiến lược "Diễn biến hoà bình", chủ động ngăn chặn và giải quyết tốt các vụ việc xảy ra trên địa bàn.

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X (10-1986) đề ra, từ ngày 29 đến ngày 30-3-1989, Đại hội Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XI được tổ chức. Đại hội khẳng định: Sau hơn hai năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, công

cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá của Thành phố đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Bộ mặt kinh tế - xã hội của Thành phố có nhiều chuyển biến theo chiều hướng phát triển đi lên. Đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố về công tác quốc phòng - quân sự địa phương và an ninh, Đại hội khẳng định: "Trong tình hình diễn biến phức tạp, số vụ việc hình sự và tiêu cực có tăng lên qua các năm, nhưng ở mọi nơi, mọi lúc tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững và những tháng cuối năm 1988 có chuyển biến tiến bộ. Công tác tuyển quân liên tục hoàn thành chỉ tiêu trên giao... Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Chính quyền điều hành, Cơ quan Quân sự làm tham mưu được thể hiện trong diễn tập Z88 đạt kết quả tốt. Việc xây dựng khu vực phòng thủ chiến đấu, nắm chắc lực lượng dự bị và triển khai công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu thực hiện qua các năm đạt kết quả tốt.

Tuy vậy, công tác quân sự địa phương, nhất là ở cơ sở chưa đi vào chiều sâu; ý chí chiến đấu và tinh thần cảnh giác cách mạng ở một bộ phận cán bộ và nhân dân còn yếu" ⁽¹⁾.

Trên cơ sở đó, Đại hội quyết định nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương và an ninh của Thành phố trong hai năm 1989 - 1990: "Bộ máy quốc phòng, an ninh phải thường xuyên được kiện toàn; xây dựng lực lượng quân sự địa phương vững mạnh, chú trọng chất lượng, đảm bảo số lượng, xây dựng dân quân, tự vệ, đảm bảo tỉ lệ

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ Thành phố tại Đại hội Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XI, ngày 29 - 30-3-1989, tr. 8.

10% dân số và 40% công nhân viên chức, xây dựng chiến lược phòng thủ, làm tốt công tác tuyển quân, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Thực hiện xây dựng quỹ xã hội và quỹ quốc phòng toàn dân...^{“(2(1))”}

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, hàng năm, Ban Thường vụ Thành uỷ đều có chỉ thị về công tác quân sự địa phương, có định hướng đúng đắn cho cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể quần chúng và Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố thực hiện nhằm tăng cường tiềm lực quốc phòng trên địa bàn. Năm 1990, bên cạnh sự chỉ đạo, chỉ huy của Đảng uỷ Quân sự và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Thành uỷ ra hai chỉ thị: Chỉ thị số 02/CT - TP, ngày 21-3-1990 về việc Thực hiện nhiệm vụ quân sự địa phương năm 1990 và Chỉ thị số 04/CT - TP, ngày 8-9-1990 về nhiệm vụ diễn tập ZT 90C⁽²⁾.

Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên, trong quá trình cùng với các tầng lớp nhân dân thực hiện có hiệu quả ba chương trình kinh tế (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu), đưa Thành phố từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã đóng vai trò nòng cốt thực hiện nhiệm vụ củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang thực sự vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng kế hoạch tác chiến phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI. Số 01/NQ-TU, ngày 30-3-1989, tr. 5.

⁽²⁾ Tài liệu lưu trữ tại Kho Lưu trữ Văn phòng Thành uỷ. Hồ sơ 268. Cập 29.

toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Dưới ánh sáng đường lối của Đảng, trong những năm thực hiện đổi mới, Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân Thành phố đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trên địa bàn, có nhiều biện pháp động viên các tầng lớp nhân dân, trong đó có lực lượng vũ trang vượt lên mọi khó khăn, thúc đẩy sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm xã hội nhằm ổn định đời sống nhân dân, làm cơ sở vững chắc cho các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh phát triển. Một trong những chủ trương đem lại hiệu quả, có ý nghĩa lớn cả về kinh tế và xã hội là mở cửa thị trường, xoá bỏ tình trạng cấm chợ, ngăn sông, làm cho hàng hoá trên địa bàn Thành phố ngày thêm phong phú, đa dạng, giá cả ổn định, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng ngày của nhân dân. Nhờ đó, sản xuất phát triển, tổng thu ngân sách năm 1990 của Thành phố vượt 16% kế hoạch và tăng 51% so với năm 1989, căn bản cân đối được thu - chi, có tiền trả lương, phụ cấp và các chi tiêu khác cho lực lượng vũ trang.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, tình hình sản xuất ở Thành phố trên cả hai mặt trận nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chưa thoát khỏi khó khăn, bởi cơ chế chính sách, do thiếu vật tư, tiền vốn, thiết bị, kỹ thuật, thị trường, do thời tiết, sâu bệnh... Năm 1991, lũ lụt và sâu bệnh làm cho mùa màng bị thất thu trên 80%. Năng suất lúa từ 55 tạ/ha trong năm 1990, đến năm 1991, chỉ còn 5,4 tạ/ha. Bình quân lương thực từ 358 kg/người trong năm 1990, chỉ còn 48 kg/người trong năm 1991. Trong khi đó, sản xuất trong

các xí nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Thành phố vẫn đình đốn, thua lỗ kéo dài; công nhân, xã viên không có việc làm, đời sống gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tự vệ trong các xí nghiệp...

Tại các xí nghiệp công nghiệp Trung ương - nơi có hàng ngàn tự vệ, sau khi chuyển đổi cơ chế quản lí kinh doanh, thực hiện Quyết định 217 (ngày 14-1-1987) của Hội đồng Bộ trưởng, kinh phí dành cho hoạt động của tự vệ trong các xí nghiệp còn hạn chế. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, sau khi thực hiện chính sách "khoán 10", chế độ bao cấp cho hoạt động của dân quân, tự vệ cũng hoàn toàn bị xoá bỏ. Từ năm 1987, Thành uỷ đã có chủ trương lập Quỹ Quốc phòng, huy động toàn dân đóng góp, nhưng trên thực tế đến năm 1991 vẫn chưa thực hiện được.

Trong khi đó, tình hình chính trị thế giới có những biến động xấu. Hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, Liên bang Xô viết tan rã. Nhân cơ hội này, chủ nghĩa đế quốc liên tục tấn công vào các Đảng Cộng sản, đả kích mạnh mẽ vào chủ nghĩa Mác - Lênin, xiết chặt bao vây, cấm vận một số nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam..

Cơn chấn động chính trị trên tác động tiêu cực nhiều chiều vào địa bàn thành phố Thái Nguyên, một trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, giáo dục, khoa học kĩ thuật không chỉ của tỉnh Bắc Thái, mà cả vùng Việt Bắc. Thành phố Thái Nguyên là cửa ngõ, điểm nối giữa thủ đô Hà Nội với các tỉnh biên giới phía Bắc, trong đó có những cửa khẩu quốc tế quan trọng. Lợi dụng chính sách mở

cửa, các thế lực thù địch đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt. Trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, từ năm 1988 đến năm 1991, đã có hàng trăm người nước ngoài đến với mục đích xấu; nhiều tài liệu, báo chí phản động từ nước ngoài đưa vào nhằm tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động quần chúng lạc hậu, xúi giục những tín đồ tôn giáo cuồng tín gây ra những hành động quá khích đối với chính quyền cơ sở, làm mất ổn định chính trị, trật tự xã hội.

Sau sự kiện Liên Xô tan rã (1991), tình hình xã hội ở Thành phố cũng có những diễn biến phức tạp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên tỏ ra hoang mang dao động, giảm sút lòng tin.

Trước tình hình trên, ý thức được trách nhiệm của mình, Ban chỉ huy quân sự Thành phố, dù phải hoạt động trong điều kiện có nhiều khó khăn, với biên chế chưa đến 60 cán bộ, chiến sĩ, hoạt động trên địa bàn rộng hơn 171 km², địa hình tương đối phức tạp, quản lý 136 đầu mối dân quân, tự vệ, trong đó có 112 đầu mối đơn vị tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện..., vẫn làm tròn vai trò tham mưu cho Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân Thành phố về công tác quân sự địa phương.

Tính đến ngày 10-12-1991, lực lượng dân quân, tự vệ toàn Thành phố có 15.790 cán bộ và chiến sĩ; trong đó lực lượng dân quân chiếm tỉ lệ 7% dân số, lực lượng tự vệ chiếm tỉ lệ 19,5% tổng số cán bộ, công nhân viên chức. Trong tổng số dân quân, tự vệ, có 4.365 người thuộc lực lượng cơ động chiến đấu; hầu hết trong số này là đảng viên và đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Quân dự bị động viên do Thành phố quản lý trung

bình mỗi năm trong thời gian từ năm 1989 đến năm 1991 dao động từ 11.000 đến 12.000 người; số di, biến động có năm lên tới 5.000 người. Năm 1991, quân số dự bị động viên toàn Thành phố là 11.838 cán bộ, chiến sĩ; trong đó, có 7.356 cán bộ, chiến sĩ là quân dự bị hạng I và 4.482 cán bộ, chiến sĩ là quân dự bị hạng II.

Quân dự bị động viên của Thành phố được đăng kí, tổ chức và quản lí chặt chẽ, huấn luyện tốt, nên qua các đợt diễn tập động viên đã đảm bảo đủ về số lượng, tốt về chất lượng và cơ bản đúng về thành phần chuyên nghiệp quân sự. Công tác đăng kí, quản lí quân dự bị động viên của Thành phố ngày càng đi vào nền nếp.

Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ của thành phố Thái Nguyên trong những năm từ 1989 đến 1991 được cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Cơ quan Quân sự các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng. Trong hai năm 1990, 1991, Thành phố tổ chức 6 lớp tập huấn cho 333 cán bộ chỉ huy quân sự phường, xã và các đơn vị tự vệ. Hàng năm Thành phố đều hoàn thành 100% nội dung, chương trình, kế hoạch huấn luyện dân quân, tự vệ. Riêng năm 1991, Thành phố có 100% số đơn vị dân quân, tự vệ hoàn thành chương trình huấn luyện trước thời gian quy định; trong đó, số đơn vị huấn luyện đạt loại giỏi chiếm 20,6%, loại khá 50% và trung bình 29,4%...

Trong những năm từ 1989 đến 1991, lực lượng dân quân, tự vệ phối hợp với lực lượng công an Thành phố thường xuyên tiến hành tuần tra canh gác bảo vệ Đại hội Đảng các cấp và các ngày lễ kỉ niệm do Tỉnh và Thành phố tổ chức; tham gia 6 đợt truy quét bọn tội phạm hình

sự theo Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng, bắt 35 tên trong tổng số 60 tên có lệnh truy nã...

Thực hiện Chỉ thị 04/CT - TP ngày 8-9-1990, của Ban Thường vụ Thành uỷ về nhiệm vụ diễn tập ZT.90.C, Chỉ lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Bắc Thái, Ban chỉ huy quân sự Thành phố làm tham mưu cho Uỷ ban nhân dân Thành phố hướng dẫn các phòng, ban và 136 đơn vị phường, xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học thực hiện nhiệm vụ diễn tập ZT.90.C. Cuộc diễn tập lần này nhằm kiểm tra, đánh giá việc chuẩn bị mọi mặt của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thành phố Thái Nguyên về nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; đồng thời nâng cao một bước tác phong quân sự hoá, trình độ kỹ thuật, chiến thuật và trình độ xử lý khi có tình huống chiến tranh xảy ra.

Sau đợt diễn tập, từ đầu năm 1991, kế hoạch phòng chống gây rối, bạo loạn của Thành phố được bổ sung hoàn chỉnh. Trên cơ sở đó, 24 phường, xã đã hoàn thiện phương án tác chiến của đơn vị. Trong mùa huấn luyện năm 1991, toàn Thành phố có 50% số đơn vị phường, xã tổ chức thực hiện phương án chống gây rối, bạo loạn lật đổ; 102 đơn vị tự vệ có phương án tác chiến tại chỗ.

Cùng với việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng lực lượng, giữ gìn trật tự trị an, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố còn đóng vai trò xung kích trên mặt trận chống bão lụt. Tháng 9-1990, mưa lớn kéo dài (từ ngày 21 đến ngày 23) và diễn ra trên diện rộng đã gây ra lũ lớn trên sông Cầu. Tại cầu Gia Bảy, mực nước sông Cầu đã vượt qua mức báo động 3 tới 0,94 mét. Nước sông Cầu tràn qua đê Mỏ Bạch, đe dọa nghiêm trọng tài sản và tính

mạng của hàng ngàn hộ dân cư trong Khu trung tâm Thành phố. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã kịp thời huy động 60 cán bộ, chiến sĩ tự vệ của Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc và Trường Trung cấp Bưu điện miền núi do các đồng chí Trung tá Đặng Quang Ly (Chỉ huy trưởng) và Đại uý Hoàng Văn Doanh (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự Thành phố) trực tiếp chỉ huy đến ứng cứu; đồng thời thông báo cho các đơn vị dân quân, tự vệ thuộc lực lượng cơ động tham gia giúp dân khắc phục hậu quả do lũ lụt gây ra...

Trong công tác tuyển quân, ba năm (1989 - 1991), Thành phố đã động viên 1.584 thanh niên nhập ngũ và thường xuyên có trên 1.200 thanh niên trong độ tuổi Nghĩa vụ quân sự đủ tiêu chuẩn sẵn sàng nhận lệnh nhập ngũ.

Có được những thành tích trên, trước hết là do các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Đoàn thể ở Thành phố luôn quan tâm đến nhiệm vụ quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang. Ban chỉ huy quân sự Thành phố nắm vững các văn bản, chỉ thị của cấp trên, tham mưu cho Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân thành phố lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời công tác quân sự địa phương.

Tuy nhiên, do chưa kịp thời thích ứng với cơ chế mới, nên chất lượng hoạt động của lực lượng dân quân, tự vệ ở một số xã, phường còn thấp.

Từ ngày 20 đến ngày 22-1-1992, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XII (vòng 2) được tổ chức. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (6-1991) về nhiệm vụ quốc

phòng an ninh, Đại hội Đảng bộ nêu rõ: "Toàn Đảng bộ, trước hết là cấp uỷ Đảng, quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị; kết hợp củng cố quốc phòng toàn dân với xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội..."⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Thành uỷ tập trung lãnh đạo xây dựng phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó, ngay từ cuối năm 1991, Thành phố đã khắc phục được một bước quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững và củng cố sự ổn định về chính trị; mở rộng thị trường và quan hệ kinh tế với các vùng trong và ngoài tỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân mỗi năm trong thời gian 1992 - 1994 là 13,8%; trong đó công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 16,7%, thương nghiệp dịch vụ tăng 12,4%, nông - lâm nghiệp tăng 4,1%... Tổng thu ngân sách thành phố từ 9.122 triệu đồng (1991), tăng lên 20.100 triệu đồng (1994). GDP bình quân đầu người từ 190 USD (1991), tăng lên 312,7 USD (1994). Theo đó, ngân sách của Thành phố chi cho quốc phòng an ninh từ 15 triệu đồng (1991), tăng lên trên 273 triệu đồng (1994)⁽²⁾.

Hệ thống chính trị từ Thành phố xuống cơ sở được củng cố và kiện toàn. Năm 1993, toàn Thành phố đã có 100% số cán bộ, công chức tham gia tổ chức Công đoàn, 30% thanh niên tham gia sinh hoạt Đoàn, 51,8% cựu

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên. Tập 2 (1975 - 2000), tr. 223.

⁽²⁾ Theo Số liệu thống kê tình hình kinh tế, xã hội thành phố Thái Nguyên 1990 - 1994. Phòng Thống kê thành phố Thái Nguyên phát hành tháng 5-1995.

chiến binh vào Hội Cựu chiến binh, 67,7% phụ nữ vào Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và 70% nông dân là hội viên Hội Nông dân Việt Nam...

Kinh tế phát triển ổn định, hệ thống chính trị được củng cố vững mạnh là tiền đề vật chất, tinh thần quan trọng để tăng cường tiềm lực quốc phòng của Thành phố.

Tuy nhiên, nền kinh tế của thành phố Thái Nguyên phát triển chưa vững chắc; ở các xã chủ yếu vẫn là kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Văn hoá, xã hội còn nhiều tồn tại chưa được giải quyết... Tình hình này đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quân sự địa phương, trước hết là trong việc xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ. Do làm ăn kém hiệu quả, nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh phải giải thể, hoặc giảm biên chế, cho nên các đơn vị tự vệ ở những cơ sở này cũng không còn tồn tại. Riêng năm 1992, toàn Thành phố đã giải thể 12 đầu mối tự vệ. Mặt khác, 2 phần 3 đầu mối tự vệ nằm trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh, tất cả mọi chi phí trong đơn vị đều đưa vào giá thành sản phẩm. Do đó, kinh phí dành cho công tác huấn luyện và hoạt động của tự vệ ở các đơn vị này rất khó khăn.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong điều kiện khó khăn đó, cơ quan quân sự Thành phố thường xuyên duy trì chế độ trực ban, trực chiến 24 trên 24 giờ; nắm chắc lực lượng cơ động sẵn sàng chiến đấu, tăng cường chỉ đạo hoạt động của Tổ tự vệ - an ninh, kịp thời đối phó mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

Từ năm 1992, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã xác định quy mô tổ chức của lực lượng dân quân, tự vệ trên

địa bàn phù hợp với tình hình mới, gọn nhẹ, gắn với tổ chức hành chính trên từng địa bàn dân cư, với tổ chức ngành nghề trong sản xuất. Sau khi phân loại, tổ chức kiện toàn, đến tháng 12-1993, toàn Thành phố có 113 đầu mối dân quân, tự vệ (trong đó có 24 phường, xã), với 8.668 cán bộ, chiến sĩ⁽¹⁾. Hằng năm, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đều tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ chỉ huy các cấp. Trong năm 1993, Thành đội mở 2 lớp tập huấn cho 98 cán bộ chỉ huy dân quân, tự vệ của 92 cơ sở, 1 lớp tập huấn quân báo nhân dân cho 8 đơn vị trọng điểm; cử 18 cán bộ chuyên trách quân sự đi tập huấn tại Trường Quân sự tỉnh. Ngoài 6 đơn vị gặp khó khăn và 2 đơn vị mới thành lập được Cơ quan Quân sự Thành phố cho phép lùi thời gian huấn luyện sang đầu năm 1994, còn lại 105 đơn vị đều tổ chức huấn luyện đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời gian. Kết quả huấn luyện có 29 đơn vị đạt loại giỏi, 50 đơn vị đạt loại khá và 26 đơn vị đạt loại trung bình.

Chấp hành Chỉ thị số 20 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 56 CT/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc xây dựng khu vực phòng thủ các tỉnh (thành), quận, huyện trong cả nước, thực hiện mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu I, các chỉ thị của Tỉnh uỷ và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã xây dựng được kế hoạch chỉ đạo diễn tập TP-93. Một trong những nội dung quan trọng của đợt diễn tập TP-93 là kết hợp giải quyết các vụ việc phức tạp ảnh hưởng đến trật tự, an ninh của Thành phố. Trong

⁽¹⁾ So với năm 1990, số đơn vị tự vệ giảm 23 đầu mối; số cán bộ, chiến sĩ giảm 7.122 người.

đợt diễn tập, theo mệnh lệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, tất cả 24 phường, xã đã đồng loạt ra quân truy quét bọn tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội; khám phá và xử lý 133 vụ, bắt giữ 259 tên, thu 10,5 kg thuốc phiện, 1.200 viên thuốc gây nghiện, 10 kg thuốc nổ, 20 kíp mìn, v.v... Lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố còn tham gia tháo dỡ và vận động nhân tự tháo dỡ 2.632 lều quán, mái vẩy, xử lý 68 nhà xây dựng trái phép, sửa chữa, nâng cấp 61 km đường liên thôn, liên xã; phát quang 98 km đường làng, ngõ xóm...

Bên cạnh những tiến bộ và kết quả đạt được, tình hình trật tự trị an trên địa bàn Thành phố có những diễn biến khá phức tạp. Riêng trong năm 1993, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 572 vụ phạm pháp làm chết 44 người, làm thiệt hại tài sản của Nhà nước 886 triệu đồng.

Bước sang năm 1994, tình hình thế giới và khu vực vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, đòi hỏi toàn quân và toàn dân không ngừng nâng cao cảnh giác, tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao.

Trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, tình hình chính trị, xã hội cũng có những vấn đề nổi cộm. Một số giáo dân ở các nơi khác kéo về Thành phố, tụ tập trước cổng Ủy ban nhân dân tỉnh đòi giải quyết những yêu sách trái pháp luật; một số khu vực nông thôn xảy ra các vụ tranh chấp đất đai; tội phạm và tệ nạn xã hội, tham nhũng có chiều hướng gia tăng...

Tình hình trên đây đặt ra yêu cầu cấp bách là phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang. Căn cứ vào Quy định số 72-QĐ - TW ngày 19-7-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Đảng

trong Quân đội nhân dân Việt Nam và thực hiện Hướng dẫn số 01 HD-TC ngày 26-1-1994 của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Bắc Thái về việc thành lập Đảng Quân sự ở các huyện, thành, thị trực thuộc tỉnh, ngày 31-1-1994, Ban Thường vụ Thành uỷ Thái Nguyên ra Nghị quyết số 07/NQ - TU, giải thể Chi bộ Ban chỉ huy quân sự Thành phố, thành lập Đảng bộ Quân sự Thành phố trực thuộc Thành uỷ. Ban Thường vụ Thành uỷ chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Quân sự Thành phố gồm 5 uỷ viên, do các đồng chí: Phan Thế Ruệ (Bí thư Thành uỷ) làm Bí thư, Lê Cát Lượng (Chỉ huy phó chính trị Ban chỉ huy quân sự Thành phố) làm Phó Bí thư.

Ngày 9-3-1994, Đảng uỷ Quân sự Thành phố ra các quyết định số 01, 02, 03 thành lập các chi bộ Ban Tham mưu, Ban Chính trị, Ban Hậu cần trực thuộc Đảng uỷ. Chi bộ Ban Tham mưu gồm 11 đảng viên, do các đồng chí Hoàng Văn Doanh làm Bí thư, Ngô Văn Chiến làm Phó Bí thư. Chi bộ Ban Chính trị gồm 8 đảng viên, do các đồng chí Trần Duy Tị làm Bí thư, Đỗ Thế Thiệp làm Phó Bí thư. Chi bộ Ban Hậu cần gồm 9 đảng viên, do các đồng chí Nguyễn Văn Cương làm Bí thư, Vũ Đình Hợi làm Phó Bí thư.

Tiếp theo, ngày 25-12-1994, Đảng uỷ Quân sự thành phố ra Quyết định thành lập Chi bộ Ban Động viên - Tuyển quân trực thuộc Đảng uỷ, gồm 5 đảng viên, do các đồng chí Vũ Ngọc Tuyên làm Bí thư, Hoàng Thanh Sơn làm Phó Bí thư.

Ngay sau khi thành lập, Đảng uỷ Quân sự Thành phố một mặt đã tập trung lãnh đạo cơ quan Quân sự Thành phố làm tham mưu cho Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân Thành phố tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư

tưởng làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt sâu sắc hơn nữa hai nhiệm vụ chiến lược; một mặt trực tiếp lãnh đạo công tác chuẩn bị các phương án chủ động bảo vệ an toàn trên địa bàn.

Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố là sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn, thông suốt hệ thống thông tin liên lạc. Ngoài việc duy trì nghiêm túc chế độ trực chỉ huy, trực ban 24/24 giờ trong ngày, Ban chỉ huy quân sự Thành phố thực hiện chặt chẽ chế độ giao ban quân sự theo định kỳ hằng tháng với Ban chỉ huy quân sự 25 phường, xã; thường xuyên kiểm tra, bổ sung các văn kiện sẵn sàng chiến đấu theo lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Đến cuối năm 1994, toàn Thành phố có 100% số phường, xã và các đơn vị đã hoàn chỉnh kế hoạch A2; 100% các đơn vị dân quân, tự vệ triển khai nhiệm vụ huấn luyện kết hợp luyện tập theo phương án A2; nhiều cơ sở thường xuyên tổ chức luyện tập phương án từ 1 đến 2 lần.

Lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố vẫn giữ được quân số theo tỉ lệ quy định. Tính đến cuối năm 1995, lực lượng dân quân, tự vệ khối phường, xã chiếm 3,4% so với tổng dân số, lực lượng tự vệ khối cơ quan, xí nghiệp chiếm 19% tổng số cán bộ, công nhân viên chức. Chất lượng và hoạt động của đội ngũ dân quân, tự vệ cũng được nâng cao, phù hợp với điều kiện của từng cơ sở; trong đó, Thành đội chú trọng xây dựng lực lượng binh chủng chuyên môn theo quy định: xây dựng 2 trung đội trinh sát ở một phường, một xã và 5 trung đội súng máy cao xạ (phòng không).

Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ nhằm nâng cao khả năng chiến đấu được duy trì nghiêm túc. Trong năm 1994, Thành phố đã thực hành diễn tập 5 đợt. Quân khu trực tiếp kiểm tra huấn luyện của các đơn vị dân quân, tự vệ ở các phường Gia Sàng, Trung Vương, Phan Đình Phùng, Túc Duyên và Cục Thuế tỉnh. Qua kiểm tra, các đơn vị này đều được đánh giá đạt loại khá. Hai trung đội dân quân của hai xã Tích Lương và Thịnh Đức tham gia diễn tập thực binh với Sư đoàn chủ lực 346 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Quân khu tặng Bằng khen và Giấy khen. Cùng năm này, Thành phố cử 20 đồng chí thuộc 20 đơn vị (100%) đi tập huấn tại Trường Quân sự tỉnh và tổ chức 3 lớp tập huấn cán bộ dân quân, tự vệ (có 1 lớp quân báo nhân dân). Sang năm 1995, Cơ quan Quân sự Thành phố tổ chức 2 lớp tập huấn cho 95 cán bộ quân sự cơ sở, cử 22 cán bộ đi tập huấn tại Trường Quân sự tỉnh...

Sau các đợt tập huấn cán bộ, 100% các đầu mối dân quân, tự vệ toàn Thành phố đã triển khai công tác huấn luyện tại cơ sở, cho 4.178 cán bộ, chiến sĩ với hai nội dung cơ bản: Kỹ thuật chiến đấu và tập luyện theo phương án A2 sát với thực tế cơ sở. Trong tổng số 113 đơn vị, có 28 đơn vị đạt loại giỏi (25%), 77 đơn vị đạt loại khá (70,5%) và 5 đơn vị đạt yêu cầu (4,5%). Kết quả này đã vượt xa so với kết quả huấn luyện từ năm 1994 về trước, thường chỉ có từ 9 đến 11 đơn vị đạt loại giỏi.

Ngoài huấn luyện theo kế hoạch, Ban chỉ huy quân sự Thành phố còn chỉ đạo huấn luyện trình sát cho 2 trung đội trình sát xã Thịnh Đức và phường Gia Sàng, 2 tiểu đội

của phường Phú Xá và phường Túc Duyên, gồm 54 cán bộ, chiến sĩ.

Công tác giáo dục quốc phòng trong các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp dạy nghề và phổ thông trung học trên địa bàn Thành phố theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được coi trọng. Tính riêng năm 1995, tại các trường trung học chuyên nghiệp đã có hơn 2.000 học sinh hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự.

Hằng năm, Cơ quan Quân sự Thành phố tiếp đón từ 3 đến 5 đợt quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương và bổ sung họ vào lực lượng quân dự bị. Năm 1995, Thành phố thực hiện tổng kiểm tra, lập phiếu phân loại khám sức khỏe lực lượng dự bị động viên và thống nhất đưa vào quản lý ở 153 đơn vị cơ sở. Trong số 12.467 quân dự bị, có 7.543 người được xếp loại I, sắp xếp biên chế cho 20 đơn vị là 5.627 người, trong đó có 565 là sĩ quan.

Công tác động viên quân đội của Thành phố liên tục trong nhiều năm được Quân khu và Tỉnh đánh giá hoàn thành tốt. Năm 1995, Thành phố động viên quân dự bị cho 6 đơn vị trong Quân khu I dc 676 người, động viên huấn luyện Đại đội bộ binh Thành phố được 107 người, động viên khẩn cấp trong diễn tập được 126 người.

Sau nhiều năm phấn đấu gian khổ, Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố đã trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng. Ở thời điểm năm 1995, trong lực lượng dân quân tự vệ của Thành phố riêng lực lượng chiến đấu cơ động có 2.037 người, lực lượng chiến đấu tại chỗ có 4.515 người lực lượng binh chủng chiến đấu có 91

người, lực lượng đảm bảo chiến đấu có 1.109 người ; được tổ chức biên chế thành 23 tiểu đoàn, 50 đại đội, 37 trung đội và 2 tiểu đội. Trong trường hợp có chiến tranh, quân số dân quân tự vệ của Thành phố sẽ tăng lên 17.650 người, trong đó lực lượng chiến đấu cơ động có 5.400 người, lực lượng chiến đấu tại chỗ có 8.500 người, lực lượng bình chủng chiến đấu có 250 người và lực lượng đảm bảo chiến đấu có 3.500 người ; tổ chức biên chế tăng lên thành 10 trung đoàn, 37 tiểu đoàn, 32 đại đội và 32 trung đội.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thành uỷ Thái Nguyên và sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã phối hợp với các ngành, các đoàn thể từ thành phố xuống cơ sở đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, nhằm tăng cường ý thức và tri thức quốc phòng cho mọi tầng lớp nhân dân. Do đó, trong trường hợp có chiến tranh, lực lượng chiến đấu tại chỗ sẽ tăng lên gấp nhiều lần con số trên đây.

Cùng với việc xây dựng và phát triển Lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, cơ quan Quân sự Thành phố còn đóng vai trò nòng cốt trong việc vận động các ngành, các cấp, các đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Trong 5 năm (từ 1991 đến 1995), Thành phố đã trích 682.654.000 đồng từ Quỹ đền ơn đáp nghĩa để làm 10 căn nhà tình nghĩa và 1.676 sổ tiết kiệm có số tiền gửi từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, chưa kể hàng ngàn suất quà tặng các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình quân nhân gặp khó khăn. Ban chỉ huy quân sự thành phố cùng với Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội đã dành hơn 30 triệu đồng tu

sửa nghĩa trang liệt sĩ, tổ chức phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng; đồng thời tiến hành kiểm tra, xem xét và làm thủ tục đề nghị Nhà nước tặng và truy tặng hơn 3.000 Huân chương, Huy chương các loại cho những cán bộ, chiến sĩ tham gia hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược và cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (1979)...

Như vậy, trong những năm từ 1991 đến 1995, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Cơ quan Quân sự Thành phố. Lực lượng dân quân, tự vệ được kiện toàn đủ số lượng, coi trọng chất lượng phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ sở. Công tác huấn luyện quân sự hằng năm đã gắn với nhiệm vụ chính trị, xã hội của Thành phố theo phương châm cơ bản, thiết thực, vững chắc. Cán bộ quản lý của 112 đơn vị dân quân, tự vệ trực thuộc Thành phố đều được bồi dưỡng nghiệp vụ đảm bảo chất lượng theo yêu cầu. Công tác tuyển quân hằng năm đều đạt và vượt kế hoạch⁽¹⁾. Quân dự bị được quản lý chặt chẽ, quá trình động viên bảo đảm tiến độ, đúng chuyên môn, đủ số lượng yêu cầu".

Bên cạnh đó, Ban chỉ huy quân sự Thành phố còn tham mưu cho Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân Thành phố thường xuyên tổ chức hội nghị đóng quân canh phòng giữa lực lượng vũ trang địa phương với các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn; xây dựng kế hoạch, phương án và bàn các biện pháp tổ chức hoạt động nhằm củng cố

(1) Trong 5 năm (1991 - 1995), Thành phố đã huy động được 2.420 thanh niên nhập ngũ, vượt chỉ tiêu trên giao 1%. Hằng năm, số thanh niên đủ tiêu chuẩn sức khoẻ, phẩm chất đạo đức sẵn sàng nhập ngũ dao động từ 950 đến 1.300 người. Năm 1995, số thanh niên sẵn sàng nhập ngũ là 1.383 người.

và tăng cường các đoàn thể nhân dân. Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự Thành phố còn lãnh đạo, chỉ đạo các phường, xã có đơn vị quân đội đóng quân làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục cho nhân dân địa phương quan tâm giúp đỡ tinh thần, vật chất cho bộ đội, đặc biệt là các ngày lễ, tết. Mặt khác, Ban chỉ huy quân sự Thành phố chủ động phối hợp với lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị quản lý giáo dục cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền chấp hành tốt kỷ luật dân vận; cử các đội làm công tác dân vận tại một số xã trong Thành phố và đã thu được nhiều kết quả tốt. Trong ba năm (1993-1995), các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn đã tham gia 1.350 ngày công, ủng hộ 200 m³ đá giúp địa phương làm đường giao thông. Riêng các đơn vị bộ đội tự làm giúp địa phương được 5.200 mét đường giao thông mới...⁽¹⁾

Do quản lý tốt địa bàn và thường xuyên phối hợp hoạt động giữa Ban chỉ huy quân sự Thành phố với các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn ; giữa Ban chỉ huy quân sự Thành phố với Ban chỉ huy quân sự các phường, xã, nên các vụ, việc tiêu cực xảy ra đều được phát hiện và xử lý kịp thời. Trong ba năm 1993 - 1995, trên địa bàn Thành phố không có vụ việc nghiêm trọng ảnh hưởng tới tình đoàn kết quân dân; một số vụ việc nhỏ xảy ra được giải quyết kịp thời thoả đáng, gây được lòng tin trong nhân dân.

Những ưu điểm và thành tích trên đây đã tạo đà cho Thành phố tiếp tục thực hiện tốt công tác quân sự địa phương. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII (từ ngày

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận của LLVT thành phố 3 năm 1993 - 1995, 25-11-95, tr. 3.

13 đến ngày 15-3-1996) ra Nghị quyết nêu rõ: Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã "... xây dựng phương án sẵn sàng chiến đấu, giáo dục mọi tầng lớp nhân dân ý thức cảnh giác và ý thức về công tác quốc phòng toàn dân để chống trả kịp thời âm mưu của địch và xử lý các tình huống phức tạp xảy ra trên địa bàn. Thường xuyên bổ sung và hoàn thiện các kế hoạch phòng thủ, quản lý chặt chẽ quân dự bị, dân quân, tự vệ và luôn đảm bảo đầy đủ chỉ tiêu số lượng, chất lượng các nhu cầu phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương"⁽¹⁾.

Trải qua gần 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, thành phố Thái Nguyên đã phát triển nhanh cả về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, ngày càng vươn lên ngang tầm của một trung tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển giao công nghệ, giao lưu thương mại, văn hoá, giáo dục, quốc phòng... của vùng Việt Bắc.

II - Tiếp tục góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Đảng trên địa bàn Thành phố:

Vào thời điểm năm 1996, thành phố Thái Nguyên có diện tích tự nhiên là 171 km², với số dân trên 24 vạn người, bao gồm 9 thành phần dân tộc. Thành phố có 25 phường, xã, chia thành 4 khu: Khu Trung tâm, khu Bắc, khu Nam và khu Tây. Trên địa bàn các khu Trung tâm, Bắc và Nam đều tập trung các cơ quan đầu não của Tỉnh, thành phố, nhiều cơ sở công nghiệp quy mô lớn và các

(1) Báo cáo chính trị của Thành ủy trình bày tại Đại hội Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ XIII, tháng 3-1996.

trường đại học..., tạo nên một diện mạo mới, khả năng mới về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các xã phía Tây mang đặc trưng vùng đất trung du, đồng thời cũng là địa bàn xung yếu của Thành phố. Trong nhiều năm, vùng này đã được Thành phố tập trung đầu tư vốn, khoa học kĩ thuật cùng với những chính sách khuyến khích kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, kinh tế vườn đồi, tạo thế vững chắc trong hệ thống phòng thủ khu vực. Tỉnh và Thành phố đã ban hành nhiều văn bản pháp quy về xây dựng, quản lí đô thị trên các lĩnh vực, trong đó có yêu cầu về đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Nhận thức của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở về kết hợp kinh tế với quốc phòng trong phát triển đô thị ở thành phố Thái Nguyên cũng có nhiều chuyển biến tích cực.

Tiếp theo Nghị quyết 02 NQ/TU (10-10-1992) của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Quy hoạch và phát triển thành phố Thái Nguyên, ngày 30-10-1996, Thủ tướng Chính phủ kí Quyết định số 802 QĐ/TTG về việc Phê duyệt quy hoạch thành phố Thái Nguyên đến năm 2010. Theo đó, cơ cấu quy hoạch tổng thể của Thành phố được xác định gồm 4 khu vực: Khu công nghiệp; khu dịch vụ thương mại; khu hành chính, quần thể văn hoá, hệ thống giáo dục - đào tạo; khu quân sự. Hướng xây dựng và phát triển đều tính đến khả năng đáp ứng yêu cầu phục vụ quốc phòng, an ninh trong cả thời bình và thời chiến. Sự tham gia phối hợp giữa cơ quan quân sự địa phương với các cơ quan quản lí Nhà nước về triển khai thực hiện xây dựng theo quy hoạch, nhất là đối với khu vực công nghiệp, không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, sinh hoạt, cải

thiện môi trường sống cho nhân dân, mà còn là yếu tố quan trọng để tăng cường khả năng quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Tuy nhiên, do chưa có nhận thức đầy đủ về yêu cầu xây dựng thành phố với yêu cầu tổ chức phòng thủ cả trong thời bình và trong thời chiến, thậm chí có lúc cơ quan quản lí Nhà nước của Thành phố thiên về lợi ích kinh tế, coi nhẹ yêu cầu đảm bảo an ninh quốc phòng, sử dụng quỹ đất không theo quy hoạch, nên đã san lấp nhiều đồi núi, cao điểm một cách không hợp lý, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng và bố trí thế trận quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Để làm tốt công tác giáo dục quốc phòng, Thành phố tập trung vào hai đối tượng chính là cán bộ lãnh đạo các cấp và học sinh, sinh viên. Năm 1996, Thành phố đã cử 106 cán bộ lãnh đạo các ngành, Bí thư, Chủ tịch các xã, phường tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng tại Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm giáo dục chính trị Thành phố. Trên cơ sở đó, công tác giáo dục quốc phòng được thực hiện rộng rãi trong toàn dân thông qua các hình thức học tập chính trị và phương tiện thông tin đại chúng.

Ngày 21-1-1996, Chủ tịch nước kí lệnh công bố Pháp lệnh về dân quân, tự vệ. Ngay sau khi có Hướng dẫn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái về thực hiện Pháp lệnh, Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã tham mưu tích cực cho cấp uỷ Đảng, Chính quyền từ Thành phố đến cơ sở xây dựng kế hoạch quán triệt và tổ chức thực hiện. Trên cơ sở tổ chức thí điểm ở hai đơn vị, ngày 1-4-1997, Thành uỷ mở Hội nghị quán triệt Pháp lệnh về dân quân, tự vệ, các Nghị định 24CP, 35CP của Chính phủ và Thông

tri 1413 của Bộ Quốc phòng về thực hiện Pháp lệnh cho 257 cán bộ Thành uỷ viên, Thường trực Hội đồng nhân dân, Thường trực Uỷ ban nhân dân, lãnh đạo các phòng, ban, đoàn thể, các Bí thư Đảng uỷ trực thuộc, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các phường, xã và Chỉ huy trưởng quân sự cơ sở.

Sau Hội nghị, Ban chỉ huy quân sự Thành phố phối hợp với các ngành, các đoàn thể triển khai trên diện rộng việc quán triệt Pháp lệnh về dân quân, tự vệ. Trên 7.200 người được tổ chức học tập, trong đó có 3.293 cán bộ lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cơ sở, 565 trưởng xóm, tổ trưởng nhân dân và 3.351 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ. Tất cả cấp uỷ ở 127 đơn vị đầu mối⁽¹⁾ dân quân, tự vệ đều ra nghị quyết chuyên đề nhằm thực hiện nghiêm chỉnh Pháp lệnh.

Trong những năm trước, tỉ lệ dân quân, tự vệ so với dân số của Thành phố khá cao. Năm 1997, Thành phố rà soát lại, ban hành tiêu chuẩn, tổ chức bình nghị dân chủ, công khai trên cơ sở tự nguyện của công dân và quyết định rút tỉ lệ dân quân, tự vệ xuống còn hơn 2% so với tổng số dân ở phường, xã ; từ 15 đến 20% so với tổng số cán bộ, công nhân viên chức cơ quan, xí nghiệp...

Sau 4 năm thực hiện Pháp lệnh dân quân, tự vệ, đến tháng 10-2000, Thành phố có 136 đầu mối dân quân, tự vệ. Tổng số người ở độ tuổi dân quân, tự vệ (từ 18 đến 45)

⁽¹⁾ Đầu năm 1997, thành phố Thái Nguyên có 113 đầu mối; đến giữa năm, Ban chỉ huy Quân sự Thành phố quyết định thành lập thêm 14 đơn vị dân quân, tự vệ, nâng tổng số đầu mối dân quân, tự vệ lên 127 (gồm 25 phường, xã và 102 cơ quan, xí nghiệp).

đã đăng kí là 167.712 người, trong đó có 109.095 nam và 58.617 nữ; 66.854 người ở độ tuổi từ 18 đến 27.

Từ khi có Pháp lệnh dân quân, tự vệ, công tác huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ ngày càng có quy củ, nền nếp hơn. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được đặt lên hàng đầu, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ về tình hình và nhiệm vụ cách mạng. Hằng năm, lực lượng dân quân, tự vệ Thành phố đều được tổ chức huấn luyện theo nội dung, chương trình của Bộ Tổng Tham mưu. Tính riêng trong 3 năm 1998 - 2000, số cán bộ tham gia tập huấn tại Trường Quân sự tỉnh có 134 đồng chí, số cán bộ tập huấn tại Thành phố có 439 đồng chí; tổng số dân quân, tự vệ được huấn luyện là 14.715 đồng chí.

Cùng với công tác huấn luyện, từ năm 1998 trở đi, mỗi năm Thành phố đều tổ chức diễn tập một lần. Qua mỗi lần diễn tập, trình độ nhận thức, kiến thức và năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ cơ sở được nâng cao thêm một bước. Các cuộc diễn tập quân sự hằng năm đều gắn với việc thực hiện một số nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn, cho nên đã động viên được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Trong cuộc diễn tập phòng thủ ZT – 99 (tháng 10-1999), Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã làm tham mưu cho Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân Thành phố tổ chức hội nghị quán triệt và triển khai nhiệm vụ diễn tập cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cơ quan ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị tham gia diễn tập; gắn diễn tập phòng thủ với việc giải quyết một số vấn đề cấp bách trên địa bàn (truy quét tai, tệ nạn xã hội; thực hiện các Nghị định 36 -CP, 39-CP của Chính phủ; làm thuỷ lợi và giao thông nông thôn). Vì đây là lần đầu tiên trực tiếp

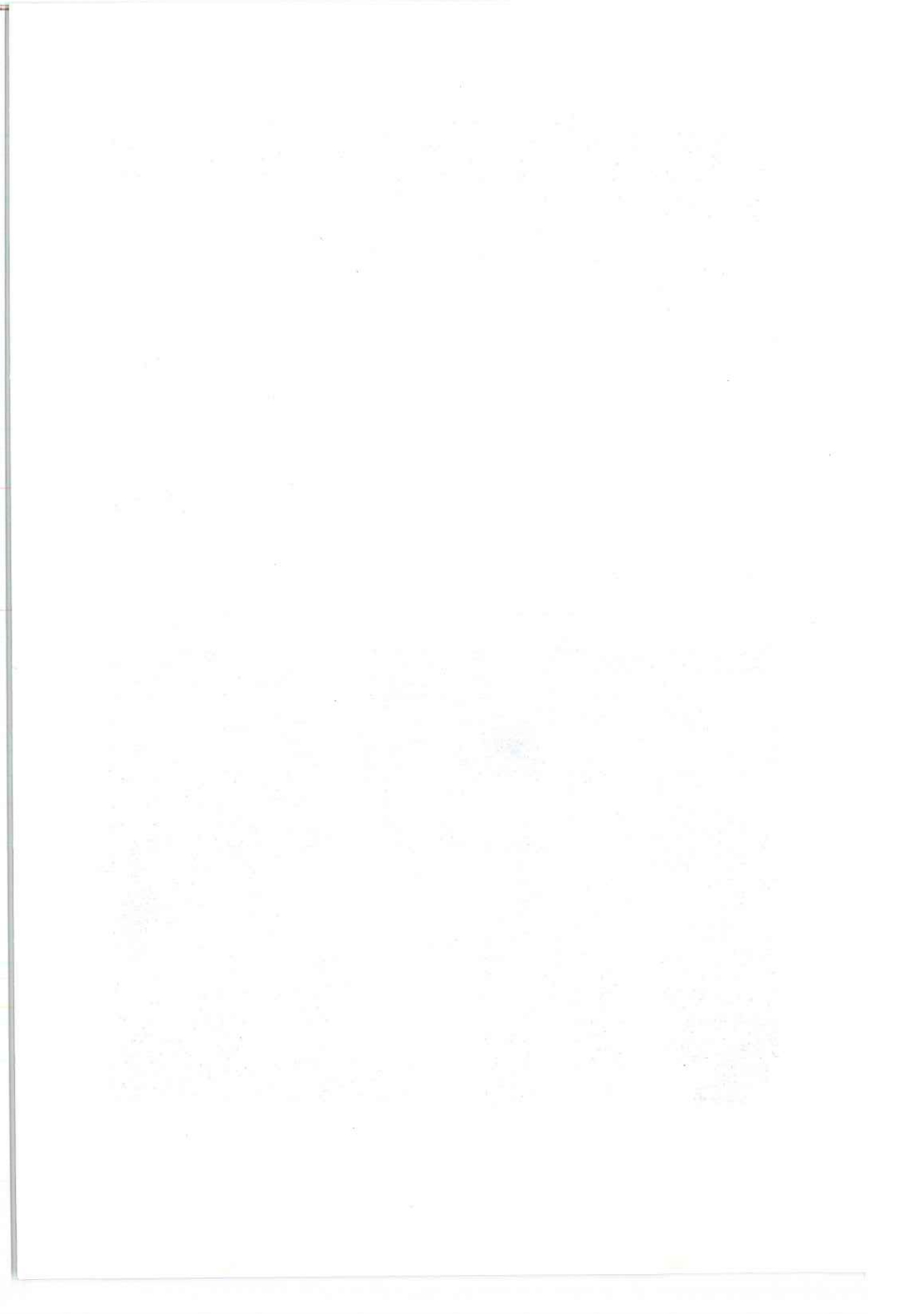
tham gia diễn tập phòng thủ, nên các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và cơ sở được Ban chỉ huy quân sự Thành phố bồi dưỡng, hướng dẫn chuẩn bị các văn kiện diễn tập. Trong quá trình diễn tập, sự vận hành của Cơ chế 02 được nhịp nhàng, ăn khớp, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, điều hành của Chính quyền và chức năng tham mưu của các cơ quan Quân sự, Công an và các ban ngành, đoàn thể từ Thành phố xuống các cơ sở xã, phường. Qua hai ngày đêm diễn tập, Thành phố đã huy động 813 lượt cán bộ, chiến sĩ công an, bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ tuần tra, canh gác truy quét 41 vụ tai, tệ nạn xã hội với 58 đối tượng (trong đó bắt 1 đối tượng có lệnh truy nã, 2 đối tượng trốn thi hành án, 28 đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục để cải tạo); thu 0,13 gam hêrôin, 0,2 gam thuốc phiện, 4 bộ đèn bàn, 3 cân tiểu li, 11 kíp mìn, 1 quả mìn và 1 khẩu súng tự chế, thu hồi tài sản trị giá 7,8 triệu đồng. Toàn thành phố đã huy động trên 17.400 người và 197 phương tiện các loại, làm đường giao thông nông thôn, làm thuỷ lợi và giải toả hành lang an toàn giao thông. Kết quả các xã, phường trên địa bàn Thành phố đã đào, đắp, nạo, vét được 11.860 mét kênh mương; làm mới 2.724 mét, sửa chữa 37.523 mét đường giao thông, khai thông 36.564 mét cống rãnh; dỡ bỏ 155 lều, quán, mái vẩy vi phạm hành lang an toàn giao thông; truy thu 16.080.000 đồng tiền thuế các loại. Trong cuộc diễn tập theo Kế hoạch A2 và phòng, chống bão lụt tháng 7-2000, Thành phố đã huy động 3.200 dân quân, tự vệ và 33.676 quân chúng Nhân dân tham gia. Thông qua diễn tập, nhân dân cùng với Lực lượng vũ trang Thành phố đã làm mới được 3.468 mét đường (trong đó có 287 mét đường bê tông), tu sửa 58.028 mét đường, phát quang 404.686 mét



Lực lượng tự vệ chuyên ngành Y tế Thành phố đẩy mạnh công tác huấn luyện, sẵn sàng phục vụ chiến đấu.



Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố tiến đưa thanh niên nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

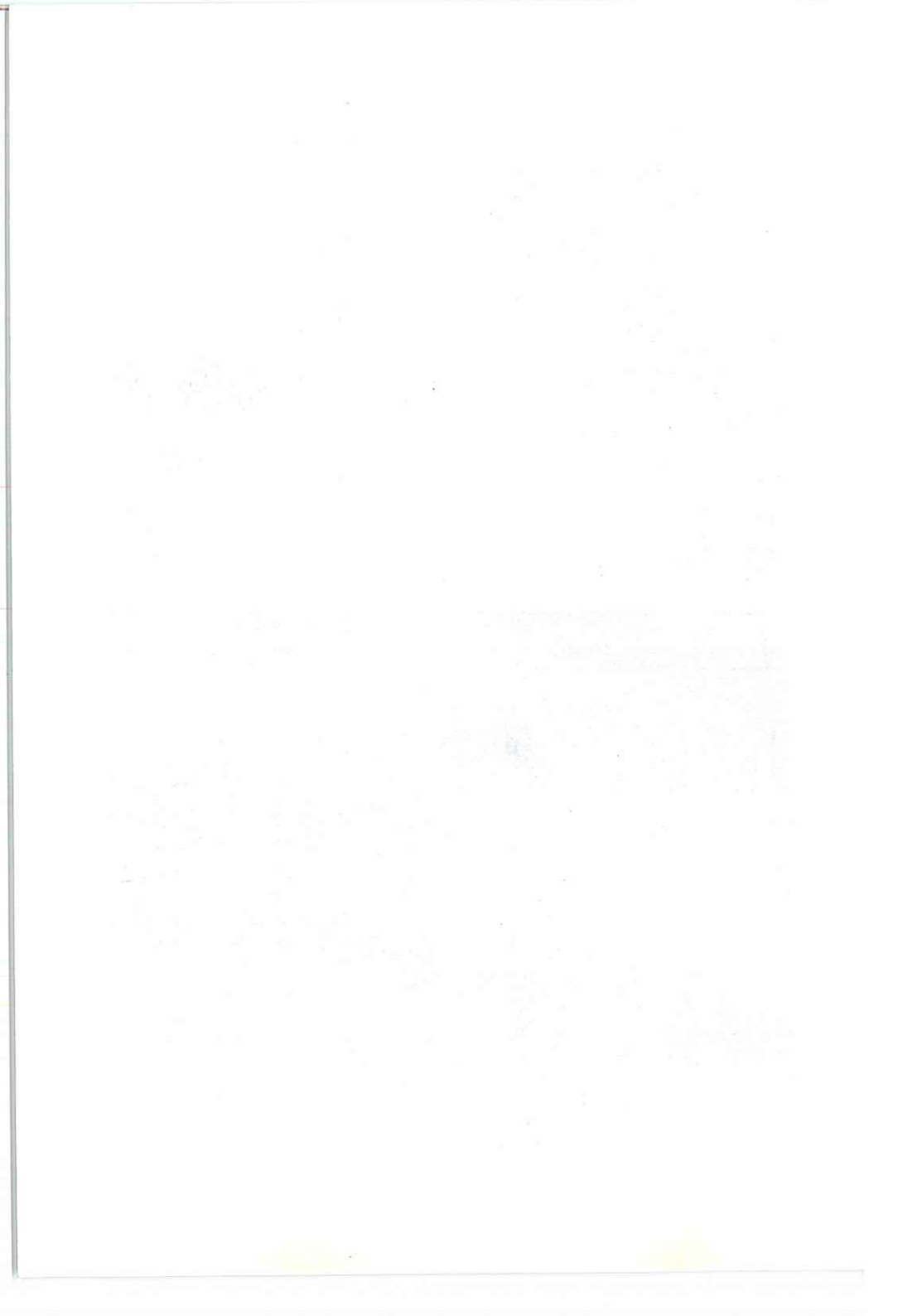


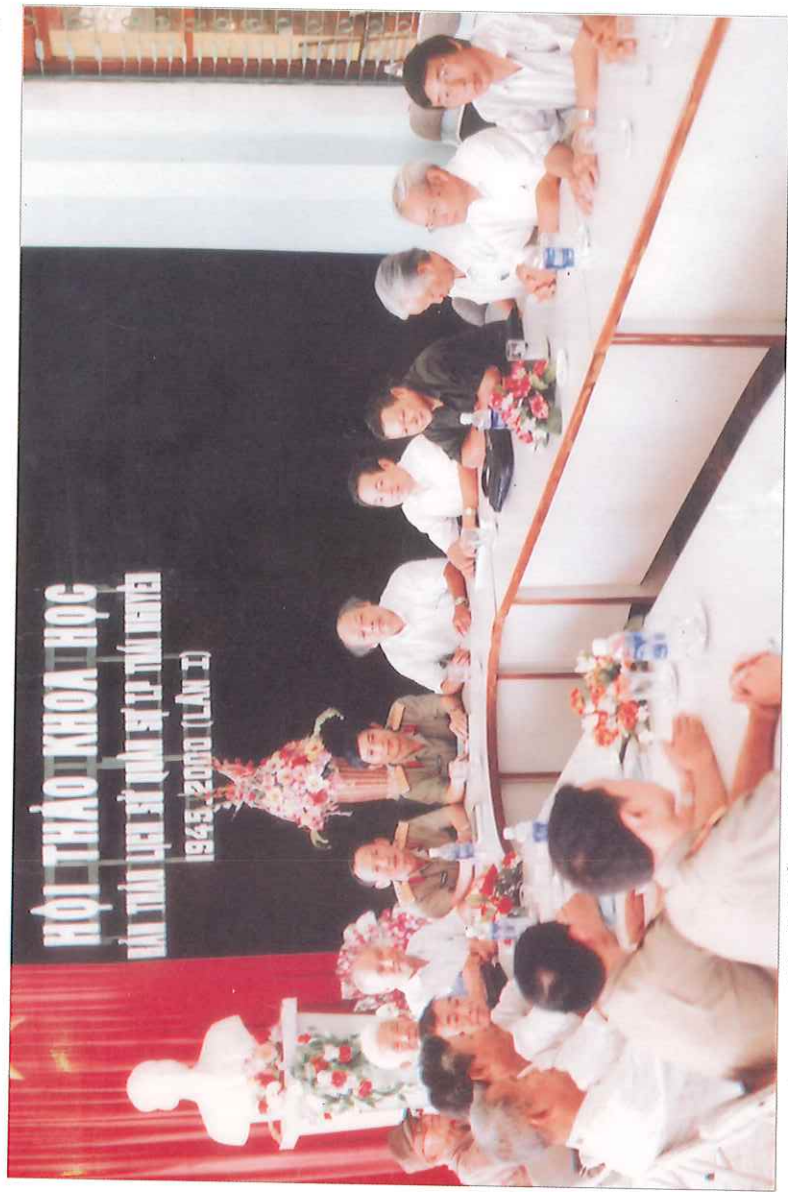


Cán bộ Cơ quan Quân sự Thành phố thực hành diễn tập phòng thủ khu vực.



Thành phố tăng cường công tác giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề trên địa bàn.





Các đại biểu dự Hội thảo khoa học bản thảo “Thành phố Thái Nguyên:
Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc 1945-2000”



đường làng, nạo vét khơi thông 73.558 mét cống rãnh, tháo dỡ hàng trăm lều, quán, mái vẩy vi phạm hành lang an toàn giao thông. Các lực lượng dân quân, tự vệ và công an của Thành phố đã tổ chức tuần tra, canh gác, bắt 101 đối tượng trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút..., thu giữ nhiều tang vật liên quan đến các vụ án.

Thực hiện Pháp lệnh ngày 27-8-1996 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Lực lượng dự bị động viên, từ năm 1997 đến năm 2000, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành chức năng làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến Pháp lệnh. Hàng năm Thành phố đều tổ chức tốt việc phúc tra, đăng kí, quản lí chặt chẽ lực lượng dự bị động viên. Đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Lực lượng dự bị động viên của Thành phố được sắp xếp cơ bản, đảm bảo được yêu cầu về chuyên nghiệp quân sự. Từ năm 1997 đến năm 2000, Thành phố đã động viên được hơn 2.000 cán bộ, chiến sĩ quân dự bị giao cho các đơn vị Sư đoàn 346, Lữ đoàn 382, Lữ đoàn 210, Trung đoàn 601 và Cục Kỹ thuật của Quân khu I huấn luyện, hoàn thành tốt các chỉ tiêu động viên quân dự bị trên giao cả về quân số và chất lượng. Thành phố cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên kiểm tra sẵn sàng chiến đấu các đơn vị dự bị động viên gồm: Tiểu đoàn Thông tin của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, Bệnh viện dã chiến và Tiểu đoàn bộ binh của Thành phố; hoàn thành 100% chỉ tiêu huấn luyện cán bộ, chiến sĩ dự bị động viên cả về quân số, nội dung, thời gian và chất lượng. Trong công tác tuyển quân, 5 năm (1996 - 2000), Thành phố đã động viên được 1.431 thanh niên lên đường nhập ngũ, vượt 31 chỉ tiêu, đảm bảo tốt các yêu cầu về chất lượng và thời gian.

Điểm nổi bật trong công tác tuyển quân của Thành phố Thái Nguyên là năm nào Thành phố cũng hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao. Phần lớn thanh niên Thành phố rất hăng hái làm Nghĩa vụ quân sự. Một số ít thanh niên chống khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, chống lệnh gọi nhập ngũ, đã được Thành phố kịp thời xử lý nghiêm khắc. Điều đáng quan tâm là, số thanh niên có đủ tiêu chuẩn sức khỏe nhập ngũ so với số người được đến khám sức khỏe Nghĩa vụ quân sự đạt tỉ lệ ngày càng giảm⁽¹⁾. Sở dĩ như vậy là do hai nguyên nhân: Một là, tiêu chí sức khỏe của tân binh ngày một cao; hai là, một số thanh niên sử dụng nhiều chất kích thích (rượu, chè, thuốc lá, ma túy...) dẫn đến sức khỏe bị giảm sút.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, sự phối hợp và ủng hộ của các ngành, các đoàn thể và nhân dân các dân tộc trên địa bàn, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, làm tốt công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công. Bằng việc làm cụ thể, thiết thực, Ban chỉ huy quân sự Thành phố cùng với 25 phường, xã đã tham gia có hiệu quả 5 chương trình tình nghĩa và các hoạt động khác; giải quyết có hiệu quả các chính sách sau chiến tranh, xem xét, xác minh, đề nghị cấp trên khen thưởng hơn 3.000 cán bộ, chiến sĩ tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và cuộc chiến tranh bảo vệ Biên giới; đồng thời tiếp nhận và làm thủ tục cho hàng ngàn quân

⁽¹⁾ Năm 1992, trong số 1.219 thanh niên được khám sức khỏe Nghĩa vụ quân sự, có 795 người có đủ sức khỏe (hơn 60%); năm 1997, trong số 1.296 thanh niên được khám chỉ có 643 người đủ sức khỏe (dưới 50%).

nhân xin hưởng chế độ trợ cấp kháng chiến, trợ cấp chiến trường, v.v... Ban chỉ huy quân sự Thành phố phối hợp với các đoàn thể xây dựng Quỹ đền ơn đáp nghĩa, với số tiền hơn 1 tỉ đồng, xây dựng và tu sửa 20 nhà tình nghĩa, lập hơn 1.670 sổ tiết kiệm với số tiền trên 835 triệu đồng...

Cán bộ, chiến sĩ trong Ban chỉ huy quân sự Thành phố còn tích cực tăng gia sản xuất, làm kinh tế để tạo nguồn thu, nâng cao đời sống. Tính chung trong 10 năm (1990-2000), Ban chỉ huy quân sự Thành phố đã tự túc được 90% nhu cầu rau xanh, trên 5.000 kg thịt, cá; tu bổ, sửa chữa doanh trại luôn khang trang, sạch đẹp, thực hiện tốt phong trào vệ sinh, phòng bệnh. Riêng trong năm 1997, cán bộ, chiến sĩ cơ quan chỉ huy quân sự thành phố đã tự túc được 150 kg thịt lợn hơi, 120 kg cá tươi, 750 kg rau xanh, 8 m³ củi khô, nuôi thả 10.000 con cá. Nếu tính theo giá thị trường, đơn vị đã tăng thêm vào bữa ăn cho bộ đội bình quân 330 đồng/người/ngày. Ngoài ra, đơn vị còn mua sắm thêm nhiều doanh cụ, gồm 4 tủ đựng tài liệu, 5 bàn làm việc, 6 bàn ăn, 41 ghế gấp, lắp mới hệ thống thoát nước...⁽¹⁾. Nhiều năm liền, bếp ăn của cơ quan được công nhận là Bếp ăn tiên tiến. Tỷ lệ quân số khoẻ của cơ quan đạt bình quân hằng năm là 98,2%.

Trong phong trào Thi đua Quyết thắng, Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố được Quân khu I, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng, tặng Cờ thi đua xuất sắc.

⁽¹⁾ Ban CHQS Thành phố Báo cáo thành tích và kết quả thực hiện phong trào Thi đua Quyết thắng năm 1997.

Hàng chục tập thể được tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng, hàng trăm cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ Thi đua, Chiến sĩ Quyết thắng, được tặng Bằng khen, Giấy khen.

Những thành tích trên là kết quả của công tác xây dựng Đảng trong Đảng bộ Quân sự Thành phố. Trong nhiều năm liền, 100% số chi bộ (4/4) của Đảng bộ đều đạt tiêu chuẩn Chi bộ trong sạch vững mạnh, hầu hết đảng viên đủ tư cách mức 1, không có đảng viên ở mức 3, 4. Đảng bộ Quân sự Thành phố được Thành uỷ công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Thành phố Thái Nguyên là cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội. Nhận thức rõ vị trí chiến lược này, Đảng bộ, Chính quyền, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã vượt qua nhiều khó khăn, nỗ lực phấn đấu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng, đáp ứng yêu cầu của hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới.

Nhờ đó, từ năm 1996 đến năm 2000 tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thành phố bình quân mỗi năm đạt 74,75%, thu nhập bình quân theo đầu người đạt 413 USD/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi nhanh theo hướng tăng tỉ trọng các ngành Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và Thương mại - dịch vụ. Đến năm 2000, tỉ trọng các ngành Công nghiệp - thủ công nghiệp chiếm 46%, Thương mại - dịch vụ chiếm 44,2% trong các ngành kinh tế của Thành phố. So với toàn tỉnh giá trị tổng sản phẩm (GDP) của Thành phố chiếm 51,4%; trong đó, giá trị sản

xuất Công nghiệp - thủ công nghiệp chiếm 70,03%, Thương mại - dịch vụ chiếm 80,5%, thu ngân sách chiếm 71,42%⁽¹⁾.

Sự nghiệp Văn hoá, Giáo dục, Y tế có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng và mô hình đào tạo. Đến năm 2000, trên địa bàn Thành phố có 4 trường đại học, 12 trường cao đẳng, trung học và dạy nghề, 11 trường trung học phổ thông, 61 trường trung học cơ sở và tiểu học. 100% số trường học đều được xây dựng kiên cố.

Trên địa bàn Thành phố có 8 bệnh viện, 1 trung tâm y tế, 2 phòng khám đa khoa, 25 trạm y tế phường, xã, với 1.700 giường bệnh và trên 3.000 thầy thuốc, đủ điều kiện chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân và phục vụ chiến đấu khi cần thiết.

Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn Thành phố phát triển nhanh, có tổng đài điện tử trung tâm, với dung lượng 32.000 số và 5 tổng đài khu vực với dung lượng 20.000 số. Đến cuối năm 2000, toàn Thành phố đã lắp đặt gần 20.000 máy điện thoại cố định, (trung bình 100 người dân, có 7,8 máy).

Sự phát triển kinh tế - xã hội là cơ sở vững chắc để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Ngược lại, tiềm lực quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị được ổn định là điều kiện đảm bảo kinh tế - xã hội phát triển. Do đó, bên cạnh việc tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, thành phố Thái Nguyên rất coi trọng nhiệm vụ xây dựng, củng cố, phát triển tiềm lực quốc phòng - an ninh.

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên, tập II, 1975 – 2000, trang 265, 268.

Dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ, trực tiếp là Đảng uỷ Quân sự Thành phố, công tác xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên có nhiều chuyển biến tích cực. Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động phòng chống âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Kế hoạch tác chiến phòng thủ cơ bản của Thành phố và 25 phường, xã đã được xây dựng, không ngừng bổ sung, hoàn thiện theo kịp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong 5 năm (1995-2000), Lực lượng vũ trang Thành phố đã huy động 57.174 lượt cán bộ, chiến sĩ tuần tra, canh gác, tham gia xử lý 206 vụ việc vi phạm an ninh, trật tự trên địa bàn, gắn Quốc phòng với kinh tế - xã hội. Chỉ tính riêng 2 đợt diễn tập quân sự cấp thành phố (ZT-95 và ZT-99) và 31 lượt diễn tập quân sự cấp phường, xã, Thành phố đã huy động 33.676 lượt nhân dân và 2.700 lượt cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương cùng với 316 lượt phương tiện vận tải (ô tô, công nông) tham gia, làm mới và sửa chữa được hơn 454 km đường dân sinh; khơi thông hơn 77 km mương tiêu, thoát nước; tháo dỡ 652 lều, quán, nhà xây trái phép, vi phạm hành lang an toàn giao thông; bắt giữ 96 vụ sử dụng, vận chuyển ma tuý. Hoạt động tác chiến trị an của Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố đã góp phần tích cực vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đảm bảo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội của Thành phố ngày càng phát triển, được cấp uỷ Đảng, chính quyền và Nhân dân Thành phố tin tưởng, đồng tình ủng hộ.

KẾT LUẬN

Từ ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở thị xã Thái Nguyên (20/8/1945) đến năm 2000, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã trải qua 55 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành. Ngay trên mảnh đất đầy bom đạn, đau thương và mất mát, Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã lập nhiều chiến công rực rỡ. Những “tiểu anh hùng” trong cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật ở thị xã Thái Nguyên Tháng Tám năm 1945, những trận chiến đấu mưu trí, dũng cảm của du kích Túc-Thái những năm 1947 và 1950; những trận chiến đấu với máy bay Mỹ của Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ trên đồi Két Nước ngày 17-10-1965, của dân quân các xã Gia Sàng, Túc Duyên (nay là các phường Gia Sàng, Túc Duyên) trong ngày 24-12-1972, của các tiểu đoàn tự vệ Công ty gang thép Thái Nguyên, Công ty Xây lắp Cơ khí trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tổ quốc năm 1979, mãi mãi ghi vào lịch sử Thành phố những trang hào hùng và chói lọi nhất.

Trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám 1945, thị xã Thái Nguyên là nơi diễn ra trận bao vây, tấn công của Quân giải phóng có sự phối hợp của lực lượng tự vệ chiến đấu địa phương mở đường về Hà Nội. Trong cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược, thị xã Thái Nguyên là bức tường chắn phía nam cho Căn cứ địa

Việt Bắc, cho Thủ đô kháng chiến của cả nước, đồng thời là giao điểm chiến lược giữa Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc với vùng địch tạm chiếm. Với nhiều đường giao thông liên lạc quan trọng nối Trung ương, Chính phủ kháng chiến với các Liên khu và các tỉnh tạm bị địch chiếm đóng, vùng đất Thái Nguyên là nơi tạm dừng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực ở căn cứ trước khi đi chiến dịch cũng như từ chiến trường trở về hậu cứ.

Với vị trí chiến lược quan trọng của thành phố Thái Nguyên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, trong 55 năm qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Đảng bộ Thành phố đã quán triệt và lãnh đạo quân, dân trên địa bàn thực hiện thắng lợi đường lối quân sự của Đảng, tiến hành các cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện đạt kết quả cao, nhất là trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ (1965-1975) và trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch.

Xây dựng lực lượng và hoạt động tác chiến của Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên có những nét riêng biệt, không giống các huyện, thị xã khác trong tỉnh Thái Nguyên. Gần đến ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Tỉnh lỵ (20/8/1945), lực lượng tự vệ của Thị xã mới bắt đầu hình thành, lúc đầu là tiểu tổ, rồi phát triển thành tiểu đội do Thanh niên Cứu quốc phụ trách. Khi Quân giải phóng nổ súng tiến công quân Nhật trong Thị xã thì hàng trăm nam nữ thanh, thiếu niên với vũ khí thô sơ, thậm chí là hai bàn tay trắng, đã tự nguyện tham gia đội quân chiến đấu của Quân giải phóng với danh nghĩa “Tự vệ Thị xã”.

I. CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY QUÂN SỰ THÀNH PHỐ 1953-2007:



Đ/c Vũ Đình Khuy
Thị đội trưởng
1953-1954, 1956.
Thành đội trưởng 1972-1973.



Đ/c Nguyễn Tất Hạch
Thị đội trưởng
1954-1955 và 1957-1961.



Đ/c Đỗ Thắng
Thị đội phó 1957-1960
Thị đội trưởng 1961-1962,
Thành đội phó 1962-1966,
Chỉ huy trưởng 1973-1979.



Đ/c Triệu Kỳ Phay
Thành đội trưởng
1963-1966.



Đ/c Nguyễn Văn Mão
Chính trị viên phó
1964-1971.



Đ/c Nguyễn Tế Hồng
Chính trị viên
1963-1971.



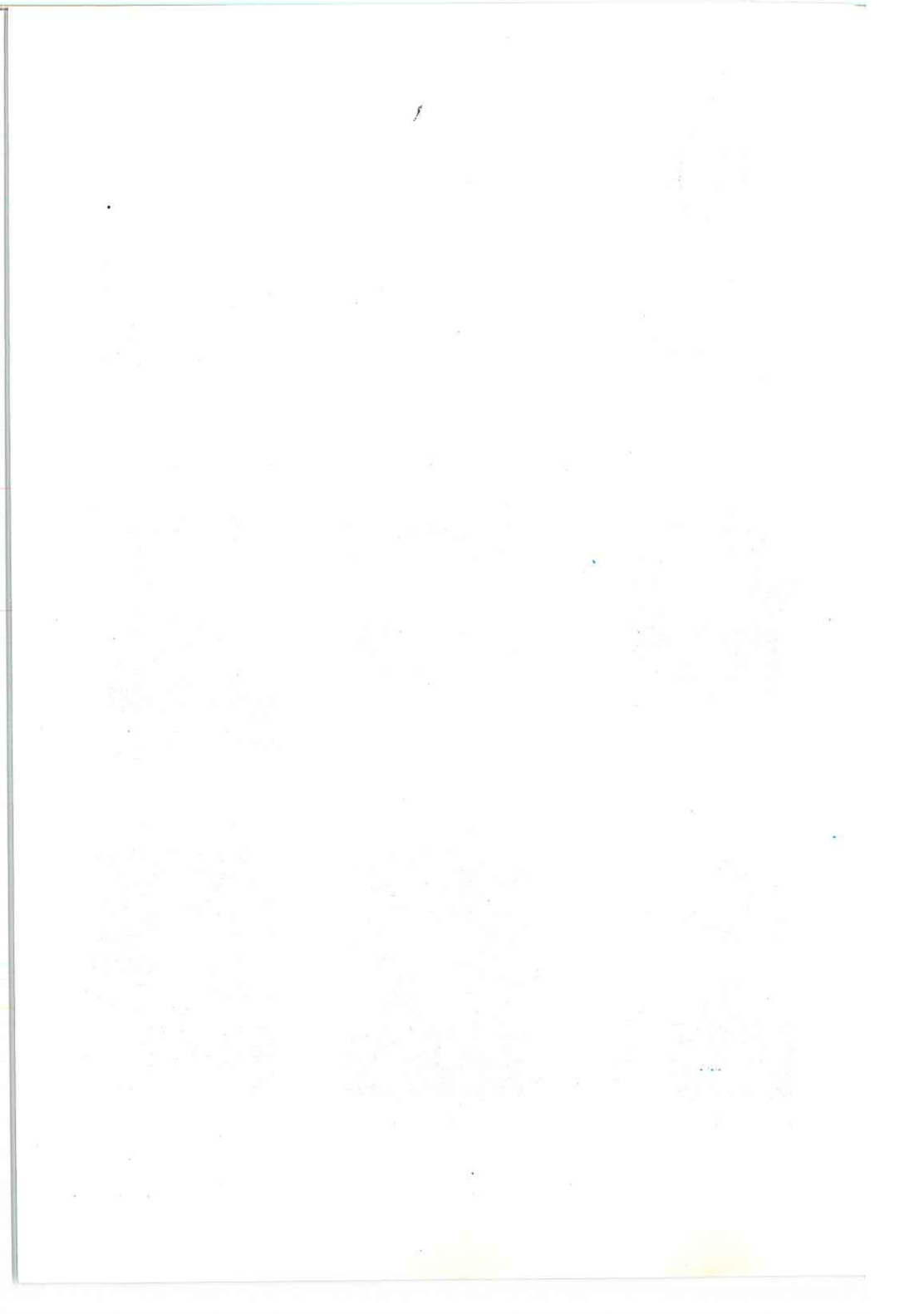
Đ/c Nông Ngọc Bảo
Thành đội phó
1966-1971.



Đ/c Nguyễn Văn Sửu
Thành đội phó
1968-1975.



Đ/c Vũ Văn Thân
Chính trị viên phó
1969-1971.





Đ/c Nguyễn Trọng Lệ
Thành đội phó
1970.



Đ/c Hoàng Công Tá
Chính trị viên
1971-1974.



Đ/c Đặng Văn Mai
Chính trị viên phó 1971-1974
Chính trị viên 1974-1975.



Đ/c Phùng Đức Nụ
Chính trị viên 1975-1978
Chỉ huy trưởng 1979-1985.



Đ/c Hà Trịnh
Chính trị viên phó
1975-1977.



Đ/c Nông Văn Lương
Chỉ huy phó
1975-1979.



Đ/c Lưu Văn Mục
Chỉ huy phó
1977-1983.



Đ/c Đặng Tuấn Ngân
Chính trị viên
1979-1981.



Đ/c Phạm Đại Bằng
Chỉ huy phó
1979-1981.





Đ/c Lê Xuân Lộc
Chỉ huy phó
1983-1987.



Đ/c Lê Quang Khải
Chỉ huy phó 1980-1984
Chỉ huy trưởng 1985-1988.



Đ/c Nguyễn Tiến Phong
Chỉ huy phó
1984-1985.



Đ/c Phạm Văn Quang
Chỉ huy phó
1985-1993.



Đ/c Nguyễn Kinh Quýt
Chỉ huy phó Chính trị
1987-1990.



Đ/c Hoàng Văn Doanh
Chỉ huy phó
1987-2000.



Đ/c Đặng Quang Ly
Chỉ huy trưởng
1988-1997.



Đ/c Lê Cát Lượng
Chỉ huy phó Trị
Chỉ huy trưởng từ 1997.



Đ/c Vũ Ngọc Tuyên
Chỉ huy phó
1994-1996.





Đ/c Hoàng Thanh Sơn
Chỉ huy phó
1996-2001.



Đ/c Đào Đức Thái
Chỉ huy phó Chính trị
1997-2001.



Đ/c Vũ Đức Đấu
Chỉ huy phó
từ năm 2001.



Đ/c Đặng Văn Môn
Chỉ huy phó Chính trị
2001-2006.



Đ/c Nguyễn Quốc Hiến
Chỉ huy phó
2002-2006.



Đ/c Hà Quảng Tiệp
Chỉ huy phó
8/2004 - 5/2006.



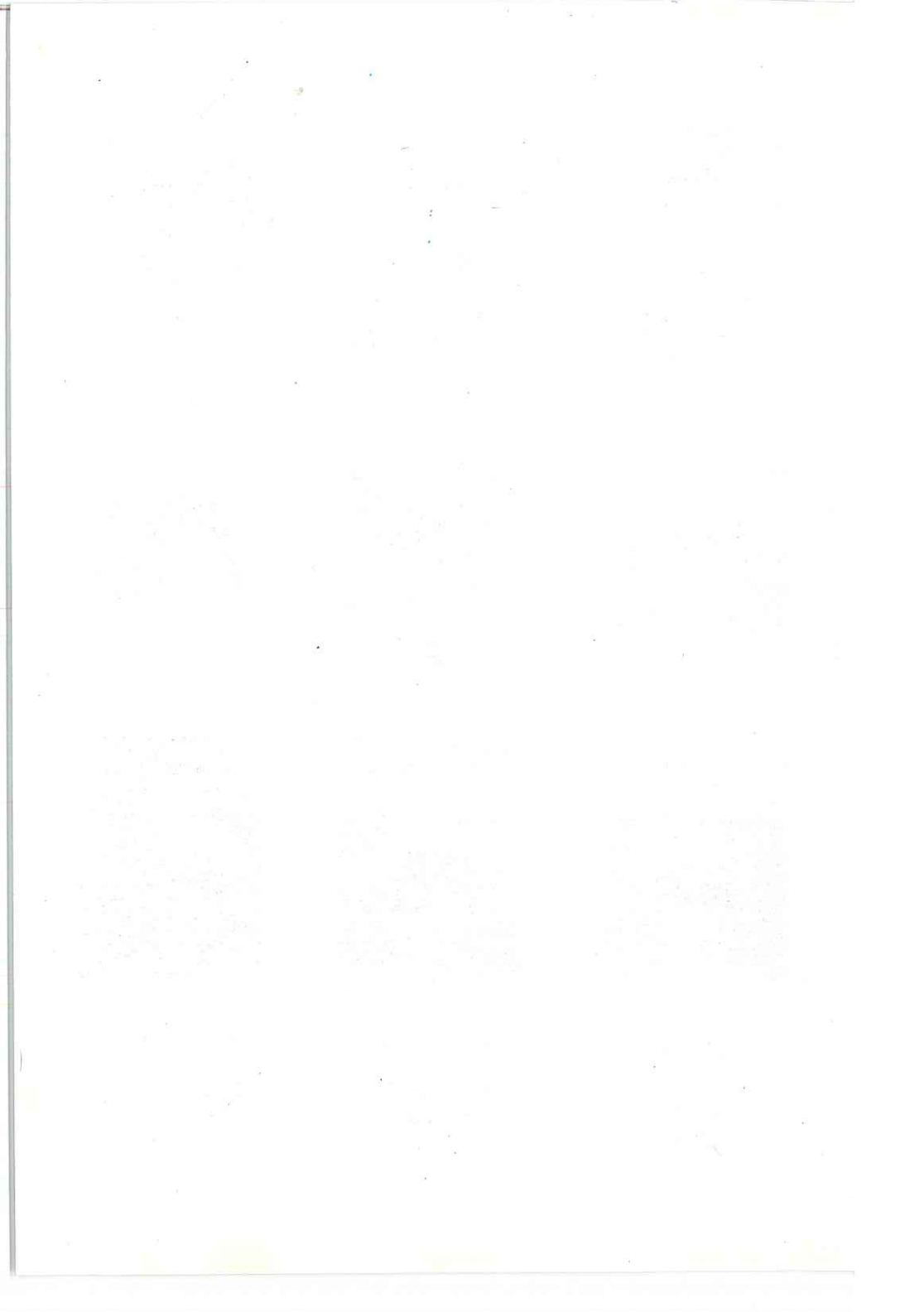
Đ/c Trần Đức Chiến
Chỉ huy phó
từ 5/2006.



Đ/c Lê Văn Túc
Chính trị viên phó
từ 9/2006.



Đ/c Đỗ Xuân Sơn
Chính trị viên
từ 9/2006.



II. CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ THÀNH PHỐ 1994-2007:



Đ/c Phan Thế Ruệ
Bí thư Đảng ủy Quân sự
1994-1996.



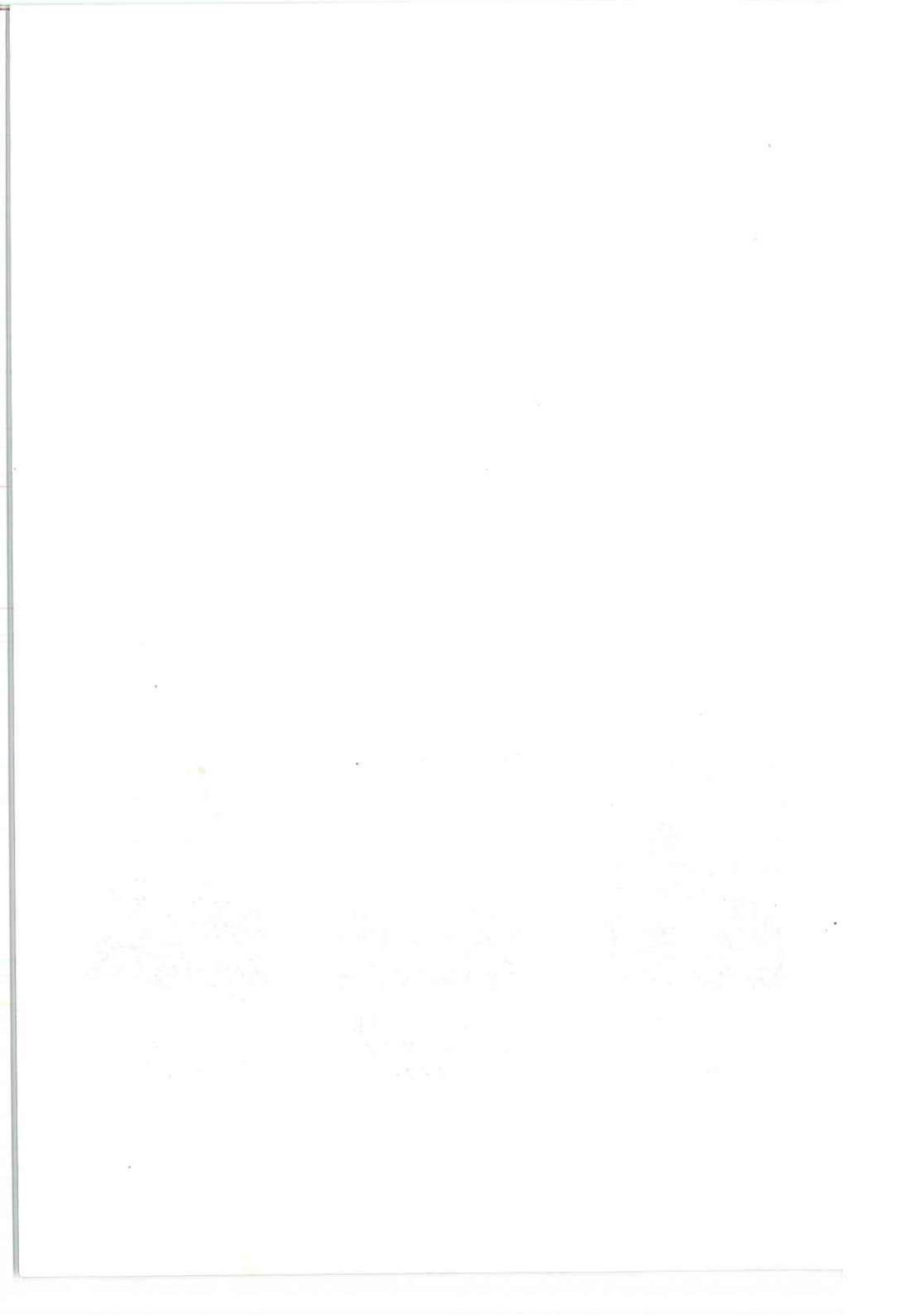
Đ/c Lương Đức Tính
Bí thư Đảng ủy Quân sự
1997-1999.



Đ/c Lê Xuân Hùng
Bí thư Đảng ủy Quân sự
2000-2005.



Đ/c Phạm Xuân Đường
Bí thư Đảng ủy Quân sự
2005-2007.



Sau khi quân Nhật trong Thị xã chấp nhận các điều kiện của Bộ chỉ huy Quân giải phóng, cuộc chiến đấu kết thúc, Quân giải phóng về Hà Nội, tự vệ thị xã Thái Nguyên không còn tồn tại. Cuối năm 1945, đầu năm 1946, đất nước ta đứng trước thù trong, giặc ngoài. Trong bối cảnh chung của cả nước và của toàn tỉnh, thị xã Thái Nguyên cũng ở vào thế bị quân thù đe dọa, chiến tranh có thể lan tới bất cứ lúc nào. Nhiệm vụ quân sự của Thị xã lúc này là động viên nhân dân sắm vũ khí (giáo, mác), tích cực luyện tập quân sự. Các đội tự vệ được hình thành ở các tiểu khu và do tiểu khu tự quản, không có sự chỉ huy thống nhất toàn Thị xã.

Đầu năm 1947, thị xã Thái Nguyên “Tiêu thổ kháng chiến”, các cơ quan công sở của tỉnh rời khỏi tỉnh lỵ cùng với hơn 2000 dân sơ tán ra các huyện Đông Hỷ, Phú Lương. Thị xã Thái Nguyên giải thể, các cơ quan của Thị xã chỉ còn lại Ủy ban kháng chiến về danh nghĩa, sau đó danh nghĩa cũng không còn. Vùng đất Thị xã tạm thời sáp nhập phần phía Đông vào xã Túc Duyên, gọi là xã Túc Thái, phần phía Tây vào xã Đồng Quang, gọi là xã Hiệp Hoà (cả hai xã đều thuộc huyện Đông Hỷ)

Cán bộ, chiến sĩ tự vệ các tiểu khu của Thị xã trở thành cán bộ, chiến sĩ du kích của Túc Thái, Hiệp Hoà chiến đấu rất anh dũng, lập nhiều chiến công trong các chiến dịch phản công Việt Bắc Thu - Đông năm 1947 và Phôcơ tháng 10-1950, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía Nam Căn cứ địa Việt Bắc suốt những năm kháng chiến chống Pháp trường kỳ và anh dũng của dân tộc.

Năm 1953, thị xã Thái Nguyên được tái lập, Cơ quan Thị đội ra đời, liền sau đó các khu đội tự vệ Trung Vương, Đội Cấn, Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng và hai đơn vị tự

vệ của hai tiểu khu Chiến thắng và Quan Triều thành lập. Tiếp đến năm 1962, Thị xã phát triển lên Thành phố, Thành đội Thái Nguyên được thành lập; Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên từ đây có bước phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã có hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, được trang bị từ súng trường K44, súng máy cao xạ 12 li 7, 14 li 5 đến pháo cao xạ 100 li, với nhiều cách đánh máy bay Mỹ rất phong phú, sáng tạo. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, trong lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên đã có rất nhiều tấm gương tiêu biểu xả thân vì nước, trong đó nổi bật là trận chiến đấu dũng cảm, kiên cường của cán bộ, chiến sĩ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ đánh trả máy bay Mỹ ngày 17-10-1965. Những tấm gương đó mãi mãi sáng ngời trong tâm thức của cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Thái Nguyên là thành phố công nghiệp luyện kim và có cơ sở sản xuất cơ khí lớn nhất miền Bắc nằm sâu trong nội địa. Là hậu phương của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, khi cảng biển Hải Phòng bị đế quốc Mỹ phong tỏa, thành phố Thái Nguyên đã trở thành “Cảng nổi” tiếp nhận hàng viện trợ (lương thực, nhiên liệu, vũ khí, đạn dược) của bầu bạn quốc tế cho nhân dân ta đánh Mỹ.

Do có vị trí chiến lược đặc biệt về mặt quân sự, nên mỗi khi kẻ thù xâm lược nước ta, chúng đều có âm mưu

chiếm giữ hoặc đánh phá ác liệt vị trí then chốt này bằng cả thủ đoạn quân sự tàn bạo cùng những âm mưu thâm độc về chính trị, kinh tế. Trong hai lần chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, thành phố Thái Nguyên là nơi không quân Mỹ “leo thang” đánh phá sớm nhất và đánh phá liên tục, dài ngày nhất so với các tỉnh khác ở phía Bắc Bắc Bộ. Từ tháng 10-1965 đến tháng 12-1972, bom đạn Mỹ tàn phá nặng nề thành phố Thái Nguyên, hàng ngàn dân lành bị thương vong, hàng trăm nhà máy, trường học, bệnh viện, kho tàng, nhà ở, cầu cống bị biến thành đồng gạch vụn. Nhưng những hành động tội ác của chúng đã bị quân và dân Thành phố trừng trị đích đáng.

Một thành công lớn trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ là sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội cao xạ, tên lửa, không quân và dân quân, tự vệ Thành phố. Thế trận chiến tranh nhân dân được hình thành vững mạnh ở trong mỗi xí nghiệp, làng xã, khu phố. Trong suốt 8 năm (1965-1972) trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố là những chiến sĩ kiên cường, gan góc chiến đấu gây cho bọn giặc lái máy bay Mỹ nhiều nỗi kinh hoàng.

Tháng 2/1979, cuộc chiến tranh bảo vệ Biên giới nổ ra. Các tiểu đoàn tự vệ của Thành phố đã cùng với Trung đoàn 197 chủ lực của tỉnh Bắc Thái lên đường ra các mặt trận Cao Bằng, Lạng Sơn, cùng quân, dân các tỉnh bạn chặn đứng các mũi tiến công của địch, bắt nhiều tù binh, thu vũ khí. gương chiến đấu dũng cảm ngoan cường và sự hi sinh anh dũng của cán bộ, chiến sĩ các tiểu đoàn tự vệ thành phố Thái Nguyên được Đảng bộ và nhân dân các dân tộc hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn đánh giá cao.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố đóng vai trò xung kích trên mặt trận đấu tranh bảo vệ đường lối của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Là trung tâm đầu não chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa – xã hội của Tỉnh, thành phố Thái Nguyên là một trong những địa bàn trọng điểm mà các lực lượng thù địch luôn luôn tìm cách phá hoại, gây mất ổn định. Lợi dụng tình hình sản xuất, đời sống ở Thành phố cũng như trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, kẻ thù tìm cách xuyên tạc, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta; bôi xấu Đảng, chế độ; tìm cách chia rẽ nhân dân với Đảng, chia rẽ nội bộ Đảng, nội bộ nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự chỉ huy, rèn luyện, điều dặt của Cơ quan Quân sự cấp trên, Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố triển khai cuộc đấu tranh toàn diện để đối phó và đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù, phòng chống có hiệu quả âm mưu “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn.

Nhìn lại 55 năm (1945-2000), nét nổi bật nhất của Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên là trong mọi tình huống, vẫn giữ vững được truyền thống anh dũng, kiên cường, một lòng trung thành với Đảng, với nhân dân. Đảng bộ và Cơ quan Quân sự Thành phố luôn luôn quán triệt sâu sắc đường lối quân sự của Đảng, biết xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương để đề ra kế hoạch thực hiện, khi gặp khó khăn phức tạp thì đứng vững trên lợi ích của sự nghiệp cách mạng của nhân dân mà tìm ra phương sách để giải quyết.

Chặng đường 55 năm qua là chặng đường đầy gian khổ, hi sinh, trong đó có gần 35 năm Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố cùng với nhân dân cả nước tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc với những mất mát đau thương không thể kể hết. Đó là niềm tự hào chung, là cơ sở của sức mạnh vật chất và tinh thần để chúng ta giành chiến thắng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong 55 năm qua, các tầng lớp nhân dân thành phố Thái Nguyên đã thương yêu, chăm sóc, chở che, nuôi dưỡng và đùm bọc đội quân vũ trang cách mạng của mình trong chiến tranh cũng như trong hoà bình, lúc thuận lợi cũng như khi gặp khó khăn. Chính nhờ được sự ủng hộ của toàn dân mà Lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố có sức mạnh vô địch, chiến thắng được mọi kẻ thù và lập được những chiến công hiển hách trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, được Nhà nước tuyên dương danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Với bề dày thành tích và kinh nghiệm chiến đấu trong 55 năm (1945-2000), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu vươn lên làm tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

PHỤ LỤC 1

TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

A - TẬP THỂ

I - Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954):

1 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Cương:

Tân Cương là một trong 5 xã miền núi, nằm ở vùng phía tây thành phố Thái Nguyên. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945–1954), vùng đất xã Tân Cương ngày nay thuộc xã Đức Tân (huyện Đồng Hỷ). Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Tân Cương là địa bàn hoạt động bí mật của nhiều cán bộ Cộng sản. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, Tân Cương đã từng là nơi ở và làm việc của nhiều cơ quan Trung ương và địa phương (như Trường Quân sự Lam Sơn, nay là Trường Quân sự Quân khu I; Trường Quân chính Đại đoàn 308, Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên, Trường sĩ quan lục quân Trần Quốc Tuấn). Nhân dân Tân Cương đã đóng góp, ủng hộ kháng chiến 6 tấn thóc, 1,3 tấn gạo và 1,2 tấn thịt gia

cầm. Từ năm 1950 đến năm 1954, Tân Cương đã huy động được 440 người đi dân công phục vụ Chiến dịch Biên giới và Chiến dịch Điện Biên Phủ (có 120 người trong đội xe đạp thồ). Lực lượng vũ trang nhân dân xã phát triển từ 2 trung đội du kích (năm 1947), lên 1 đại đội dân quân và 2 trung đội du kích (năm 1950). Tháng 10-1950, lực lượng vũ trang nhân dân Tân Cương đã chặn đứng một mũi tiến công của quân Pháp vào địa bàn xã, diệt 6 tên địch. Cuối năm 1953, nhân dân và lực lượng vũ trang Tân Cương đã vận chuyển an toàn 70 tấn vũ khí từ Tân Cương lên một căn cứ thuộc Tam Đảo (Vĩnh Phúc). Tuy nhiều lần bị máy bay Pháp ném bom, bắn phá gây nhiều tổn thất nặng nề (120 ngôi nhà bị cháy, 17 người bị chết, 50 con trâu, bò bị sát hại), nhưng nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Cương vẫn không hề nao núng, tiếp tục lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Ngày 11-6-1999, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Cương đã được Chủ tịch nước ký Quyết định số 202/ KT- CTN, tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

2 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thịnh Đức:

Thịnh Đức là một xã miền núi nằm ở vùng phía tây thành phố Thái Nguyên có diện tích 17,3 km². Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Thịnh Đức là địa bàn

hoạt động của nhiều đồng chí cán bộ cách mạng (Lê Trung Đình, Hà Kế Tấn, Trần Huy Liệu). Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Thịnh Đức đã trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến, đấu tiêu diệt 21 tên địch, bắt sống nhiều tên khác, góp phần đánh bại 2 cuộc tiến công lên Thái Nguyên của giặc Pháp (Thu - Đông 1947 và tháng 10-1950). Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, toàn xã có hàng trăm người đi dân công hoả tuyến, trong đó có 1 đại đội dân công phục vụ Chiến dịch Biên giới 1950, 1 đại đội dân công (có 1 trung đội xe thô) phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ. Nhân dân trong xã đã đóng góp cho kháng chiến 7.540 kg thóc, 3.250 kg thực phẩm (4 con trâu, bò, 1 tấn thịt lợn hơi).

Ngày 24-6-2005, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thịnh Đức đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 635/2005/QĐ-CTN tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

3 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Thịnh Đán:

Phường Thịnh Đán nằm ở phía tây thành phố Thái Nguyên, có diện tích trên 6,16 km². Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Thịnh Đán là địa bàn tập kết của Chi đội Việt Nam giải phóng quân do đồng chí Võ

Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào (Sơn Dương – Tuyên Quang) tiến về bao vây, tấn công quân Nhật, giải phóng thị xã Thái Nguyên. Nhân dân Thịnh Đán đã góp nhiều lương thực (thóc, gạo), thực phẩm (bò, lợn, gà) ủng hộ Quân giải phóng; 84 thanh niên Thịnh Đán đã hăng hái ra nhập Quân giải phóng.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thịnh Đán đã giúp đỡ, bảo vệ an toàn các cơ quan Tỉnh uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh, Ty Công an, Tỉnh Đoàn Thái Nguyên đến ở và làm việc trên địa bàn. Hàng trăm thanh niên Thịnh Đán đã lên đường đánh giặc, có 7 người hi sinh được công nhận là liệt sĩ, 18 người bị thương được công nhận là thương binh, toàn xã có 4 người được công nhận là cán bộ lão thành cách mạng, 11 người được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa, 1 gia đình được tặng Bằng gia đình có công với Nước.

Ngày 24-6-2005, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân phường Thịnh Đán đã được Chủ tịch nước ký Quyết định số 635/2005/QĐ-CTN tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

4 - Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ:

Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ thuộc Tổng Công ti Giấy Việt Nam hiện đóng trên địa bàn phường Quan

Triều, thành phố Thái Nguyên. Nhà máy được thành lập ngày 20-8-1945. Tiền thân của Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ là Nhà máy giấy Đáp Cầu (Bắc Ninh), được xây dựng từ tháng 7-1913. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Nhà máy đã có rất nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, gian khổ, hoàn thành đặc biệt xuất sắc mọi nhiệm vụ được Đảng và Chính phủ giao phó. Ngay sau ngày được thành lập (20-8-1945), Nhà máy đã xây dựng lực lượng tự vệ gồm 60, cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa bàn, bảo vệ Nhà máy. Thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ giao, cán bộ và công nhân Nhà máy đã nghiên cứu, sản xuất thành công loại giấy có chất lượng cao để in tiền Việt Nam, góp phần tích cực vào việc củng cố, bảo vệ nền tài chính nước nhà trong những ngày, tháng đầu tiên mới giành được chính quyền cách mạng. Sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Nhà máy đã vận chuyển được gần 1.700 tấn máy móc và thiết bị từ Đáp Cầu (Bắc Ninh) lên Định Hoá (Thái Nguyên) an toàn. Ngày 14-7-1947, cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Nhà máy đã xây dựng, lắp đặt xong các thiết bị, máy móc và ngày 5-8-1947 chính thức bước vào sản xuất, vượt kế hoạch 14 ngày. Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, cán bộ, công nhân Nhà máy đã kịp thời tháo dỡ, cất giấu máy móc, thiết bị; lực lượng tự vệ của Nhà máy đã kiên cường đánh

trả, chặn đứng một mũi tấn công của quân Pháp vào khu vực Nhà máy diệt 3 tên, làm bị thương 7 tên, bảo vệ Nhà máy an toàn. Tháng 10-1953, giặc Pháp huy động máy bay ném hàng trăm quả bom xuống khu vực Nhà máy làm 16 công nhân bị chết. Cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Nhà máy không hề nao núng trước bom đạn địch, đã biến cầm thù thành hành động, ngày đi sơ tán, đêm về sản xuất, đáp ứng mọi yêu cầu về giấy phục vụ kháng chiến. Năm 1953, Nhà máy trở thành đơn vị điển hình tiên tiến của tỉnh Thái Nguyên. Năm 1954, Đảng bộ Nhà máy được tặng cờ danh dự; 18 cán bộ, công nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 23 cán bộ, công nhân đạt danh hiệu Lao động xuất sắc.

Ngày 10-4-2001, cán bộ công nhân và lực lượng tự vệ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 287/QĐ-CTN tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

II - Thời kì kháng chiến chống Mỹ (1954-1975):

1 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên:

Thành phố Thái Nguyên được thành lập theo Quyết định số 114-CP ngày 19-10-1962, của Hội đồng Chính phủ. Thành phố Thái Nguyên là tỉnh lỵ tỉnh Thái Nguyên, Thủ phủ Khu Tự trị Việt Bắc (từ năm 1956 đến năm 1978);

trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội và giáo dục - đào tạo của vùng Việt Bắc, là đầu mối giao thông quan trọng nối các tỉnh miền núi phía Bắc với thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng. Thành phố Thái Nguyên có một vị trí chiến lược rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), đặc biệt là trong thời kì trực tiếp chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ (1965 - 1975), thành phố Thái Nguyên là một trọng điểm đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ. Quân và dân thành phố Thái Nguyên phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực chiến đấu trên địa bàn bắn rơi 23 máy bay Mỹ, trong đó có chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 và 2 chiếc máy bay ném bom chiến lược B52. Trong khói lửa chiến tranh, diện của thành phố Thái Nguyên vẫn lên lưới, thép của thành phố Thái Nguyên vẫn ra lò, những cánh đồng 5 tấn của thành phố Thái Nguyên ngày một nhiều, học sinh các cấp ở thành phố Thái Nguyên vẫn đến trường ... Lớp lớp con em nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên lên đường chiến đấu có mặt ở khắp các mặt trận, lập nhiều chiến công, làm rạng danh truyền thống cách mạng của quê hương.

Ngày 22-8-1998, Chủ tịch nước đã kí Quyết định số 424/KT-CTN tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực

lượng vũ trang nhân dân” thời kì chống Mỹ cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên.

2 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Gia Sàng

Phường Gia Sàng nằm ở trung tâm thành phố Thái Nguyên. Trước năm 1985, phường Gia Sàng gọi là xã Gia Sàng.

Trong thời kì trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại (1965–1975), Gia Sàng là một trọng điểm đánh phá rất ác liệt của không quân Mỹ. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Gia Sàng đã kiên cường phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu đánh trả máy bay Mỹ; tích cực xây dựng hầm, hào công sự chiến đấu, tiếp tế đạn dược, lương thực, thực phẩm cho bộ đội; kịp thời đào bới, cứu chữa những người bị thương do bom Mỹ vùi lấp; vận chuyển và bảo vệ an toàn nhiều tài sản có giá trị lớn của Nhà nước.

Ngày 22-8-1998, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Gia Sàng đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 424/KT-CTN tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

3 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Hoàng Văn Thụ

Trong thời kì trực tiếp chống chiến tranh phá hoại (1965–1975), phường Hoàng Văn Thụ là trọng điểm đánh

phá rất ác liệt của máy bay Mỹ. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Hoàng Văn Thụ đã rất kiên cường, dũng cảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu, lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc. Trong trận chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bảy ngày 17-10-1965, toàn bộ 32/32 cán bộ, chiến sĩ Trung đội tự vệ của phường làm nhiệm vụ trực chiến trên đồi Két Nước đã chiến đấu cực kì dũng cảm, 15 đồng chí hy sinh, 17 đồng chí bị thương, nêu một tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang địa phương noi theo.

Trong chiến tranh ác liệt, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Hoàng Văn Thụ vẫn giữ vững và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho chiến trường đánh Mỹ.

Ngày 28-4-2000, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Hoàng Văn Thụ đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 160/KT-CTN tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

4 - Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Công ti gang thép Thái Nguyên.

Khu Liên hợp gang thép Thái Nguyên (nay là Công ti gang thép Thái Nguyên) được thành lập ngày 4-6-1959. Đây là khu liên hợp luyện kim đầu tiên, là con chim đầu

đàn của ngành Luyện kim nước ta trong thời kì chống Mỹ cứu nước. Trong th kì trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1972), Khu gang thép Thái Nguyên là trọng điểm đánh phá của máy bay địch. Giặc Mỹ đã tập trung máy bay và bom đạn, đánh phá huỷ diệt Khu gang thép Thái Nguyên. Chúng đã huy động tới 1.716 lần chiếc máy bay các loại (có 42 lần chiếc máy bay ném bom chiến lược B52), ném xuống Khu gang thép Thái Nguyên 2.873 quả bom phá các loại (không kể bom bi và tên lửa). Qua 115 lần trực tiếp chiến đấu với máy bay và bom đạn Mỹ, 112 cán bộ, công nhân và chiến sĩ tự vệ Khu gang thép Thái Nguyên đã hi sinh, 226 người khác bị thương. Giữ vững lời thề “Vì sự nghiệp gang thép của Tổ quốc, chúng tôi sẵn sàng đổi máu lấy thép”, Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Công ti gang thép Thái Nguyên chiến đấu và phục vụ chiến đấu rất kiên cường, dũng cảm, góp phần bắn rơi nhiều máy bay và bắt sống nhiều giặc lái Mỹ. Hơn 2.000 cán bộ, công nhân và chiến sĩ tự vệ Công ti gang thép Thái Nguyên đã hăng hái lên đường nhập ngũ, có mặt chiến đấu ở khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngày 11-6-1999, Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Công ti gang thép Thái Nguyên đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 203/KT-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

5 - Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Nhà máy điện Thái Nguyên.

Nhà máy điện Thái Nguyên khánh thành và đi vào hoạt động ngày 25-12-1963. Đây là một nhà máy nhiệt điện quan trọng của miền Bắc xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ. Trong thời kì trực tiếp chống chiến tranh phá hoại (1965-1972), Nhà máy điện Thái Nguyên là một trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ. Trong cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ nhất (1965-1968), Nhà máy điện Thái Nguyên đã hàng trăm lần bị máy bay Mỹ ném bom, bắn phá. Với tinh thần dù phải hi sinh vẫn kiên quyết giữ vững dòng điện, hàng trăm cán bộ, công nhân Nhà máy đã kiên cường bám trụ ngày, đêm vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Tuy nhiều lần máy bay Mỹ ném bom trúng Nhà máy, nhiều người bị thương, vong, nhưng Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ vẫn trụ vững bên máy. Máy móc, thiết bị bị hư hỏng, cả tập thể lãnh đạo, công nhân suốt ngày đêm sửa chữa, khắc phục. Trong những năm bom đạn ác liệt, những người công nhân Nhà máy điện Thái Nguyên là những tấm gương tiêu biểu của đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam anh hùng trong chiến đấu và sản xuất.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ tháng 4 đến tháng 12-1972), Nhà máy điện Thái Nguyên bị máy bay Mỹ đánh phá ác liệt. Đặc biệt, trong 12 ngày đêm

cuối năm 1972 (từ 18 đến 29/12). Nhà máy bị máy bay B52 Mỹ ném trúng nhiều bom, cán bộ, công nhân đã dũng cảm chiến đấu, một số người đã anh dũng hi sinh trong khi làm nhiệm vụ. Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Nhà máy điện Thái Nguyên đã tập trung khắc phục hậu quả bom B52, khôi phục sản xuất trong thời gian sớm nhất, kịp thời đưa dòng điện lên lưới, phục vụ sản xuất.

Ngày 8-11-2000, Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Nhà máy điện Thái Nguyên (nay là Điện lực tỉnh Thái Nguyên) đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

6 - Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Ty Bưu điện Thái Nguyên:

Ty Bưu điện Thái Nguyên (nay là Sở Bưu điện tỉnh Thái Nguyên) thành lập sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trên cơ sở tiếp quản "Nhà Dây thép" do người Pháp để lại.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Ty Bưu điện Thái Nguyên vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc

Mĩ. Các kênh liên lạc bằng thông tin vô tuyến, hữu tuyến phục vụ chiến đấu luôn được đảm bảo thông suốt. Hàng trăm lần máy bay Mỹ ném bom phá hỏng đường dây điện thoại, cán bộ, công nhân và lực lượng tự vệ Ty Bưu điện Thái Nguyên đã không sợ hiểm nguy, kịp thời sửa chữa đảm bảo liên lạc thông suốt. Mọi mệnh lệnh, công văn, thư từ, bưu phẩm được thu, phát, vận chuyển kịp thời, đúng địa chỉ. Đại đội tự vệ Ty Bưu điện Thái Nguyên vừa sản xuất, vừa thường trực chiến đấu, góp phần tạo lưới lửa tầm thấp bắn máy bay Mỹ. Mạng lưới bưu điện và cơ sở vật chất của ngành Bưu điện Thái Nguyên ngày càng phát triển. Hàng trăm Cán bộ, công nhân, chiến sĩ tự vệ Bưu điện Thái Nguyên đã tham gia quân đội. Nhiều cán bộ được cử sang nước bạn làm nhiệm vụ quốc tế. Đội thông tin xung kích của Bưu điện Thái Nguyên đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Ngày 8-11-2000, Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Ty Bưu điện Thái Nguyên đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 567/KT - TN tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

7 - Công an thành phố Thái Nguyên

Công an thành phố Thái Nguyên, tiền thân là Công an thị xã Thái Nguyên, được thành lập sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Công an thành phố Thái Nguyên là lực lượng nòng cốt, tin cậy của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Cán bộ, chiến sĩ Công an thành phố Thái Nguyên đã trực tiếp chiến đấu nhiều trận với máy bay Mỹ. Không sợ hi sinh, gian khổ, cán bộ, chiến sĩ Công an thành phố Thái Nguyên đã luôn có mặt tại các khu vực bị máy bay Mỹ đánh phá để giữ gìn trật tự trị an và cứu chữa đồng bào bị thương vì bom đạn Mỹ. Nhiều cán bộ, chiến sĩ của Công an Thành phố đã xung phong vào chiến trường miền Nam chiến đấu và công tác.

Ngày 22-7-1998, cán bộ, chiến sĩ Công an thành phố Thái Nguyên đã được Chủ tịch nước kí Quyết định tuyên dương danh hiệu đơn vị “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

8 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Quan Triều:

Phường Quan Triều nằm ở Trung tâm Khu Bắc thành phố Thái Nguyên. Trong thời kì trực tiếp chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, trên địa bàn Quan Triều có Nhà máy điện Thái Nguyên, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, ga Quan Triều (nơi tiếp nhận và trung chuyển hàng hoá, vũ khí) và nhiều trận địa phòng không của bộ đội và dân quân, tự vệ.

Chính vì vậy, Quan Triều đã trở thành trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ. Trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân (1965-1968 và 1972), giặc Mỹ đã huy động máy bay ném xuống Quan Triều 37.250 quả bom phá, bom từ trường, bom bi, bom nổ chậm. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Quan Triều đã trực tiếp phục vụ chiến đấu và chiến đấu với máy bay Mỹ trên 100 trận, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ xây dựng công sự, trận địa chiến đấu; cứu chữa thương binh, tiếp lương, tải đạn; giữ vững và phát triển sản xuất. Trong 10 năm trực tiếp chiến đấu chống Mỹ cứu nước (1965-1975), Quan Triều đã có trên 400 người nhập ngũ (chiếm tỉ lệ trên 14% so với dân số), (có 43 người hi sinh được công nhận là liệt sĩ, 42 người bị thương được công nhận là thương binh). Hàng năm, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân Quan Triều đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Quan Triều đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 634/2005/QĐ - CTN tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

9- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Phú Xá:

Phường Phú Xá được thành lập từ năm 1981 trên cơ sở sáp nhập xóm Phú Mĩ (xã Gia Sàng) và xóm Lưu Xá

(xã Cam Giá). Phường Phú Xá nằm ở vùng phía nam thành phố Thái Nguyên, có diện tích tự nhiên 4,2 km². Trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại (1965–1968 và 1972), Phú Xá là trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ. Giặc Mỹ đã huy động máy bay đánh phá địa bàn Phú Xá 53 trận (có 6 trận đánh phá vào ban đêm). Tất cả các xóm của Phú Xá đều bị máy bay Mỹ đánh đi, đánh lại rất nhiều lần; 50% ruộng đất canh tác của Phú Xá bị bom Mỹ tàn phá. Trong đạn, bom ác liệt, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Phú Xá đã vừa kiên cường bám xóm, bám ruộng đồng để sản xuất, vừa làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Lực lượng dân quân Phú Xá đã cùng với lực lượng công an, bảo vệ và giữ vững an ninh, trật tự xã hội, bảo vệ an toàn các cụm kho lớn trên địa bàn (Bãi kho Lưu Xá, Tổng kho Hoá Trường, Tổng kho Gang thép, các kho lương thực Lưu Xá và Tích Lương). Trong các trận chiến đấu với máy bay Mỹ, lực lượng vũ trang Phú Xá đã làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Nhân dân Phú Xá đã đóng góp, ủng hộ bộ đội hàng nghìn cây tre, hàng ngàn ngày công làm đường, kéo pháo, nguy trang trận địa, làm nhà kho chứa vũ khí, đạn dược, giải toả hàng hoá ở ga Lưu Xá. Trong 10 năm trực tiếp chống Mỹ, cứu nước (1965-1975), Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân Phú Xá đã động viên được 539 người gia nhập Lực lượng vũ trang, có 42 người hi sinh và 22 người bị thương ở ngoài các mặt trận. Nhân

dân Phú Xá đã làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm cho Nhà nước 630 tấn thóc, 35 tấn thịt, 10 tấn đỗ, lạc, 3.690 tấn rau xanh, ủng hộ đồng bào miền Nam 16 tấn thóc.

Ngày 24-6-2005, Chủ tịch nước đã kí Quyết định số 634/2005/QĐ-CTN tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Phú Xá.

10 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Cam Giá:

Phường Cam Giá nằm ở vùng phía nam thành phố Thái Nguyên. Trên địa bàn phường có đê sông Cầu, đập Thác Huống, cầu Trà Vườn, đường sắt Kép - Lưu Xá, đường sắt Lưu Xá - Trại Cau và Khu Liên hợp gang thép Thái Nguyên. Trong những năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965-1975), trên địa bàn phường Cam Giá còn có 12 trận địa phòng không của bộ đội và dân quân, tự vệ. Chính vì vậy trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, đế quốc Mỹ đã huy động 1.700 lần chiếc máy bay, có 12 lần chiếc máy bay ném bom chiến lược B52, ném xuống địa bàn Cam Giá: 1833 quả bom phá, làm chết 24 người, 1 bị thương 28 người, sát hại 69 con trâu, bò và phá huỷ 127 ngôi nhà. Qua 115 trận trực tiếp đương đầu với máy bay và bom đạn Mỹ, Nhân dân và lực lượng vũ trang phường Cam Giá đã tỏ ra rất kiên

cường, dũng cảm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất. Toàn phường có 753 người gia nhập lực lượng vũ trang, trong đó có 123 người hi sinh và 59 người bị thương ở các chiến trường. Hàng năm, nhân dân và lực lượng vũ trang Cam Giá đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Cam Giá đã được Chủ tịch nước ký Quyết định số 634/2005/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

11 - Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Quyết Thắng:

Xã Quyết thắng nằm ở vùng phía tây thành phố Thái Nguyên. Trong thời kì chống Mỹ cứu nước, xã Quyết Thắng thuộc huyện Đồng Hỷ. Trong những năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965–1975), bình quân mỗi năm nhân dân xã Quyết Thắng làm nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước được 290 tấn lương thực, 30 tấn thịt lợn hơi, 5 tấn gà vịt. Về lương thực, có năm mức đóng góp của xã chiếm tới 25% chỉ tiêu của cả huyện Đồng Hỷ. Ngoài ra, nhân dân trong xã còn đóng góp cho Nhà nước hàng tấn gạo thu từ các hũ gạo tiết kiệm của các gia đình. Toàn xã có 697 người gia nhập lực

lượng vũ trang (có 141 người hi sinh và 148 người bị thương ở các chiến trường). Lực lượng dân quân của xã có 3 trung đội trực chiến phòng không ở các trận địa suốt ngày đêm, 1 trung đội dân quân cơ động của huyện Đồng Hỷ và 4 trung đội dân quân vừa sản xuất, vừa phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Nhân dân trong xã đã đóng góp hàng vạn ngày công, hàng vạn cây tre làm hầm, hào, công sự chiến đấu, làm lán trại cho bộ đội. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Quyết Thắng đã tỏ ra rất kiên cường dũng cảm.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Quyết Thắng đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 634/2005/QĐ- CTN tặng thưởng danh hiệu cao quý “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

12 - Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Xí nghiệp Than Khánh Hoà:

Xí nghiệp Than Khánh Hoà có tiền thân là Công trường Tân Thành được thành lập ngày 24-9-1949; năm 1954 đổi tên là Mỏ than Quan Triều; năm 1966 đổi tên là Mỏ than Khánh Hoà, nay là Xí nghiệp Than Khánh Hoà. Xí nghiệp Than Khánh Hoà thuộc Công ti Than Nội địa (Tổng Công ti Than Việt Nam), nằm trên địa bàn xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên. Trong 10 năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước, Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự

vệ Xí nghiệp đã hoàn thành đặc biệt xuất sắc các nhiệm vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của địch. Trong cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968), cán bộ, công nhân lực lượng tự vệ Xí nghiệp than Khánh Hoà đã trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu 27 trận, góp phần bắn rơi 1 máy bay Mỹ. Máy bay Mỹ ném bom vào khu vực Nhà trẻ của Xí nghiệp, 3 cô nuôi dạy trẻ của Xí nghiệp đã dũng cảm lần lượt bế 30 cháu nhỏ xuống hầm an toàn. Trong chiến đấu, đồng chí Đinh Văn Thân (tự vệ của Xí nghiệp) đã lấy vai làm giá súng cho đồng đội bắn máy bay Mỹ. Vượt lên trên bom đạn do máy bay Mỹ đánh phá, Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ của Xí nghiệp đã giữ vững và phát triển sản xuất. Năm 1966, Xí nghiệp hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, lực lượng tự vệ của Xí nghiệp được Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc tặng Bằng khen. Trong thời kì khôi phục sản xuất và chống chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ hai của đế quốc Mỹ, Cán bộ, công nhân, Lực lượng tự vệ Xí nghiệp đã kiên cường bám trụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu, được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái khẳng định trong Thông báo ngày 11-10-1972 là : “công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức sản xuất phù hợp với thời chiến, có kế hoạch phòng, tránh cụ thể cho công

nhân, nên đã hạn chế được thiệt hại do bom, đạn địch gây ra”. Hằng năm, Xí nghiệp than Khánh Hoà đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Xí nghiệp đã điều 12 xe ô tô và 24 chiến sĩ tự vệ lái xe ô tô vận chuyển hàng hoá, vũ khí từ Vĩnh Phúc vào Quảng Bình, chi viện cho chiến trường miền Nam và kéo pháo cao xạ 100 li cho Trung đoàn 256 di chuyển từ Cam Giá lên Túc Duyên. Trong 10 năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước, Xí nghiệp đã huy động được 220 người vào bộ đội, có 50 người đã hi sinh trên các chiến trường được công nhận là liệt sĩ.

Ngày 24-6-2005, Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Xí nghiệp Than Khánh Hoà đã được Chủ tịch nước kì Quyết định số 634/2005/QĐ - CTN, tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

13- Cán bộ, giáo viên, học sinh và Lực lượng tự vệ Trường công nhân Bưu điện miền núi:

Trường công nhân Bưu điện miền núi, tiền thân là Trường trung học Bưu điện Truyền thanh Việt Bắc thành lập ngày 26-5-1965.

Trong 10 năm trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965-1975), Nhà trường đã đào tạo được 3.165 học sinh đảm bảo tốt nghiệp 97% (có 41% đạt khá, giỏi). Ngoài ra, Nhà

trường còn đào tạo cho các tỉnh Tây Nguyên và nước bạn Lào trên 500 cán bộ và công nhân. Nhà trường có trên 85% giáo viên dạy khá và giỏi, hoàn thành trên 60 đề tài nghiên cứu khoa học. Cán bộ, giáo viên, học sinh và lực lượng tự vệ của Nhà trường đã trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ các đơn vị bộ đội tên lửa, cao xạ chiến đấu đánh trả máy bay Mỹ gần 200 trận; đóng góp trên 1.500 ngày công, đào đắp gần 2.000 m³ đất đá, san lấp hố bom, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến; tham gia gần 900 ngày công làm đường phục vụ nhiệm vụ quân sự. 100% cán bộ, giáo viên, học sinh Nhà trường viết đơn tình nguyện Nhập ngũ, có 121 người đã lên đường đánh Mỹ, trong đó 7 người đã anh dũng hi sinh ở chiến trường được công nhận là liệt sĩ; gần 600 học sinh tốt nghiệp khoá 3 (1967-1970) và khoá 4 (1968-1972) đã xung phong vào làm nhiệm vụ bảo đảm thông tin liên lạc ở các tuyến lửa Quảng Bình, Vĩnh Linh và Quảng Trị. Nhà trường đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng Ba.

Ngày 24-6-2005, Cán bộ, giáo viên học sinh và Lực lượng tự vệ Trường công nhân Bưu điện miền núi đã được Chủ tịch nước kí Quyết định số 634/2005/QĐ - CTN, tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

B - CÁ NHÂN

1 - Đồng chí Đàm Văn Ngụy (Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Pháp): Sinh ngày 1-5-1928, dân tộc Tày, quê ở xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; trú quán tại khu dân cư Mỏ Bạch, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; được tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” ngày 7-5-1956.

2 - Đồng chí Hoàng Văn Nghiên (Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước): Sinh năm 1939, dân tộc Nùng; quê ở xã Ngũ Lão, huyện Hoà An (nay là phường Sông Bằng, thị xã Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng; trú quán tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; được tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” ngày 1-1-1967.

3 - Đồng chí Phạm Viết Đức (Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước): Sinh tháng 6-1936, dân tộc Kinh, quê ở xã Hoàng Kiêm, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá; trú quán tại tổ 3, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái

Nguyên; được tuyên dương “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” ngày 1-10-1971.

4 - Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhất (Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kì đổi mới): sinh ngày 21-8-1958 quê xã Bình Sơn, thị xã Sông Công; gia đình trú tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; hi sinh ngày 4-12-1991; trước khi hi sinh là cán bộ phòng Cảnh sát Hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên; được tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” ngày 22-7-1998.

PHỤ LỤC 2:

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

1 - Mẹ Đàm Thị Thìn, sinh năm 1910, đã từ trần; quê và trú quán xã Thịnh Đán (nay là xã Quyết Thắng), thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có 3 con hi sinh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ là: liệt sĩ Hà Văn Hoạt, Hà Minh Thông, Hà Minh Lịch.

Ngày 24-4-1995, mẹ Đàm Thị Thìn được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

2 - Mẹ Trần Thị Tý, sinh năm 1914, đã từ trần năm 1989; quê quán huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; gia đình trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; có 3 con hi sinh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là các liệt sĩ Lương Hữu Bản, Lương Ngọc Dân, Lương Xuân Hải.

Ngày 24-4-1995, mẹ Trần Thị Tý được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **3 - Mẹ Nguyễn Thị Vân**, sinh năm 1911, từ trần năm 1971; quê quán xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội; gia đình trú quán phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có hai con và cả hai con đều hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là liệt sĩ Nguyễn Đăng Hải và liệt sĩ Nguyễn Nam Giang.

Ngày 24-4-1995, mẹ Nguyễn Thị Vân được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

4 - Mẹ Trần Thị Bẩy, sinh năm 1909; quê quán tỉnh Nam Định; trú quán tại xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Vũ Đức Lũy hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1995, mẹ Trần Thị Bẩy được Chủ tịch nước kí quyết định phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **5 - Mẹ Lê Thị Bốn**, sinh năm 1902, từ trần năm 1964; quê xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội; trú tại xã Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Ngô Doanh Toàn hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1995, mẹ Lê Thị Bốn được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **6 - Mẹ Nguyễn Thị Cải**, sinh năm 1911, từ trần ngày 30-6-1986; quê quán tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xóm An Ninh, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Ngọc Sấn hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1995, mẹ Nguyễn Thị Cải được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **7 - Mẹ Lê Thị Chắt**, quê xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội; gia đình trú tại xã Tích Lương, thành phố Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Lê Tuấn Kỳ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1995, mẹ Lê Thị Chắt được Chủ tịch nước kí quyết định phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **8 - Mẹ Ngô Thị Chén**, sinh năm 1908, từ trần năm 1994; quê quán xã Xuân Trường, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định; trú quán xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con là liệt sĩ Trần Thanh Thủy hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1995, mẹ Ngô Thị Chén được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **9 - Mẹ Hoàng Thị Đăng**, sinh năm 1917, từ trần năm 2003; quê quán, trú quán xã Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Bá Ngọc, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1995, mẹ Hoàng Thị Đăng được Chủ tịch nước kí quyết định phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **10 - Mẹ Nguyễn Thị Hứa**, sinh năm 1900, từ trần năm 1986; quê quán xã An Đông, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình; trú quán phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Doãn Công Cảnh, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 24-4-1995 mẹ Nguyễn Thị Hứa được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **11 - Mẹ Nguyễn Thị Ngoại**, sinh năm 1929, từ trần năm 1969; quê quán, trú quán phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Vượng hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1995, mẹ Nguyễn Thị Ngoại được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **12 - Mẹ Nguyễn Thị Sáu**, sinh năm 1911, từ trần năm 1991; quê quán xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; trú quán xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Trần Minh Khôi hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1995, mẹ Nguyễn Thị Sáu được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **13 - Mẹ Nguyễn Thị Thục**, sinh năm 1922; quê quán thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ; trú quán phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất (con nuôi) là liệt sĩ Nguyễn Đức Lộc hi sinh trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới (tháng 2-1979).

Ngày 24-4-1995, mẹ Nguyễn Thị Thục được Chủ tịch nước kí quyết định phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **14 - Mẹ Nguyễn Thị Bình**, sinh năm 1900, từ trần năm 1988; quê quán, trú quán phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Sửu hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 24-4-1996, mẹ Nguyễn Thị Bình được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

15 - Mẹ Phạm Thị Hải, sinh năm 1915, từ trần năm 1990; quê quán huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây; trú quán phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Trần Đăng Ngọc hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1996, mẹ Phạm Thị Hải được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **16 - Mẹ Nguyễn Thị Nuôi**, sinh năm 1903, từ trần năm 1981; quê quán huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; trú quán phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thiệu hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 24-4-1996, mẹ Nguyễn Thị Nuôi được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **17 - Mẹ Đồng Thị Rõ**, sinh năm 1911, trần năm 1946; quê xã Yên Hồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; trú quán phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Đồng Văn Ky hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 24-4-1996 mẹ Đồng Thị Rõ được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **18 - Mẹ Nguyễn Thị Tập**, sinh năm 1929, từ trần năm 1964; quê quán xã Liên Bảo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh; trú quán phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Mạnh Hà hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-4-1996, mẹ Nguyễn Thị Tập được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **19 - Mẹ Phạm Thị Gái**, sinh năm 1910, từ trần năm 1984; quê quán xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Thọ hi sinh trong thời kì kháng chiến chống Pháp tại chiến trường Lào.

Ngày 23-7-1997, mẹ Phạm Thị Gái được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

✓ **20 - Mẹ Hoàng Thị Dần**, sinh năm 1924; quê quán xã Thượng Kiêm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Văn Minh hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 17-12-2002, mẹ Nguyễn Thị Dân được Chủ tịch nước kí quyết định phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

21 -Mẹ Nguyễn Thị Thuộc, sinh năm 1908, từ trần năm 1979; quê quán phường Túc Duyên, trú quán xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Tiến Thắng, hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Ngày 23-8-2006, mẹ Nguyễn Thị Thuộc được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

22 -Mẹ Nguyễn Thị Thư, sinh năm 1905, từ trần năm 1988; quê quán xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; trú quán phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất (con nuôi) là liệt sĩ Đỗ Ngọc Kha hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Ngày 23-8-2006, mẹ Nguyễn Thị Thư được Chủ tịch nước kí quyết định truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

PHỤ LỤC 3:

**I - CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY
QUÂN SỰ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

1953 - 2007



1 - Đồng chí Vũ Đình Khuy, sinh năm 1928; quê xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam; trú tại phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1945; nhập ngũ tháng 1-1947; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 12-10-1960; từ năm 1947 là học viên Trường Quân chính Liên khu I, Trung đội trưởng, Đại đội phó bộ đội địa phương tỉnh Thái Nguyên; từ năm 1953 là Thị đội trưởng Thị đội Thái Nguyên; từ năm 1954 là Đại đội phó thuộc Quân khu Việt Bắc; từ năm 1956 là Thị đội trưởng Thị đội Thái Nguyên; từ năm 1957 là học viên Trường Lục quân, Trưởng các ban Động viên, Tác huấn, Tiểu đoàn trưởng thuộc Bộ Tư lệnh B3; từ tháng 8- 1972 đến năm 1973 là Thành đội trưởng Thành đội Thái Nguyên; từ năm 1974 là Đội trưởng Đội Huấn luyện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc

Thái, Trưởng ban Quân lực Sư đoàn 344, Đoàn phó Đoàn Huấn luyện Sư đoàn 344 – Binh đoàn 12; từ tháng 1-1981, nghỉ hưu, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 1 Huân chương Quân công hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



2 - Đồng chí Nguyễn Tất Hạch, sinh năm 1920; quê xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 20-6-1947; nhập ngũ ngày 17-8-1945; từ tháng 8-1945 là Ủy viên quân sự

Ủy ban hành chính xã Phủ Liễn; từ tháng 11-1947 là Chính trị viên Trung đội du kích tập trung, Chính trị viên Đại đội 224 bộ đội địa phương huyện Phú Bình; từ năm 1954 đến năm 1955 và từ năm 1958 đến năm 1961 là Thị đội trưởng Thị đội Thái Nguyên; từ tháng 7-1961 là Phó Chủ tịch, Chủ tịch Ủy ban hành chính Thị xã và Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Thái Nguyên; Phó ban Ngoại vụ, Hiệu phó Trường Nghiệp vụ tỉnh Bắc Thái; sau đó nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì; 2 Huân chương Kháng chiến (1 hạng Nhì, 1 hạng Ba).

3 - Đồng chí Đặng Đức Thuyết, Chính trị viên Thị đội Thái Nguyên (1958 – 1962), Chính trị viên phó Thành đội Thái Nguyên (1963).



4- Đồng chí Đỗ Thắng (đã từ trần), sinh năm 1927; quê xã Chung Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; gia đình trú tại xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 5-1946; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10-1947; từ tháng 5-1946 là Chiến sĩ, Trung đội trưởng, Trưởng các ban Quân báo, Tác chiến, Huấn luyện và Đại đội trưởng các đại đội 21, 91; năm 1957 và từ năm 1962 là Thị đội trưởng; từ năm 1963 là Thành đội phó Thành đội Thái Nguyên; từ năm 1967 là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 68 C đi B; từ năm 1973 là Thành đội trưởng Thành đội Thái Nguyên; từ tháng 3-1979 là Tham mưu phó Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 01-1984, nghỉ hưu, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba ; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 1 Huân chương Quân công hạng Ba, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.



5 - Đồng chí Triệu Kỳ Phay, (tên thật là Triệu Văn Bai) sinh năm 1915; quê xã Hồng Sơn, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn; trú tại xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 8-1938; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 3-1940; nhập ngũ tháng 12-1944; từ

tháng 12-1944 là Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng, Trợ lý Tác chiến thuộc các Trung đoàn 72, 74, và các Sư đoàn 367, 320, Quân khu Tả Ngạn; từ năm 1963 là Thành đội trưởng Thành đội Thái Nguyên; từ năm 1966 là Chỉ huy phó Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ năm 1974 là sĩ quan biệt phái làm Bí thư Huyện uỷ Võ Nhai; từ năm 1978, nghỉ hưu; cấp bậc Trung tá (4-1976); đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 hạng Nhất, 1 hạng Nhì, 1 hạng Ba); 1 Huân chương Quân công hạng Nhì; 1 Huân chương Độc lập hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhất; Huy chương Quân kì Quyết thắng; 1 Bằng có công với nước.

6 - Đồng chí Nguyễn Văn Mão, sinh năm 1924; quê xã Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái



Nguyên); gia đình trú tại xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10-1949; nhập ngũ tháng 4-1950; từ năm 1950 là: cán bộ chính trị tỉnh đội Hà Giang; từ tháng 2-1960 là Trợ lý, Trưởng tiểu ban Tổ chức – Ban Chính trị tỉnh đội Thái Nguyên; từ tháng 2-1964 là Chính trị viên phó Thành đội Thái Nguyên; từ tháng 10-1971 nghỉ hưu, cấp bậc Thượng úy; từ trần ngày 23-6-2003 (tức 24-5 Quý Mùi); đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 2 Huy hiệu 40 năm và 50 năm tuổi Đảng.

7 - Đồng chí Nguyễn Tế Hồng (đã từ trần), sinh năm 1923; quê quán và trú quán của gia đình xã Hưng Đạo, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 14-12-1947; nhập ngũ tháng 6-1945; từ tháng 1-1948 là Trung đội phó, Xã đội trưởng, Huyện đội trưởng thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; cán bộ khung Trường Chu Văn Tấn; từ tháng 6-1956 là Trợ lý Tham



mu, Trợ lý Cán bộ, Phó chủ nhiệm Chính trị Tỉnh đội Thái Nguyên; từ tháng 3-1963 đến tháng 8-1971 là Chính trị viên Thành đội Thái Nguyên; từ tháng 9-1971 là Phó Chính uỷ Đoàn 222 và Phó Chính uỷ Sư đoàn 411; từ tháng 6-1979 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Quân công hạng Ba; 1 Huy chương Kháng chiến hạng Nhất.

8 - Đồng chí Nông Ngọc Bảo,

sinh năm 1927, quê tỉnh Lạng Sơn; gia đình trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 6-10-1965; nhập ngũ tháng 8-1945; từ tháng 8-1945 là Chiến sĩ, Tiểu đội phó, Trung đội phó, Cán



sự chính trị Tiểu đoàn; Học viên Trường Chu Văn Tấn; Trung đội trưởng, Trợ lý Doanh trại, Trợ lý Quân huấn (Quân khu Việt Bắc); từ tháng 9-1966 là Thành đội phó Thành đội Thái Nguyên; từ tháng 11-1971 là Đoàn phó Đoàn Kiểm tra chính sách hậu phương quân đội thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 11-1980 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).

9 - Đồng chí Hoàng Nam Thành, sinh năm 1927; quê xã Hưng Đạo, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; gia đình trú tại xã Diêm Mặc, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1-1958; nhập ngũ năm tháng 8-1945; từ tháng 8-1945 là Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó, Trung đội trưởng; từ năm 1956 là Huyện đội phó Huyện đội Bắc Hà (Lào Cai); từ năm 1966 là cán bộ phòng Đối ngoại Quân khu Việt Bắc; từ tháng 5-1967 là Thành đội trưởng Thành đội Thái Nguyên; từ trần ngày 9-7-1972; cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).



10 - Đồng chí Nguyễn Văn Sửu, quê xã Thượng Phú, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây; gia đình trú tại phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái nguyên.; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 1-12-1950; nhập ngũ ngày 1-4-1947; từ tháng 4-1947 là Chiến sĩ, Học viên Trường sĩ quan Lục quân tại Trung Quốc; từ năm 1954 là cán bộ thuộc các tỉnh đội Thái Nguyên (Bắc Thái); từ năm 1968 là Thành đội phó Thành đội Thái Nguyên; từ năm 1975 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 1

Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba);

11 - Đồng chí Vũ Văn Thân,

sinh năm 1932; quê xã Tân Quang, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng; trú tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10-1958; nhập ngũ ngày 8-7-1953; từ tháng 7-1953 là Chiến sĩ, Trung đội trưởng, Chính trị viên Đại đội thuộc các



đơn vị Sư đoàn 367 và Trung đoàn 238 (Quân chủng Phòng không - Không quân); Học viên Học viện Chính trị; từ tháng 7-1968 là Chính trị viên phó Tiểu đoàn 68C, Chỉ huy phó Thành đội Thái Nguyên (Tỉnh đội Bắc Thái); từ tháng 12-1971 là Chính trị viên Tiểu đoàn, Phó chủ nhiệm Chính trị, Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 254 – Quân khu I, Phó Chính uỷ, Chính uỷ Trung đoàn, Chủ nhiệm Chính trị Sư đoàn thuộc Quân khu II; từ tháng 10-1976 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Quân công hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

12 - Đồng chí Hoàng Công Tá, sinh năm 1922; quê quán và trú quán của gia đình: xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ 2-3-1945; đảng viên



Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 15-11-1947; từ tháng 3-1945 là chiến sĩ, tiểu đội trưởng, trung đội phó, trung đội trưởng, đại đội phó, đại đội trưởng; từ tháng 4-1947 là Huyện đội phó Huyện đội Võ Nhai; từ năm 1951 là Huyện đội trưởng kiêm Đại đội trưởng Đại đội 272 bộ đội địa phương Võ Nhai; từ năm 1954 là Đội phó Đội giảm tô và cải cách ruộng đất; Trưởng ban Cán bộ Tỉnh đội Thái Nguyên; từ tháng 3-1962 là Chính trị viên Huyện đội Võ Nhai; từ tháng 11-1967 là Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Chính trị Tỉnh đội Bắc Thái; từ tháng 10-1971 là Chính trị viên Thành đội Thái Nguyên; từ tháng 6-1974 là Phó Bí thư Huyện uỷ Võ Nhai; từ năm 1976 nghỉ hưu; từ trần tháng 2-1987; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).

13 - Đồng chí Đặng Văn Mai, sinh ngày 15-6-1925; quê quán, trú quán xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 8-1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 29-11-1949; nhập ngũ ngày 1-5-1951; từ tháng 5-1951 là Chính trị viên phó Đại đội, Chính trị viên Đại đội, cán bộ chính trị trong các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh Thái Nguyên; Học viên

Trường Chu Văn Tấn; từ tháng 6-1958 là Học viên Trường Sĩ quan Lục quân, Trợ lý cán bộ, Trưởng tiểu ban cán bộ Trung đoàn; Trưởng ban cán bộ Sư đoàn, Chính trị viên Tiểu đoàn, Phó ban Chính sách Sư đoàn 304; từ tháng 7-1971 là Chính trị viên phó, từ tháng 3-1974 là Chính trị viên Thành đội



Thái Nguyên; từ tháng 6-1976 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba);

14 - Đồng chí Phùng Đức Nự, sinh năm 1929, dân tộc Tày; quê xã Đồng Thịnh, huyện Định Hoá; trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 3-1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 15-5-1950; nhập ngũ tháng 2-1947, xuất ngũ tháng 9-1949, tái ngũ tháng 02-1951; từ tháng 3-1945 là Bí thư Đoàn Thanh niên Cứu quốc xã Đồng Thịnh (huyện Định Hoá); từ



tháng 2-1947 là Chiến sĩ văn thư đại đội; cán bộ tổ chức, chính sách tỉnh đội, Chính trị viên phó Tiểu đoàn, cán bộ chuyên gia quân sự tại Lào; từ tháng 11-1975 là Chính trị viên Thành đội, từ tháng 3-1979 là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 1-1985 nghỉ hưu, cấp bậc Đại tá; đã được tặng thưởng; 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Quân công hạng Nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 2 Huân chương Tự do Lào...

15 - Đồng chí Hà Trịnh, sinh năm 1939; quê quán và trú quán phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ 1-1-1961; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 15-10-1966; nhập ngũ tháng 4-1963: từ tháng 1-1961 là công nhân Nhà máy Điện Thái Nguyên; từ tháng 4-1963 là Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội trưởng thuộc Sư đoàn 312; Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng thuộc Sư đoàn 7; từ năm 1970 là Huyện đội trưởng huyện đội Đầm Bu (Campuchia), Đoàn trưởng Đoàn 210; từ tháng 10-1975 là Chính trị viên phó Thành đội Thái Nguyên; từ tháng 1-1978 là Phó ban Tổ chức,



Phòng Chính trị, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Trợ lý Phòng Tổ chức - Cục Chính trị Quân khu I; từ tháng 4-1981 là Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 7-1987 nghỉ hưu, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 2 Huân chương Chiến công giải phóng (1 Nhì, 1 Ba); 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

16 - Đồng chí Nông Văn

Lương, sinh năm 1929; dân tộc Tày; quê xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai; gia đình trú tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng ngày 19-3-1946; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 22-12-



1948; từ tháng 3-1946 là thiếu sinh quân, Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó, Trung đội trưởng thuộc Đại đội 272 bộ đội địa phương huyện Võ Nhai và Trung đoàn 246; vệ sĩ cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp; từ tháng 8-1958 là học viên các trường Văn hoá và Quân chính Quân khu Việt Bắc; Huyện đội phó Huyện đội Bạch Thông (Tỉnh đội Bắc Kạn); Đoàn trưởng Đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào; từ tháng 6-1975 là Chỉ huy phó Ban

chỉ huy quân sự Thành phố Thái Nguyên; từ tháng 8-1979 là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Võ Nhai; từ tháng 1-1984 nghỉ hưu, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Quân công hạng Nhất; 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huân chương Quân giải phóng Lào; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

17 - Đồng chí Lưu Văn Mục,

sinh năm 1930; quê quán và trú quán xã Cải Đan, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 3-1956; nhập ngũ ngày 13-9-1949; từ tháng 9-1949 là Chiến sĩ, Tiểu đội phó, Tiểu đội trưởng, từ tháng 5-1952 là học viên Trường Chu Văn Tấn, Trung đội phó, Trung đội trưởng tại các đơn vị ở Quảng Yên và khu Hồng Quảng; từ tháng 5-1958 là học viên bổ túc Trường quân chính Quân khu Tả Ngạn, Trợ lý cán bộ Tỉnh đội Quảng Ninh và Quân khu Đông Bắc, Trưởng ban Cán bộ - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ninh, Chính trị viên Tiểu đoàn thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực; từ tháng 10-1977 là Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 12-1983, nghỉ hưu, cấp bậc Thiếu tá; đã được



tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 2 Huân chương Chiến sỹ giải phóng (1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Chiến công hạng Ba.

18 - Đồng chí Đặng Tuấn

Ngân, sinh tháng 7-1932; quê xã Đồng Tiến, trú tại thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 20-7-1957; nhập ngũ tháng 10-1949; từ tháng 10-1949 là học sinh thiếu sinh quân, cán bộ Văn phòng Huyện uỷ Phổ Yên, cán bộ Văn phòng Tỉnh uỷ Thái Nguyên, cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Hưng Yên, cán bộ Ban Tổ chức Huyện uỷ Đồng Hỷ, Bí thư huyện Đoàn Đồng Hỷ; từ tháng 4-1965 là Trợ lý bảo vệ, Chính trị viên phó Đại đội thuộc Trường quân chính Quân khu Việt Bắc; Chính trị viên phó Huyện đội Phú Bình, tỉnh Bắc Thái; Chính trị viên phó Tiểu đoàn thuộc Mặt trận B5; từ tháng 7-1974 là Chính trị viên phó Thành đội Thái Nguyên; từ tháng 5-1975 là học viên Học viện Chính trị; Trưởng ban Tuyên huấn Phòng Chính trị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 3-1979 là Chính trị viên, từ tháng 10-1980 là Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên.; từ tháng 1981 là Trưởng ban Khoa học



quân sự – Phòng Tham mưu - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ năm 1982 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhất; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

19 - Đồng chí Nguyễn Trọng Lệ, sinh tháng 10-1935; quê quán, trú quán xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8-1960; nhập ngũ ngày 15-1-1950; từ tháng 1-1950 là Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng bộ đội địa phương Huyện đội Đa Phúc và Tỉnh đội Vĩnh Phúc; Học viên Trường Chu Văn Tấn, Trợ lý tham mưu thuộc Tỉnh đội Vĩnh Phúc, Tiểu đoàn phó thuộc Sư đoàn 312; Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương; từ tháng 10-1979 là Thành đội phó Thành đội Thái Nguyên; từ tháng 1-1985 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Quân công hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; 1 Huy chương Chiến thắng hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).



20 - Đồng chí Phạm Đại

Bằng, sinh ngày 19-4-1930; quê quán xã Đức Thắng, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội; gia đình trú tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên; nhập ngũ ngày 1-1-1950; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 15-9-1956;



từ tháng 1-1950 là Chiến sĩ, Trung đội phó, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng; cán bộ chuyên gia quân sự tại Lào; Trưởng ban Tác huấn Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Trung đoàn phó; từ tháng 6-1979 là Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 2-1982 là Tham mưu phó kiêm Trưởng ban Khoa học quân sự – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 5-1985 là Giáo viên, Phó chủ nhiệm lớp quân sự địa phương – Học viện Quân sự cấp cao (nay là Học viện Quốc phòng); từ tháng 7-1990 nghỉ hưu, cấp bậc Đại tá; từ trần ngày 25-8-2001; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).

21 - Đồng chí Lê Xuân Lộc, sinh năm 1944; quê xã Nhả Lộng, huyện Phú Bình, trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng

viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 20-7-1969; nhập ngũ ngày 4-7-1963; từ tháng 7-1963 là Chiến sĩ Sư đoàn 312, Học viên Trường sĩ quan Thông tin; Trung đội phó, Trung đội trưởng, Đại đội phó thuộc Sư đoàn 335 (Lào); Giáo viên quân sự, Cán bộ Trường Sĩ quan Lục quân I; Giáo viên Trường quân chính Quân khu I; từ tháng 8-1983 là cán bộ Ban Dân quân – Phòng Tham mưu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 7-1987 nghỉ hưu, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.



22 - Đồng chí Lê Quang Khải, sinh năm 1936; quê xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây; gia đình trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 7-1962; nhập ngũ tháng 4-1964; từ tháng 4-1964 là Chiến sĩ, Trung đội phó, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó thuộc các đơn vị trong Đoàn 559; Tiểu đoàn trưởng, Trưởng ban Tác chiến Sư đoàn pháo cao xạ 367 (thuộc Quân chủng Phòng không -

Không quân), từ cuối năm 1980 là Chỉ huy phó động viên tuyển quân; từ tháng 2-1982 là Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng; từ năm 1985 là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 10-1988 nghỉ hưu, cấp bậc Đại tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



23 - Đồng chí Nguyễn Tiên Phong, sinh ngày 13-10-1943; quê quán, trú quán xã Trung Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 11-1966, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 17-5-1967; nguyên Đội viên Đội 91 Thanh niên xung phong thuộc Tỉnh Đoàn Bắc Thái, Tiểu đội trưởng Đoàn 250; Trung đội trưởng, Chính trị viên phó Đại đội thuộc Sư đoàn 2; Chính trị viên phó Đại đội thuộc Đoàn An dưỡng Quân khu Việt Bắc, Trợ lý Ban Chính sách (Phòng Chính trị - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái), Chỉ huy phó các Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên



(1984 – 1985) và thị xã Sông Công (1985 – 1987); đã nghỉ hưu năm 1987; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương kháng chiến hạng Ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (Nhất, Nhì, Ba), Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.

24 - Đồng chí Phạm Văn Quang, sinh ngày 26-5-1947; quê xã Tân Quang, thị xã Sông Công; gia đình trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 19-9-1967; nhập ngũ ngày 2-2-1966; từ tháng 2-1966 là Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trợ lý Quân nhu Tiểu đoàn, Trợ lý Quân nhu Trung đoàn, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng; từ năm 1985 đến năm 1992 là Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ năm 1993 nghỉ hưu; cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 2 Huân chương Giải phóng (1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba; 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).



25 - Đồng chí Nguyễn Kinh Quýt, sinh năm 1950; quê xã Bình Sơn, thị xã Sông Công; gia đình trú tại phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 7-

1-1970; nhập ngũ ngày 10-4-1968; từ tháng 4-1968 là Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó, Trung đội trưởng, Chính trị viên phó Đại đội, Chính trị viên Đại đội, Chính trị viên phó Tiểu đoàn, Chính trị viên Tiểu đoàn, Phó Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn, Phó ban Tổ chức Phòng Chính trị Sư đoàn, Phó ban Tổ chức Phòng Chính trị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Chỉ huy phó Chính trị Trung đoàn, Trợ lý Thanh niên Quân khu; từ tháng 7-1987 là Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 6-1990 nghỉ hưu; cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 2 Huân chương Chiến công hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



26 - Đồng chí Hoàng Văn Doanh, sinh năm 1953; quê xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; trú tại phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 20-2-1974; nhập ngũ ngày 17-8-1971; từ tháng



8-1971 là Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 325; từ tháng 7-1977 là học viên Trường quân chính Quân đoàn 1, Trợ lý Tác huấn – Phòng Tham mưu - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 5-1987 là Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 10-2001, nghỉ hưu, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huy chương Quân kì Quyết thắng.

27 - Đồng chí Đặng Quang

Ly, sinh năm 1944; quê xã Vân Dư, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 18-4-1966; nhập ngũ ngày 20-6-1963; từ tháng 6-1963 là Chiến sĩ, Tiểu đội



trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng trong các đơn vị bộ đội chủ lực; từ tháng 10-1971 là Đại đội trưởng, Trợ lý Huấn luyện, Giáo viên Trường quân sự tỉnh, Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn phó, Trung đoàn trưởng, Hiệu trưởng Trường quân sự tỉnh thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 12-1988, là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 7-1997 nghỉ hưu, cấp bậc Đại tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ

giải phóng (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huy chương Quân kì Quyết thắng.

28 - Đồng chí Lê Cát Lượng,

sinh ngày 15-10-1955; quê xã Minh Hạc, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ; trú tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 17-1-1978; nhập ngũ tháng 12-1972; từ tháng 12-1972 là Chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 246 – Quân khu Việt Bắc; Học viên đào tạo Trung đội trưởng Trường quân chính Quân khu Việt Bắc; Trung đội trưởng, Đại đội phó Quân sự, Đại đội phó Chính trị, Trợ lý Tổ chức Trung đoàn, Trợ lý thanh niên Sư đoàn; Trợ lý, Phó ban, Trưởng ban Thanh niên Quân đoàn 26; từ tháng 11-1989 là Chủ nhiệm Nhà Văn hoá - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 6-1990 là Chỉ huy phó Chính trị; từ tháng 7-1997 là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; cấp bậc Thượng tá (tháng 8-1998); đã được tặng thưởng: 2 Huân chương Chiến công (1 Nhất, 1 Ba); 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huy chương Vì thế hệ trẻ; Huy chương Quân kì Quyết thắng.



29 - Đồng chí Vũ Ngọc

Tuyên, sinh năm 1954; quê xã Vạn Phái, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên; vào Đảng ngày 21-3-1978, chính thức ngày 21-9-1979; nhập ngũ tháng 10-1974; từ tháng 10-1974 là Chiến sĩ, Học viên đào tạo hạ sĩ quan, Học viên đào tạo sĩ quan sơ cấp, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Trợ lý, Phó ban Động viên - Tuyển quân Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; từ tháng 9-1994 là Chỉ huy phó Động viên - Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 1-1997 là Trưởng ban Quân lực - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



30- Đồng chí Hoàng Thanh

Sơn, sinh ngày 10-9-1957; quê xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vào Đảng ngày 6-7-1980, chính thức ngày 6-7-1981; nhập ngũ tháng 4-



1975; từ tháng 4-1975 là Chiến sĩ, Học viên Trường sĩ quan chỉ huy kỹ thuật ô tô, Đại đội phó kỹ thuật, Trợ lý Động viên Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 11-1996 là Chỉ huy phó Động viên, Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 11-2001 là Phó Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

31 - Đồng chí Đào Đức Thái, sinh ngày 14-9-1954; quê quán, trú quán xã Đồng Liên, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên ; vào Đảng ngày 15-12-1976, chính thức ngày 15-6-1978; nhập ngũ tháng 5-1972; đã giữ các chức vụ: Chiến sĩ, Trung đội trưởng; Học viên đào tạo sỹ quan, Trợ lý bảo vệ trong các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Công binh; từ tháng 3-1983 là Học viên, Trợ lý cán bộ Trường quân chính Quân khu II; Học viên Học viện Chính trị - Quân sự; Phó chủ nhiệm chính trị Trung đoàn; Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện; cán bộ tăng cường cơ sở Ban chỉ huy quân sự huyện, Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 7-1998 là Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ



huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 10-2001 nghỉ hưu, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

32 - Đồng chí Vũ Đức Đấu,

sinh ngày 1-2-1956; quê xã Cây Đình, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên; trú tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1979; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 17-8-1981; từ tháng 2-1979 là Chiến sĩ, Tiểu đội



trưởng, Học viên đào tạo sĩ quan sơ cấp, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Giáo viên Trường Binh chủng Quân khu I, Giáo viên Trường quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 2-1992 là Trợ lý Tác huấn, Phó Tham mưu trưởng, từ năm 2001 là Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); 1 Huy chương Tuổi trẻ anh hùng bảo vệ Tổ quốc của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

33 - Đồng chí Đặng Văn Môn, (tên thật là Đặng Doanh Môn); sinh ngày 8-1-1958; quê xã Nguyên Hoà,

huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; trú tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 10-9-1982; nhập ngũ tháng 10-1979; từ tháng 11-1978 là Kỹ thuật viên công nghệ Nhà máy Z111 (Tổng cục Kỹ thuật) và Kỹ thuật viên cơ khí xưởng X79 (Cục Kỹ thuật Quân khu I); từ tháng 9-1981 là Học viên đào tạo sĩ quan chính trị Trường sĩ quan Thông tin; từ tháng 11-1984 là Bí thư Liên chi đoàn Tiểu đoàn 1, Trợ lý Tuyên huấn, Ban Chính trị Trung đoàn 601 – Quân khu I; từ tháng 4-1991 là Trợ lý Ban Khoa học - Lịch sử (Phòng Tham mưu) và Trợ lý các ban Tổ chức, Tuyên huấn (Phòng Chính trị) Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái ; từ tháng 8-1995 là Sinh viên hệ chuyên tu Khoa Lịch sử (Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên); từ tháng 7-1997 là Trợ lý, Phó ban, Trưởng ban Tuyên huấn (Phòng Chính trị) Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 10-2001 là Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; Học viên lớp cán bộ Trung đoàn – Học viện Chính trị Quân sự; từ năm 2007 là Chủ nhiệm Chính trị Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Thái Nguyên, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân



chương Chiến công hạng Nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).

34 - Đồng chí Nguyễn Quốc Hiến, sinh ngày 3-3-1960; quê xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 20-1-1983; nhập ngũ ngày 24-11-1977; từ tháng 11-1977 là Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng; từ tháng 6-1979 là Học viên đào tạo sĩ quan pháo binh, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Trợ lý pháo binh trung đoàn thuộc Quân đoàn 26; Học viên Trường Văn hoá Quân khu I, Cán bộ tăng cường cơ sở tại Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ, Trợ lý Động viên (Phòng Tham mưu) Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 1-1997 là Trưởng ban Động viên - Tuyển quân, Phó ban Quân lực (Phòng Tham mưu) Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn; từ tháng 11-2001 là Tham mưu phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; từ tháng 2-2002 là Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ



vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba); Huy chương Quân kì Quyết thắng.

35 - Đồng chí Hà Quảng Tiệp, sinh ngày 15-7-1960; dân tộc: Tày; quê xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 9-2-1985; nhập ngũ tháng 8-1978; từ tháng 8-1978 là Chiến sĩ, Trung đội phó thuộc Sư đoàn 346 - Quân đoàn 26; từ tháng 8-1981 là Học viên Trường sĩ quan Lục quân I và Trường Cao đẳng lục quân Cộng hoà dân chủ Đức; từ tháng 10-1986 là Trung đội trưởng, Đại đội trưởng, Trợ lí Tác huấn, Trợ lí phòng Tăng trong các đơn vị thuộc Quân đoàn 3, Quân khu I; từ tháng 11-1990 là Giáo viên, Học viên Trường quân sự Quân khu I; Tham mưu phó Trường Thiếu sinh quân Việt Bắc; từ tháng 8-1995 là Học viên Học viện Lục quân, Tham mưu phó Trung đoàn, Trưởng ban Tác chiến Sư đoàn 346 – Quân khu I; từ tháng 8-2004 đến tháng 5/2006 là Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 6/2006 là Hiệu phó Trường Quân sự tỉnh Thái Nguyên; đã được tặng



thưởng: 1 Huân chương Quân công hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).

36 - Đồng chí Trần Đức Chiên, sinh ngày 10-6-1957; quê xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình; trú tại phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 17-4-1981; nhập ngũ tháng 2-1975; từ tháng 5-1977 là Học viên Trường Quân chính Quân khu IV; Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Trợ lý Tác huấn



thuộc Trung đoàn 114 Quân khu I; từ tháng 9-1984 là Học viên Học viện Lục quân; từ tháng 10-1987 là Trợ lý Tác huấn Sư đoàn 322; từ tháng 6-1988 là Phó Tham mưu trưởng Trung đoàn 426, Sư đoàn 392; từ tháng 10-1980 là Phó Tham mưu trưởng, Tham mưu trưởng Trung đoàn 567, Sư đoàn 346; từ tháng 10-1998 là Cán bộ tăng cường cơ sở (Phòng chính trị), Tham mưu trưởng, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 832, Hiệu phó Trường quân sự tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 5-2006 là Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến công (1 Nhất, 2 Nhì), 1 Huy chương Quân kỳ Quyết thắng, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).

37 - Đồng chí Lê Văn Túc, sinh ngày 15-8-1960; quê xã Bắc Lương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá; trú tại xã Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 5-11-1983; nhập ngũ ngày 10-2-1979; từ tháng 2-1979 là Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội phó Chính trị thuộc Trung đoàn 169, Sư đoàn 311,



Quân đoàn 26; từ tháng 7-1987 là Tiểu đoàn phó Chính trị thuộc Trung đoàn 531 Sư đoàn 347 (Quân khu I); từ tháng 12-1993 là Đại đội phó Chính trị Trường quân sự tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 5-1999 là Chủ nhiệm Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Định Hoá; từ tháng 9-2006 là Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; đã được tặng thưởng: 2 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 1 Huy chương Quân kì Quyết thắng, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).

38 - Đồng chí Đỗ Xuân Sơn, sinh ngày 8-10-1960; quê xã Ký Phú, huyện Đại Từ; trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 30-6-1981; nhập ngũ tháng 8-1978; từ tháng 8-1978 là Chiến sĩ, Tiểu đội phó, Trung đội trưởng, Đại đội phó Chính trị thuộc Sư

đoàn 355 - Quân khu II; từ tháng 12-1987 là Trợ lí Bảo vệ An ninh Trường Đảng, Trường quân sự Quân khu II; từ



tháng 6-1993 là Trợ lí Bảo vệ An ninh Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 4-1999 là Chủ nhiệm Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ; từ tháng 12-2001 là Trưởng ban Bảo vệ An ninh Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 9-2006 là Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Quân kì Quyết thắng, 2 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (1 Nhất, 1 Nhì, 1 Ba).

II - CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

(1994 – 2007)



1 - Đồng chí Phan Thế Ruệ, sinh ngày 2/9/1946; quê quán: Xã Minh Tâm, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Bí thư Thành uỷ từ năm 1991, kiêm Bí thư Đảng uỷ Quân sự thành phố Thái Nguyên từ năm 1994 đến năm 1996.

2 - Đồng chí Lương Đức Tính, sinh ngày 15-1-1947; quê xã Kha Sơn, huyện Phú Bình; trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng ngày 1-4-1970 tại Trường Đại học Tài chính – Kế toán; trình độ chuyên môn cử nhân kinh tế; đã giữ các chức vụ: Trưởng bộ môn Luật – Trường Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội; Trưởng phòng Ngân sách Sở Tài chính – Vật giá tỉnh Bắc Thái;



Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bắc Thái; Giám đốc Sở Tài chính – Vật giá tỉnh Bắc Thái; từ tháng 3-1997 là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Bí thư Thành uỷ – Bí thư Đảng uỷ Quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 1-2000 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bí thư Tỉnh uỷ – Bí thư Đảng uỷ Quân sự tỉnh Thái Nguyên; đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Kháng chiến hạng Nhì.



3 - Đồng chí Lê Xuân Hùng, sinh tháng 10-1944; quê xã Tân Phú, huyện Phổ Yên; trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 2-1974; từ tháng 8-1963 là Kế toán Hợp tác xã nông nghiệp, Tổ trưởng chỉ đạo Nông nghiệp các huyện Chiêm Hoá (tỉnh Tuyên Quang), Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên), Học viên Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc (Hà Nội); từ tháng 10-1983 là Phó Bí thư Huyện uỷ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phổ Yên; Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch tỉnh, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh uỷ; từ tháng 1-2000 là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ – Bí thư Thành uỷ, Bí thư Đảng uỷ Quân sự thành phố Thái Nguyên; từ tháng 3-2005 nghỉ hưu; đã được tặng thưởng 1 Huy chương Kháng chiến hạng Nhất.

4 - Đồng chí Phạm Xuân Dương, sinh tháng 10-1956; quê xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định;



trú quán tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên: đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 6-1986; từ tháng 10-1976 là cán bộ thuộc Công ti Xây dựng dân dụng; từ tháng 1-1981 là cán bộ thuộc Thành Đoàn thanh niên Thái Nguyên, Giám đốc

Xí nghiệp nhựa 26-3; từ tháng 7-1987 là Ủy viên Thư kí, Phó Chủ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên; từ tháng 3-2005 là Bí thư Thành ủy – Bí thư Đảng ủy Quân sự thành phố Thái Nguyên; đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Vì thế hệ trẻ, 1 Huy chương Chữ thập đỏ, 1 Huy chương Vì sự nghiệp Công đoàn, 1 Huy chương Vì sự nghiệp Phụ nữ.

Phạm Xuân Dương

MỤC LỤC

- 1 **Lời giới thiệu:** 7
- 2 **Chương I: Quê hương con người và**
truyền thống đấu tranh vũ trang 10
- 3 **Chương II: Kháng chiến chống thực**
dân Pháp (1945 – 1954). 57
- 4 **Chương III: Khôi phục và phát triển**
kinh tế – văn hoá-xã hội, xây dựng
lực lượng vũ trang địa phương vững
mạnh chuẩn bị kháng chiến chống
Mĩ, cứu nước (1954-1965) 90
- 5 **Chương IV: Trục tiếp chiến đấu**
chống chiến tranh phá hoại của đế
quốc Mĩ, huy động sức người, sức
của chi viện chiến trường (10/1965 –
4/1975) 125

6	Chương V Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên xây dựng kinh tế – xã hội và sẵn sàng chiến đấu trong hơn 10 năm đầu sau khi thống nhất đất nước (1975-1986).	253
7	Chương VI Lực lượng vũ trang thành phố Thái Nguyên thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá quê hương (1987 – 2000).	303
8	Kết Luận	343
9	Phụ Lục:	
	- Phụ Lục 1: Tập thể và cá nhân anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	350
	- Phụ Lục 2: Bà mẹ Việt Nam anh hùng thành phố Thái Nguyên.	374
	- Phụ Lục 3: Các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên.	382
		417

Tổ biên soạn:

Tiến sĩ NGUYỄN XUÂN MINH

(Chủ biên, chương V),

Thượng tá NGUYỄN VĂN THẮNG,

(Đồng Chủ biên, chương IV, Phụ lục).

PHẠM TẤT QUYNH

(Chương VI, Kết luận)

Cử nhân VŨ THANH KHÔI

(Chương II)

Thiếu úy, Cử nhân NGUYỄN ĐỨC THỌ

(Chương I)

Cử nhân, MA KHÁNH TIÊN

(Chương III),

Và sự tham gia của

- Trung tá NGUYỄN SỸ CẢNH

- Trung úy NGUYỄN QUANG HUNG

- Trung tá DƯƠNG ĐÌNH CƯỜNG

Hoàn chỉnh bản thảo:

- NGUYỄN VĂN THẮNG,

- NGUYỄN XUÂN MINH

Bìa: NGÔ MINH HẢI,

Sửa bản in: NGUYỄN THẮNG

Ảnh: Ban chỉ huy Quân sự thành phố Thái Nguyên

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty cổ phần In Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 70/GP-SVHTT cấp ngày 24/10/2007. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2007.

24/10/2007 là xong và nộp hồ sơ tháng 12 năm 2007.
Nguyên. Giấy phép xuất bản số 76/GP-SV/HIT cấp ở
Hà Nội năm 1942 x 202 cm tại Công ty cổ phần in Tân